



Cao Đài Giáo Lý

MỪNG LỄ PHẬT ĐẢN
GIÁP NGỌ 2014

124

ĐỨC TIN TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

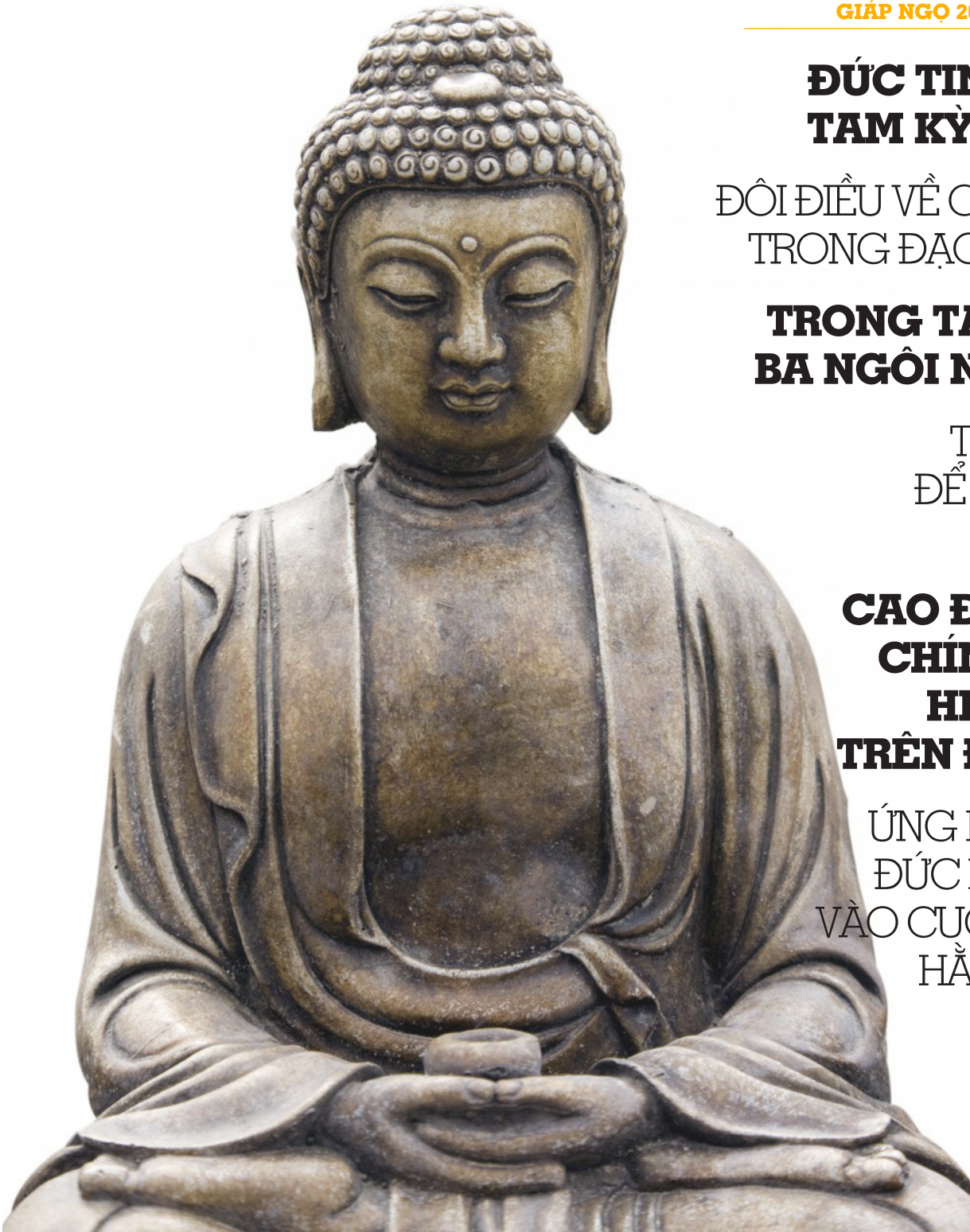
ĐÔI ĐIỀU VỀ CHỮ THIÊN
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

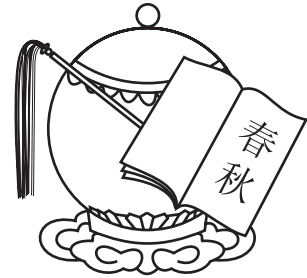
TRONG TAM GIÁO BA NGÔI NHƯ MỘT

TU LÀ HỌC
ĐỂ LÀM TRỜI

**80 NĂM
CAO ĐÀI GIÁO
CHÍNH THỨC
HIỆN DIỆN
TRÊN ĐẤT BẮC**

ỨNG DỤNG LỜI
ĐỨC PHẬT DẠY
VÀO CUỘC SỐNG
HẰNG NGÀY





Nội san Cao Đài Giáo Lý số 124

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



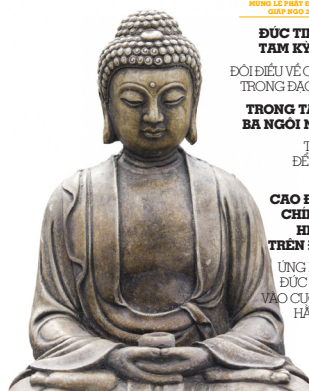
Nội san Cao Đài Giáo Lý số 124

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • BÀM THANG TU GIÁP NGỌ • 18-5-2014

Cao Đài Giáo Lý



HƯỚNG LỘ PHẬT ĐẠO
GIÁP NGỌ 2014

**ĐỨC TIN TRONG
TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

ĐÔI ĐIỀU VỀ CHỮ THIÊN
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

**TRONG TAM GIÁO
BA NGÔI NHƯ MỘT**

TU LÀ HỌC
ĐỂ LÀM TRỜI

**80 NĂM
CAO ĐÀI GIÁO
CHÍNH THỨC
HIỆN DIỆN
TRÊN ĐẤT BẮC**

ỨNG DỤNG LỜI
ĐỨC PHẬT DẠY
VÀO CUỘC SỐNG
HẰNG NGÀY

ỨNG DỤNG LỜI
ĐỨC PHẬT DẠY
VÀO CUỘC SỐNG
HẰNG NGÀY

ỨNG DỤNG LỜI
ĐỨC PHẬT DẠY
VÀO CUỘC SỐNG
HẰNG NGÀY

mục lục

QUAN ĐIỂM: ĐỨC TIN TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ	4
■ Ban biên tập.	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: TRONG TAM GIÁO BA NGÔI NHƯ MỘT	6
■ Đức Thích Ca.	
ĐÔI ĐIỀU VỀ CHỮ THIÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	8
■ Giáo sĩ Huệ Ý.	
TU LÀ HỌC ĐỂ LÀM TRỜI	13
■ Hồng Phúc.	
ÂN THIÊN	24
■ Cao Triều Thiên Tâm.	
LUẬN BÀN VỀ CHỮ TINH TRONG TAM BỬU	26
■ Trung Đạo.	
ỨNG DỤNG LỜI ĐỨC PHẬT DẠY VÀO CUỘC SỐNG HẰNG NGÀY	31
■ Xuân Mai.	
THÔNG CÔNG	34
■ Đạt Tường.	
80 NĂM CAO ĐÀI GIÁO CHÍNH THỨC HIỆN DIỆN TRÊN ĐẤT BẮC	40
■ Đạt Tường.	
TÌM HIỂU THƠ SƠN THỦY VƯƠNG DUY QUA THUYẾT TÍNH KHÔNG CỦA PHẬT GIÁO	53
■ Nhã Tư.	

TỪ BÁT HỒN ĐẾN BÁT ÂM VÀ Ý NGHĨA NHẠC TẤU QUÂN THIÊN TRONG CAO ĐÀI GIÁO	61
■ <i>Văn Thị.</i>	
PHÂN TÍCH Ý NGHĨA THIÊN NHÂN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG NGHI LỄ CỦA NHÀ NHÂN HỌC VICTOR TURNER	66
■ <i>Phan Thị Bảo Trân.</i>	
KINH DỊCH TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP HƯỚNG ĐI MỚI CỦA NHÓM KINH DỊCH CĂN BẢN	73
■ <i>Thanh Long.</i>	
PHÓNG SỰ: NỤ CƯỜI TRÊN BIỂN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT	76
■ <i>Thiện Lý.</i>	
ĐÔI MẮT CỦA NHỮNG ĐỨA TRẺ NÓI LÊN ĐIỀU GÌ?	80
■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>	
TRANG THƠ:	
CÔN LÔN - NGƯỜI XƯA	82
■ <i>Lý Như.</i>	
NHỚ CHÙA XƯA	83
■ <i>Hải Lê.</i>	
TRANG TĐGS: PHƯƠNG PHÁP PHÊ BÌNH VÀ KHEN NGỢI ĐỘNG VIÊN NGƯỜI KHÁC	84
■ <i>Cao Bạch Liên sưu tầm.</i>	
VIẾT NGẮN	89
■ <i>Tử La Lan.</i>	
TÌM HIỂU GIA PHONG NHO GIÁO QUA TÁC PHẨM “GIA HUẤN CA”	92
■ <i>Nguyễn Phùng Hạnh.</i>	
TRANG SỨC KHỎE: KINH NGHIỆM THỰC TẾ TỪ MỘT NGƯỜI TRẢI QUA CƠN ĐAU TIM	96
■ <i>V.T gt.</i>	
KIẾN THỨC DINH DƯỠNG: LÝ DO BẠN NÊN UỐNG NƯỚC ẤM THAY VÌ NƯỚC LẠNH	99
■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	
Y HỌC: MỘT QUAN ĐIỂM MỚI VỀ BỆNH UNG THƯ	100
■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	
ĐỌC BÁO: CHÀNG TÂY RỜI NƯỚC ĐỨC SANG VIỆT NAM QUY Y CỦA PHẬT	102
■ <i>Ban biên tập</i>	
LƯỢM LẶT:	
CHÓ CẢN HẠC VUA	104
BẦY CÁCH BỐ THÍ	105
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: BÔNG CẢI PHÔ MAI ĐÚT LÒ	106
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
TRANG TRUYỆN TRANH: DƯỚI THẤP & TRÊN CAO	107
■ <i>Cọ Trắng.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	108
■ <i>Thanh Hiền.</i>	

ĐỨC TIN

trong Tam Kỳ Phổ Độ

Trong một lần giảng cơ, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư đã nêu lên câu hỏi về đức tin như sau: *“Chỉ có một Thiên nhân trong sự sùng bái của dân tộc này dưới bảng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Như vậy thì tất cả những người Thiên ân chúc sắc, tín đồ, đạo hữu nhắm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào, để biết được Đấng mà chư Thiên ân chúc sắc, tín đồ, đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn với bao sự hy sinh cao cả từ buổi sơ khai?”*¹

Câu hỏi đột ngột của Đức Thiên sư lúc ấy có lẽ đã khơi dậy những suy tư về đức tin của chư vị Thiên ân trước sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là thời điểm sau 47 năm khai Đạo. Còn hiện nay, câu hỏi đã được đặt ra sau gần 90 năm, liệu chúng ta có thể trả lời dễ dàng chăng?

Đức tin Cao Đài không chỉ để sùng kính hằng ngày;

Đức tin Cao Đài không chỉ để cầu nguyện cho bản thân;

Đức tin Cao Đài không chỉ để ngưỡng mộ công đức của các Đấng Giáo tổ hoặc chư Phật Tiên Thánh Thần;

Vậy, đức tin Cao Đài phát xuất từ cơ bút là một huyền diệu hi hữu, nhưng ý nghĩa của nó hẳn nhiên không chỉ để chứng tỏ sự huyền diệu của cõi vô hình hay sự hiện hữu của Thượng Đế.

Chính vì Đức Thượng Đế không muốn lập ra một tôn giáo trong thời kỳ này để chúng sanh có một đức tin như thế nên Ngài chỉ thị hiện Thiên nhân làm biểu tượng Cao Đài mà thôi.

Ở phương diện hữu hình, con mắt là cơ quan đồng nhất giữa nhân sanh, biểu thị tâm hồn của mọi người.

Về mặt tâm linh, Thiên nhân là Thượng Đế, mà cũng là tâm linh con người.

1. Trúc Lâm Thiên điện, 07-5 Quý Sửu (07-6-1973).

Nhưng tượng Thiên nhân vẫn là vật hữu hình, nên Thiên nhân phải có nhân tâm làm chứng thị, nghĩa là người tín đồ phải nhận được mạc khải từ Thiên nhân thì mới đạt đến đức tin thật sự.

Tuy nhiên, có ấn chứng nơi Thiên nhân, nơi cơ bút, mới chỉ đạt đến đức tin Cao Đài như một tôn giáo bình thường; chưa đạt đến đức tin Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thế nên tuyền đích của đức tin Cao Đài phải gắn liền với Sứ mạng Kỳ Ba.

Bởi chính Sứ mạng Kỳ Ba làm chứng thị cho quy luật tiến hóa tuần hoàn bất biến của vũ trụ, đã đến thời kỳ quy nguyên những chủ thể tiến hóa và đào thải những chơn linh lấm lạc. Động năng tiến hóa chủ yếu của từng chủ thể chính là công đức góp phần giác mê khai ngộ chúng sanh. Và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cơ hội tu học, là trường huấn luyện, là trường thi mà Đức Chí Tôn đặc ân mở ra để chúng sanh tiến hóa kịp thời, càng đông đảo, càng vinh diệu cho cơ đạo. Sự cứu độ của Chí Tôn là giáo hóa để chúng sanh tự lực tiến hóa. Nên Thánh giáo Đức Vân Hương Thánh Mẫu có dạy:

*“Các em từng đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ để giác ngộ khai mê, giúp các em thức tỉnh tiến bước hành đạo phản bốn hoàn nguyên. Chớ cho là đúng. Đó là phần hưởng nội, là tự xem chính mình có thật sự tin hay không. Đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức. Có như vậy các em mới thực hiện được sứ mạng, hay nói rõ hơn là các em mỗi người Thiên ân hưởng đạo phải tự nhận trách nhiệm của mình.”*²

Đức tin thời Tam Kỳ Phổ Độ phải là đức tin thuộc về Thiên cơ. Đức tin chân chính của mọi tôn giáo trong kỷ nguyên này sẽ phải đích thực là động năng cứu độ Kỳ Ba. Các bậc giáo phụ Thiên chúa giáo giảng rằng *“Tin chính là biết – biết rằng Thiên Chúa là ai, biết rằng Ngài yêu thương chúng ta và muốn giúp đỡ chúng ta, biết rằng những lời hứa của Ngài là dành cho chính mỗi người chúng ta...”*³

Nói cách khác, người có đức tin đích thực nơi Thượng Đế

là người biết và tin chắc Thiên ý đang chuyển đưa nhân loại vào sự sống còn và tiến hóa thích ứng với chu trình diễn tiến của vũ trụ. Đã biết và tin chắc thì phải sống và hành động theo Thiên ý. Được như thế, mỗi tín hữu của mọi tôn giáo sẽ trở nên một động năng trong đại cuộc gọi là Kỷ nguyên Cứu độ.

Đức Phật từng nói: *“Tin ta mà không hiểu ta, ấy là bài báng ta.”* Và Ngài bảo: *“Người đừng vội tin theo ai cả. Tất cả những gì người đã thực nghiệm sâu xa, hợp với lý trí xét đoán của người, có thể đem lại hạnh phúc cho chính người và những kẻ khác, những cái ấy, người hãy nhận đó là chân lý và hãy cố sống đúng theo chân lý ấy.”*⁴

Do đó, đức tin nơi Thượng Đế, nơi Thiên cơ, khiến tín hữu tự tin nơi mình. Lúc ấy, tín hữu đủ tự tin để hành động, để hành đạo, cuộc sống là cuộc sống đạo.

Vậy có thể tóm tắt:

ĐỨC TIN TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ = ĐỨC TIN NƠI THƯỢNG ĐẾ VÀ THIÊN CƠ + TỰ TIN THI HÀNH SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO. ■

2. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùi.

3. Năm Đức Tin, Thiên ân dịch.

4. Theo sách “Đạo Phật Qua Nhận Thức Mới”.



TRONG TAM GIÁO BA NGÔI NHƯ MỘT

■ ĐỨC THÍCH CA

HUỒN CUNG ĐÀN, 08-4 TÂN SỬU (21-5-1961) • LỄ PHẬT ĐẢN

THI

HỒI tâm tu niệm hưởng ơn Thiên,

GIÁC thể lánh xa nẻo lụy phiền,

CHON mạng nhiệm mầu lo trọn vẹn,

TIÊN cơ học hỏi đến non tiên.

CHON TIÊN chào mừng chư huynh tử Thiên mạng đàn trung. Giờ này Chơn Tiên lai đàn báo tin Đức Thích Ca ngự bút. Vậy Chư Thiên mạng khá thành tâm tiếp nghinh. Chơn Tiên hộ đàn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

BỔN tự kệ kinh độ chúng sanh,

SƯ Tăng ni sĩ độ công thành,

THÍCH gia truyền giáo lưu thiên cổ,

CA ngợi thiện nhơn chí nhiệt thành.

Bổn Sư mừng Thiên mạng lương phái cùng chư thiện tín đấng đấng. Bổn Sư miễn lễ đàn tiền an tọa nghiêm trang.

Hỡi này chư Thiên mạng cùng thiện tín! Chư môn đồ đã và đang sống trong kiếp đời thừa thãi, cơ tiêu diệt đã gần, bao cảnh tang thương khốc liệt của vạn loài diễn khắp chung quanh các môn đồ. Biết bao sự khổ của đời mang đến cho các môn đồ, dầu Bổn Sư chẳng nhắc, các môn đồ cũng hiểu. Vậy giờ phút báo nguy sắp đến, các môn đồ chỉ còn một nẻo đường duy nhất để cứu lấy một phần chơn linh là đường tu công bồi đức. Bổn Sư khuyên toàn thể chư môn đồ nên hăng hái trên đường sứ mạng để chóng đến ngày điểm đạo.

Các môn đồ ôi! Thế gian đều là giả tạm, dầu cho bậc đế vương tể tướng mà không biết đường tu hành thì đó cũng chỉ một kiếp giả trần thôi. Những gì có trên quả địa cầu này rồi cũng phải chịu tiêu mất theo thời gian, chỉ tồn tại là con đường đạo đức. Các môn đồ phải ráng lo tu mới kịp ngày Long Hoa điểm đạo.

Giờ nay, các môn đồ dâng lễ hiến Bốn Sư. Bốn Sư chứng lòng thành cùng ban ơn phước cho cả thầy đồng chung vui trên đường lập đức.

BÀI

Ngày giáng sanh Bốn Sư chứng kiến,
Năm Sửu này phát triển đạo tâm,
Nhìn xem đàn nội vui thâm,
Nữ nam đồ đệ nguyện tâm lý chơn.
Đời nay lắm nhiều cơn điều đứng,
Đạo toan lo lái vững chiếc thuyền,
Kẻo khi gió mạnh lắc nghiêng,
Sóng nhồi lững đững không yên người ngồi.
Trong Tam Giáo ba ngôi như một,
Hình thức riêng chỉ cốt bề ngoài,
Suy ra chơn lý không hai,
Độ người lánh dữ, lành rày nên lo.
Tôn giáo tự con đòi rước khách,
Ai sang qua chẳng trạch giàu nghèo,
Miễn là chí quyết noi theo,
Đặng xa bề khổ lên đèo thung dung.
Muốn Tây Thiên trùng phùng ngôi vị,
Thì trần gian tập ý vị tha,
Từ bi theo hạnh Di Đà,
Công bình, bác ái, hải hà bao dung.

NHƠN ĐẠO dạy tam tùng tứ đức,

Ngũ thường lo đúng mức thuận phong,
Gia đình, xã hội cũng đồng,
Noi gương mỹ tục giống dòng Nghiêu Vương.

THẦN ĐẠO lập con đường phải lối,

Phận công dân sớm tối lo tròn,
Quan trường, tể tướng, tôi con,
Vẹn tròn hiếu nghĩa lòng còn thanh liêm.

THÁNH ĐẠO chuộng một niềm ngay thẳng,

Chí công bình trong trắng tâm thanh,
Không thiên không vị em anh,
Lời ngay, lẽ phải, phân rành quang minh.

TIÊN ĐẠO chỉ xử tình, xử thế,

Bác ái trau tập thể hòa thương,
Yêu cùng nhơn loại bốn phương,
Thanh nhàn thỏa chí dặm trường ngao du.

PHẬT ĐẠO dụng đường tu thanh tịnh,

Từ bi hành nhường nhịn lẫn nhau,
Không chê kẻ thấp người cao,
Chẳng vì chức tước nghèo giàu phân tranh.

ĐẠI ĐẠO gồm năm nhánh tôn giáo,

Kể trên đây đào tạo lọc lừa,
Hợp thời độ thế tùy ưa,
Hậu, trung, thượng, đủ đều vừa ý chung.

Giờ Bốn Sư trùng phùng đồ đệ,

Dạy đòi điều ráng để vào tâm,

Chung lo cứu thế lạc lầm,

Trở về đạo đức lo tâm non tiên.

Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,

Dù cam go tấn tảo đừng than,

Lý chơn dậm thẳng một đàng,

Ngày thành Đại Đạo Thiên Hoàng điểm công.

Giờ nhật thức dặn lòng môn đệ

Ráng nhứt tâm đừng để trễ kỳ,

Đại đồng thống nhứt cùng đi,

Đi cho đúng nhịp một khi đắc thành.

Giờ nay, Bốn Sư giáng đàn ban ơn phước cho mỗi môn đồ lưỡng phái, cùng chứng tâm thành nguyện của các môn đồ.

Các môn đồ khá thành tâm tiếp lệnh, Bốn Sư chào chung. Thặng. ■



■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

ĐÔI ĐIỀU VỀ CHỮ THIÊN

TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Thứ Ba 22-4-2014, lúc 15 giờ, tại hội trường (lầu 2), Nhà Truyền Thống Tổng Giáo Phận TP.HCM (số 6 bis Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận Một, TP.HCM), Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn và Học Viện Mục Vụ TGP TP.HCM tổ chức buổi Hội Luận Liên Tôn lần thứ nhất với chủ đề Chữ Thiên trong truyền thống các tôn giáo Baha'i, Cao Đài, Công Giáo và Islam.

Mục đích buổi Hội Luận này nhằm giúp tín đồ các tôn giáo hiểu biết hơn về niềm tin của nhau, để cùng nhau xây dựng thiện ích cho xã hội.

Trong buổi Hội Luận Liên Tôn này, Giáo sĩ Huệ Ý, Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã trình bày tham luận “Đôi điều về chữ Thiên trong đạo Cao Đài”.



Thiên là từ Hán Việt để diễn đạt TRỜI của chúng ta.

Từ lâu Đức Cao Đài dạy:

Thầy mong con biết Thấy, hiểu Đạo,

Cho thế gian cải tạo thanh bình...

Biết Thấy, hiểu Đạo là lễ phẩm trân trọng chúng ta kính dâng lên Đức Chí Tôn. Trong giới hạn của kiến giải và khuôn khổ của thời gian, đạo đệ xin trình bày đôi điều về CHỮ THIÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.

NHẤT THỂ – TAM CỰC

Muốn hiểu và chứng được Đức Thượng Đế con người cần có đức tin:

*Lòng con tin Đấng Cao Đài,
Đạo đời Trời sẽ an bài cho con.*

Mỗi sự vật được nhìn dưới ba góc cạnh: thể, tướng, dụng. Thể là cốt lõi bất biến; Tướng là hiện trạng của sự vật, thích nghi vào mỗi hoàn cảnh hay điều kiện; Dụng là công năng của vật vào mỗi hiện tượng.

VỀ BẢN THỂ

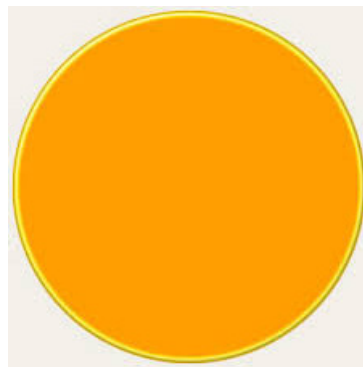
• Vô Cực là Đức Thượng Đế chưa thị hiện. Vì căn trí chúng sanh vô lượng, Đức Vô Cực được nhân cách hóa là Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu và Lễ Triều Thiên Vô Cực vào Rằm tháng Tám âm lịch mỗi năm. (Minh Lý Thánh Hội là ngày 17-7 âm lịch mỗi năm).

• Thái Cực là Đức Thượng Đế thị hiện, từ MỘT mà PHÂN vạn thù (nhứt bốn tán vạn thù,) con đường phân tánh giảng sanh. Lễ

Đức Chí Tôn vào Mừng Chín tháng Giêng âm lịch mỗi năm.

• Hoàng Cực là từ vạn thù quay trở về MỘT (Vạn thù quy nhứt bốn bằng tu luyện,) là con đường phản bốn hoàn nguyên. Từ ngoài trở lại tâm. Khi trở lại tâm được, quy nhứt bốn được là trở nên Hoàng Cực. Một cách hình tượng: đi thi và vinh quy bái tổ trở về.

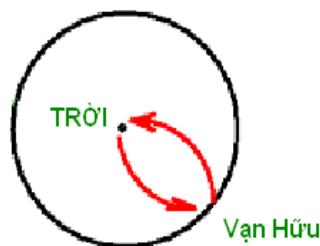
Đức Chí Tôn dạy: “Các con khá biết rằng Thầy hằng nói: “Thầy là các con, các con tức là Thầy.” Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thân; thì người là Tiểu Thiên Địa.”¹



Giai đoạn đi ra là:

“Có Thầy mới có các con ...”

Đồ hình: Vòng tròn duy nhứt = tượng trưng Vô Cực.
Đồ hình: Vòng tròn có tâm điểm = tượng trưng Thái Cực; từ tâm đi ra= Nhứt bốn tán vạn thù.



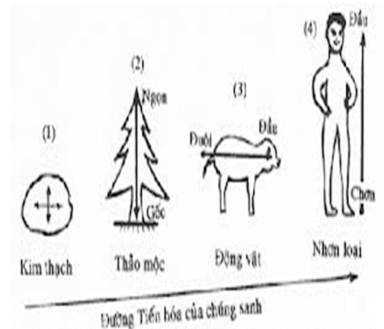
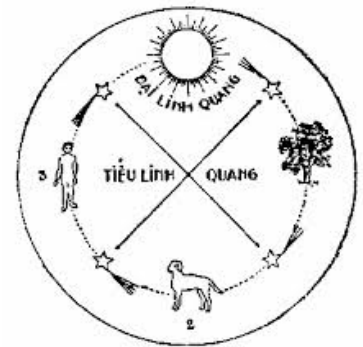
Thánh giáo Cao Đài dạy Trời và người đồng một bản thể:

Con là một thiêng liêng tại thế,

Cùng với Thầy đồng thể linh quang,

*Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình.*

Trời là ánh sáng lớn (Đại Linh Quang,) người là ánh sáng nhỏ (Tiểu linh quang). Khi đạt được vô ngã thì ánh sáng nhỏ sẽ hiệp được với ánh sáng lớn, khi đó, con người sẽ “Cùng Trời đồng nhứt, cùng Đạo ứng thông.”



Con đường tán vạn thù rồi quy nhứt bốn:

Từ MỘT (Thái Cực,) Thiên tánh phân ra thành tánh linh trong mỗi vạn thù:

- Tánh linh ngủ trong khoáng sản.
- Tánh linh thức trong thực

1. Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, tr.19.

vật. (Giai đoạn tiến hóa: đầu quay xuống, chân đưa lên).

– Tánh linh hoạt động trong động vật. (Giai đoạn tiến hóa: đầu chân ngang nhau).

– Đến người, đầu đội Trời, chân đạp đất, tánh linh giác ngộ tu hành.

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

Đường phản bốn không ngoài Đại Đạo,

Nẻo về Nguyên do lão chủ ông,

Chủ ông là cái Tấm Lòng,

Lòng người giác ngộ cộng thông Đất Trời.

Muốn được vậy cấp thời tu tỉnh,

Muốn quay về chốn chính sửa đang,

Tâm trần vướng mắc rộn ràng,

Rút gươm thân huệ đoạn phăng cho rời.²

Đức Chí Tôn dạy: “*Điểm linh quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thế giới hữu hình vật chất. Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại.*”³

Giai đoạn trở về là:

[...] Có con, con mới tu thành Phật, Tiên.⁴

Thánh giáo Cao Đài dạy:

Tu là học để làm Trời,

Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.

Trời đây không phải là Đức Thái Cực, mà là Hoàng Cực (Chư Phật, Tiên, Thánh, Thần.)

Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực là nhứt như (là một, không khác nhau) ba là một, một là ba.

VỀ CHỨC TRÁCH

Thiên, Đức Thượng Đế trong đạo Cao Đài, Ngài vừa là VUA (Quân), vừa là Thầy (Sư,) vừa là Cha (Phụ).

Ngài là VUA (CAI TRI):

Trước Bửu điện kiến thiềng đánh lễ,

Vọng Hoàng THIÊN, Chúa Tế vạn linh,

Háo sanh Tạo Hóa chi tình,

Xót thương con trẻ chứng minh lời nguyện.⁵

Ngài là THẦY (DẠY DỠ):

Con cúi xin phụng thờ Thiên lệnh,

Dưới chơn THẦY phán định phát ban,

Dầu trong mọi cảnh khó khăn,

Nguyện lòng đem hết sở năng thực hành.⁶

HỌC ĐẠI THỪA HÀNH THIÊN ĐẠO

Nhơn đạo là lấy lòng người tiếp xử giữa người với người nên có thân, sơ... Người Thiên ân học theo lòng Trời để tiếp xử giữa người với người – với người tốt lấy tốt đối xử, với người chưa tốt cũng lấy tốt đối xử – nên tất

cả đều trở nên tốt. Muốn đến được chỗ ấy, môn đệ Đức Cao Đài phải học Đại Thừa hành Thiên Đạo.

Đức Đông Phương Chương Quán dạy: “*Chư hiền đệ muội ngày nay được hưởng thời đại ân xá và đang trở bước Đại Thừa thực hành Thiên Đạo, dầu ở cấp nào, cũng phải tự mình khắc kỷ, tu công, nghiêm minh giới luật. Trễ một giờ là mất một năm tiến hóa. Nếu làm một nhơn sanh nơi cõi thế mà không tiến hóa được thì thật uổng phí một kiếp nhơn sanh.*”⁷

Ngài là CHA (GIÁO - DƯỠNG):

Thọ Quy Điều trước đài con đại,

Dưới Đạo Kỳ cúi lạy Trời CHA,

Hộ con tạo thế nhơn hòa,

Trời Nam xây dựng bửu tòa vạn linh.⁸

Đức Chí Tôn ban ân cho chúng ta bất cứ lúc nào và ở đâu: lần lượt đi từ thấp lên cao:

1. Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên. (mẫu giáo, tiểu học).⁹

2. Dọn mình tu niệm hưởng ân Thiên. (trung học, đại học).¹⁰

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi.

8. Bài Nguyện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

9. Muốn kiếp có Ta nắm chủ quyền, Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên, Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế, Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

10. Dọn mình trong sạch đón ân Thiên,

Thiên Đạo ráng lo gấp phổ truyền, Cho cả chúng sanh nơi thánh thiện, Là ngày các trẻ đạt ngôi Tiên.

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu.

3. Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, tr.19.

4. Kết hợp hai câu thơ lục và bát: Có Thầy mới có các con ...

Có con, con mới tu thành Phật, Tiên.

5. Bài Nguyện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

6. Ibid.

3. Hoàng dương Đại Đạo hưởng ân Thiên. (thầy giáo).¹¹

4. Dâng trình kết quả hưởng ân Thiên.¹² (hàng trách nhiệm hướng đạo, lãnh đạo...)

Điều kiện để nhận ân Thiên là sự thánh khiết.

Đức Chí Tôn dạy:

“Các con Thiên ân phải kiểm điểm mình để thân tâm trong sạch trọn vẹn, trong sạch là THẤY, có trong sạch ắt có THẤY, THẤY ở nơi trong sạch mà làm tiêu biểu cho khối chơn như. Con trong sạch rồi thì lúc nào cũng có THẤY, mà con lem lấm nhớ bản thì xua đuổi THẤY cho xa con. Lúc ấy hôn con bị quỷ vương cướp mất, nó lại lấy thân con làm tay chơn nô lệ; Thế là con đã chết rồi mà bị còn trong ganh ghét.”¹³

(có hình ảnh minh họa)

Làm sao gặp Ngài? Tìm Đức Cao Đài không khó, cũng không dễ, Ngài ngự trong tâm thanh tịnh của mỗi chúng ta:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời,
Sang hèn trời mặc tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.*¹⁴

Hoặc:

Cao Đài chẳng khá ở ngoài tâm,

11. Tuyệt Tiên nổi hạnh học trò Tiên, Hành đạo chí tâm đáng nữ hiền, Hiệp sức Diệu Thê cùng Chí Tín, Hoàng dương Đại Đạo hưởng ân thiên.

12. Phúc trình đệ nhứt khá khen hiền, Có ý thức rồi có trợ duyên, Cần ráng thực hành lời nguyện hứa, Dâng trình kết quả hưởng ân Thiên.

13. Thánh Truyền Trung Hưng.

14. Đức Chí Tôn dạy Ngài Nguyễn Ngọc Thơ.

Triều kiến Nhu lai diệt mộng trầm...¹⁵



ĐỨC THƯỢNG ĐẾ THỜI TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Đức Thượng Đế dùng huyền diệu Tiên gia khai Tam Kỳ Phổ Độ với tá danh Cao Đài, chọn dân tộc Việt Nam làm tiền phong để đón nhận sứ mạng quyền pháp.

Đức Thượng Đế dạy: “Thế vận tuần hoàn, thiên cơ dĩ định, Thầy khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam là nơi các con cái của Thầy đang gặp gỡ nhau trên phương diện đạo lý, cũng là hoàng dương chánh pháp cho Tam Giáo Đạo trung hưng, hầu cứu rỗi nhơn sanh trong kỳ hạ nguơn mạt kiếp.”¹⁶

• Cao Đài là tá danh (tên tạm mượn mà thôi). “Cao Đài không là Cao Đài mới thật là Cao Đài.”

• Phổ Độ: Phổ: rộng khắp; Độ: cứu chúng sanh.

• Tam Kỳ: lần thứ ba.

• Đại Đạo: phương tu để con người quay về hiệp nhất với Đức Thượng Đế, trở nên Hoàng Cực.

*Đại Đạo vốn không lời diễn tả,
Phải do tâm hành giả tham cầu,*

15. Đức Tiên Bối Cao Triều Phát dạy Thanh Thiệu Niên.

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, “Thánh Dự Quy Điều.”



*Hỏi rằng biệt quyết là đâu,
Khí, thân, tánh, mạng đạo mầu âm dương.*

• Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong nội dung không nhằm thể hiện danh xưng của bất cứ một đạo giáo nào. Mục đích, tôn chỉ, lập trường Đại Đạo là công thức hòa hiệp các đạo giáo để hình thành “Thực thể Đạo cứu thế Kỳ Ba.”

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

1. Sở vật thực tại rất to tát trước thời tạo thiên lập địa là ngôi Vô Cực Diệu Trì, và điểm quyền pháp được chứa đựng làm ngôi Thái Cực, là Thầy.

2. Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là Đạo, là tôn giáo Cứu Thế. Quyền pháp là Thầy, là Đạo. Nhắc lại Đạo chớ không là tôn giáo.

3. Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ.

4. Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ Thầy phải trao cho chư hiền, cho dân tộc này một quyền pháp đạo để lập thành quyền pháp đạo thực thể thuần chánh để cứu thế.

5. Quyền pháp đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể hơn loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người.”¹⁷

Mỗi giáo đạo đều có hai phần: phần ngoại dung là tôn giáo với những dị biệt; phần nội dung là Đại Đạo, tương đồng giữa các tôn giáo.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Giáo lý đạo Trời (xin hiểu là phần Đại Đạo trong các tôn giáo) cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho cho những người dục vọng bại hoại lương tri. Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối mục đích và chủ trương cao cả của nó.

Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là Hội Thánh hay Tòa Thánh, cũng không là có Đạo nhiều năm hay người mới vào,

17. Nam Thành Thánh Thất, 01 -01 Kỷ Dậu (17 -02 -1969).

ít tuổi Đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi Đạo lý, tận tụy phổ thông và say sưa truyền bá.”¹⁸

KẾT LUẬN:

1. Nhất thể tam cực: Vô Cực – Thái Cực – Hoàng Cực.

Chúng ta tin và chứng Vô Cực là Đức Thượng Đế chưa thị hiện. Thái Cực là Đức Thượng Đế thị hiện, từ đó nhất bốn tán vạn thù. Từ vạn thù quy nhứt bốn được là Hoàng Cực.

2. Thiên chức: Đức Thượng Đế Cao Đài, Ngài là Vua (dịch sử thiên cơ), Ngài là Thầy (dạy chúng ta học Đại thừa hành Thiên đạo), Ngài là Cha luôn ban ân Thiên, khi chúng ta thánh khiết sẽ nhận được.

3. Đức Thượng Đế thời Tam Kỳ Phổ Độ:

Ngài tá danh Cao Đài (Cao Đài không là Cao Đài mới thật là Cao Đài) để dạy dỗ và tận độ chúng ta.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không phải là danh xưng của bất cứ đạo giáo nào nhưng là thực hiện sứ mạng quyền pháp – các tôn giáo hòa hiệp để hình thành thực thể đạo cứu thế ba.■

18. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Đinh Mùi (20-8 -1967), tr.8.



THÁNH GIÁO

Chư Thiên ân hướng đạo, chư đệ muội là những người tiêu biểu để thực hiện cái đạo hằng hữu sinh súc của con người. Thế nên, những ai đã giác ngộ bước trên nẻo Thiên đạo Đại thừa thì không cần đợi gì nhắc nhở khi đến khóa tu giờ tịnh, mà phải tự lo chuẩn bị dọn mình nhập định để nhiếp tâm ôn dưỡng.

Mỗi người tự biết cách sống thì mới sống cuộc đời thư thái ung dung, mặc dầu trước mọi sự vật thay đổi của trần gian thăng trầm nóng bỏng. Ai dám nói là không có gì liên hệ, không có gì ràng buộc, nhưng con người đã độc lập được cái sống đạo thì có ngăn ngại gì đâu, vì họ đã sống vui với cái tự do của họ trên đường thành trụ hoại không, luân hồi nghiệp quả rồi. Con người ấy với trời đất là một vậy (...)

■ ĐỨC BẢO PHÁP CHƠN QUẢN HUỲNH CHƠN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-5 CANH THÂN.

TU LÀ HỌC ĐỂ LÀM TRỜI

■ HỒNG PHÚC

Từ xưa, hai chữ “Tu hành” đã được hiểu là con đường dẫn đưa linh hồn con người tìm đến cảnh giới siêu xuất thế gian. Người tu theo Phật sẽ nhập Niết bàn thành Phật; người tín hữu Thiên Chúa giáo sẽ lên nước Thiên đàng cùng với Chúa; còn người tu theo Lão giáo sẽ thành Tiên; cũng như người tu đạo Khổng sẽ bước vào thế giới của bậc Thánh nhân hiền triết.

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, giai đoạn cuối cùng của chu kỳ vũ trụ với ngươn Điều tàn của thời mạt pháp, Thánh giáo Cao Đài lại khẳng định: “*Tu là học để làm Trời.*”

Con người còn hiện diện trong cơ mạt pháp cho thấy tội lỗi chất chồng trải qua không biết bao nhiêu kiếp, nay nhờ hồng ân cứu độ của Đức Chí Tôn, dẫn cho giác ngộ, một lòng tu niệm, thì chắc chắn cũng không thể nào trả hết nợ tiền khiên, gột rửa sạch vô minh để đắc kim thân tại thế như Đức Phật ngày xưa, thì làm sao mơ đến việc “tu học để làm Trời” như lời Ông Trơn khuyến dạy.

Chính vì vậy mà Thiêng Liêng đã dặn dò :

*“Tu là sửa đổi từ dữ ra hiền, từ hư được nên, sửa đổi từ xấu thành tốt, từ phạm nhân ra Thánh nhân. Tu cũng là tu bỏ những chỗ hư hỏng thiếu sót để được hoàn mỹ chí thiện chí nhân vậy. Nếu không sửa đổi cải thiện khiêm tốn học hỏi điều lành, phục thiện để nhận những chỗ sai hầu chữa cải thì dầu tu trọn đời mãn kiếp thì phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.”*¹

Như vậy phải hiểu như thế nào câu Thánh giáo: “*Tu là*

1. Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

học để làm Trời” trích từ lời dạy của Đức Lê Đại Tiên vào năm 1974, tức là cách đây 40 năm:

*Phật là Đại Giác siêu sanh,
Người là chư Phật sẽ thành tương lai,
Tu là học để làm Trời,
Phải đầu kiếp kiếp làm người thế gian.²*

Nhất là, cũng lời dạy này đã được Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc lại nhưng với những lời dặn dò cẩn thận:

*Biết rằng:
Tu là học để làm Trời
Phải đầu kiếp kiếp làm người thế gian
Nhưng đừng mong vọng rồi sẽ được làm Trời.*

Cố gắng học hiểu và hành những nguyên tắc và điều kiện nào để tiến hóa từ nhơn sanh đến hàng thần thánh tiên Phật Trời. Rồi nhứt nhứt thường hành, tâm tâm thường niệm theo quy củ đường lối ấy.

Phải đặt những quy củ đường lối ấy gắn liền với sự sống mà không vọng niệm, không ước mơ, không đòi hỏi. Nếu có vọng niệm ước mơ đòi hỏi sẽ bị vướng trong cái chấp. Từ cái chấp gây ra cái nhân, từ cái nhân gây ra cái quả. Có nhân có quả ắt có luân hồi chuyển kiếp trong vòng lẩn quẩn.³

Bởi vì theo Đức Vạn Hạnh, việc tu hành chỉ cốt để hoàn thiện thân tâm, chuyển đổi con người từ phàm tâm sang Thánh tâm, tu để biết được đường siêu thoát trở lại bốn nguyên, cho nên đừng mong vọng đến kết quả của việc tu hành. Ngài dạy tiếp:

“Không phải tu cho tha nhân, mà chính mình tu cho mình, tu cho được từ tâm phàm mê muội trở nên sáng suốt minh đức mãn tuệ. Tu để từ chỗ gây tạo nghiệp quả xấu xa tội ác để được trở nên người hiền lương quân tử Thánh thiện. Tu để bản thân mình hoàn thiện tiến hóa từ thường nhân đến thánh nhân. Tu để biết mình rồi biết Trời, biết sự liên hệ giữa nhân thân và đại vũ trụ, biết đường siêu thoát trở lại bốn nguyên.

2. Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 29-01 Tân Hợi (24-02-1971).

Tuy biết là biết như vậy, nhưng đừng bao giờ ước vọng sẽ đạt thành đến ngôi vị nào và sẽ được những gì?”(...) cứ hoan hỉ âm thầm lặng lẽ làm mãi mãi cho đến hết cuộc đời, đương nhiên việc gì sẽ đến phải đến. Luật công bình của Tạo Hóa không sơ sót một mảy mai nào trong chỗ công và tội.⁴

Tuân lời Thánh giáo, người tín hữu Cao Đài không mong vọng, ước mơ quả vị siêu sanh, nhưng trên đường tu học, không thể nào không tìm hiểu ý nghĩa của những lời Thánh giáo, vì đó là hành trang giúp người tu đạt Đạo, là công án tu trì cho hành giả truy tìm ánh sáng trên viễn đồ trở lại bốn nguyên.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã từng dặn dò:

“Trải qua nhiều năm học đạo, Bản Tăng tưởng lại mỗi mỗi đạo hữu nên tìm nghĩa lý gần xa của một câu kinh, một lời Thánh giáo, để trước là tự mình hiểu rõ ràng sáng tỏ một vấn đề nào đó trên lý đạo để làm mục đích hầu nhắm vào đó mà đặt đời mình đi đến suốt con đường đạo. Hai nữa là có được lập luận vững chắc để làm phương tiện hoặc giúp đỡ những bạn đồng hành chưa rành lý đạo, hoặc làm phương tiện độ dẫn người đời phát tâm học đạo nhưng chưa thông lý đạo.⁵

Và vấn đề đặt ra là: khái niệm Trời ở đây có ý nghĩa như thế nào, tại sao con người cần phải tu học làm Trời và tu học như thế nào để có thể làm Trời?

I. Ý NGHĨA CỦA KHÁI NIỆM “TRỜI”

1. TRỜI LÀ THƯỢNG ĐẾ HỮU THỂ

Người Việt Nam tin có Ông Trời với ý nghĩa là Đấng Hóa Công đã dựng nên trời đất, cai quản vũ trụ, nhất là loài người, có quyền năng tối thượng sẵn sàng ban phúc cho người hiền lương cũng như trừng phạt người ác độc vô lương một cách công bình thể hiện qua câu ca dao:

4. NĐD.

5. Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuận Tân Hợi (03-7-1971).

“Ở hiền thì lại gặp lành,

Những người nhân đức Trời dành phúc cho.”

Trời được xưng tụng là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là cha của muôn loài, quyết định muôn việc, thưởng phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có đạo Trời, nhờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng, và đến khi chết thì về chầu Trời.

Với các tôn giáo, Trời là Đức Chúa Trời, hay Đức Chúa Cha, là Ngôi Một trong đạo Thiên Chúa, là Đấng Allah của tín đồ Hồi giáo, là Đức Jehova của Do Thái giáo, là Brahma trong Bà La Môn giáo.

Cho đến đầu thế kỷ 20, một nền tôn giáo mới đã được khai sinh trên đất nước VN, mà vị giáo tổ không phải là người phạm tục như những tôn giáo đã có từ trước, mà là một Đấng Vô Hình từ cõi Thượng thiên dùng thiên điển qua huyền cơ diệu bút mở đạo cứu độ loài người với danh xưng rất khiêm tốn là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Tiên Ông đây chính là Ông Trời đã hiện diện từ rất lâu trong tâm tưởng nhân loại nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng. Tiên Ông Cao Đài đã xác nhận:

“Hỡi các con ôi! Từ xưa đến nay các con vẫn biết Thầy là Chủ tể của càn khôn vũ trụ. Thầy là Cha cả của nhơn sanh vạn vật, tất cả đều thọ hưởng hồng ân vô lộ của Thầy mà sanh sanh hóa hóa, từ hữu tri giác cho đến vô tri giác, trong tam giới ngũ hành đều do theo luật tạo đoan của Thầy mà biến chuyển.”⁶

Như vậy, Đấng Tạo Hóa Toàn Tri Toàn Năng quyền uy tối thượng mà con người nghĩ rằng sẵn sàng ban phúc hay giáng họa đã thực sự hiện hữu trong Kỳ Ba Phổ Độ với vai trò của một vị Cha Linh Hồn của toàn thể chúng sanh có đầy đủ quyền năng dẫn dắt linh hồn con cái của Ngài trở lại nguồn cội là nơi vô sanh vô diệt, giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử nơi bể trầm luân. Và từ buổi ấy, con

người đã nghe được tiếng nói của Đức Thượng Đế, không phải tiếng nói của một “ông Trời” nghiêm khắc, quyền uy, sẵn sàng trừng phạt những ai tội lỗi, đi ngược ý Ngài như trong tâm tưởng của nhiều người; mà trái lại là tiếng nói của một bậc Đại Từ Phụ với đức hạo sanh trải đều muôn loài vạn vật, đặc biệt là tình thương hết lòng diu dắt để cứu rỗi dành cho con người, Ngài dạy:

“Hỡi các con! trong tình Tạo hóa đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một sự thương yêu chan rười. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố, nhưng lòng Trời vẫn che, Đất vẫn chở. (...)

Ngày khai đạo, Thầy đóng vai trò của một người cha đối với con trên thường tình thế sự. Phải phải! Luôn luôn Thầy vẫn xem các con là thế ấy. Thầy đã hạ mình rời khỏi Linh Tiêu điện giáng xuống cõi đời ô trược để phát ra những âm thanh mà tự cổ cập kim chưa hề được nghe, được thấy.

Thầy những mong ở trong một cõi trong sạch nhứt nơi trần gian, Thầy chúng vào cõi đó, Thầy ngự vào đó để cứu rỗi con cái của Thầy trong thời mạt kiếp.”

Sự hiện diện của Đức Thượng Đế với tư cách Giáo chủ của một nền tôn giáo tên gọi Cao Đài không mang tính thần quyền huyền hoặc, vì dù Ngài là Đấng Vô Hình, Ngài không dạy con người những điều thần bí mà ngược lại, Ngài mang đến những lời chỉ dạy rất bình thường, thực tế trong việc tu học:

Tu lập đức bồi công độ chúng,
Tu khuyên đừng lạm dụng Phật tông,
Khí thì bỏ đậy trong lồng,
Cột xiềng cho chặt kẻo tông chạy ngoài.
Tu thì tu mắt, tai, mũi, miệng,
Mối dục tâm sai khiến diệt trừ,
Mối mong lập danh an lạc,
Long thăng, hổ giáng huệ từ chiếu soi.⁷

6. TGST - 1961.

7. Đại Thừa Chơn giáo (bài Thầy lược luận chữ Tu).

2. LÀ THƯỢNG ĐẾ VÔ THỂ, LÀ NGÔI THÁI CỰC ĐẠI LINH QUANG

Trong vị thế Vô ngã, Trời là năng lực vĩ đại tuyệt diệu tuyệt huyền bao trùm khắp cả Tam Thiên thế giới, Tứ đại bộ châu, là bản thể, nguồn cội phóng phát ra vũ trụ muôn loài với phạm trù mang tính hệ thống Vô Cực– Thái Cực–Lưỡng Nghi, Tứ tượng, Bát Quái được thể hiện trong Kinh Dịch của Khổng giáo cách đây mấy ngàn năm và ngày nay được giáo lý Cao Đài giảng giải một cách cụ thể, như lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiển Sư về Vô Cực và Thái Cực như sau:

“Lúc ban sơ, ngôi Vô Cực này còn nằm trong thể tiềm tàng nên trống không, im lìm lặng lẽ, không gợn mây hào. Khởi kỳ thì, Vô Cực gom tụ chơn nguyên làm một điểm tại trung tâm, nên Dịch gọi là Thái Cực(...) Tuy có hai tên Vô Cực và Thái Cực, nhưng không phải là hai ngôi riêng biệt, mà đó chỉ là hai trạng thái của một tự thể.

Trong ĐTCG, Đức Chí Tôn đã giải thích rõ hơn: “Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông (...) Không gian ấy tức là Vô Cực (khoảng trống không quang tử). Trong Vô cực ấy lại có một Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức Âm với Dương trong buổi hồng nguyên thời đại. Lý với Khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lại lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối linh quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra (...) bèn có một điểm linh quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra (...) Ấy chính là ngôi chúa tể của càn khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực.”

Tuy nhiên, Thánh giáo cũng đã xác nhận: *“Vô Cực chưa phải là bản nguyên tự thể của Vũ Trụ. Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo là Thiên tắc, Thiên điều. Nó là cái luật mà vũ trụ và vạn pháp phải theo nó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Kiến Khôn vạn hữu. Luật ấy rất linh động,*

*ấn ký vào tâm tư người vật đất trời. Cũng như một quốc gia, một thế giới, đều có một bản hiến chương, một bản công pháp, để nhân dân, nhân loại theo luật ấy mà thi hành.”*⁸

Từ những lời Thánh giáo này, có thể hiểu được trước khi chưa phân định trời đất, vạn vật là khoảng không gian mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông, trong đó hai năng lực Âm Dương còn trong tình trạng hỗn độn, cứ đun đẩy, đập đối qua lại không ngừng cho đến điểm cực tuyệt đối, tốt đỉnh của sự quân bình, thì phát ra tiếng nổ (tương ứng với điều mà khoa học ngày nay gọi là Big Bang) hình thành nên một khối Đại Linh quang tuyệt diệu tuyệt huyền, rực rỡ uyên nguyên toàn chân toàn bích với đầy đủ trọn vẹn sự tốt đẹp mà Thánh giáo đã xác nhận: *“Ấy chính là ngôi chúa tể của càn khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực.”*

Ngôi Thái Cực là đỉnh điểm của sự quân bình tuyệt đối Âm Dương kết thành khối Đại Linh Quang tức là ngôi Đại Trung, cho nên Ôn Trên dạy: *“Một vật hỗn nhất trong Hư Vô đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực, là nguồn sống tự do chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung, chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.”*⁹

Còn cái quy tắc, cái nguyên lý vận hành của hai năng lực Âm Dương để thúc đẩy tiến đến chỗ chí cực chí trung chính là Vô Cực, đã được Thiêng Liêng khẳng định trong Đạo Học Chí Nam: *“Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo là Thiên tắc, Thiên điều.”* Vô Cực không chỉ là nguyên tắc vận hành của buổi Tiên Thiên Hồng Mông để tạo nên ngôi Thái Cực Đại Trung, mà còn là *“cái luật mà vũ trụ và vạn pháp phải theo nó.”* Cho nên, khi ngôi Thái Cực phóng phát các

8. ĐHCN.

9. ĐHCN.

Tiểu Linh quang để làm công việc hóa sanh vũ trụ, vạn vật thì Vô Cực cũng vẫn là phương cách vận hành điều động Âm Dương để biến từ Vô ra Hữu, Thái Cực là bản thể, Vô Cực là tác năng “*vận chuyển hóa thành chúng sanh*” để tạo thành hình thể của thế giới hữu hình.

Sự phóng phát của ngôi Thái Cực Đại Linh Quang được vận hành trên nền tảng nguyên lý “*Nhất bốn tán vạn thù*” để khởi đầu cho một chu kỳ tiến hóa của vũ trụ vạn hữu và cuộc đại tiến hóa đó sẽ kết thúc với sự quay về của vạn hữu dựa trên nguyên lý “*vạn thù quy nhứt bốn*”.

Điểm đặc biệt là ở giai đoạn phóng phát, sự tiến hóa trong vạn vật tuần tự từ khoáng sản cho đến thảo mộc, rồi thú cầm và nấc thang cuối cùng của giai đoạn này là con người. Sự tiến hóa ở đây không phải là sự biến hóa từ loài này sang loài khác theo như quan niệm của học thuyết tiến hóa, vì các Tiểu linh quang được gởi vào muôn loài vạn vật là chiết thân của Đại Linh Quang toàn tri toàn bích, cho nên nó cũng toàn tri toàn bích nhưng bị án che lu mờ do bởi những lớp áo hậu thiên trọng trược của cõi thế gian tùy theo căn trí của những loài mà nó thọ nhận để làm động lực tạo nguồn sống cho phần hữu chất thực hành sự tiến hóa.

Đến giai đoạn quy nguyên là chặng đường tiến hóa cuối cùng nơi cõi hữu hình, con người đã trở nên một chủ thể tự do, phải tự mình điều khiển công cuộc tiến hóa của chính mình bước vào cõi siêu xuất thế gian, bởi vì con người là sinh vật tối linh trong vạn vật, được đứng vào hàng tam tài Thiên – Địa – Nhân, cho dù là hóa nhân tiến hóa từ thú cầm hay nguyên nhân thọ nhận sứ mạng từ cõi thượng thiên thì đều có chung trách nhiệm là hoàn thành công cuộc tiến hóa. Chính đây là điểm thể hiện giá trị cao cả của con người, cho thấy sự phân biệt lớn lao giữa con người và vạn vật. Hay nói khác đi, chỉ có con người mới thực hiện được sự quy nguyên, hoàn thành chu kỳ tiến hóa để “*vạn thù quy nhứt bốn*”.

Đức Lý Giáo Tông dạy: “*Trước khi đến làm người tại thế gian, chư hiền đệ, hiền muội cũng xuất phát từ chỗ khởi thi, mà chỗ khởi thi ấy không phải là nhục thể của con người, mà là từ khối Đại Linh Quang trong đức hạo sanh của Thượng Đế. Các tiểu linh quang từ Đại Linh Quang phân thân xuống trần tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi đơn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công việc tiến hóa trong đức hạo sanh ấy.*”

Như vậy, có thể nói một cách đơn giản, con người từ Trời ra đi, xuống thế gian để tiếp nối công cuộc lập đời của Trời, thực hiện cơ tiến hóa rồi sẽ quay về điểm xuất phát là Trời trên nền tảng nguyên lý: “*Nhứt bốn tán vạn thù – Vạn thù quy nhứt bốn.*”

*Trời với muôn loài một bốn nguyên,
Cũng trong linh tánh cũng tâm điền,
Linh quang một khối chia nhiều ức,
Người vật tương đồng với Phật Tiên.¹⁰*

3. TRỜI LÀ NGÔI HOÀNG CỤC

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn đã giảng dạy:

“*Khí Âm Dương bắt đầu hóa sanh vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi đời nọ sang đời kia không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về Một, là vì nhất bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn.*”

Vậy, sự vận động của vạn vật không phải chỉ là chiều phóng phát hóa sinh mà còn là chiều quy nguyên phản bốn. Chiều thứ nhất của sự vận động là chiều đi từ đơn giản đến phức tạp hay từ Vô đến Hữu, với điểm khởi phát là Thái Cực. Chiều thứ hai là chiều đi từ phức tạp đến đơn giản hay chiều đi từ Hữu đến Vô, với điểm kết thúc là Hoàng Cực.

Có thể hình dung, nếu sự vận hành phóng phát vạn vật từ Bản thể Tuyệt đối Thái Cực, với tác năng của Vô Cực, thì Hoàng Cực là kết

10. Đức Quan Âm, 11-3-1967.

quả của quá trình thúc đẩy vạn hữu đào thải cặn bã hậu thiên, chắt lọc tinh hoa cho đến khi hoàn thiện trở lại Tiên thiên hầu đủ điều kiện hội nhập cùng Bản Thể tuyệt đối. Hoàng Cực là ngôi thứ ba tiếp theo Vô Cực và Thái Cực. Các điều kiện hay các năng lượng để cung cấp cho công năng này vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh, nhưng chủ nhân phải dụng công điều hợp mới phát khởi được.

Điều này cũng tương đồng với sứ mạng của một Tiểu linh quang nơi hữu giới mà Thánh giáo Cao Đài đã nhắc nhở: *“Từ bến khởi nguyên con ra đi vướng một sứ mạng trong hai đoạn đường, một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo.”*¹¹

Hay:

*Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ,
Một ra đi, một trở lại Thầy;
Dù cho Nam Bắc Đông Tây,
Cổ kim như vật do Thầy định phân.*¹²

Đó là sứ mạng vi nhân mà con người có bốn phận phải thực hiện khi đến cõi thể gian này. Có nghĩa con người sống xứng danh đúng nghĩa con người, tức sống đúng theo Thiên lý. Đó chính là:

*“Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi đời này là sứ mạng vi nhân được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh sanh hóa và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”*¹³

Tuy nhiên, để hoàn thành bước thứ hai của sứ mạng “*Trời dành hai ngõ*” tức là “*trở lại Thầy*”, con người phải bước ra khỏi cõi Hậu thiên, để trở về Tiên thiên bằng phương tu luyện đạo pháp, cho Thần Khí kết giao, tức Âm Dương hiệp nhứt, đạt ngôi Hoàng Cực, mà theo Đạo Học Chỉ Nam, “*Hoàng Cực nơi người là trung tâm mẫu nhiệm đồng thể cùng Trời Đất, đồng*

nhứt với tâm của chư Tổ chư Phật. Người nường đó mà chúng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi Đại giác.”

Tóm lại, có thể nói ngắn gọn: Trời là ngôi Thái Cực mà cũng là ngôi Hoàng Cực. Thái Cực là Bản căn sanh hóa ra vạn vật trên con đường vạn vật ra đi. Còn Hoàng Cực là chủ thể đang trên con đường trở về bản nguyên, thế nên có danh hiệu “*Hoàng Cực Chủ nhưn*”.

Vậy, Chủ Nhưn Ông Hoàng Cực chính là Chân Ngã, cái Ta nơi mỗi người mà Đức Thế Tôn tuyên bố “*Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn.*”

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “*Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đó là ngôi Hoàng Cực. (...) Người thiếu nhân bản, thiếu lương tri lương năng, chỉ biết xu hướng theo vật chất hữu hình, quên mất ngôi Chủ Nhưn Ông Hoàng Cực. Cán cân công bình của nhân sinh đã chệnh lệch. Con người và con người đuổi xô nhau vào hố thẳm vực sâu, quên mất bản linh chân tánh.*”¹⁴

Theo ĐHCN, Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể âm dương, âm dương hườn thành một khí nguyên sơ. “*là chủ tử của âm dương, bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn có trong ngoài*”(...)

Như vậy Hoàng Cực đã trở về trạng thái giống như Thái Cực khi chưa phân định “*Lưỡng Nghi*”, cho nên gọi Hoàng Cực cũng là Trời. Con người tu học, luyện Đạo phối kết được Âm Dương, Thần Khí, Tánh Mạng, làm hiển lộ Chơn Ngã, bước lên ngôi vị Hoàng Cực Chủ Nhân Ông, tức là trở lại Chơn Như Bản tánh, có thể phối Thiên, huyền đồng cùng Đại Ngã. Con người đã thực hiện được câu: “*Tu là học để làm Trời*”.

II. TẠI SAO CON NGƯỜI PHẢI TU HỌC ĐỂ LÀM TRỜI?

Việc tu học trong thời mạt kiếp là một nhu cầu bức bách đối với con người vì đó là giải pháp duy nhất để giúp con người tìm thấy nẻo sinh

11. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

13. Đức Đông Phương Chuông Quân.

14. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-4 Canh Tuất (11-5-1970).

tồn trong cơ sàng sây đang diễn biến ngày càng dồn dập. Đức Di Lạc Thiên Tôn đã xác nhận:

“Thế sự ngày nay không là ngày xưa, cuộc điện đã đổi thay lại càng thêm thay đổi. Không có cái gì đứng yên ngoài trừ chơn như bản tánh.

Đời mạt kiếp đã đến, Long Hoa Đại Hội đã gần kề, cuộc luân chuyển Hạ nguơn đang xảy vẫn biến cải. Bất cứ một công việc dù to lớn hay nhỏ nhoi cũng đều là một tiến trình nối đuôi nhân quả. Chiếc vòng sàng sây cuối cùng chung kết đang diễn biến giữa toàn thể cuộc điện nhơn sanh.”

Điều đáng lưu ý là việc tu học phải đạt kết quả “để làm Trời”, tức là phải đi đến cứu cánh rốt ráo là giải thoát bằng con đường Thiên Đạo. Đây là con đường tất yếu nếu như con người không muốn bị rơi vào trường kiếp sát của cơ cộng nghiệp. Đức Di Lạc Thiên Tôn đã cảnh báo:

“Muốn biết Long Hoa Đại Hội khai diễn như thế nào, muốn biết Di Lạc Thiên Tôn của thời Hạ nguơn mạt kiếp, hãy dừng chân lại tất cả trước bao nhiêu dục vọng ước hèn. Hãy bình tĩnh để tìm thấy ánh sáng huy hoàng của Chủ Nhơn Hoàng Cực.

Hoàng Cực tức là ngôi Trung Hòa giữa Thiên Địa vạn vật vậy.

Đời có được an bình, có lập được Thượng Nguơn Thánh Đức, là chính mỗi con người phải nhận chân một Di Lạc thực sự ở con người. Từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng – năm căn bản này sẽ thị hiện Di Lạc Thiên Tôn. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín – đó là ngôi Hoàng Cực. Ngược lại dòng thời gian trên hai mươi năm qua, dân tộc này cũng như toàn cả nhân loại đã tiến bộ đến mức độ cao, vật chất thịnh hành, tinh thần suy yếu, không còn giữ được lòng nhân trước tha nhân, không còn gìn chính nghĩa đối với nghĩa vụ, không còn nề nếp thượng hạ tôn ti phải trái đối với tư cách nhân vị nghi lễ một con người, không còn chủ trương hành động lương tâm để tròn đức trí, không còn gieo một niềm tin vào tha nhơn, vào sự vật để đủ đức tín của con người.”

Tu học phải thực sự đúng với ý nghĩa của nó

tức là phải thực hiện trên tinh thần Thiên nhân hiệp Nhứt. Đức Quan Âm Bồ Tát đã khẳng định:

“Trời là Đại Thiên Địa; con người – cũng như tất cả chúng sanh – là Tiểu Thiên Địa. Trời có những gì, trong vạn vật có những vật ấy, chỉ khác nhau là chỗ lớn bé trên hình thức, hoặc biến dịch không ngừng, khi bày lúc ẩn vậy thôi. Thế nên Thượng Đế hằng nói: “Thầy là các con, các con là Thầy. Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật, đồng trở về hiệp nhứt cùng khối Đại Linh Quang, chẳng qua là sự tiến hóa mau chậm mà thôi.”¹⁵

Người được sinh ra từ Trời, muốn tu học làm Trời thì con người phải noi theo Trời, phải biết sống hòa hợp với thiên nhiên, phải thuận tòng thiên lý. Giáo sư bác sĩ Ngô Gia Hy đã viết trong quyển Khí Công và Y học hiện đại: “Vũ trụ và con người là một, nên con người không tránh được ảnh hưởng của vũ trụ. Dù có chinh phục được thiên nhiên, thì sự thắng lợi cũng rất là giới hạn so với cái vô tận của bầu trời, cái thăm thẳm của biển cả, cái ti vi của thế giới côn trùng, cái bí hiểm của muôn vàn sự vật. Đó là về phương diện không gian, còn về phương diện thời gian thì một kiếp người lại càng không đáng kể. Chính vì thế mà có những tư tưởng muốn hòa đồng Tiểu Thái cực với Đại Thái Cực của các đạo gia, hay đem cái tâm nhỏ bé của cá nhân hòa đồng với cái tâm vô biên của vũ trụ theo Phật giáo. Chết chính là trở về với cái nguyên thủy: Âm Dương lại trở về với Âm Dương, nguyên tố lại trở về với nguyên tố, cát bụi lại trở về với cát bụi; phải chăng như thế là bất diệt.”¹⁶

Cũng như muôn loài vạn vật, con người có cùng bản thể với Trời, nhưng khác hơn muôn loài, con người là một thực thể có sự cấu tạo hết sức kỳ diệu. Con người được xem là Tiểu vũ trụ, vì chính là mô hình thu nhỏ của Đại vũ

15. MLTH- 1969.

16. Giáo sư Bác sĩ Ngô Gia Hy, Khí công và Y học hiện đại, tr. 139.

trụ, có cùng quy tắc cấu tạo và cùng nguyên lý vận hành với Đại vũ trụ như lời Thánh giáo xác nhận rõ ràng: “Sự cấu tạo vũ trụ như thế nào, thì sự cấu tạo con người cũng y như thế đó. Vũ trụ là thể lớn, con người là thể nhỏ.”¹⁷

Ngay từ khi mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.2): “Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy.” Mà Thầy là Hu vô Chi khí, nên Thánh thể thiêng liêng con người được thọ nhận từ Đức Thượng Đế là phần Linh hồn, là Tánh, hay Nguơn Thần, tức là Tiểu Linh Quang uyên nguyên thuần khiết. Con người còn phần xác thân do vật chất, tứ đại giả hiệp cấu thành, mà phần vật chất đó cũng là sản phẩm được tạo ra từ ngôi Thái Cực, cho nên trong Kinh Tắm Thánh có câu:

*Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa
Tượng mãnh thân giống cả Càn Khôn
Vẹn toàn đủ xác, đủ hồn
Xây cơ chuyển thế, bảo tồn vạn linh.*

Con người đã có đầy đủ khả năng tiến hóa từ cõi vô thường hữu hạn lên cõi hằng thường bất diệt như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn:

*“Tạo Hóa có những gì, đã ban tất cả cho các con. Từ quyền năng pháp độ cho đến máy nhiệm tâm kỳ, các con đều có cả. Các con là một tạo hóa trong Tạo Hóa. Thế nên các con có thể tiến từ cõi vô thường lên đến cõi hằng thường vô sanh bất diệt.”*¹⁸

Nhưng con người lại mãi mê vật chất, sử dụng khả năng Tạo hóa ban cho vào việc phục vụ lợi ích riêng tư, để lòng tham dục ngày càng lấn áp phần lương tri, đạo lý, không còn nhớ sứ mạng cao cả thọ nhận từ Đức Thượng Đế là đem đến hạnh phúc thái hòa cho cõi hữu giới, hậu quả là con người đang đứng bên bờ vực thẳm tự diệt, như lời Đức Di Lạc Thiên Tôn nhắn nhủ:

“Những thành phần vô ích cho sự tái lập dinh hoàn, xây dựng đời Thượng Nguơn Thánh Đức sẽ lẫn lộn nối chân nhau tự diệt. Những cái hữu

ích cho chánh đạo cứu đời, những cái còn sử dụng cho giai đoạn kết quả cuối cùng, những cái dùng để lập lại Thượng Nguơn mới hy vọng sống còn.

Cái tính chất bảo tồn, cái bản chất còn giữ lại, cái nguyên nhân xây dựng thế cuộc an bình là Đạo, là Hoàng Cực, là ngôi Di Lạc Thiên Tôn.

Ai muốn được như thế, ai muốn hiển mình lập thế Thượng Nguơn Thánh Đức, hãy học cho rõ lý Hoàng Cực, hãy thi hành Vương Đạo. Hoàng Cực hay Vương Đạo là ngôi Di Lạc Thiên Tôn. Danh từ này cũng là một trong đại đồng tiểu vị.

*Hỡi thế nhân! Di Lạc Thiên Tôn Hoàng Cực Chủ Nhơn là ngôi Thánh Thần, là ngôi Hội Đồng phán xét, là ngôi của Tòa Tam Giáo, cũng là ngôi của cuộc đời. Đã đến lúc đem cuộc đời để quản trị cuộc đời, đem dục vọng để hủy diệt dục vọng.”*¹⁹

Việc tu học không có ý nghĩa là tụng kinh, gõ mõ, cầu nguyện vái van Phật Trời gia hộ, mà phải bằng hành động tích cực, vừa sửa đổi bản thân vừa góp phần cải tạo xã hội bằng những hành động thiết thực có ích cho cộng đồng, dân tộc. Nhất là phải thực hành công phu luyện Đạo, để thanh lọc phần hậu thiên trọng trước, thay bằng khí Tiên thiên điều phối Âm Dương Thần Khí quân bình, bởi vì sự tồn vong trong cõi nhân sinh và sự giải thoát linh hồn khỏi luân hồi sinh tử của con người được quyết định ở nơi Hoàng Cực như lời Thánh giáo dạy trong ĐHCN:

“Ôn Trời quyết ở nơi Hoàng Cực. Hoàng Cực là trung tâm, sự sống của thiên hạ, mẫu mực bảo vệ giá trị như cách của vạn dân. Con người phối đồng thiên địa, nhau rún là đó, tánh mạng ở đó, thường phạt nơi đó, còn mất do đó, trị loạn tại đó: Mọi việc đều ở đó. Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, cửa thông công trong tam Cực. Đó là trung tâm của một quốc gia để bảo đảm cuộc sống còn và đẩy bước nhưn sanh lên đàng chánh giáo, hoàn thành thế đạo nhưn tâm, hưởng cơ thịnh trị.”

17. ĐHCN.

18. Chơn Lý Đàn – 1973.

19. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-4 Canh Tuất (11-5-1970).

III. “TU HỌC LÀM TRỜI” LÀ HỌC NHỮNG GÌ?

1. HỌC THEO KIẾN ĐẠO

Trong Đại tượng truyện quả Kiến, Đức Khổng Tử viết: *“Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất túc”*, có nghĩa Trời vận hành mạnh mẽ, người quân tử noi theo Trời không ngừng tự làm cho mình mạnh mẽ lên. Người tu học để làm Trời là phải quyết tâm khắc phục mọi hoàn cảnh khó khăn, vượt qua mọi khảo đảo chướng ngại, để tu luyện đạt cho được ngôi vị Hoàng Cực Chủ Nhân ông, tức là chính mình phải làm chủ bản thân, không để thất tình lục dục sai khiến, lúc nào cũng giữ được sự trung chánh.

2. HỌC ĐẠO TRUNG DUNG

Đạo Học Chỉ Nam viết:

“Đạo Trung Dung là Đạo lớn của Trời đất vạn vật, cốt dạy người làm Thánh làm hiền. Trước hết, các bậc ưu thế mãi thời muốn thi thố một việc nào để cứu hơn độ thế, cũng phải tìm cầu cho được gốc lớn của thiên hạ là đạo Trung. Đạo Trung chính nó nơi thân mình. Nếu Trung ấy được hiện bày, thì làm được Thánh Như, suốt lẽ đất trời muôn vật. Trung ấy căn cốt của mọi sự mọi việc, nên ở đâu, hay lúc nào, cũng trúng Đạo. Dem áp dụng vào đời, thi hành mọi việc không đâu chẳng nhờ cậy đẹp cả ý người lòng Trời, đẩy dẩy sự sống, lẽ thật hiện ra.

Muốn chứng ngộ đạo Trung, không ngoài sự chánh tâm thành ý. Chuyên nhứt ở đạo Trung, thì Trung cho thấy quyền năng phép lạ. Trung không chỉ có nghĩa quân bình mà thôi, Trung là cho ta thấy một sự sống lớn bao hàm ở đâu và lúc nào cũng giữ được điểm then chốt làm căn bản cho Trời đất muôn loài.”

Theo Đức Khổng Tử, để thành tựu đạo Trung Dung cần hội đủ 3 yếu tố: Nhân, Trí, Dũng: (*“Trí giả bất hoặc, Nhân giả bất ưu, Dũng giả bất cự”*) tức là tập rèn sao cho Trí chẳng mê lầm, Nhân chẳng buồn rầu, Dũng chẳng sợ hãi. Trí là sự hiểu biết thấu đáo, sáng suốt để phân biệt, tránh

sự mù quáng, mê tín. Nhân là sự thương yêu người bằng hành động chứ không phải ở chót lưỡi đầu môi. Dũng là sự mạnh dạn tinh thần để biết tự kiềm chế những tính xấu của mình và có sự phấn đấu nghị lực vượt qua mọi khó khăn.

Để có thể thi hành được ba năng lực này, cần phải có một năng lực duy nhất là đức Thành. Chân thành là đạo của Trời, trở nên đạo chân thành là đạo của người. Có chân thành, không cố gắng mà vẫn đúng, không suy nghĩ mà vẫn được, thông thả thư thái trong đạo Trung, đó là Thánh nhân vậy. Để trở nên chân thành, thì phải chọn điều tốt lành mà nắm chắc lấy. Học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn thận, phân tích cho sáng tỏ, làm cho hết lòng (Đoạn 5 Ch. xx Hệ từ).

3. HỌC LỄ CÔNG BÌNH

Công bình là lẽ tự nhiên trong Trời Đất, là động lực giúp vạn vật được hóa sinh và trường dưỡng. Nhưng chính con người trong nhiệm vụ “thể Thiên hành hóa” lại làm mất đi lẽ công bình do bởi lòng người không giữ được sự ngay thẳng, để cho vọng tâm lôi cuốn, chỉ biết đến quyền lợi và sự tư hữu, tạo nên nghiệp quả triền miên từ kiếp này sang kiếp khác, kết thành chuỗi luân hồi vô tận.

Thánh giáo Cao Đài dạy:

*“Công bình là một yếu tố định lập của vũ trụ, hoá sanh muôn loài, là phương diện của nhân sanh trong cơ xử thế để thọ hưởng hồng ân của Tạo Hoá mà lập thành chơn vị thiêng liêng nơi cõi gian trần. Đức Công Bình luôn tồn tại trong vũ trụ và vạn sanh. Vì nếu thiếu lẽ công bình là tất cả- hình thức này đến hình thức nọ, trong cõi hữu thể cũng như trạng thái siêu sinh đều dấy động.”*²⁰

Đức Văn Tuyên Khổng Thánh đã dạy trong Tam Thừa Chơn Giáo:

*Công bình lẽ phải muôn thu;
Là phương giải khổ trần tù thế gian
Một bửu thức nhân hoàng định lập*

20. Tam Thừa Chơn Giáo Q.2. Giữ lẽ công bình.

Một pháp đồ chiêu tập toàn linh

Sử đời tạc dấu anh minh

*Khuôn thiên điểm nhuận, ánh huỳnh sáng soi.*²¹

– “*Công bình lẽ phải muôn thu*”: Công bình chính là lẽ phải, có giá trị bất biến trường cửu.

– Là phương giải khổ trần tù thế gian: là phương thuốc giúp cho con người thoát khỏi sự đau khổ nơi chốn thế gian, đồng thời thoát khỏi sự buộc ràng của vòng luân hồi nghiệp quả.

– “*Một bầu thức nhân hoàng định lập*”: Công bình chính là một phương thức quý báu cho con người trong thời con người làm vua chính mình tức là con người làm chủ, tự quyết định vận mạng của mình.

– “*Một pháp đồ chiêu tập toàn linh*”: Công bình còn là đường lối để chiêu mộ tập toàn thể sanh linh. Điều này có nghĩa nếu như con người thực hiện được đức công bình, con người không chỉ tự độ được chính mình để chứng đắc được Thánh vị thiêng liêng mà còn cứu độ được tha nhân cùng giải thoát và còn làm tròn sứ mạng của mình trong vị thế cai quản muôn loài.

– “*Sử đời tạc dấu anh minh*”: Công bình đã đi vào lịch sử cuộc đời như một dấu ấn của Nho giáo sáng ngời lưu truyền tự ngàn xưa đến mãi ngàn sau. Chính vì vậy mà trong Tam Kỳ Phổ Độ, “*Công bình*” tiếp tục là ánh sáng mở đường chuyển thế với sứ mạng của Nho tông: “*Khuôn thiên điểm nhuận, ánh huỳnh sáng soi.*”

Qua lời dạy của Đức Khổng Tử, rõ ràng “*công bình*” có một giá trị hết sức vĩ đại có khả năng chuyển loạn thành trị, thích hợp trong cơ tái tạo dinh hoàn lập đời Thượng ngươn Thánh đức, và đó là căn cơ nền tảng để Đức Cao Đài sử dụng trong buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ với vai trò “*Sứ mạng Nho Tông chuyển thế*”.

Như vậy, để “*làm Trời*”, con người phải học và thực hành cho được lẽ Công bình.

21. Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, Tam Thừa Chơn Giáo Q.2, bài Giữ lẽ công bình.

4. TẠO THỂ NHÂN HÒA.

Người giác ngộ là người tự xây dựng bản thân trở thành một biểu tượng sống thực tế về thể Nhân hòa để thuyết phục dẫn dắt tha nhân cùng thực hiện Nhân hòa như lời dạy của Đức Vân Hương Thánh Mẫu:

Không vào đời, độ đời sao đặng,

Không hòa người, người chẳng hòa ta;

Muốn cho đắc thể Nhân hòa,

*Từ trong nội bộ, mới ra đại đồng.*²²

Tạo được thể Nhân hòa cho chính bản thân cũng chính là giải thoát cuộc sống tinh thần khỏi những buộc ràng phiền não của chốn thế gian, thực hiện công cuộc tiến hóa tâm linh, trở về với Đạo. Đức Lê Đại Tiên đã nhắn nhủ:

*“Hãy sẵn sàng đi hỏi những con người giác ngộ. Hãy tự nguyện chuẩn bị hành trang tập trung vốn liếng. Con đường dài đã vạch ra trước mặt. Hãy lên đường, hãy thoát ra vùng cát bụi âm u phủ mờ những tham vọng tương tranh để nhìn lên bầu Trời quang đãng. Mở rộng cửa lòng đón nhận ánh hiếu sinh soi rọi phá tan bức màn đen đặc đang ngấm ngấm gây nhiều vết thương tương tàn cốt nhục. Đạt thể nhân hòa sẽ thành đạo.”*²³

Muốn làm được điều này, việc đầu tiên là con người phải tập tu thân, trau dồi ngũ đức học làm người quân tử theo Khổng giáo để cá nhân mình hòa với mọi người. Đức Cao Triều Phát đã xác nhận:

*“Lòng tín, thành, lễ, nghĩa là động năng tạo thể Nhân hòa.”*²⁴

Hay trong giới luật Tứ Đại Điều Quy có ghi: “*Lấy lễ hòa người.*”

Chữ “*Lễ*” nơi mỗi cá nhân cũng bao hàm ý nghĩa phải giữ đúng vai trò, vị trí của mình theo nguyên tắc “*Chính danh*” của Khổng giáo, thể hiện “*phụ tử, tử hiếu*” trong đạo cha con, “*quân*

22. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 06-8 Đinh Hợi.

23. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm-02 Canh Tuất (21-3-1970).

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-2 nhuận Ất Sửu.

minh, thần trung” trong đạo vua tôi, “phu thê hòa ái” trong đạo vợ chồng.

Đối với người tín đồ Cao Đài đã bước vào Thiên Đạo Đại Thừa, tạo thể Nhân hòa từ bản thân còn có nghĩa là tự điều tiết chế ngự bản thân bằng công phu – luyện kỹ để tự thắng mọi tham vọng thường tình nơi con người của chính mình, cũng là phục hồi nhân bản nội tại nơi mình, để tìm thấy sự an lạc trong sự giải thoát khỏi lục dục thất tình, đồng thời tạo cũng là dọn mình trong sạch để thọ nhận sự hộ trì của các Đấng Thiêng Liêng làm gia tăng năng lực độ tha, cứu thế trong quá trình thực hiện việc tạo thể Nhân hòa.

Cảm hóa người bằng tình thương:

Bản chất của Nhân hòa là sự hòa ái, hòa hiệp, cảm thông; cho nên tạo thể Nhân hòa là phải đến với người khác bằng tình thương, bằng sự hợp tác cởi mở chân thành, để cảm hóa họ đi theo con đường mà mình đang đi như lời Đức Quan Thánh Đế Quân đã dạy:

“Mình muốn người khác thương mình, trước phải tự mình thương người đã. Đừng ngồi một chỗ kêu gọi thiên hạ đến với mình, mà phải bản thân mình đến với thiên hạ trước đã. Đừng bảo hăoc yêu cầu ai thương mình, nếu trong khi đó mình thiếu tác phong cử chỉ hành động đối với họ. Đừng sợ người ta không thương mình, chỉ tại e mình thiếu tác phong nhân cách phẩm hạnh đạo đức để được xứng đáng cho người ta thương mà

thôi. Đừng sợ không ai hợp tác với mình, chỉ ngại mình không có nhiệt tình muốn hợp tác với người ta. Cũng như đừng sợ phí kiếp tu hành mà không đắc Đạo, chỉ ngại cho mình không thiết tha hành đạo lập công bồi đức và tu học mà thôi.”²⁵

TẠM KẾT

Xin mượn lời dạy của Đức Giáo Tông:

“Chư hiền cứ tận dụng khả năng tu học của mình để hành sự theo trình độ và duyên nghiệp, Ôn Trên sẽ an bài cho mỗi người về đường tu hành. Chớ so sánh rằng người kia công quả ít oi mà được thọ những pháp tu cao cả rồi sanh lòng mong muốn, muốn cho mình đạt tới như vậy. Đừng thấy những người bôn ba trên trường xã hội lập nên những sự nghiệp đáng kể lưu lại ích lợi cho đời rồi cũng sanh lòng mong muốn, muốn cho mình làm được như vậy. Cùng một con người, cùng một tánh thể, mà có hai ý muốn, như vậy là lầm, không đến đâu cả chư hiền.

Bởi thế cho nên, với vai trò hiện hữu của chư hiền, nên lo cho xong đi, thời gian sẽ giải đáp tất cả những ẩn lòng của chư hiền trên đường tu học nếu có tâm thành chí quyết.”²⁶

Con đường tu học nếu quyết tâm, có đi thì sẽ đến vậy.■

25. Nam Thành Thánh thất, 15-02 Kỷ Dậu.

26. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm-3 Tân Hợi (10-4-1971).



Nhật nguyệt vẫn xoay có đêm có ngày, có sáng có tối, bóng hoàng hôn vừa buông xuống thì vạn vật đều thu mình để hấp thụ khí âm linh hòa hợp với dương sinh mà sanh sôi nảy nở. Trong một năm có bốn mùa tám tiết, con người có lúc làm lụng thì cũng có lúc nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi để thu hồi khí lực cho sức sống buổi bình minh. Phương chi người sinh trong đạo, sống bằng đạo vận hành của trời đất thì cũng cần biết lúc nào cần thu liễm bồi bổ khí lực tiêu tán trong năm dài với thời tiết đổi thay. (...)

■ ĐỨC BẢO PHÁP CHƠN QUÂN HUỲNH CHƠN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-5 CANH THÂN.

Chúng ta lần lượt học lời Ôn Trên dạy về ân Thiên qua các bước:

1. Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên. (mẫu giáo, tiểu học).
2. Dọn mình tu niệm hưởng ân Thiên. (trung học, đại học).
3. Hoàng dương Đại Đạo hưởng ân Thiên. (thầy giáo).
4. Dâng trình kết quả hưởng ân Thiên.

1. VUI LÒNG TU NIỆM HƯỞNG ÂN THIÊN

Chúng ta phải tu với tâm hoan hỷ. Thời khai đạo, Đức Chí Tôn dạy:

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.¹*

Chủ quyền: quyền tối cao (chủ quyền quốc gia: quyền của mỗi dân tộc, không nước khác áp đặt được. Một quốc gia độc lập mới có chủ quyền).

“*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền*”, Đức Chí Tôn cai quản toàn vũ trụ từ xưa đến nay tối cao, tối trọng.

Hỷ: vui vẻ, là một trong tứ vô lượng tâm của nhà Phật: từ, bi, hỷ, xả. Điều kiện để được Đức Chí Tôn ban ân thật là đơn giản, dễ thi hành. Cần lưu ý, người xưa dạy: “Trời cho không thấy, Trời lấy không hay” để xứng đáng mà gìn giữ ân Thiên. (Có thể nói như khi chúng ta còn thơ ấu, vâng lời cha mẹ đi học là đã được thưởng).

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, dàn Noël 1925.

ÂN THIÊN

■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

2. KHỬ TRƯỚC LƯU THANH ĐỂ ĐÓN ÂN THIÊN

Đức Mẹ dạy:

*Dọn mình trong sạch đón ân Thiên,
Thiên Đạo ráng lo gấp phổ truyền,
Cho cả chúng sanh nơi thánh thiện,
Là ngày các trẻ đạt ngôi Tiên.²*

Trong đoạn thi này Đức Mẹ dạy: phải dọn mình thanh khiết mới nhận được ân Thiên. Dọn mình có nhiều cách: Nhập môn, ăn chay để khử trước lưu thanh thân xác, từ 6 ngày khi mới nhập môn rồi tiến lên 10 ngày, 16 ngày rồi trường chay; siêng cúng tịnh mới giữ được ân Thiên.

Đức Mẹ dạy một vị đạo huynh như sau:

*Có tài mà chẳng gặp thời,
Tài cùng tánh mạng đi đôi đó hiển.
Trước đây đã được ân Thiên,
Thánh danh ban bố trò Tiên những ngày.
Gìn lòng nhớ lại lạt chay,
Và nơi thờ phượng hằng ngày tưởng tin.
Cho oan khiên sớm khỏi mình,
Cho tiêu nghiệp chướng, cho thành người tu.
Nhập môn là việc ban đầu,
Đừng nên thiếu sót mới hầu khôn ngoan.
Có ân Thiên mới phổ biến được Thiên đạo*

2. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Kỷ Dậu (26-9-1969).

đến mọi người; tròn phận sự sẽ về cõi non Bồng nước Nhược.

3. HOÀNG DƯƠNG ĐẠI ĐẠO HƯỜNG ÂN THIÊN

Lời nguyện thứ nhất: “*Nam Mô Nhứt Nguyện Đại Đạo hoàng khai*” thực hiện được chu đáo chính là lúc các Đấng tướng thưởng ân Thiên để tiếp tục sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba cho đến ngày viên mãn.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy các môn đệ Cao Đài có sứ mạng hoàng dương Đại Đạo nơi xứ xa:

*Tuyết Tiên nổi hạnh học trò tiên,
Hành đạo chí tâm đáng nữ hiền,
Hiệp sức Diệu Thê cùng Chí Tín,
Hoàng dương Đại Đạo hường ân Thiên.*

4. DÂNG TRÌNH KẾT QUẢ HƯỜNG ÂN THIÊN

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Phúc trình đệ nhứt khá khen hiển,
Có ý thức rồi có trợ duyên,
Cần ráng thực hành lời nguyện hứa,
Dâng trình kết quả hường ân Thiên.³*

Người tín đồ đã đến mức thuần thành, ý thức được việc tu học, hành đạo lúc nào cũng siêng năng cần mẫn lo thực hiện trách nhiệm, lúc hoàn tất tốt mới được Ân Trên ban thưởng. ■

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-4 Canh Ngọ.

luận bàn về CHỮ TINH TRONG TAM BỬU

■ TRUNG ĐẠO

KHÁI NIỆM VỀ CHỮ TINH TRONG TAM BỬU: TINH – KHÍ – THẦN

Đạo học và Y học cổ truyền đều nhấn mạnh vai trò quan trọng cần yếu của Tinh – Khí – Thần như là ba báu vật của nhơn thân trong cuộc sống. Hầu như người tín đồ Cao Đài nào đã thọ pháp môn vô vi Đại Đạo đều biết đến khái niệm Tinh – Khí – Thần. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy:

Bảo tinh, dưỡng khí, tôn thần

Theo đường trung đạo thoát thân luân hồi¹

“Tam Bửu là quý nhất của con người. Thành Phật Tiên cũng do đó, mà làm ma quỷ cũng tại đó...”²

Ngày nay, ngay cả trong các trường Đại học Y khoa, ở bộ môn Y học cổ truyền, người ta vẫn dạy kiến thức về Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần cho sinh viên y khoa. Vậy nên, dù là xưa hay là nay, dù khoa học có phát triển đến mức độ nào, khái niệm Tam Bửu Tinh – Khí – Thần vẫn tự tôn giá trị của nó như một sự bất diệt, hằng định trong cuộc sống con người.

Chưa nói đến trạng thái hành pháp đạt hiệu quả, chỉ để hiểu tận tường về Tinh, Khí, Thần thì người ấy trước tiên cũng cần phải thọ pháp môn với người thầy mà mình tin

1. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo, 2011, tr.179.

2. SĐD, tr.197.

tưởng sẽ truyền dạy chánh pháp nguyên bản từ các Đấng Thánh Tổ. Có thể, mới không khỏi mơ hồ, hoang tưởng và lầm lạc, bởi lẽ, càng nâng cao mức độ luyện pháp, càng có thêm những hiện tượng biến hóa, đòi hỏi phải hiểu được cái lý của nó. Tuy nhiên, khi mới bắt đầu nhập môn luyện đạo, cần hiểu được ý nghĩa của Tam Bửu một cách căn bản, hợp lý và khoa học thì sẽ giúp cho người luyện đạo vô vi hiểu rõ được mình, hiểu rõ quy luật, cơ chế và hiệu quả của việc hành pháp môn. Có thể, mới đi được vào con đường Trung đạo như lời dạy của Đức Chí Tôn.

Không chỉ pháp môn Cao Đài, mà hầu như tất cả những môn phái khác có tu luyện đạo pháp vô vi đều lấy Tinh Khí Thần là ba thành phần cơ bản để luyện đạo. Không có sự khinh trọng giữa các thành phần trong Tam Bửu. Tuy vậy, điều kiện nhập môn thọ pháp của bất kỳ môn phái luyện đạo vô vi nào cũng bắt buộc nghiêm khắc việc gìn giữ Ngũ Giới cấm và nhất là giữ trai giới và sắc dục. Càng tu luyện ở cấp độ cao hơn, người tu đạo càng có những quy định khắt khe hơn. Trong khẩu quyết sơ thiên có câu:

Ngăn ngừa độc khí nơi trần,

Trường chay, tuyệt dục lần lần vượt lên.³

Từ đó suy ra rằng, điều kiện ban đầu của quá trình tu luyện đạo pháp hẳn phải liên quan đến ý nghĩa của chữ “Tinh” trong Tam Bửu. Tại sao người tín đồ Cao Đài bắt đầu nhập môn thọ pháp thì ít nhất phải giữ trai giới 10 ngày, hoặc phải là trường chay? Và tại sao phải là tiết chế (hạn chế) rồi dẫn đến đoạn tuyệt (cắt đứt, chấm dứt) dục? Dường như người muốn thọ pháp hoặc ngay cả người đã thọ pháp cũng mong muốn tìm hiểu lời giải đáp minh bạch. Nội dung bài viết không phải là một bài giảng về đạo pháp, mà chỉ là nêu ra một số tài liệu sưu tập những kiến thức phổ thông về đạo học và khoa học mang tính chất

tham khảo. Nếu có thiếu sót xin được lượng thứ và xin được nhận những phê bình, đóng góp. Mục đích cuối cùng vẫn là giúp tự nhìn lại chính mình (Chỉ Quán thâm tâm) nhằm thay đổi nhận thức, hành vi (tự độ) theo đúng chơn truyền của đạo pháp.

1. “TINH” TRONG Y LÝ Y HỌC CỔ TRUYỀN:

1.1 Theo Hoàng đế Nội kinh (sách Tố Vấn) trong thiên “Kim quỹ chân ngôn luận” nói: “Tinh giả, thân chi bản dã, cô tàng vu tinh giả, xuân bất ôn dịch.” (Tinh là cái gốc của thân, cho nên giữ được tinh khí thì mùa xuân không mắc bệnh ôn dịch). Nếu nguyên âm hao tổn, sức đề kháng giảm đi rất nhiều, rất dễ dàng bị tà khí xâm phạm mà sinh ra bệnh tật.”

– Trong thiên “Thượng cổ thiên chân luận” (Tố Vấn) nói: “Thận giả chủ thủy thụ ngũ tạng, lục phủ chi tinh nhi tàng chi, cố ngũ tạng thịnh lại năng tả.” (Thận chủ thủy, chịu trách nhiệm chứa giữ tinh ngũ tạng, lục phủ, cho nên ngũ tạng thịnh lại có thể tràn tinh ra).⁴

1.2 Theo bài giảng của bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Dược TPHCM: “Tinh là vật chất tinh vi nói chung, là vật chất cấu thành cơ thể và nuôi dưỡng cơ thể. Trong quá trình hoạt động sống, cơ thể không ngừng tiêu hao năng lượng, nhưng lại được không ngừng bổ sung Tinh để duy trì sự sống. Nội dung Tinh bao gồm bốn mặt: Tinh, Huyết, Tân, Dịch. Bốn thứ đó tuy cùng thuộc phạm vi, nhưng tìm về nguồn gốc, chúng có những tính chất và công năng khác nhau...”

– Tinh từ yếu tố vật chất di truyền từ cha mẹ còn được gọi là Tinh tiên thiên.

– Cơ thể con người sau khi sinh, lấy Tinh dinh dưỡng của thủy cốc (đồ ăn uống) mà nuôi dưỡng. Cơ thể ngày càng lớn lên, đó là nhờ vật chất dinh dưỡng của thức ăn, người xưa cũng gọi là Tinh, còn gọi là Tinh hậu thiên.

3. Khẩu quyết sơ thiên.

4. Giáo trình Tinh-Khí-Thần, Bộ môn Y học Cổ truyền Trường ĐHYD TPHCM.

– Tinh là vật chất cơ bản cấu thành cơ thể, lục phủ, ngũ tạng và các cơ quan. Tinh của tạng, phủ dần dần phát triển đầy đủ. Còn gọi là tinh tạng phủ.

– Công năng của Tinh: Tinh cũng có sức sống, là cơ sở vật chất cấu thành của các tổ chức cơ quan trong cơ thể, vì vậy gọi Tinh là Chân âm; mặt nữa nó còn là cơ sở vật chất của nguyên khí trong cơ thể, do đó còn gọi là Nguyên âm. Nguyên âm không những có công năng sinh dục, phát dục, trưởng thành, lại còn có khả năng chống lại các tác nhân có hại cho cơ thể, tránh bệnh tật.⁵

Tóm lại, theo y lý Y học cổ truyền: Bằng dưỡng thực cung cấp, các cơ quan tổ chức của cơ thể phát triển, trưởng thành (Tinh tạng phủ; Chân âm). Tinh của tạng, phủ dần dần phát triển đầy đủ. Ngoài ra, Tinh còn có công năng sinh dục, chức năng bảo vệ cơ thể chống lại tác nhân có hại bên ngoài (Nguyên âm).

2. TINH THEO LỜI DẠY CỦA CÁC ĐẲNG THIÊN LIÊNG VÀ GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO (ĐẠO HỌC):

2.1 Yếu điểm giáo lý Đại Đạo, tại chương 3 trình bày về phần con người có nêu: “Cơ cấu tiểu vũ trụ này bao gồm ba thể: Thể thứ nhất, hay đệ nhất xác thân, là xác thân hữu hình do vật chất tứ đại giả hiệp; Thể thứ hai, hay đệ nhị xác thân, là vía, là chơn thần, là tâm, có nguồn gốc từ Vô Cực; Thể thứ ba, hay đệ tam xác thân, là Tiểu Linh Quang, là ngươn Thần, là Tánh, có nguồn gốc từ Thái Cực (...) Thể thứ nhất mang ngươn Tinh, thể thứ hai mang ngươn Khí; thể thứ ba mang ngươn Thần. Tinh, Khí, Thần được gọi là Tam Bửu của con người.”⁶

Ý nghĩa của lời diễn giải Tam Bửu tại đây đã chỉ ra Tinh là thể vật chất cơ thể con người. Hay nói tóm gọn, Ngươn Tinh là xác thân.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo có viết: “Trong xác thân con người có bảy thể căn yếu là Chơn

Dương, Tinh, Khí, Thần, Xương, Máu, và Thịt.”⁷ Như thế, Đức Chí Tôn đã dạy cụ thể Tinh, Khí, Thần là ba thành phần trong bảy thành phần căn yếu của xác thân. Chũ xác thân ở đây có ý nghĩa là cơ thể sống của con người. Tinh ở đây có ý nghĩa sâu xa hơn, là chất tinh túy trong Tinh hay là “chất quý báu” của tinh (cơ thể).

2.2 Cũng trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo tái bản năm 2011, trang 176, Đức Chí Tôn dạy về ý nghĩa Ngươn Tinh qua hình ảnh trái nhơn sâm trong câu chuyện Tây Du. Khi Tề Thiên Đại Thánh hái trái nhơn sâm, do không biết cách hái nên khi trái nhơn sâm bị rớt xuống đất, thì chui lọt đi mất. Thầy dạy rằng trái nhơn sâm đó chính là Ngươn Tinh. Đoạn văn xuôi của lời dạy này mang tính hình tượng hóa ý nghĩa của Ngươn Tinh mà sự lý giải để hiểu rõ, cần phải dựa theo phương pháp luận của Ngũ hành tương sinh, tương khắc. Trong đó trái nhơn sâm là Ngươn Tinh thuộc hành Thủy. Khi nhơn sâm rơi xuống đất thì lặn mất, nghĩa là Tinh không giữ lại được trên đất do đất thuộc Thổ (Thổ khắc Thủy). Ý nói, nếu không biết cách thức chuyển hóa Tinh (hái nhơn sâm xuống) trong một môi trường và đúng theo quy luật thì Tinh tất sẽ bị thoát (lậu). Một lời dạy khác của Đức Chí Tôn về “Tinh” trong Đại Thừa Chơn Giáo: “*Sự ăn chay là bỏ cho tiên thiên, còn ăn mặn bổ cho hậu thiên. Các con nếu ăn mặn thì chơn thần bị khí hậu thiên làm cho như bần năng nề mà khó có thể xuất ra vùng trung giới được (...)*”⁸ Lời dạy này của Đức Chí Tôn cho ta hiểu khái niệm về Tinh trong dinh dưỡng (dưỡng thực) ảnh hưởng đến quá trình luyện đạo.

2.3 Khái niệm Tinh tiên thiên và Tinh hậu thiên của Y học cổ truyền và khái niệm tiên thiên, hậu thiên của Đạo học ở đây có sự khác nhau. Đức Chí Tôn có dạy về tiên thiên và hậu thiên cơ ngẫ trong Đại Thừa Chơn Giáo: “*Cơ là*

5. Ibid.

6. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2008, tr.155.

7. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo, 2011, tr.197.

8. Ibid.

chiếc hay lẻ, còn Ngẫu là đôi hay cặp. Đối với vũ trụ thì cơ là tiên thiên, thuộc dương, còn ngẫu là hậu thiên, thuộc âm. Vậy thì Thái Cực là cơ, Âm Dương là ngẫu. Còn đối với người thì phần hồn là cơ, phần xác là ngẫu...”⁹ “Tiên thiên cơ ngẫu thuộc về trạng thái vô vi, còn hậu thiên cơ ngẫu thuộc về cụ thể hữu hình (vật chất)...”¹⁰

Tóm lại, theo quan điểm Đạo học từ lời dạy của Đức Chí Tôn và giáo lý Đại Đạo, Tinh biểu thị cho sức sống (sức khỏe, tinh lực) của hoạt động sinh học cơ thể và là chất liệu, nguyên liệu thiết yếu quan trọng để tồn tại và hoạt động duy trì sự sống khỏe mạnh. Trong những dạng vật chất cơ thể, thì “tinh sinh dục” và “tinh dinh dưỡng” có ý nghĩa quan trọng trong việc luyện đạo, do những “tinh” này ảnh hưởng đến thần khí của cơ thể và đến tâm linh (phần hồn). Đối với tinh từ dưỡng thực động vật, sau khi cơ thể chuyển hóa sẽ có những tác động không có lợi về thể chất lẫn tinh thần.

3. CÁI NHÌN KHÁCH QUAN DỰA TRÊN QUAN ĐIỂM Y HỌC HIỆN ĐẠI:

– Những khái niệm về Tinh với mỗi ý nghĩa khác nhau đã làm cho sự khái quát hóa chung nhất ý nghĩa của Tinh trong Tam Bửu là khó thực hiện và dễ làm cho nhầm lẫn. Trong thuật ngữ y học hiện đại không hề có khái niệm “Tinh,” mà chỉ có những khái niệm cụ thể mang ý nghĩa là tập hợp con của chữ Tinh, do đó nếu dịch chữ Tinh sang Anh ngữ thì sẽ có rất nhiều từ đều diễn đạt chữ Tinh mà chưa có từ nào thể hiện ý nghĩa trọn vẹn. Ví dụ như Original essence (tinh hoa căn nguyên); Nutritive substance (chất dinh dưỡng); body cell (tế bào cơ thể), endogen (chất nội sinh), hormone (nội tiết tố), energy (năng lượng)... Do đó, khái niệm Tinh hoặc cả Tam Bửu ở con người không dễ dàng khi chuyển ngữ hoặc tìm những khái niệm tương đồng trong thuật ngữ y học hiện đại! (Trong một số

bản dịch, chúng tôi thấy các tác giả người Mỹ sử dụng từ “Jing” để chỉ từ ngữ “Tinh;” “Chi” là “Khí” và “Shen” là “Thần.”¹¹

Dù rằng, những khái niệm của Y học cổ truyền và Đạo học đã giải thích khá rõ những ý nghĩa của Tinh trong Tam Bửu. Tuy nhiên để thỏa mãn những câu hỏi liên quan đến sinh lý học cơ thể theo quan điểm y học hiện đại thì sẽ còn rất nhiều thắc mắc và đòi hỏi phải có chứng cứ minh bạch. Ví dụ:

– Khái niệm Tinh có ý nghĩa quá rộng, dường như là toàn bộ vật chất cấu thành của cơ thể, như vậy dễ nhầm lẫn với các khái niệm như huyết, dịch nội tiết, ngoại tiết...

– Vai trò của hệ thần kinh trung ương và các tuyến nội tiết rất quan trọng đối với hoạt động của cơ thể với các chất dẫn truyền thần kinh; các nội tiết tố nhất là nội tiết tố sinh dục liên quan đến việc luyện đạo. Mặt khác, vai trò của oxygen, các ion Na⁺, K⁺, Ca⁺⁺, Mg⁺⁺; nước, Vitamine, men... và rất nhiều chất khác trong cơ thể có thuộc về khái niệm Tinh hay không? Khi liên quan đến hệ Thần kinh trung ương là liên quan đến khái niệm Thần (tâm thức) và như thế có sự nhòa lẫn khái niệm Tinh, Khí và Thần.

– Việc làm rõ ý nghĩa lời dạy của Đức Chí Tôn: “*Sự ăn chay là bỏ cho tiên thiên, còn ăn mặn bỏ cho hậu thiên...*”¹² dù là một lời dạy ngắn ngủi, nhưng là một công trình nghiên cứu thật khó khăn, phức tạp, một khi khoa học chưa thể hiểu được khái niệm tiên thiên.

– Mọi dưỡng thực được hấp thụ vào cơ thể đều qua quá trình chuyển hóa (dị hóa, đồng hóa) của cơ thể cung cấp năng lượng và tổng hợp nên tế bào đặc trưng riêng và một số chất cần yếu cho cơ thể. Ngoài một số chất thiết yếu mang ý nghĩa hỗ trợ sự tổng hợp tế bào, dưỡng thực sau khi vào cơ thể qua sự chuyển hóa, chỉ có thể tồn tại dưới dạng năng lượng; nhiệt lượng sinh ra và

9. Sđd, tr.138.

10. Sđd, tr.142.

11. Janet Hopskins, A New Vietnamese Religion's Struggle for Identity.

12. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo, 2011, tr.197.

các chất thải không sử dụng. Do đó, Tinh trong Tam Bửu ở con người không thể là dưỡng thực. Tuy nhiên, Tinh từ dưỡng thực từ các nguồn cung cấp khác nhau sẽ ảnh hưởng đến tinh, khí, thần ở con người.

KẾT LUẬN

Dù có thể cần thêm những lý giải khoa học, nhưng bằng phương pháp tổng hợp các khái niệm Đạo học; Y học cổ truyền đã có từ nghìn xưa, chúng ta thấy Tinh trong Tam Bửu, Tinh – Khí – Thần có những đặc điểm mang ý nghĩa thực tế như sau:

+ Tinh là một hoặc kết hợp của nhiều hợp chất của cơ thể được chính cơ thể tạo ra và có ý nghĩa cần yếu đối với sức khỏe con người. Tinh biểu thị cho một sức sống khỏe mạnh.

+ Tinh là cơ sở vật chất để con người có thể luyện đạo vô vi (Chơn âm hoặc nguyên âm). Cơ sở vật chất để tu luyện đạo vô vi này không phải là tinh biểu thị một cách chung chung của sức khỏe, mà nó phải là một vật chất tinh hoa. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy vật chất tinh hoa ấy chính là tế bào sinh dục ở nam (không đề cập đến nữ phái). Và việc luyện đạo là theo một cơ chế nghịch hành với lẽ phàm “người là tạo hóa trong tạo hóa tiên thiên.”

Đức Chí Tôn dạy: *“Hễ ngưng tinh tẩu lậu ra ngoài gặp Âm tinh ngưng kết lại thì thành hình. Đây đủ ngày giờ thì sản xuất, ấy là phàm thai. Còn ngưng tinh con người biết tu luyện mà vận hành nghịch chuyển trở lên hiệp cùng thần, khí thì cấu kết thành Thánh thai. Vận phàm, Thánh*

*khác xa mà chỉ có một chút đó thôi.”*¹³ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: *“Tinh không hóa khí thì tinh lậu, khí tiết, thần hôn hôn mê, mạng căn suy hoại. Tinh đã tiết lậu thì tình động, dục hiện tiền, mà còn nối kéo mãi trong ba nẻo sáu đường, vô lượng kiếp trải qua, biết bao giờ dừng nghỉ. Nên phương pháp tu đơn để giữ mạng sống con người không chi hơn là ngăn tình, chế dục, đoạn niệm để tinh không lậu, khí không hao thì thần được sáng, tánh mạng bền chặt, hưởng phúc trường sanh.”*¹⁴

Dẫu có bất kỳ lý lẽ gì để biện luận, Tinh–Khí–Thần trong tu luyện đạo vô vi không phải chỉ ở phần chúng cơ của sinh học hữu hình, mặc dù khái niệm về “hữu hình” của chữ Tinh là “trường chay, tuyệt dục;” là nền tảng của Tinh trong việc tu luyện đạo pháp để đạt được kết quả về phần hồn lẫn phần xác của con người. Nguyên tắc bất biến ấy có thể rất khó lý giải với ý nghĩa “vô vi” của chữ Tinh! Chữ Tinh trong Tam Bửu ở người vừa có ý nghĩa sinh học hữu hình, vừa có ý nghĩa vô vi trong mối quan hệ với Thần và Khí. Người tu đạo chỉ bằng ứng dụng thực hành mới có thể tự nhận thấy sự chuyển hóa và biến hóa vô vi giữa Tinh và Tánh–Mạng. Dù là Thần–Khí hay Tánh–Mạng cũng chỉ là bước trung gian của hành trình trở về điểm đích vũ trụ của con người trong sự giác ngộ. Ấy vậy mà con tàu thần khí ấy, tánh mạng ấy lại rất cần dựa vào nguồn nhiên liệu duy nhất là “Tinh!” Ai bảo Tinh – Khí – Thần không phải là hiệp một?■

13. Sđd. tr.143.

14. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chí Nam, tiết 4, mục 1, tr.230.



Kinh Đại Bát Niết Bàn: “Người có lòng tin mà không hiểu giáo lý thì dễ tăng trưởng vô minh mờ ám, người hiểu giáo lý mà không lòng tin thì dễ tăng trưởng tà kiến. Cho nên lòng tin và hiểu biết phải cùng đủ mới làm cội gốc tu hành.” Chúng ta tu học đều biết tu là sửa những gì đã trật, sửa đổi cho được tốt hơn, là dừng lại, là chuyển hóa tri thức sai lầm về thực tại. Vì tri thức sai lầm, chúng ta phát sinh tham, sân, si rồi hành động tạo nghiệp, gây khổ đau cho chính mình và người xung quanh. Có chánh kiến chúng ta sẽ thay đổi thái độ với vạn vật, nhờ đó thế giới trở nên an lành, vui tươi, hạnh phúc hơn. Như thế, vấn đề chính yếu của tu là thấu hiểu và “quyết tâm” sửa đổi. Quyết tâm ứng dụng những điều các Đấng Phật, Tiên đã dạy vào đời sống hằng ngày của mình. Biết đem điều đạo lý vào sự sống của mình thì khỏi cần thạch động với non vu, đều có khả năng tiến hóa và tìm thấy Niết bàn tại thế.

Kinh Đại Bát Niết Bàn: “Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai.”

Phật tức tâm, tâm tức Phật. Chỉ cần chúng ta cố gắng chuyển hóa Tham Sân Si, gạt bỏ Chấp và Ngã. “Tham” là tham lam. Ham muốn thái quá.

Lòng tham dục muốn chiếm đoạt danh, lợi, quyền làm của riêng của mình thúc đẩy con người luôn tạo nghiệp ác, gây khổ cho mình và cho người khác. Không được như ý, con người sẽ sân, tức thù hận, oán ghét. “Sân” cũng bao gồm trạng thái như hờn mát, bất mãn, ác cảm, buồn phiền ngấm ngấm trong lòng. Chúng ta bị quá nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thắng nổi lòng sân. Điều khó nhất là diệt trừ phần nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phần nộ sẽ không bộc phát.

“Si” là u mê, tăm tối, chạy theo vạn vật hào huyền, là vô minh, không nhận ra chân tướng, bản chất chân thật của vạn vật.

Chấp là vướng mắc vào những cảm thọ, như khen chê, được mất, hơn thua.

Ngã là mình, những gì thuộc về mình, cái Ta vị kỷ, kiêu mạn.

DIỆT TRỪ TAM ĐỘC THAM SÂN SI:

Muốn diệt trừ tam độc Tham Sân Si, thì phải tu Thân Khẩu Ý cho thanh tịnh, trong sạch. Nhưng tiêu diệt ba con rắn độc này là cả một



Ứng dụng lời ĐỨC PHẬT DẠY vào cuộc sống hằng ngày

■ XUÂN MAI

cuộc chiến gay go với nội tâm, mà chính Phật cũng phải nhìn nhận “Thắng một vạn quân dễ hơn chiến thắng chính mình.” Con người phàm phu thì vô minh, nếu giữ thân không làm điều ác, miệng không nói lời ác thì khả dĩ tôi cố gắng làm được, nhưng giữ tâm ý thanh tịnh, không giận hờn, buồn phiền, bất mãn, tôi vốn thấy khó quá. Nhiều lúc nhẩn nhai hoài, tôi lại tự hỏi: Tu sao thiệt thòi, chịu đựng nhiều quá vậy?

Ví dụ khi đi đường, ai đó va quẹt xe bạn không lời xin lỗi. Bạn bất mãn, nổi sân giận lên, chỉ cần có ánh mắt bực bội với người ta, nhưng không may cho bạn là bạn gặp phải tên côn đồ, lòng sân hận của nó còn ghê gớm hơn bạn, nó rút dao đâm bạn 1 nhát chết liền. Sân giận hại người ít, hại mình nhiều hơn.

Sau nhiều năm kiên trì học tập giáo lý, tu tập, thực hành pháp môn, dần dần tôi ý thức rằng người tu phải biết nhẫn nhục, không ăn miếng trả miếng, vui vẻ chấp nhận sự thiệt thòi về phần mình, an lòng trả nghiệp cũ đã vay, lấy nghịch cảnh làm thắng duyên để đo lường sự tu tiến của mình.

GẠT BỎ CHẤP NGÃ:

Hiểu rõ vạn vật— kể cả con người— đồng nhất ở bản thể Linh Quang, khi chúng ta dẹp được cái Tôi vị kỷ, cõi lòng rộng mở, ranh giới giữa ta và người sẽ tan biến. Từ đó lòng Từ Bi Hỷ Xả sẽ triển nở, con người sẽ sống trong an lạc tự tại. Chỉ một chữ “Xả” thôi, nếu thực hiện được là chúng ta cũng đến gần Niết bàn rồi. Bởi khi trong tay ta nắm chặt một vật gì mà không buông xuống, thì ta chỉ có mỗi thứ này, nếu ta chịu buông xuống, thì ta mới có cơ hội chọn lựa những thứ khác. Nếu một người luôn khư khư với quan niệm của mình, không chịu buông xuống thì trí huệ chỉ có thể đạt đến ở một mức độ nào đó mà thôi, làm sao sáng suốt để tự độ, nói chi là độ tha.

Suy nghiệm lời dạy của Đức Phật, khi chúng ta thấy bất cứ điều gì, đừng có dính mắc vào. Người dính mắc vào một điều gì đó dễ tạo ra tri giác sai lầm bởi không thể buông bỏ được

điều mà mình đang dính vào. Một lời nói cay nghiệt của một người ác ý hay một câu vô tình của bạn, tuy dè nén, kiềm chế để không buông lời tổn đức được ngay lúc ấy, nhưng lúc về đến nhà rồi cứ bị đau khổ, tức bực bởi cảm thấy bị xúc phạm. Thì ra, lời cay nghiệt đã bay đi đâu mất còn mình lại dính mắc mãi vào sân hận, hết ngày này sang ngày khác không thể quên được. Có thể nói người này mù quáng khi đang lâm vào cảnh mê hồn trận của điều đang dính mắc. Do thói quen cứ chấp hết điều này đến điều nọ nên con người cứ mãi dính mắc. Thế nên, không dính mắc là điều quan trọng nhất để chúng ta có thể sống tích cực với mọi người, mà không bị đau khổ bởi xích xiềng dính mắc.

Một bạn đồng nghiệp của tôi rất mộ đạo Phật và nhiều năm gắng làm công quả cũng như trì kinh niệm Phật, nhưng không thể quên hận thù với một người đã có ý kiến làm mình không được đề bạt thăng chức. Một người nếu tự đáy lòng không thể tha thứ cho kẻ khác, thì lòng họ sẽ không bao giờ được thanh thản. Nếu con người bớt xem những chuyện đơn thuần thành nghiêm trọng thì sẽ bớt khổ đau. Thế giới vốn dĩ không thuộc về ta, vì thế ta không cần vứt bỏ, cái cần vứt bỏ chính là những tánh cố chấp. Vạn vật đều cung ứng cho ta, nhưng không thuộc về ta. Phải chi người khác hiểu được điều này thì cuộc sống của bạn sẽ đỡ đau khổ hơn bởi không đạt được tham vọng của mình.

Bao nhiêu kiếp mãi mê trôi lăn trong luân hồi sanh tử, chúng tử hung dữ, sân si đã sống khỏe mạnh trong chúng ta từ bao lâu nay. Nếu chúng ta cứ thả trôi theo giòng tầm tối thì tối mãi, còn biết xoay ngược lại tìm về ánh sáng thì sẽ được sáng. Nay biết tu tập, với thời gian, ta sẽ cố gắng nhổ tận gốc các chủng tử xấu đi, rồi những “chủng tử tốt” sẽ được ta tưới tắm. Như thế, tu là chỉ cần biết xoay đầu lại quay vào trong. Nhìn ra ngoài là bến mê, xoay đầu lại là bờ giác. Mê và giác chỉ có một cái xoay đầu.

Lời dạy của Đức Di Lạc Thiên Tôn khi xưa:

“Phật đã nói: Ta cùng chúng sinh có khác chi, cũng xương, cũng thịt, cũng con người sinh trên

thế gian, chỉ khác nhau, Ta là Phật, mà chúng sinh là chúng sinh ở hai bến giác và mê đó thôi.”¹

Những giây phút tĩnh tâm yên lặng, suy nghĩ sâu sắc sẽ cho ta thấy bản chất chân thật của mọi việc.

Thiền định là huấn luyện tâm thức:

Cho nên trong vấn đề tu tập, thiền định là huấn luyện tâm thức và làm cho nó thích nghi và hữu dụng trong đời sống thường nhật.

Hoạt động của Tâm thức được đánh giá theo ba lĩnh vực: Giới, Định, Huệ. Trong đó Định thuộc về phương diện kỹ thuật tôi luyện tâm cho thanh tịnh nhằm đạt đến Huệ, và Trí huệ là cứu cánh, cho nên Định là phương tiện bậc nhất để đạt đến Trí huệ. Đối tượng của Tâm thức là sáu cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Còn Trí Huệ là một tâm sở hoạt động khắp cả sáu thức nhưng vẫn là một hoạt động rất đặc biệt của Tâm thức. Trong sáu thức thì Ý thức thể hiện rõ tính chất của Huệ hơn hết. Tính chất ấy chính là khả năng phân biệt và biết suy luận như ý thức. Năm thức đầu thuộc mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nên không có khả năng phân biệt và suy luận như ý thức, mà chỉ nhận biết các cảnh theo cảm quan. Do vậy dễ dàng thấy, Huệ chính là một năng lực nhận biết của toàn thể Tâm thức, tức cả sáu thức, tương ứng với chân lý của toàn thể sự vật.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca trong một lần giảng đàn có dạy về Định như sau:

“(...) Nay chư hiền, lắng nghe Bản Đạo như khuyên về định, tịnh.

Kìa ngọn bạch lạp lung lay, không phải gió mà chính tâm chư hiền xao xuyến. Gió không thể làm cho lửa lung lay. Nguyên thủy của lửa là nóng và sáng mà thôi. Còn lung lay là tâm chư hiền chưa định, mọi vật vẫn xao xuyến luôn luôn.

Khi nào nhập định thì tất cả thế sự bên ngoài đều thông suốt. Nhìn bạch lạp không thấy là bạch lạp, chỉ là một chất biến thể dùng để đốt sáng. Nhưng đốt sáng không phải là đèn sáng, lửa sáng

nhưng không phải lửa sáng, chính là yến sáng. Cũng chưa bằng tâm sáng. Tâm sáng tất huệ, nhìn đâu cũng sáng. Đó là tâm pháp nhiệm mầu.”²

Hành thiền là để làm tăng cường tâm thức và có thể kiểm soát niềm cảm xúc của con người khi bị những cảm giác và những điều suy nghĩ tiêu cực làm ô nhiễm tâm thức, như tham, sân, si, ngã mạn, và ích kỷ.

Thiền thực sự có thể hướng dẫn và giúp ích cho chúng ta hiểu biết về bản chất tạm bợ của các pháp thế gian. Thiền có thể giúp ta phát huy sức mạnh để khắc phục lại tính yếu hèn của sân hận, tức bực và oán thù để trở thành một con người điềm tĩnh và thanh tịnh. Mục đích tối cao của thiền định là giải thoát sanh tử luân hồi, tức là một phương cách đưa con người đến giải thoát.

Thiền có nghĩa là chúng ta phải theo dõi tâm. Hãy theo dõi tâm để thoát khỏi sự dính mắc của trần cảnh. Chúng ta mất nhiều thời gian cho tầm thân tứ đại của chúng ta: ăn uống, làm đẹp và thư giãn, sao chúng ta không dành nhiều thời gian để chăm sóc, theo dõi tâm của mình như thời gian dành chăm sóc cho tầm thân huyền ngã đó?

LỜI KẾT

Nhờ hành thiền chúng ta có thể học được phương pháp thư giãn thân và làm cho tâm thanh tịnh, gìn giữ tâm hồn an vui tự tại.

Khi tâm ta không còn bị tham sân si điều khiển, khi tâm ta không còn vướng mắc với những cảm thọ chấp, ngã, chúng ta sẽ đạt đến Niết bàn tại thế. Đó là một trạng thái an lạc tối thượng, thanh tịnh, tự tại, giải thoát ở kiếp này. Điều cần yếu nhất là phải áp dụng thực hành trong đời sống hàng ngày một cách bền bỉ, liên tục vì tình cảm đối với cái ngã từ vô lượng kiếp đã ăn sâu trong tâm khảm tiềm thức của ta, không dễ dàng gột rửa ngay được. Nếu chúng ta không quán sát và cảnh giác trong thời gian lâu dài, cái ngã chìm chìm lặng lặng kia nổi lên lúc nào không hay biết. ■

1. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 02-01 Canh Tuất (07-02-1970).

2. Long Vân Đại Pháp, 15-4 Nhâm Dần (18-5-1962).



THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CĐGL 123)

■ ĐẠT TƯỜNG

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN

2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ

3. PHƯƠNG TIỆN

4. NGHI THỨC LẬP ĐÀN

5. DIỄN TIẾN MỘT BUỔI LẬP ĐÀN CƠ

6. HÌNH THỨC LẬP ĐÀN

A. SONG ĐỒNG ÂM DƯƠNG

B. ĐỘC ĐỒNG

C. SỐ LƯỢNG BAN CƠ

▪ Một Ban Cơ:

▪ Hai hoặc nhiều Ban Cơ:

Do nội dung giảng đàn phong phú và để tiết kiệm thời gian, Ôn Trên có thể dạy lập cùng một lúc hai hoặc ba bốn ban cơ hay nhiều hơn nữa. Vì thế mỗi Bộ phận Thông Công đều được Ôn Trên dạy phải chuẩn bị sẵn số Đại Ngọc Cơ tương ứng với số Đồng Tử đang có:

“Bản Đạo vội vã đến đây... có vài điều sắp xếp cho chư hiền trước hầu để dàng trên bước đường thi hành phận sự trong các đàn xuân. Vậy hiền đệ Huỳnh Chơn hãy chuẩn bị sẵn hai Ngọc Cơ để khi tiện dụng nơi nào thì Thiêng Liêng sẽ cho biết trước hầu thấu ngăn ngày giờ để các hiền đệ, hiền

muội trở về sớm hầu dưỡng sức cho đàn kế tiếp, hiền đệ hiểu à?”¹

• Hai Ban Cơ

Vị trí ngồi của 2 Đồng tử:

Trường hợp hai ban cơ Độc Đồng thì vị thế ngồi của Đồng tử tùy theo sự sắp đặt của Thiêng Liêng.

+ Có trường hợp 2 “Đồng tử ngồi song song đối diện với Thiên bàn.”

+ Có trường hợp 2 Đồng tử, Ban trước Ban sau cùng đối diện với Thiên bàn.

+ Có trường hợp 2 Đồng tử “hai Ngọc Cơ đối diện tả hữu.”

Thí dụ: Để thuận tiện trong việc tổ chức lập đàn có hai ban cơ, Ôn Trên dạy trước để có sự chuẩn bị chu đáo:

“Ngày mai, đàn Ngọc tại Thánh thất Bàu Sen, hiền đệ Huỳnh Chơn hãy liên lạc trước với hiền đệ Trử sở tại để thiết lập hai bàn cơ giữa chánh điện, hai cạnh bàn cách nhau chín tấc.

Đồng tử ngồi song song đối diện với Thiên

1. Đức Đông Phương, Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

bàn. Ngọc Liên Hoa thủ cơ hữu ban, từ trong chánh điện nhìn ra, Bạch Tuyết Độc giả cho ban này. Còn phía bên tả thì Hoàng Mai thủ cơ, Huệ Chơn Độc giả. Phần Điển ký thì các tư kỳ phận, nhứt nhứt thi hành. Pháp Đàn quỳ chính giữa của hai bàn cơ, cách xa năm tấc về phía hậu, còn Chúng Đàn thì không thay đổi.”²

Một trường hợp khác:

“VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU chào chư Thiên mạng, Thiên sắc lưỡng đài, Chị mừng các em nam nữ. Chị vâng lệnh Đức Từ Mẫu đến cùng các em để sắp xếp nghi tiết ban cơ vì chương trình hành lễ còn dài, các em cần phải có thì giờ ngơi nghỉ sớm để tiếp tục những phần vụ ở ngày mai, do đó Đức Mẫu Từ đặc ân truyền lệnh cho nhị hiền đệ Chuông Nghiêm Pháp Quân lo đặt nghi thức hai ban cơ như sau:

BAN THỨ NHỨT: Phía trong chánh điện như hiện tại, Đồng tử Hoàng Mai, Độc giả Huệ Chơn, Pháp đàn Bảo Pháp Chơn Quân luôn cho hai ban cơ, Điển ký Ngọc Kiều, Hồng Cẩm, Tứ bửu Diệu Lý, Diệu Chơn Quang.

BAN CƠ THỨ HAI: Đặt ngay chính giữa chánh điện, Đồng tử Kim Quang thủ cơ mặt hướng vào chánh điện, Độc giả Bạch Tuyết, Điển ký Huệ Tánh và thơ ký Nữ Chung Hòa Tòa Thánh Hậu Giang Phan Thoại Ánh, hộ điển cho Đồng tử nhị Bảo Pháp Thanh Quang và Hiến Thế Thiên Ân Minh Đạo, Tứ bửu Diệu Hạnh và Chánh Hội Trưởng nữ phái Thánh thất Tân Định.

Như vậy thì các em cần hầu đàn có thể quỳ mặt hướng vào chánh điện và cũng chia thành hai chặng theo vị trí của ban cơ. Thôi Chị tạm giả từ các em để tiết kiệm thì giờ, Chị xin chào tất cả. Lui điển. Thăng.”³

Trường hợp thứ ba, xin xem tiếp trong phần thí dụ cả 2 Độc Đồng cùng xuất khẩu.

• Hình thức giảng cơ khi có hai ban cơ

+ Hai ban cơ Độc Đồng cùng một lúc chỉ do

một Đấng Thiêng Liêng giảng đàn viết bóng, hai Độc giả đọc.

Thí dụ: Như cả hai trường hợp nêu trên đàn tại Thánh thất Bàu Sen (Đức Lý Giáo Tông giảng) và Thánh thất Tân Định (Đức Mẹ giảng).

“(2) (HOÀNG MAI) – THANH MINH ĐỒNG TỬ Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị lưỡng ban. Tiểu Thánh báo đàn, có Đức Giáo Tông lai cơ. Vậy Tiểu Thánh chúc mừng toàn Đạo sang năm mới được gọi nhuần hồng ân vô lộ, đạo đức mẫn tuệ, công quả gia tăng.

(1) (NGỌC LIÊN HOA)

THI

Mượn bút Xuân mà chúc lẫn nhau,
Trong cơn chiến họa lẫn phong trào,
Hỡi ai cố gắng lo tu niệm,
Để khỏi trầm luân mới được nào.

Chư liệt vị nghiêm đàn, Tiểu Thánh chào chung tất cả.

(2) (HOÀNG MAI) Tiểu Thánh xuất ngoại ứng hầu.

TIẾP ĐIỂN

Bần Đạo chào chư Thiên Mạng, chào lưỡng ban đấng đấng.

THI

Lý đào đưa nở tiếp Xuân sang,
Thái quá xem ra cuộc hý tràng,
Bạch tự gẫm chưa người đọc được,
Giảng trần vui với khách trần gian.
Bần Đạo miễn lễ đàn trung an tọa...⁴

+ Hai ban cơ Độc Đồng cùng một lúc chỉ do 1 Đấng Thiêng Liêng giảng đàn, 2 Đồng tử cùng xuất khẩu:

– Thí dụ 1: tại Huồn Cung Đàn, Đức Lý Giáo Tông sắc lệnh:

“Đàn Ngọ mai nơi Bát Bửu sẽ dâng cơ đúng thời Ngọ, Ngọc Cúc cùng Huệ Thanh thủ cơ, có hai ngọc cơ đối diện tả hữu khai khẩu truyền, hiểu chăng?”⁵

Hôm sau trong lễ an vị tại Bát Bửu Phật Đài,

2. Đức Lý Giáo Tông, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

3. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Thánh thất Tân Định, 14-8 Kỷ Dậu (25-9-1969).

4. Thánh thất Bàu Sen, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

5. Đức Lý Giáo Tông, Huồn Cung Đàn, 15-7 Tân Sửu (24-8-1961).

Đức Thích Ca giảng đàn. Diễn tiến đàn cơ hôm đó, hai Đồng tử xuất khẩu như sau:

“(HUYỆ THANH - ĐỒNG TỬ NAM) Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn Như Lai, mừng chư Thiên sắc, chư Thiện tín. Giờ nay, Bốn Sư giảng thế chứng lòng thành tu niệm của chư chúng sanh cùng ban ơn phước cho toàn thể chư thiện tín được vững tâm tu hành. Vậy Bốn Sư miễn lễ, chư Thiên sắc cùng Phật tử an tịnh nghe:

(NGỌC CÚC - ĐỒNG TỬ NỮ)

BÀI

Năm Tàn Sứ Trung nguơn xá tội,
Lễ Phật đài hiệp hội chúng sanh,
Giữa thời hỗn loạn chiến tranh,
Khen cho kiên cố lập thành đài môn.
(H.T) Ngọn thu phong trập trùng cỏ nội,
Bóng Phật đài chói rọi mây ngàn,
Thanh thanh giữa cảnh đồng hoang,
Bồ đề uyển chuyển, phướn vàng phát phơ.
(N.C) Công khó nhọc từ giờ xây đắp,
Nỗi gian lao thời khắc liệu lo,
Nắng sương không quản thân trò,
Phăng phăng vó ngựa, bo bo phận mình.
(H.T) Lòng khẩn nguyện in hình Bồ Tát,
Dạ đình ninh để tạc Như Lai,
Xây thành ấn tượng Phật đài,
Chư tăng hội diện là ngày thành công.
(N.C) Cảnh kiến trúc Hội Đồng Tam Giáo,
Nét điểm tô xây tạo Lão Quân,
Nhứt kỳ phổ độ như dân,
Nghìn thu ghi lại tinh thần Phật môn.
(H.T) Lễ An vị Thế Tôn ngự bút,
Chúng lòng thành để chút văn thơ,
Cuộc đời như một ván cờ,
Được thua chẳng biết (N.C) tình mơ chẳng tưởng.
Bốn Sư mừng bát phương đệ tử,
Ma Ha ban ân tứ môn đồ,
Tâm thành hiệp lý hư vô,
Cứu dân độ thế diễn pho Đạo vàng.
(H.T) Đây Bốn Sư luận sang cơ Đạo,
Cho môn đồ thấu đáo nguồn cơn,
Hiểu rằng hai nẻo giả, chơn,
Không còn chia rẽ thua hơn đạo đời.

(N.C) Hỡi chư tăng nào nơi Tây Tạng,
(H.T) Đây môn đồ đầu bảng Lô Âm,
(N.C) Không dây ai gảy tiếng cầm,
Địch này không lỗ phù trâm ai rao?
(H.T) Phật đầu ở đài cao non thắm,
Người muốn tìm tâm lặng trí minh,
Dầu thông vạn quyển thiên kinh,
Cũng do một quả tâm linh đắc thành.
(N.C) Tâm tư đục đấu tranh hỗn loạn,
Tâm lợi danh mù quáng lương tri,
Tâm tật đố, tâm sân si,
Biết mình mà chẳng quản chi đến người.
(H.T) Tâm háo thắng quên đời hiểm họa,
Tâm vọng cao quên cả xác phàm,
Tâm sát hại, tâm tham lam,
Khinh khi quả báo vương mang luật hình.
(N.C) Tâm chủ trương thất tình lục dục,
Tâm sao không bình phục linh quang,
Chợ đời chen lấn nhộn nhàng,
Lỡ danh đạo đức, lỡ làng nghĩa nhân.
(H.T) Tâm bác ái chẳng mang nghiệp chướng,
Tâm từ bi không vương oan khiên,
Tâm không ham lợi danh quyền,
Thì hơn tránh khỏi lụy phiền chi chi.
(N.C) Tâm quảng chúng còn gì nhưn ngã,
Tâm đại đồng bạn cả thế gian,
Tâm người ẩn chiếu y vàng,
Phải chăng linh chuỗi hai hàng nhục tâm.
(H.T) Nhớ khi xưa Ta tầm Đại Đạo,
Thoát luân hồi chánh giáo hoàng khai,
Cũng do một quả tâm này,
Sóng yên gió lặng mới xây Liên Tòa.
(N.C) Đường hành đạo kể ra có một,
Cửa Lô âm then chốt không hai,
Vì tâm tự đắc cao tài,
Bàng môn tả đạo vẽ bày pháp môn.
Hỡi chúng sanh sống còn nơi thế,
Đây môn đồ chớ trễ công tu,
(H.T) Muốn vào tịch diệt hư vô,
(N.C) Cứu dân (H.T) học lấy Phong Đô tâm tìm.
(N.C) Minh châu hiện nhờ im sóng nước,
Bạch tự thông nhờ trước hóa thanh,
Niết Bàn muốn sớm lần lên,

(H.T) Kim chuyên Tam giáo đắp lên tâm vàng.
(N.C) Trống Đại Hùng điểm sang năm tiếng,
Chuông Linh Sơn rung chuyển hồi ba,
Thuyền từ rước khách ái hà,
Hồ sen bát đức xây tòa Phật Tiên.⁶
Một thí dụ khác, đàn Giáng Sinh năm 1962.

“HÔI GIÁC CHƠN TIÊN (...)

THI

Xả đàn tái lập rõ cơ huyền,
NGỌC CỤC, HUỆ THANH xuất khẩu truyền,
Phận sự HUỲNH CHƠN lo trọn vẹn,
Pháp đàn chỉnh lập ý khuôn viên.

HẢI THẦN, KIẾN MINH chứng đàn. Khi xả đàn tái lập ngay. Chơn Tiên chào chung chư Thiên ân Thánh sắc lưỡng phái, Chơn Tiên hồi cung. Thăng.

TÁI CẦU

THI

(N.C) THƯỢNG trí nên mưu cuộc thái bình,
TRUNG hòa giáo lý độ nhơn sinh,
NHỰT chiêu nguyệt láng phùng tao khách,
GIÁNG bút mừng chung hết đệ huynh.

(H.T) Bản Đạo chào chư hiền đệ muội nam nữ lưỡng đài. Bản Đạo miễn lễ, an tọa.

Hôm nay là lễ kỷ niệm Giáng Sinh của Thánh Chúa cứu đời, các em thành tâm tưởng nhớ, dâng lễ tâm thành đồng dịp ngày kỷ niệm Tiễn Bối Lưỡng Đài, Bản Đạo thay mặt toàn cả chơn linh giáng đàn tạ ơn các đệ muội và Bản Đạo mong sao chư hiền đệ muội sẽ đặt mình vào trách vụ cũng như Đức Thánh cứu thế ngày xưa, để tạo cho thế gian một tòa lâu đài hạnh phúc mà muôn đời vẫn còn nhớ ghi.

BÀI

(N.C) Lễ Giáng Sinh (H.T) Gia Tô Giáo Chủ,
(N.C) Áng trầm hương vẫn vũ không trung,
Nương cơ huynh đệ tao phùng,
Gặp nhau rồi để tỏ lòng xưa sao.(...)

(H.T) Giờ nay, Bản Đạo giáng trong đôi phút để gọi tình huynh đệ thông cảm nhau trên bước đường hành đạo, cùng tỏ lòng tạ ơn chư đệ muội.

Giờ có Giáo Chủ lâm đàn, Anh nhường bút chào chung các em. Thăng.

TIẾP ĐIỂN

THI

(N.C) GIA nghiệp sao bằng tạo đức nhân,
TÔ bồi công quả tránh dai cân,
GIÁO dân vi thiện đời an tịnh,
CHỦ nghĩa rộng thương đạo ấy cần.
(H.T) GIÁNG (N.C) chứng lòng thành môn đệ tưởng,
BÚT để ghi dấu chúng sanh dân,
HUỒN nguyên như nhứt trong hình thức,
CUNG điện cao sang nhọc xác thân.

(N.C) Ta mừng các môn đồ đấng đấng, miễn lễ an tọa, nghe qua lời Ta nhắn nhủ. (...)

Nhận xét: Hai ban cơ riêng biệt nên có thể Đồng tử một là nam và một là nữ. (Còn Song Đồng âm dương thì bắt buộc phải là một cặp Đồng tử cùng phái).

– Thí dụ 2: Hai ban cơ đều là nữ Đồng tử.

“Lễ Trung Thu năm này... Bản Sĩ chấp nhận chương trình trên nguyên tắc về đàn cơ cũng như chương trình. Khi thiết lập đàn cơ, cần để hai bàn cơ đối diện.”⁷

Nửa tháng sau, đàn cơ được lập tại Thánh thất Bình Hòa – Gia Định.

“(HOÀNG MAI) QUAN ÂM BỒ TÁT cùng chư THÁNH MẪU NỮ VƯƠNG chào chư hiền sĩ hiền muội...”

THI BÀI

(H.M) Nam phương mở trường thi Đại Đạo,
Thánh ân để hảo hảo Nam Bang,
Việt dân tỉnh giấc mộng tràng,
Nữ hùng sánh bước lên đàng quang vinh.

(THANH THỦY) Vương đạo vững trị bình mới vững,

Liên hoàn hay, thế đứng càng hay,
Trưng Vương xưa cũng ngần này,
Hoa Tiên chi dễ lọt tay phàm trần.

(H.M) Mẫu tử trước ân ban độ thế,
Mở khoa trường cốt để đỡ nâng,
Thánh lâm trở mặt hồng quân,

6. Bát Bửu Phật Đài, Lễ An Vị Đức Thế Tôn, 15–7 Tàn Sửu (25–8–1961).

7. Đức Quan Âm, Chơn Lý Đàn, Vạn Quốc Tự, 28–7 Giáp Dần (14–9–1974).

Đường trần cứu kiếp Thiên ân gọi nhuần.
 (T.T) **Thông** minh sẵn đơn thuần tánh đạo,
Vân trình còn phép báu Ngọc Hư,
Khai cơ chánh pháp quảng từ,
Hương hoa bát ngát chơn như lâu lâu.
 (H.M) **Mẫu** Nghi thiết Bàn Đào Hội Yến,
Hội Tam Tòa vận chuyển sanh quang,
Thánh Thần Tiên Phật nhận nhàng,
 (T.T) **Đồng** vàng Ngọc Sắc cứu an cõi trần.
 (H.M) **Sơn** hà trước tiền nhân tạo lập,
Thánh ân sau xây đắp bảo tồn,
 (T.T) **Lê** dân trong cảnh hoàng hôn,
Mẫu Từ hạ chỉ độ hồn vạn sanh.
 (H.M) **Vòng** cộng nghiệp thực hành tu kỹ,
Nạn ách còn lập chí độ tha,
 (T.T) **Cứu** nguy thế đạo tình nhà,
Tai tiêu nghiệp mãn, chương tòa quày chơn.
Âm dương chuyển tuần hoàn phục tử,
Nam Thiện còn ác khí bao quanh,
 (H.M) **Quan** san vững chí tu hành,
Hải hà vô lượng Trời dành ân ban.
Lai đàn chứng lòng vàng nam nữ,
Giáng đèm thu sắc tứ hồng ân,
 (T.T) **Như** như mặc mặc thông thân,
Cơ mẫu tận độ nguyên nhân phục hồi.
 (H.M) **Thế** đã thế hồi người giác ngộ,
Rộng sâu tìm đến chỗ huyền vi,
 (T.T) **Độ** mình thoát khỏi hiểm nguy,
Khai tâm giác ngộ từ bi độ đời.
 (H.M) **Quyền** pháp sẵn nhờ nơi Thiên mạng,
Đàn so dây rao bản hiệp hòa,
 (T.T) **Pháp** mẫu tu kỹ ái tha,
Trung hưng chánh đạo ngoại tà diệt vong.
Hồi nữ phái chung đồng phạm liễu,
Thiện căn nhờ học hiểu tiền căn,
 (H.M) **Ai** ơi! hiệp sức gây đoàn,
Duyên lành tỷ muội hóa hồng chánh chơn.
Nghe ta dạy thiệt hơn thế đạo,
Bí pháp là của báu nghìn năm,
 (T.T) **Lóng** lòng thanh tịnh cao thâm,
Pháp môn vô lượng nứt tâm chuyên trì.
 (H.M) **Truyền** nhiệm vụ từ bi bác ái,
Nơi phàm trần chẳng hoại kim thân,

Mật tông diệu dụng thông thân,
Tâm chú muội nữ sáng ngần như gương. (...)
 (Lục chuyển Thất trùng Bát tiếp khoán thủ).⁸

Cách chiết: Trong mỗi vé 4 câu, bắt đầu bằng đầu câu “lục” tiếp theo lấy 2 chữ đầu câu “thất” và kế là chữ đầu câu “bát.”

Thí dụ như ở vé đầu chúng ta rút ra được các chữ: “Việt Nam Thánh Nữ. Tiếp tục ở vé thứ hai, rút ra được: “Trưng Vương Liên Hoa”... Cứ như thế tiếp tục rồi ráp lại dưới thể thơ lục bát, chúng ta có:

CHIẾT KHOÁN THỦ
 Việt Nam THÁNH NỮ TRƯNG VƯƠNG,
 LIÊN HOA THÁNH NỮ mở đường khai thông,
 VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU Hội đồng,
 LÊ SON THÁNH MẪU cứu vòng nạn tai.
 QUAN ÂM NAM HẢI NHƯ LAI,
 Giáng cơ độ thế rộng khai pháp quyền,
 ĐÀN trung ai hồi thiện duyên,
 Lóng nghe bí pháp mật truyền nơi tâm.⁹

Nhận xét: Chúng ta thấy hai Đồng tử xuất khẩu ngâm thi xen kẽ nhau nhưng không phải cứ đều đều 4 hoặc 2 câu, mà có thể bất chợt thay đổi. Và tuyệt diệu hơn nữa là từ Trường thiên Thi bài lại rút ra được bài thơ bát cú lục bát với cách khoán thủ độc đáo!¹⁰

• Hai ban cơ Độc Đồng. Một ban Đồng tử viết bóng, một ban Đồng tử xuất khẩu. Có nhiều Đấng Thiêng Liêng cùng giáng đàn.¹¹

“(1. HỮU BAN: NGỌC LIÊN ĐỘC GIẢ)

LÊ KHÔI TIỂU TƯỚNG. Ta chào chú Thiên mạng lưỡng đài, chào liệt vị...

LÊ VĂN DUYỆT. Lão chào chú Thiên sắc lưỡng đài, chào liệt vị lưỡng ban. Lão thừa lệnh Tam Giáo Tòa giáng bút nơi Trúc Lâm Thiên Tự,...

(2. TẢ BAN)

8. Xin xem thêm trong Thần Tiên Thi Diệu Bút.

9. Thánh thất Bình Hòa, 14-8 Giáp Dần (29-9-1974).

10. Quá trình sưu tầm tài liệu từ Thánh giáo của các Chi phái để viết quyển Thần Tiên Thi Diệu Bút, chúng tôi chưa tìm thấy bài thứ hai nào được làm với cách này!

11. Trúc Lâm Thiên Điện, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

Hộ Pháp Già Lam,...
Phổ Hiền Bồ Tát,...
Văn Thù Quảng Pháp Thiên Tôn...
Thích Ca Như Lai...
Thanh Tịnh Đại Hải Bồ Tát...”

“(...) Xa giá ngự lâm (1. Hữu Ban) chư hiền đệ
hãy thành tâm tiếp Từ Tôn giảng bút (2. TẢ BAN)
Ta xuất ngoại (1. HỮU BAN) Thăng.”

Điểm hay độc đáo của đàn này giờ giấc chuẩn
xác của các Đấng Thiêng Liêng. Khi Đức Lê Đại
Tiên vừa dạy dứt ở hữu ban thì bên tả ban Đức
Thanh Tịnh Đại Hải Bồ Tát cũng dứt. Sau đó
khi Đức Mẹ giảng cơ thì cả hai Đồng Tử cùng
chuyển những lời dạy dỗ của Mẹ.

Khởi đầu:
(2. Tả Ban)
THI

vô vi Đại Đạo định Càn Khôn,
CỰC lạc là nơi sống vĩnh tồn,
TỪ ái nặng lòng cơn loạn lạc,
TÔN ty nhẹ bước buổi hoàng hôn.
KIM Loan nhớ trẻ vòng siêu đọa,
BAN điện thương con cảnh vịnh, cồn,
PHẬT, Thánh, Thần, Tiên đều giảng thế,
MẪU diu con trẻ đại nên khôn.
Nhân tiết Xuân về, Mẹ đến với các con (...)
Khoảng nửa phút sau:
(1. HỮU BAN) Bạch Tuyết Độc giả đàn thay.
THI
Hỡi tàn linh ơi! Hỡi tàn linh!
Có nhớ quê xưa chốn Ngọc Đình,
Quay gót mau về nơi cứu vị,
Thôi đừng dan díu kiếp phù sinh.(...)
(CÒN TIẾP).■



Thiêng Liêng sẵn có một tình thương,
Bền vững xông pha giữa thế trường,
Gieo giống đạo lành ra khắp chốn,
Cho người biết sống cảnh an khương.

An khương bởi tinh thần dân tộc,
Văn hóa cùng đạo học phát minh,
Cùng trong cái thế quân bình,
Nhơn sanh hòa nhịp tâm linh hiện hành.

Hành đạo biết rằng đạo ở trong,
Biển nên vạn pháp cũng do lòng,
Tam thiên thế giới trong tay nắm,
Chính thị tâm này đạt lý không.

Không tận lực lễ Trời sao thấu,
Có thủy chung mai hậu huy hoàng,
Dầu cho trái mấy thương tang,
Vẫn còn một mảnh tâm đan chói lòa.

Chói lòa ánh đạo bủa trần gian,
Mát mẻ lòng người thế mới an,
Thế mới an rồi thành Đại Đạo,
Thiên ân dành sẵn cõi Thiên đàng.

Đàn anh tiến, đàn em cũng tiến,
Đủ pháp quyền vượt biển đàng sơn,
Chỉ cần một mảnh tâm đơn,
Vào đời tạo thế nghĩa nhơn hiệp hòa.

Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao,
Đất, Trời, Ta, vốn có xa nào,
Cùng sanh cùng trưởng, cùng thâm liễm,
Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao.

Chỗ tối cao Cao Đài ngự trị,
Chưởng pháp quyền trong lý vận hành,
Biết nhìn nhận chốn khởi sanh,
Mới nên được đạo tài thành Hóa Công.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 14-10 BÌNH THÌN.

80 năm CAO ĐÀI GIÁO *chính thức hiện diện trên đất bắc*

■ ĐẠT TƯỜNG

Đêm LỄ THÁNH THẤT- Khai Minh Đại Đạo, sau khi đã thực hiện xong các nghi thức “lễ bái mạng” ra mắt Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong đàn tái cầu vào giờ Tý, Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Tái cầu:¹

Thầy các con. Trang ra mời chư Thiên phong lục tinh còn sót lại vào hầu.(...)

Thầy cần dùng ba chục đứa tình nguyện đi phổ cáo xứ xa. Ai đâu?

Lấy tên, con Tương. Trung kỳ, Bắc kỳ. (... ghi tên 7 vị xung phong)

Cười, thôi con Tương.²

Cả thầy Thầy phong chức Giáo Hữu. Dem đến sau. Thầy buộc học hết Thánh ngôn rồi mới đi phổ cáo nghe à.(...)³

Tuy nhiên, việc đưa đạo Cao Đài ra miền Bắc phải chờ thêm một thời gian để hội đủ các điều kiện về Thiên thời, Địa lợi và Nhân hòa mới có thể thực hiện được.

I. TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI RA ĐẤT BẮC

1. THÁI ĐỘ NHÀ CẦM QUYỀN PHÁP VỚI CAO ĐÀI

Vào đầu thế kỷ 20, Châu Á ở trong đêm dài thuộc địa của thực dân đế quốc. Nếu như các nước Ấn Độ, Thái Lan, v.v. bị chiếm hữu bởi thực dân Anh thì Đông Dương gồm 3 nước Việt Nam, Campuchia, Lào nằm dưới ách đô hộ của đế quốc Pháp.

1. Đàn tái cầu, 15-10 Bình Dân (1926).

2. Ngài Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương.

3. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, tr. 196-197.

- “Năm 1925, Alexandre Varenne sang nhậm chức, là một Toàn quyền có ý thức nhân đạo. Một trong các hành động nhân đạo tiêu biểu đó là ông cho chích ngừa dịch tả, cải cách các trường học, ân xá cho Phan Bội Châu vừa bị tuyên án tử hình.

Varenne lập các viện Dân biểu Bắc kỳ và Trung kỳ, mở rộng ngạch tương đương (cadres latérants) trong các công sở cho người Việt có bằng cấp tương đương có quyền nắm giữ các chức vụ tương đương với người Pháp, và thành lập Bình dân Nông phố Ngân quỹ để giúp nông dân.

Chính sách của ông bị một số người trong nhà cầm quyền Pháp phản đối dữ dội.⁴

- Toàn quyền Pierre Pasquier làm Xử lý Toàn quyền trong thời gian hơn 7 tháng Toàn quyền Varenne về Pháp (04-10-1926~16-5-1927).

Trong khoảng thời gian ấy chức vị Tiền Khai đăng ký pháp nhân Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với nhà cầm quyền Pháp (07-10-1926). Sau khi ông Aristide Eugène Le Fol Quyền Thống đốc Nam kỳ tiếp nhận việc tuyên bố⁵ theo luật định Pháp quốc về hoạt động Cao Đài giáo của 28 vị Tiền Khai Đại Đạo đại diện cho 245 tín hữu Cao Đài ký tên, Xử lý Toàn quyền Pasquier đã tuyên chuyển công tác ông

4. Phan Khang, Việt Nam Pháp Thuộc Sử, Ban Việt Sử, ĐH Văn Khoa Sài Gòn, 1961, tr.422.

5. Déclaration.

Le Fol (19-4-1926~30-12-1926) sang Campuchia. (20-01-1927~01-01-1929).

Điều này lại tạo sự thuận lợi cho Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc trong việc truyền đạo Cao Đài, khi bị chánh quyền Pháp chuyển công tác sang bên đó, thành lập nên Hội Thánh Ngoại Giáo.

Trong khi đó, Pasquier chánh thức làm Toàn quyền Đông Dương từ (26-12-1928~15-01-1934).

Tình hình khó khăn của đạo Cao Đài được thể hiện một phần qua đoạn Thánh ngôn năm 1930 sau đây:

“Thánh giáo của Thầy lại bị chê bai biếm nhẽ, ngăn cản phổ thông, làm cho Thánh địa Đông Dương không thoát tai giặc loạn. Thầy tưởng các con còn nhớ lời tiên tri của Thái Bạch há? Các con đây cũng khó ngồi yên đặng, vì bị nghi kỵ trăm đường, vậy Thầy phải liệu phương lo giải ách.

Thầy hạ lệnh cho các con, kể từ Giáo Sư đở lên, cùng cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài, trừ ra Mạnh, Vĩnh, đồng ký tên tờ xin kiến diện Pasquier và đến Thăng Long thành mà tỏ cạm lời chánh giáo.”⁶

1.1. CÁI ÁN CAO ĐÀI

Thiết tưởng từ năm 1926 cho đến năm 1932 tại miền Bắc chưa hề nghe danh đạo Cao Đài hoặc nhìn thấy bóng vị chức sắc Cao Đài với bộ đạo phục màu trắng

6. *Thánh Ngôn Sư Tập 1*, 14-02 Canh Ngọ (13-3-1930).

đi hành đạo khắp các tỉnh như ở miền Nam, nhưng đột nhiên tại Hà Nội lại thấy xuất hiện một cuốn sách với nhan đề “Án Cao Đài” do nhà Hán học Đào Trinh Nhất là tác giả. Sách xuất bản mà không thấy ghi danh nhà xuất bản, gây nhiều hoang mang cho đồng bào Bắc Hà. Bị thực dân Pháp mua chuộc, ông Trinh Nhất đã bẻ cong ngòi bút, không ngần ngại đưa ra những luận điệu xuyên tạc vu khống chức sắc Cao Đài Toà Thánh Tây Ninh (bởi ông Nhất có ở Toà Thánh Tây Ninh một thời gian khi được thuê dịch kinh sách Cao Đài ra Hán Văn).

Khi quyền Án Cao Đài xuất hiện vào cuối năm 1932, đồng bào miền Bắc nhận được một quái thai nhằm bôi lọ đạo Cao Đài tại miền Nam. Vì thực dân Pháp đã được biết Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh chuẩn bị tuyên bố chức sắc truyền giáo tại Hà Nội vào đầu năm 1933, nhằm gây hoang mang cho đồng bào Bắc Hà. Nhưng với



VUA BẢO ĐẠI VÀ TOÀN QUYỀN PASQUIER (1931).

ngôn ngữ hạ cấp, quyển Án Cao Đài không có độc giả, thậm chí phải gửi tặng không cho đồng bào sử dụng gói đồ chứ không có mấy ai buồn đọc.

Ngày nay, ai cũng dễ đoán đó là bàn tay của ai.

Liên khi đó ở miền Nam xuất hiện quyển “Cải án Cao Đài” của một người không là tín hữu Cao Đài với bút danh Bằng Thanh phản ứng lại tác giả Đào Trinh Nhất:

“Xin lỗi cùng tác giả của quyển “Cải án Cao Đài” tôi đây mà sở dĩ cầm cây viết chép ra tập “Cải án Cao Đài” đây là chẳng phải hiểm thù gì tác giả mà cũng chẳng phải thiên vị gì đạo Cao Đài, chỉ lấy cái chánh lý mà bình phẩm đó thôi...”

1.2. KẾT CỤC BI THẨM CỦA TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG PIERRE PASQUYER

Năm 1933, Pasquyer ngụy tạo tài liệu vu khống đạo Cao Đài mưu đồ quốc sự chống Pháp. Bí mật gom góp một số tài liệu giả tạo gọi là liên hệ chính trị, Pasquyer mang về

Pháp, dự tính trình lên chánh phủ và quốc hội Pháp để được cho phép cấm đoán đạo Cao Đài truyền bá, bắt giam chức sắc và giải tán đạo Cao Đài.

Với mưu đồ thâm độc triết hạ đạo Cao Đài, Pasquyer đã bị kết thúc cuộc đời trên đường trở về Pháp trong chiếc phi cơ Émeraude, tự nhiên bị nổ và rơi vào ống khói một nhà máy kỹ nghệ thuộc làng Corbigny, cách thủ đô Paris 150 cây số về phía Nam nước Pháp. Cả vợ chồng Toàn quyền Pasquyer bị chết cháy trên phi cơ (ngày 15-01-1934), không một ai còn sống sót trên chuyến bay này. Số tài liệu ngụy tạo chụp mũ đạo Cao Đài do Pasquyer mang theo cũng hoàn toàn bị thiêu hủy.

Hơn 6 tháng sau, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn-Victor Hugo có dạy:

“Oui, tous ceux qui osent mettre leurs mains sacrilèges à la Divinité de près ou loin doivent être punis.

Voyez Pasquyer et tant d'autres tués par le verdict céleste. Nul ne pourra échapper

aux courroux des Dieux s'il marche à l'encontre de l'Éternel. Soyez donc persuadé et ayez confiance en sa justice.”

Tạm dịch:
“Phải. Những kẻ nào dám vi phạm vào Thiên Liêng, dù xa dù gần, đều phải bị trừng phạt.

Hãy xem Toàn Quyền Pasquyer và nhiều kẻ khác bị giết chết bởi phán quyết thiên liêng. Không một ai có thể tránh thoát những cơn thịnh nộ của chư Thiên nếu chống lại Đấng Thượng Đế. Hãy nghe theo và tin tưởng vào sự công bằng của Thượng Đế.”

Hơn 2 năm sau, vào mùa Trung Nguyên năm Bính Tý (1936) Pasquyer được phép về cơ bày tỏ, hối lỗi.⁸

7. Thánh Ngôn Sưu Tập 1, 28-6 Giáp Tuất (08-8-1934).

8. Tòa Thánh, 02-7 Bính Tý (18-8-1936). “PIERRE PASQUYER. Tôi nói tiếng An Nam.

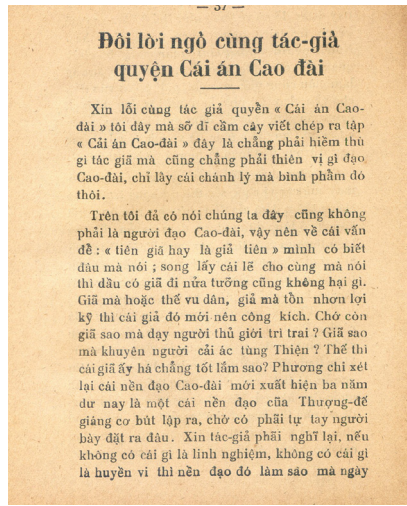
Tôi đã cầm đặt một cuốn sách Nho, học thông Đạo lý.

Cái tư tưởng của tôi buổi nọ, nó thiên về bên Khổng giáo chứ không phải hướng qua bên Phật đạo. Tôi càng suy xét thì lại lấy làm lạ vì cớ nào tôi lại dùng Nhà Thiên toan phá đạo Cao Đài buổi nọ. Quái dị thay!

Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ Nho phong, kinh truyện, văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót, chẳng hiểu đặng rằng Nho giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu Tân thế. Sự lạc lầm ấy do đâu mà có?

Ôi! Quan trường! Ôi nha lại! Vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn. Thiên điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trừ mạng linh hồn mà chớ. Gớm thay! Ghê thay!

THI
 Vương bá bữu ngôi thị ngục hình,
 Thiên lao như thử tắc công khanh,
 Đố thân phát phổi cảm dân mạng,
 Y phục đại cân thị tử thành.



Qua cơ bút Tiên Thiên, Đúc Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài có nhắc lại khi giảng cơ:

“Bản Đạo nhắc lại một mẩu chuyện thời Pháp thuộc.

Lúc Toàn quyền Pasquyer sắp định trong ý tưởng sang qua Việt Nam trong một thời gian đôi tháng, sẽ tiêu diệt ngay nền Đại Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn. Với sự trù liệu ấy, tư tưởng quá ác bạo, tức nhiên phải bị thiêu hủy trước sự hành vi, là lúc trở về, toàn cả phi cơ đều bị thiêu hủy vậy.”

2. TRUYỀN GIÁO RA BẮC HÀ

2.1. THIÊN Ý ƯỚM MẦM CAO ĐÀI VỀ ĐẤT BẮC

– Từ năm 1930, có ông Bùi Văn Hòa làm công chức Sở Bưu điện Hà Nội nhân dịp đi công tác vào Nam đã nhập môn và được thọ phong phẩm Lễ Sanh.¹⁰ Khi trở về Bắc, ông lập Thiên bàn thờ Thánh tượng Thầy tại nhà nơi phố Hàng Bè.

– Năm 1933, Tòa Thánh Tây Ninh lần đầu tiên cử Giáo Hữu Thượng Tuất Thanh, là người gốc Nam Định đã vào Nam lập nghiệp rồi nhập môn và được Thiên phong phẩm Lễ Sanh, ra Hà Nội. Nhưng không may, chỉ sau một thời gian ngắn ông Nguyễn Văn Tuất lâm trọng bệnh và quy liễu!

9. Đúc Pháp Lục Kim Tiên, Thánh Huấn Hiệp Tuyển 2, Xích Long Minh Đức, 05-5-ĐĐ36.

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2: Truyền Đạo, 2008, tr.359.

Ngay sau đó, Tòa Thánh cử tiếp Giáo Hữu Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử) ra. Nhưng cũng chỉ một thời gian ngắn, Hội Thánh phải chấp thuận cho Giáo Hữu Chử trở về Nam vì ông không quen khí hậu nơi đất Bắc!

Cuối năm 1933, Hội Thánh Tây Ninh quyết tâm gieo giống đạo nơi đất Bắc nên cử một đoàn khác ra. Trong tập “Bước thăng trầm của đạo Cao Đài 21 năm đầu tại Bắc Việt 1933-1954” Lễ Sanh Ngọc Đoan Thanh (Phạm Tài Đoan) đã viết:

“Phái đoàn hùng hậu gồm 4 người: ông Giáo Hữu Thượng Ngoạn Thanh (Nguyễn Văn Ngoạn), Lễ Sanh Thượng Điểm Thanh, Chánh Trị Sự Thạch và Phó Trị Sự Phòng... ..

Phái đoàn ngay từ lúc đặt chân ra Bắc đã có sáng kiến bắt liên lạc với Hội Nam Kỳ Tương Tế, trụ sở đặt tại phố Thi Sách, gần khu nhà rượu... ..

Phái đoàn nói mục đích, mấy ông Mai Văn Biên, Mai Văn Nghĩa, Hồ Trọng Tuấn hưởng ứng liền và xin nhập môn cầu đạo, mặc dù các ông đang là công chức. Một số hội viên khác trong Nam Kỳ Tương Tế cũng noi theo các ông... ..”

Các tân tín hữu nhiệt tình hưởng ứng, tìm mượn được một ngôi nhà rất khang trang tại phố Harmand (sau này là Phù Đồng Thiên Vương) gần khu nhà rượu, tạm làm Thánh thất. Thuê xong căn

nhà, toàn cả bốn đạo nam nữ đồng chung tâm hiệp trí kẻ của, người công trang trí Văn phòng và Thánh thất suốt 2 tháng mới chu toàn. Ông Giáo Hữu Thanh lo chỉ dẫn cách thờ phượng trên Thiên bàn, tập đọc Kinh, hướng dẫn việc kê chuông- trống cùng lễ nhạc vô cùng chu đáo chuẩn bị cho ngày khai minh Đại Đạo tại Bắc Hà.

2.2. KHAI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TẠI BẮC HÀ. (01-3 GIÁP TUẤT)

Trong lúc đó, ông Lễ Sanh Bùi Văn Hòa nghe tin cũng hưởng dẫn một số thân hữu tìm đến cầu Đạo.

“Huyền diệu thay! Sự trông đợi chờ mong của bốn đạo Bắc Hà đã khởi điểm tiếng chuông trống vang rền tại Thánh thất Cao Đài Harmand (gọi theo tên đường phố cho bốn đạo dễ nhớ) làm rung động bao con tim của những người ngoan Đạo tại thủ đô Hà Nội lúc bấy giờ, cùng thức tỉnh bao oan hồn lạc lõng nương theo tiếng trống chuông cầu xin siêu thoát.

Lần đầu tiên tiếng chuông trống Đại Đạo ngân vang vào giờ Tý (12 giờ khuya đêm mồng 1 tháng 3 năm Giáp Tuất) giữa chốn nghìn năm văn vật trước sự ngạc nhiên của người Pháp và đồng bào quanh vùng Bắc Hà hiếu kỳ kéo nhau đến dự khán buổi lễ lịch sử đạo Cao Đài tại Bắc Hà. Nhứt là giọng đọc kinh trầm bổng thành

thót hoà lẫn với tiếng nhạc cổ truyền Việt Nam của hàng trăm tín hữu nam nữ mặc đạo phục màu trắng quỳ trước Thiên Bàn...”¹¹

2.3. ĐẠI ĐẠO KHAI MINH KHÔI PHỤC VĂN HÓA CỦA ĐẤT NGHÌN NĂM VĂN VẬT

Thừa Sứ Lê Quang Tấn có ghi nhận câu chuyện:

Ông Huỳnh Thành Tinh 69 tuổi, một vị kỳ mục thông suốt cuộc sống của đồng bào làng Lưu Xá có một nhận xét thâm thúy: với đà tiến triển của đạo Cao Đài như thế này thì sớm muộn gì toàn cả dân làng Lưu Xá đều sẽ nhập môn theo đạo Cao Đài hết.

Tôi biết rõ có những người trước đây thường hay kiện cáo, tranh giành từng tấc đất, từng lời nói. Mỗi khi ra họp việc làng rầy rà nặng nhẹ cùng nhau không tiếc lời, có khi còn say sưa đánh đấm nhau phải đưa đến cửa quan phân xử. Hương chức làng chúng tôi hết sức khổ tâm với họ. Nhưng hôm nay sau khi họ nhập môn vào đạo Cao Đài rồi, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy tánh tình họ thay đổi, hiền lành đạo đức hơn trước gấp trăm lần.

Điều đáng lưu ý hơn nữa là đạo Cao Đài chủ trương tự do và dân chủ thực sự. Dân chủ trong việc làm, lễ độ trong việc giao tế với nhau: Cha ra cha,

con ra con, thầy ra thầy, đầu ra đầu. Nhứt là bình đẳng trong việc ma chay, dù giàu hay nghèo đều được tụng kinh tang lễ như nhau, không phân biệt sang hèn. Không như những nơi khác, người chết nhiều tiền bạc được tụng nhiều kinh, chuông trống nổi lên ầm ĩ, còn kẻ không tiền thì chỉ một vài biển kinh đọc vội vã cho xong việc.

Một bằng chứng chính tôi chứng kiến là đạo Cao Đài đã âm thầm xoá bỏ giai cấp, trừ bỏ mê tín dị đoan được biểu hiện tại Lưu Xá này, là lễ an táng một ông “già mỗ” đã nói lên tinh thần đồng Đạo, không phân giai cấp nghèo hèn và nêu cao câu “Cùng nhau một Đạo tức một Cha” mà người tín đồ hằng năm lòng khi nhập môn vào Đạo.

Trước năm 1945, tại các miền quê Bắc Việt đều sử dụng một người đi truyền rao lệnh quan cho dân làng. Người truyền lệnh đánh mõ 3 tiếng “cốc, cốc, cốc” mà các vị Lý Trưởng trong làng thường gọi là “thằng mõ” (để gọi người truyền rao tin tức). Người làng ít ai tranh giành chức mõ này cả, bởi “mõ” là vị trí thấp kém chỉ dành cho những ai không có miếng đất hay nghề nghiệp gì để kiếm sống. Do đó, người ta rất khinh miệt, ít ai giao du với người mõ. Trong những ngày hội hè đình đám, người mõ ngồi riêng một mâm và chỉ được ăn khi đã hầu hạ xong các bậc đàn anh trong buổi lễ. Với địa vị “mõ” thấp hèn này thì ít

có người tranh giành, chỉ có cha truyền con nối mà thôi.

Làng Lưu Xá có một Ông già mỗ, đảm nhận trách vụ đánh mõ để báo tin cho đồng bào trên 30 năm qua, ông mới xin nhập môn vào đạo Cao Đài. Hằng ngày Ông già mỗ rất hăng say với bốn đạo trong làng chăm lo việc Đạo, cùng tham dự các lễ tang tế sự. Khi Ông già mỗ quy vị vì tuổi cao sức yếu lúc 71 tuổi, đã được sự nhiệt tình giúp đỡ lo việc ma chay cho Ông già mỗ vô cùng chu đáo.

Đặc biệt trong lễ tang Ông già mỗ có cả chức sắc truyền giáo tại Bắc Hà chẳng quản đường xá xa xôi đến nhà Ông già mỗ thực thi trách nhiệm của mình với đạo hữu, chăm lo việc an táng với các chức việc và bốn đạo Cao Đài vùng Lưu Xá, biểu hiện tinh thần đồng Đạo như anh em một nhà.

Bốn đạo ở các làng cận nhà Ông già mỗ cũng kéo đến để chung lo ma chay cho ông hết sức chu đáo. Nhứt là những mâm quả phẩm được dâng cúng trước linh cửu đã nói lên tình nghĩa đậm đà của người đã sống đối với người chết, không phân biệt giai cấp sang hèn khinh trọng chi cả.

Nhứt là buổi lễ cầu siêu Ông già mỗ gây nhiều ngạc nhiên cho đồng bào tại làng Lưu Xá, bởi đồng bào phân vân không biết Ông già mỗ làm gì mà được bốn đạo Cao Đài chiếu cố đọc kinh kệ, có lễ nhạc, đăng điện hết sức trang trọng như thế. Bởi

11. Thừa sứ Lê Quang Tấn, Đạo Cao Đài phổ truyền ra Bắc Việt (Hà Nội).

họ đã từng chứng kiến suốt mấy mươi năm qua biết bao trường hợp trong làng Lưu Xá này, chưa có đám tang nào linh đình trang trọng như đám tang Ông già mỗ, vì bốn đạo Cao Đài mặc đạo phục trắng lớp cả sân nhà.

Sau nghi lễ cầu siêu xong, số đạo tỳ mặc đồng phục màu đen giềng trắng vào bái quan, tiếng trống kèn hoà lẫn nhau nhịp nhàng gây hiếu kỳ của đồng bào làng Lưu Xá, già trẻ đều kéo đến dự lễ tang Ông già mỗ chật cả đường đi.

Lá cờ đạo ba màu vàng xanh đỏ dẫn đi trước, kế tiếp là lá phướn Thượng Sanh và biển hiệu Đạo ghi rõ hàng chữ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ tiến lần ra đường. Mấy mươi em đồng nhi nam nữ trong bộ đồng phục trắng liên tiếp tụng kinh cùng tiếng nhịp sanh hoà lẫn với tiếng đờn của dàn nhạc cổ truyền mang âm sắc Nam bộ, du dương trầm bổng khẩn cầu cho vong linh người quá cố mau được siêu thoát.

Linh cữu Ông già mỗ vượt qua hàng trăm bạn đạo nam nữ đứng 2 bên lễ đường nối tiếp theo sau linh cữu. Hình ảnh đẹp nhất trong lễ an táng Ông già mỗ là một dòng người trắng lớp trong bộ đồng phục của đạo Cao Đài nổi bật trên thảm xanh của đồng ruộng miền Bắc. Hàng trăm chức việc và bốn đạo nam nữ từ Hà Nội và các địa phương lân cận trong bộ đạo phục trắng xếp hàng hai đi theo gia đình tang gia, đưa tiễn Ông già mỗ ra đến phần mộ. Trước tình

đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau của người tín hữu Cao Đài hoàn toàn biểu hiện trong buổi đưa đám Ông già mỗ, khiến cho đồng bào hiếu kỳ tập hợp theo vệ đường xem đoàn người mặc y phục trắng đi ngang qua.

Một bà cụ đứng bên vệ đường xem lễ tang có lời khen tặng: Ông già mỗ này tốt số thật! Đám ma lão to và đông đảo trang nghiêm gấp mấy lần đám ma ông Tiến Chi! Kế tiếp một cụ ông phụ họa: Ông già mỗ nghèo xác xơ, chết khỏi tốn kém gì cả.

Bốn đạo Cao Đài từ xa kéo đến chung lo với người đạo ở làng Lưu Xá trợ giúp gia đình Ông già mỗ đủ mọi thứ, nhứt là lễ tang Ông già mỗ hết sức linh đình trang nghiêm, suốt 2 ngày đêm nhạc lễ kinh kệ không dứt, xóa tan giai cấp ở làng Lưu Xá kể từ lễ tang Ông già mỗ.

Đồng bào hằng nhắc nhở lễ tang Ông già mỗ và không tiếc lời ngợi khen bốn đạo Cao Đài tổ chức nghi lễ an táng Ông già mỗ hết sức long trọng chưa từng thấy trong vùng.

Chính vì thế, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của người tín hữu Cao Đài miền Bắc lúc bấy giờ là một nỗi lo âu không bờ bến của thực dân Pháp tại Bắc Hà.

2.4. SỰ NHIỆT TÌNH HÀNH ĐẠO CỦA CÁC CHỨC SẮC NGƯỜI PHÁP TẠI HÀ NỘI

– Do quyền năng Thiêng Liêng xoay chuyển, ông Giáo hữu Thái Abadie Thanh (Gabriel Abadie)

đã nhập môn tại Pháp và được đổi sang Việt Nam làm chánh Lục sự Toà án Hà Nội.

Lễ sanh De Lagarde Thanh, Lễ sanh Hồ Trọng Tuấn cùng các bạn đạo Tạ Đình Định, Nguyễn Văn Lịch, Đào Đức Nhung tự nhiên tìm đến Thánh thất tự nguyện chung lo việc Đạo. Nhất là ông Giáo hữu Abadie và Lễ sanh De Lagarde vẫn hoà mình đi với Bốn đạo xuống tận các làng Bạch Mai, Tương Mai chẳng quản mưa phùn gió lạnh, đôi khi cời giấy lộn qua các con rạch sinh lầy nước đọng dự lễ cầu siêu tại tư gia các tín hữu.

Trong thông lệ tại Bắc Việt lúc bấy giờ, người Pháp ăn trên ngồi trước, nhưng nghĩa cử cao đẹp của ông Giáo hữu Abadie và Lễ sanh De Lagarde hoà mình với bốn đạo Cao Đài, đã phá cả giai cấp.

Đến dự tang lễ bất cứ gia đình giàu hay nghèo cũng như nhau, không bao giờ hai ông Giáo hữu Abadie và Lễ sanh De Lagarde tỏ vẻ mình là người Pháp, hay chức sắc Cao Đài. Hai ông luôn luôn đóng vai trò người thân trong tang quyến, sẵn sàng nhắc ghế mời khách ngồi, lau chùi mặt bàn ghế cùng rót nước mời khách mới đến không chút câu nệ. Cử chỉ cao đẹp của nhị vị Giáo hữu Abadie và Lễ sanh De Lagarde đã thể hiện sâu sắc trong những buổi ma chay của bốn đạo ở các làng xa xôi đã in sâu vào trong tâm trí đồng bào.

– Năm 1939, chính quyền Pháp ra lệnh tất cả Thánh thất Cao Đài trên toàn quốc phải gỡ bỏ chữ Vạn với lý do Vạn là dấu hiệu của đảng Đức quốc xã do Hitler cầm đầu (Adolf Hitler muốn làm bá chủ hoàn cầu) đang tấn công đánh nước Pháp, nên tại các thuộc địa Pháp quá lo sợ nghi kỵ chữ Vạn trên nóc Thánh thất Cao Đài là thân Đức quốc.

Lệnh tháo gỡ triệt hạ chữ Vạn trên nóc Thánh thất Cao Đài được ban hành. Ông Giáo Hữu Abadie kiên quyết cưỡng lệnh Toàn quyền Đông Dương Goerges Catroux (1940.)¹² đã 2 lần gửi văn thư buộc ông Abadie phải tuân lệnh của Nhà cầm quyền. Giáo Hữu Abadie như danh Đầu địa phận đạo Bắc Việt viết một văn thư trình bày giải thích chữ Vạn nhà Phật đã xuất hiện trên 2400 năm rồi và tất cả các nước Á Đông đang theo Phật giáo lấy chữ Vạn làm biểu tượng tôn kính từ trước đến giờ không lẽ các nước Á Đông đều theo Adolf Hitler hết hay sao?

Ông Abadie còn giải thích thêm là chữ Vạn của Hitler là hình con chim ó (con ó là biểu tượng của nước Đức) xoè cánh biến thể không liên hệ gì với chữ Vạn của Phật giáo. Chữ Vạn của Phật giáo biểu tượng âm dương sanh hoá, nếu xóa bỏ đi thì tất nhiên toàn thể nhân loại và

ngay cả vũ trụ sẽ tiêu diệt. Giả sử Hitler lấy chữ Thập hay dấu hiệu giống chữ Thập của Thiên Chúa giáo, liệu chính quyền Pháp ở Đông Dương có dám ra lệnh các Nhà thờ Thiên Chúa giáo xóa bỏ chữ Thập trên ngực Chúa Jésus không?

Đoạn cuối bức văn thư Giáo Hữu Abadie cương quyết trả lời: “Nếu chính phủ muốn xóa chữ Vạn tại Thánh thất Lê Lợi và các Thánh thất Cao Đài ở các hương đạo thì xin chính phủ cứ đến thi hành lệnh của chính phủ, còn các tín đồ Cao Đài thì không thể tự tay mình xóa bỏ biểu tượng của mình tôn kính phụng thờ.” Ông Giáo Hữu Thái Abadie Thanh cũng tự nguyện với tín đồ vào tù để chính phủ thi hành lệnh của Chánh Trị Sự Phạm Tài Đuan đánh máy trình lên ông Giáo Hữu Thái Abadie Thanh ấn ký và Chánh Trị Sự Đuan mang lên phủ Toàn quyền Hà Nội).

Nhận được tối hậu thư của Giáo Hữu Abadie, chính quyền thực dân Pháp đành nhượng bộ không còn đòi hỏi đạo Cao Đài hủy bỏ chữ Vạn nữa, song họ tìm cách loại trừ con người hiện ngang bất khuất Abadie này cho đỡ thẹn. Nên suốt mấy năm liền ông Abadie không được thăng chức thăng trật gì hết nhưng ông vẫn chu toàn trách nhiệm Chánh lục sự Tòa án Hà Nội.

Quá mặc cảm vì tự ái, không lẽ chịu thua một công chức dưới quyền mình, chánh

phủ Pháp liền ra lệnh thuyền chuyển ông Abadie vào làm việc ở tỉnh Rạch Giá xa xôi cuối tận miền Nam đất Việt. Đó là một hình thức trừng phạt một công chức ương ngạnh khó bề sai khiến mà mưu đồ thâm độc của thực dân Pháp tại Hà Nội lúc bấy giờ là tống xuất ông ra khỏi Bắc Hà cố tình tách rời ông Abadie ra khỏi khối tín đồ Cao Đài miền Bắc.

Các huynh tỷ bốn đạo miền Bắc làm sao quên được lời nhắn nhủ của ông Giáo Hữu Thái Abadie Thanh trong buổi tiệc trà tiễn biệt sau cùng tại Thánh thất Lê Lợi vào cuối năm 1940: “Tôi biết rõ theo đạo Thầy là phải chịu khổ. Nhưng khảo đảo chính là dịp thuận tiện giúp ta trau dồi đạo hạnh và giúp chúng ta đắc Đạo về phần thiêng liêng sau này. Tuy ra đi, tôi không hề quên được những cảm tình sâu sắc mà các anh chị em dành cho vợ chồng chúng tôi trong thời gian cùng chung hành đạo. Đổi vào Nam Kỳ là một cơ hội tốt cho tôi được dịp lui tới viếng thăm các chức sắc như là sẽ gặp lại anh Giáo Sư Thượng Bảy Thanh. Tôi xin tự nguyện dù gặp phải hoàn cảnh nào, vợ chồng chúng tôi vẫn luôn luôn là người tín đồ Cao Đài.”

Lòng can đảm hy sinh vì đại nghiệp Cao Đài tại miền Bắc của ông Giáo Hữu Thái Abadie Thanh đã đánh tan mọi luận điệu ngờ vực ông Gabriel Abadie là người của thực dân Pháp cài vào đạo Cao Đài trước

12. (20-8-1939 đến 19-7-1940) Tạm quyền và chánh thức từ 20-5-1940.

kia của một ít tín đồ nông cạn, nhưng sau khi chứng kiến tinh thần bất khuất chống lại lệnh cưỡng bách hạ chữ Vạn đã giải toả mọi hoài nghi mà lại càng tôn kính tinh thần cao đẹp của ông Gabriel Abadie.

3. CÁC CHI PHÁI CAO ĐÀI RA TRUYỀN GIÁO BẮC VIỆT (HÀ NỘI)

Chẳng những Hội Thánh Tây Ninh tuyên bố chức sắc ra truyền giáo tại miền Bắc vào năm 1933, và lần lượt các chi phái Cao Đài ở miền Nam cũng ra truyền đạo Cao Đài ở Bắc Hà, nhưng sự tổ chức phổ biến nền Đại Đạo ở miền Bắc của các chi phái còn rời rạc hơn chức sắc của Hội Thánh Tây Ninh.

– Năm Ất Hợi (1935), Ngài Lê Kim Tỳ – Chủ Địch Pháp của chi phái Tiên Thiên, có ra truyền giáo ở Hà Nội. Nhưng chỉ trong vòng ít tháng thì Ngài Lê Kim Tỳ trở về Sài Gòn, vì mảnh đất Bắc Hà chưa thích hợp cho phái Tiên Thiên. Trước khi rời khỏi Hà Nội, Ngài Lê Kim Tỳ có đến thăm Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh, rất tâm đắc cùng gửi lời chúc mừng nền Đại Đạo được đơm hoa nở trái tốt đẹp khắp các tỉnh miền Bắc mà chức sắc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đã dày công vun xới.

– Năm Bính Tý (1936), Ngài Nguyễn Ngọc Tương – Giáo Tông chi phái Ban Chính Đạo, Hội Thánh Cao Đài Bến Tre, có đề cử một số chức sắc ra truyền giáo tại Bắc Việt, có tạo lập một ngôi Thánh thất tại phố Nhà

Rượu cho bốn đạo tới hiến lễ trong những ngày đàn Vía.

Và đến năm Đinh Hợi (1937) Ngài Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương có ra Hà Nội thăm viếng bốn đạo thuộc chi phái Bến Tre tại Thánh thất phố Nhà Rượu. Đồng thời ngày 31-5-1937, Ngài Giáo Tông phái Bến Tre có đến thăm chức sắc và Bốn đạo Thánh thất Lê Lợi thuộc Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, hội đàm với ông Giáo Sư Thượng Bảy Thanh trong tình thân mật cũng như trong thời gian Ngài Tương còn là Thượng Chánh Phối Sư của Tòa Thánh Tây Ninh vậy.

– Kế tiếp, Ngài Trần Đạo Quang – Hội Thánh Minh Chơn Đạo (trước kia là Ngọc Chưởng Pháp của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh), ở miền Trung ra thăm Bốn đạo Bắc Hà có đến Thánh thất Cao Đài Lê Lợi thăm Ông Giáo Sư Thượng Bảy Thanh, đại diện Tòa Thánh Tây Ninh, rất thân mật đàm đạo trong tình đoàn kết huynh đệ một nhà như trước kia tại Tổ đình Tòa Thánh Tây Ninh.

– Ngày 09-4-1937, Bà Cao Triều Phát, đại diện Hội Thánh Cao Đài Hậu Giang ra thăm Bốn đạo Hà Nội do chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh gây dựng, cũng chính thức viếng thăm ông Giáo Sư Thượng Bảy Thanh tại Thánh thất Lê Lợi.

Nhìn chung, các phái Cao Đài từ miền Nam ra truyền giáo tại miền Bắc gặp nhiều hoàn cảnh không thích hợp

nhưng với những Hội Thánh có chức sắc và đạo hữu hiến thân hành đạo mới có thể bám trụ và phát triển như Tòa Thánh Tây Ninh hay Hội Thánh Ban Chính.

Chức sắc thuộc Tòa Thánh Tây Ninh đã hiến thân phụng thờ hành đạo, từng bước được Hội Thánh bổ nhiệm đi truyền đạo nhiều nơi ở miền Nam Việt Nam nên đã quen thuộc với cảnh tha phương hành đạo, rất dễ hoà mình cùng bốn đạo trong mọi cảnh ngộ. Lại nữa, bên cạnh chức sắc còn có một số thanh niên đạo hữu hiến thân hành đạo.

Từ năm 1941, cứ 12 gia đình hợp thành “Thập nhị gia linh bảo,” thanh niên trong thập nhị liên gia được tổ chức thành nhóm thi đua học đạo và hành đạo. Giáo Sư Thượng Bảy Thanh chú ý việc huấn luyện thanh niên con em nhà đạo về đức dục và giáo lý, đặc biệt quan tâm đến các em đồng nhi. Chúng ta không quên ghi nhận dấu chân của những thanh niên đạo hữu miền Nam ở Cao Lãnh như Nguyễn Kim Sa, Nguyễn Văn Phi, Nguyễn Văn Sở vào khoảng 24 tuổi đã mạo hiểm ra tận đất Bắc xa xôi, trụ lại đó góp phần thực hiện phổ độ.

Nhờ thế mà cơ phổ độ ở Bắc Hà đạt nhiều kết quả tốt đẹp trong việc truyền giáo khắp các tỉnh miền Bắc.

• Đạo trưởng Huệ Lương hành đạo tại Bắc Việt (1948-1951).

Sau khi từ nhà tù Côn Đảo

trở về đất liền, năm 1947, Giáo Sư Ngọc Quế Thanh Thánh danh Huệ Lương lên ngụ tại Chiêu Hiến Viện ở Tòa Thánh Tây Ninh. Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc mời ông Giáo Sư vào Tòa Quốc Sự Vụ.

Năm 1948, hay tin Giáo Sư Quế nhận nhiệm vụ Giám đốc Dân Huấn Vụ sẽ ra công tác ở Hà Nội, Ngài Hộ Pháp bổ nhiệm ông Quế làm Khâm Mạng Bắc Tông Đạo.

Sự có mặt của Giáo Sư Khâm Mạng hiền hậu, trí thức, vững vàng đạo lý đã gây được nhiều cảm phục mến yêu của bốn đạo Bắc Hà, lúc bấy giờ chưa mấy thấm nhập giáo lý Đại Đạo.

Lễ sanh Phạm Tài Đoan, một đạo hữu tại Hà Nội đã ghi lại:

“Hồi này chúng tôi hằng say hành đạo, bất chấp gian nguy vì ai nấy tin tưởng mạnh mẽ vào sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng. Chúng tôi dám xông pha vào nơi thiếu an ninh để thành lập Thánh thất mới, chẳng hạn như việc khai Đạo tại làng Đào Xá, tỉnh Hưng Yên.

Làng Đào Xá thỉnh chúng tôi về khai Đạo. Theo nguyên tắc, chúng tôi thông báo ông Tỉnh Trưởng và ông Tiểu Khu trưởng tỉnh Hưng Yên (Tiểu Khu trưởng chỉ huy quân sự một tỉnh). Cả hai ông đều viết thư khuyên chúng tôi nên bỏ ý định về làng Đào Xá vì thiếu an ninh, nếu xảy ra việc gì các ông không chịu trách nhiệm.

Không lẽ lùi bước trước một khó khăn như vậy, chúng

tôi nhất định về khai Đạo tại làng Đào Xá theo như chương trình đã định. Chúng tôi góp tiền thuê 3 xe cam nhông (hồi đó chưa có xe buýt lớn như ở Sài Gòn), trương cờ, biểu ngữ trước sự ngạc nhiên của mọi người hai bên đường. Họ cho chúng tôi là lũ điên, liều mạng vào hang hùm. Không ngờ, chúng tôi đạt được mục đích.

Anh chị em làng Đào Xá trương cờ Đạo và cờ quốc gia ra đón. Cờ Đạo và cờ quốc gia đâu mà nhiều thế, từ ngoài đường cái đến đầu làng dài một cây số mà hai bên đường cờ xí rợp trời. Một cảnh tượng chưa từng có ở vùng này. Đồng

bào các xã lân cận cũng đến coi đông như kiến khiến cho ban trật tự phải lo ngại... nhưng chúng tôi không mấy quan tâm.

Lễ Khai Đạo (nơi làng Đào Xá – tỉnh Hưng Yên) hoàn thành mỹ mãn. Đồng bào vỗ tay tán thưởng bài thuyết đạo của ông Giáo Sư Khâm Mạng Ngọc Quế Thanh. Đức tin đã giúp chúng tôi thắng mọi trở lực...”

Cho đến đầu thập niên 50, Cao Đài giáo đã phổ độ đến nhiều địa phương Bắc Việt, ngoài Hà Nội còn có Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hà Tây, Gia Lâm, Hà Đông, Kiến An, Quảng Yên, Hải Dương, v.v.

– Từ giữa thập niên 50 sang



BAN TRỊ SỰ NỮ PHÁI MỎ THAN CẨM PHẢ - QUẢNG NINH.



HƯƠNG ĐẠO XÃ LONG TÂN PHỦ ỨNG HÒA - HÀ ĐÔNG 1947.

các thập niên 60 và 70 là thời kỳ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến tranh hết sức ác liệt. Hoàn cảnh xã hội không thuận lợi cho sự phát triển của các tôn giáo nói chung. Trong bối cảnh ấy, Ngài Cao Triều Phát (Minh Chơn Đạo) ra Hà Nội công tác song song với việc hành đạo củng cố tinh thần đạo hữu, đoàn kết các chi phái hiện diện ở Bắc Hà. Về sau, Ngài Tô Văn Pho (Ban Chính Đạo) cũng tiếp tục đường hướng này đem Đạo vào đời, nên đã tạo được nhiều tin tưởng và cảm tình của chính quyền các cấp.

- Giai đoạn sau 1975 đến nay

Trên mạng xã hội Facebook, có một số bài viết của một thanh niên Cao Đài Tây Ninh tên Tạ Thành Giáo, cháu nội của vị Giáo Hữu Khâm Châu Đạo Hà Tây. Đạo hữu Giáo viết như tâm sự với các bạn Đạo:

“Có nhiều bạn bè lấy làm lạ mỗi khi thấy tôi đăng những hình ảnh liên quan tới đạo Cao Đài, một số thì hỏi tôi rằng:

- Lý do tôi theo Cao Đài? Và tôi theo đạo này từ bao giờ? v.v.

Sự thật là tôi được sinh ra trong một gia đình theo đạo Cao Đài từ buổi phôi thai nơi đất Bắc. Nhưng những ấn tượng về đạo Cao Đài của tuổi thơ tôi cũng lu mờ như cái màn sương giữa trời đông giá rét vậy...

Bởi hồi đó Đạo chưa được chính quyền cấp tư cách pháp nhân hoạt động nên đồng đạo chỉ thực hiện nghi thức cúng kiếng theo một nhóm nhỏ tại

tư gia của một vị đạo hữu mà thôi. Có chăng những ký ức còn lại bây giờ chỉ là những lần được theo bố mẹ tới dự lễ. Nói thì nói vậy chứ lúc đó lũ trẻ chúng tôi chẳng quan tâm việc người lớn họ làm gì, chỉ cần được gặp nhau để đùa nghịch và quậy phá là vui rồi! Khi ra về mỗi đứa còn được nhận thêm một túi lộc xinh xinh nữa, như thế trẻ con đứa nào lại chả thích, chả hí hửng đòi theo mỗi khi tới ngày dự lễ.

Thời gian cứ thế trôi đi, tuổi thơ của tôi qua nhanh tới mức tôi chưa kịp định hình ra điều gì cả, mọi thứ cứ mờ mờ ảo ảo như một giấc mơ vậy, ấy thế mà bây giờ nghĩ lại nhiều lúc cũng vui vui thú thú ra phết!

Đọc tới đây có lẽ nhiều người sẽ có nhận định rằng: “Sở dĩ tôi theo Đạo là vì được sinh ra trong một gia đình có truyền thống rồi! Có chăng tôi cũng chỉ là sống trong cái khuôn khổ, đi theo một cái lối mòn đã được định sẵn của gia đình...”

- Có vị đạo hữu ở Thánh thất Thăng Long Hà Nội đi vào Nam khi đứa con trai chỉ mới được một tuổi! Hoàn cảnh đất nước phân ly nên ông phải ở lại miền Nam rồi hành đạo qua các miền đất Quảng Ngãi, Nha Trang, Cao Lãnh, Cà Mau, v.v. và trụ lại đất Thánh Tây Ninh với phẩm Giáo Hữu.

Tháng 6 năm 1975, có một chiến sĩ trẻ tìm đến Tòa Thánh Tây Ninh để truy tìm tung tích người cha đã 20 năm chưa hề

biết mặt với ít dòng thông tin của mẹ. Tại Thánh thất, khi thấy một anh bộ đội trẻ từ miền Bắc cộng sản vào nhưng khi lên chánh điện thực hiện nghi thức bái lạy rất thuần thực và nghiêm trang nên các đạo hữu Cao Đài rất lấy làm ngạc nhiên!...

Năm 1982, khi Giáo Hữu Ngọc Hậu Thanh... xin được về quê hương, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa cầm tay, dặn dò...

Vì biến cố đất nước phải rời bỏ quê hương ra đi với hai bàn tay trắng, nay trở về lại vẫn trắng tay sao trong lòng không khỏi buồn ngủi... Thánh thất nơi quê nhà đã bị chiến tranh tàn phá nay chỉ còn là một phế tích ngổn ngang, Thánh thất Thăng Long, số 29 Lý Thường Kiệt - Hà Nội, nơi quy tụ tâm linh của toàn đạo Cao Đài Tây Ninh phía Bắc giờ cũng chỉ còn lại trong ký ức của toàn thể chức sắc và tín đồ lưỡng phái... Nhiều chức sắc như cụ Lê Sanh Thái Thái Thanh, Lê Sanh Hương Dư... và hàng ngàn tín đồ Cao Đài Tây Ninh phần thì đã mất, phần thì ly tán hết, cũng có người vì không chịu nổi thử thách nên rời Đạo, hay có người vì chọn cách âm thầm giữ Đạo nên buộc phải quy thuận về Thánh thất Cao Đài Thủ Đô thuộc chi phái Bến Tre...

Không đành lòng nhìn một nền đạo đức bị ngửa nghiêng, nội đứng lên cùng một số chức việc khi ấy vận động số đồng đạo còn lại góp tiền và công sức xây cất ngôi thờ Đức Chí

Tôn trên chính nền móng của Thánh thất cũ, ngày ngày nội ra coi sóc công việc xây cất cùng anh em đồng đạo mà trong lòng tràn đầy hạnh phúc.

Hỡi ôi! Cũng bởi vạn sự do Thiên định, công việc xây cất Thánh thất phải tạm dừng lại vì thời ấy Đạo chưa được nhà nước cấp tư cách pháp nhân cho nên mọi công việc truyền bá hay xây dựng đều phải đợi sự chấp thuận của chính quyền.

Tất cả đồng đạo lại đành quay về cuộc sống giữ Đạo thuần túy, Thánh tượng Thiên Nhân được chuyển về thờ tạm tại tư gia vị cố Chánh Trị Sự Nguyễn Thị Ninh coi sóc đèn nhang hàng ngày còn tín đồ thì chỉ một tháng hai lần tới dự lễ vào ngày Rằm và ngày mừng Một...

Thời gian thì cứ lặng lẽ trôi đi, tuổi tác con người mỗi ngày cũng già tăng mà tin vui vẫn chẳng thấy đâu, nội chỉ còn biết buồn rầu trong im lặng và chờ đợi... nhìn những bức tường Thánh thất đang xây dở bị thời gian hoang hóa đã đổi màu làm

sao một con người vì Thầy, vì Đạo không khỏi chạnh lòng...

Chiếc áo đạo phục nội vẫn thường khoác trên mình mỗi khi vô cùng đàn nay đành gấp gọn trong chiếc rương nhỏ, đôi lúc nội trằn trằn nhìn vào chiếc áo ngắm nghía hồi lâu, những quá khứ oai hùng lại như dội về trong tâm khảm của nội, mỗi vết sờn trên vai áo đều là kỷ niệm gắn bó về những năm tháng hành đạo tha hương của nội. Nội nói với ba tôi: “Tâm nguyện của cha đó là làm sao trước khi cha mất sẽ được khoác lại chiếc áo này...!” Câu nói tưởng như bình thường dung dị ấy lại khiến cho cha tôi trăn trở mãi không yên, làm sao để hoàn thành tâm nguyện của nội?

Tôi nhớ hồi đó những tài liệu liên quan tới đạo Cao Đài rất hạn hẹp, những gì tôi cảm nhận được về Đạo chỉ là qua cách sống, sinh hoạt của nội và một vài cuốn sách cầm tay nội mang theo khi rời Tòa Thánh... Tôi để ý thấy ít lâu nội lại tới viếng thăm gia đình những

người đồng đạo và bà con lối xóm trong trang phục truyền thống của người đệ tử Cao Đài. Nhưng những điều ấy cũng lướt qua rất nhanh trong tôi vì nó chưa đủ để tôi cảm nhận và tin theo giáo thuyết Cao Đài...

Những năm tháng tiếp theo, sau khi Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh có pháp nhân, nhờ những nỗ lực không mệt mỏi của quý đồng đạo nơi làng quê Phúc Đức nên cuối cùng đã xin được giấy phép xây cất Thánh thất theo khuôn mẫu của Tòa Thánh Tây Ninh. Ở đây tôi có dịp được gặp gỡ những người đồng đạo trong Tòa Thánh ra làm công quả lo xây cất Thánh thất theo chỉ thị của Hội Thánh. Nhiều phái đoàn các Tộc Đạo ở mọi nơi tới thăm viếng và giúp đỡ nhiều mặt về tinh thần cũng như tài chính cho công cuộc xây dựng. Họ thực sự đã làm tôi cảm thấy quý mến vì cách ứng xử, quan tâm của họ đối với người Đạo chúng tôi. Chẳng họ hàng, chẳng thân tộc gì cả, từ một nơi xa lắc xa lơ, chỉ chung nhau có hai chữ Cao Đài thể mà quý nhau như ruột thịt.

Mãi tới sau này tôi mới hiểu được rõ ý nghĩa của những lời trong Thánh ngôn mà Đức Chí Tôn chỉ dạy:

*Chẳng quản đồng tông mới
một nhà,*

*Cùng chung một Đạo tức
một Cha,*

*Nghĩa nhơn đành gửi thân
trăm tuổi,*

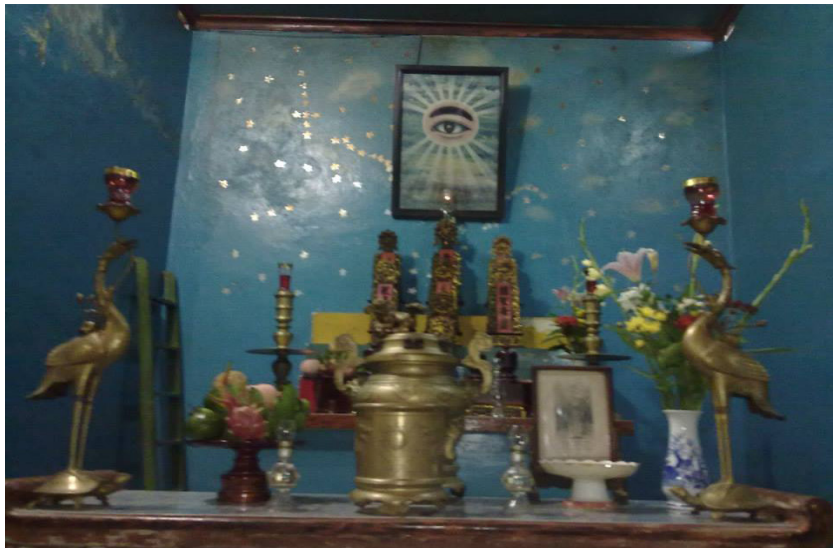


Dạy lẫn cho nhau đặng chữ Hòa.

Và tôi nhận ra một điều, thứ khiến tôi có cảm hứng, lôi cuốn tôi tìm hiểu giáo lý Cao Đài không phải là do nơi triết lý cao sâu hay truyền thống gia đình dòng tộc mà nó bắt nguồn từ những điều dung dị mà thiêng liêng nhất đó là sự gần gũi, sự sẻ chia trong tình thương yêu của những tín đồ Cao Đài trên mọi miền tổ quốc!

Còn ông tôi, đã thật sự mãn nguyện khi Thánh thất xây dựng mới được hoàn thành

cùng với sự gia tăng số lượng đạo hữu mới, nhứt là mỗi khi về Thánh thất có tiếng cười đùa của các em cháu đồng nhi. Có những đợt cầu thăng chúc sắc, nhiều người gợi ý ông tôi nộp đơn cầu thăng lên phẩm Giáo Sư, nội chỉ mỉm cười nói “Mình đã lớn tuổi, đầu còn sức khỏe để gánh vác thêm những việc lớn lao hơn, làm được phần nào bổn phận của người Giáo Hữu ‘củng cố đức tin của đồng đạo’ trong giai đoạn đất nước khó khăn thời hậu chiến, được như thế là vui lắm rồi.”



THIÊN BÀN CHÍ TÔN VÀ BÀN HỘ PHÁP Ở THÁNH THẤT PHÚC ĐỨC TRONG THỜI GIAN CHỜ ĐƯỢC CẤP PHÉP CHO XÂY DỰNG MỚI.



HÀ NỘI, NGÀY 23 THÁNG 6 NĂM QUÝ TỶ (2013)

TẠ THÀNH GIÁO.

II. SƠ KẾT

Từ khi mới lập Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy:

Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà,

Nam Bắc rồi cùng ra ngoại quốc,

Chủ quyền Chơn Đạo một mình Ta.

Thời điểm này, tiếng chuông trống Cao Đài đã rền vang trên đất Bắc tròn 80 năm. Là những người tiếp nối đạo nghiệp hôm nay chúng ta nhắc lại lịch sử để ghi nhớ công lao của quý tiền bối, học lấy gương sáng về đức tin và đức hy sinh vì Thầy vì Đạo phụng sự nhơn sanh. Dầu bao gian lao khắc nghiệt của binh đao hay những thử thách bởi chế độ xã hội của nhà cầm quyền thực dân nhưng nơi đâu sóng ngọn gió đã có biết bao thế hệ tín hữu Cao Đài không phân biệt phái chi đã kiên định trụ vững làm sáng danh Thầy danh Đạo.

Hiện nay, sau 80 năm đầy những biến động lịch sử của đời và đạo từ khi Cao Đài giáo chánh thức đặt chân lên miền Bắc Việt Nam, đã có các Thánh thất hay Thiên bàn của các Hội Thánh Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trụ vững và phát triển trên nhiều tỉnh thành như: Tây Ninh, Ban Chính, Truyền Giáo...

Ngày nay, khi hoàn cảnh đổi

mới thuận lợi hơn, cơ đạo miền Bắc với bao lớp trẻ tiếp nối chắc chắn sẽ góp phần thúc đẩy công cuộc phổ độ chúng sanh, chấn hưng đạo đức dân tộc và mang ánh sáng đại đồng lan tỏa hầu góp phần chung tay thực hiện sứ mạng Kỳ Ba như lời Đức Cao Triều Phát, đại diện một thế hệ tiền bối đã từng dẫn thân hành đạo nơi Bắc Hà mong ước:

*Dù thế cuộc sắp bày dâu bể,
Dù nước nhà trong thế loạn ly,
Nghiêng vai sứ mạng Tam Kỳ,
Trải thân hướng đạo bù chi vạn sinh.*

Kỷ niệm 80 năm Cao Đài giáo chính thức truyền ra đất Bắc, chúng ta nhắc lại vài dòng lịch sử để ghi nhớ công lao của bao thế hệ tiền nhân, đặc biệt với những đồng đạo đã kiên trì trong giai đoạn khói lửa chiến tranh cận đại cùng với những kỳ thị ấu trĩ về hệ tư tưởng, đã âm thầm kiên trì nuôi dưỡng hạt giống Cao Đài chờ đợi ánh xuân quang. Giờ đây, người cán binh bộ đội Bắc Việt vào năm 1975 ấy xuôi dòng lịch sử của đất nước đi vào Nam tìm cha, nguyên là vị Chánh Trị Sự đã hiến đất và nhà của mình để làm Thánh thất, cũng đã trở thành Lễ sanh Phó Ban Cai quản của một Thánh thất ở Hà Tây đang cùng với con trai tiếp nối truyền thống đạo nghiệp của cha ông phổ độ sanh chúng.

Hôm nay đây, bình minh đã ló bóng thái dương, anh chị em đồng đạo ở miền Nam có nghĩa vụ phụ trợ huynh tỷ trên đất Bắc: trước là giúp ích gầy dựng lại các cơ sở thờ tự, kế là có kế hoạch xương minh giáo lý Đại Đạo để tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp của Cao Đài vào xã hội mà các thế hệ đi trước đã thực hiện nhưng vẫn chưa kịp hoàn tất nên lòng hằng mong ước.

*Người đi trước quên mình vì Đạo,
Mong ai sau hoài bão tương lai,
Xương minh giáo lý Cao Đài,
Mở cơ tận độ trong ngoài vạn bang.¹³*

Bài viết có sử dụng tài liệu phổ biến trên internet của Thừa Sứ Lê Quang Tấn và đạo hữu Tạ Thành Giáo.■

13. Đức Cao Triều Phát, 23–8 Canh Tuất (22–9–1970).

Vương Duy (701 – 761), là nhà thơ sống vào thời kỳ Thịnh Đường. Thơ văn của ông được người đương thời và các nhà phê bình nghiên cứu sau này đánh giá cao. Về sáng tác, thơ Vương Duy chịu ảnh hưởng của Thiền tông đã tạo nên một chỗ đứng riêng cho ông trên thi đàn – Thi Phật, sánh ngang với Thi Tiên – Lý Bạch, Thi Thánh – Đỗ Phủ. Vì những lẽ trên, việc nghiên cứu thơ Vương Duy về sau dễ đi vào lối mòn, ảnh hưởng nhận định của những nhà nghiên cứu trước. Trong bài viết này, người viết cố gắng tìm lại những nguồn dẫn chứng những vấn đề lý luận căn bản và những đánh giá xác đáng về thơ sơn thủy của Vương Duy, chủ yếu là trong thời kỳ bán quan bán ẩn (từ năm 736 sau khi Trương Cửu Linh bị bãi chức) và đi theo con đường tu tập của cư sĩ – bồ tát Duy Ma Cật.

1. THUYẾT TÍNH KHÔNG CỦA PHẬT GIÁO VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO ĐẾN THƠ SƠN THỦY TRUNG QUỐC

Tính Không (c: 空性; s: sūnyatā शून्यता; ti: སུང་བ་ཉིད་) là một triết thuyết quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Phật giáo có từ thời Phật giáo Nguyên thủy và tiến đến Phật giáo Đại Thừa trong lý luận Bát-nhã ba-la-mật-đa kinh. Thuyết Tính Không được Sư Long Thọ¹ hệ thống hóa và phát triển, chứng minh thế giới hiện thực không thật hiện hữu, một sự thật chỉ tồn tại bởi sự hiện diện của cái đối nghịch. Từ đó, Sư luận rằng mọi sự đều tương đối, không có gì bất biến trường tồn nằm sau sự vật, tất cả đều là Không (s: sūnyatā). Sư từ chối mọi quan điểm cực đoan và đây chính là điểm xuất phát của tư tưởng Trung đạo (c: 中道; s: mādhyaṃpradīpā मध्यमाप्रदिपिद;

1. Long Thọ – tiếng Hán là 龍樹, phiên âm tiếng Phạn S: Nāgārjuna नागार्जुन, sinh vào khoảng thế kỷ I – II sau Công nguyên, là một trong những luận sư vĩ đại nhất của lịch sử Phật giáo. Người sáng lập ra Trung Quán Tông.

tìm hiểu

THƠ SƠN THỦY VƯƠNG DUY qua THUYẾT TÍNH KHÔNG của PHẬT GIÁO

■ NHÀ TU



Minh họa: Bửu Long.

ti: द्रव्यम्), giáo lý căn bản của Trung quán tông². Long Thụ lấy thuyết Mười hai nhân duyên³ làm khởi điểm, vì đối với Sư, đó là qui luật nói lên bản chất của thế giới. Sư xem bản chất đó là Không – vì trong đó không có thành hay hoại, vô thường hay trường cửu.

Tính chất trống không của thế gian được Long Thụ chỉ rõ bằng sự tương đối của khái niệm. Các khái niệm chỉ dựa lên nhau mà có, không có khái niệm nào tồn tại độc lập. Từ đó Sư suy ra, sự vật cũng không có thật vì mỗi sự vật đều phải dựa lên trên những sự vật khác mà hiện hữu. Một trong những lý luận tối trọng về tính Không chính là Vô ngã⁴. Không có một nguyên nhân cơ bản mà chỉ có những mối kết cấu, một mạng lưới Duyên khởi⁵. Và nếu chỉ có thể nói về một mạng lưới Duyên khởi thì cũng không thể nào tìm thấy được một cách tồn tại độc lập, tự sinh, tự khởi. Và như vậy người ta có thể kết luận là: Tất cả đều trống Không (s: sūnya) cách tuyệt một tự tính (c: 自性; s: svabhāva स्वभाव; ti: स्वभावज्ञ), không có một tự tính nào cả. Cái trống rỗng, cái tính Không (s: sūnyatā) trong Trung quán tông có một ý nghĩa hai mặt: một mặt, tính Không không có một tự ngã nào; mặt khác, tính Không đồng nghĩa với sự giải thoát, vì tính Không chính là bản thể tuyệt đối.

Một tác phẩm quan trọng có ảnh hưởng đến Phật giáo Trung Quốc (đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến Vương Duy) chính là Duy-ma-cật kinh. Quan điểm trọng yếu của Kinh là tính Không của tất cả các pháp. Trong tính Không này, cả Hữu lẫn Vô đều được hợp nhất.

Tính Không trong Thiền tông chính là sự tổng hợp độc đáo của hai giáo lý, hai học thuyết nền tảng của Đại thừa Ấn Độ đó là Trung quán (中觀; s: madhyamaka मध्यमक) và Duy thức (

唯識; s: vijñānavāda विज्ञानवाद). Đồng thời Thiền tông còn kế thừa lập trường thiền và tri kiến về tính Không trong cuộc sống của Duy-ma-cật kinh.⁶

Thơ viết về cảnh sơn thủy đã có từ rất lâu đời trong thơ ca Trung Quốc. Tuy nhiên, khái niệm thơ sơn thủy thì đến Thi cách của Vương Xương Linh mới được phát biểu một cách cụ thể: Sơn thủy thi tức là biểu dương cái đẹp diễm lệ của suối đá mây gió, nắm bắt cái thần của cảnh và xúc động tâm tình, sau đó suy tư để hiểu bản chất của cảnh tượng”.⁷ Đối tượng thẩm mỹ cơ bản của thơ sơn thủy là biểu dương cái đẹp của tự nhiên; tư duy nghệ thuật là nắm bắt cái thần của cảnh mà xúc động tâm tình; đặc trưng của thơ sơn thủy là suy tư để hiểu bản chất cảnh tượng. Vương Xương Linh đã đưa ra khái niệm đánh dấu mốc hình thành thể loại thơ sơn thủy: thơ sơn thủy là một thể tài độc lập của thơ ca, lấy thiên nhiên làm đối tượng thẩm mỹ chủ yếu, thông qua miêu tả cảnh vật để bộc lộ tâm tình.

Thời Tiên Tần đến Ngụy Tấn, cảnh sơn thủy là chất liệu cho thi ca. Con người cảm nhận về thiên nhiên gắn liền với đời sống lao động và đời sống tình cảm của con người. Hình ảnh về thiên nhiên chất phác, thực tả trong Kinh Thi, giao hòa tình, cảm thán trong thơ Ngụy Tấn. Đến Nam Bắc Triều, thơ theo đuổi chân diện mục của sơn thủy với đại biểu xuất sắc là Tạ Linh Vận đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm thụ khách quan và cảm thụ chủ quan, cảnh luôn được di chuyển theo bước chân của thi nhân. Đời Đường hội tụ tất cả những điều kiện thuận lợi cho nền thơ ca phát triển đỉnh cao. Kế thừa những thành tựu thơ sơn thủy trước đó, thơ sơn thủy đời Đường tiến thêm một bước trong mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, dung tình vào trong cảnh, cảnh và tình kết hợp. Có thể xem đặc điểm chung nhất, cơ bản nhất

2. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách (1999), Từ Điển Phật Học, NXB Thuận Hoá-Huế.

3. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách, sđd.

4. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách, sđd.

5. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách, sđd.

6. Tuệ Sỹ dịch (2008), Duy Ma Cật sở thuyết (維摩詰所說), NXB Phương Đông.

7. Trần Trung Hỷ (2007), Thơ sơn thủy cổ trung đại Trung Quốc, NXB Giáo dục, (tr.75)

của thơ sơn thủy đời Đường là “trọng tình”, với bút pháp đặc trưng nhất là “nhập thần”, không theo đuổi sự tái hiện diện mạo và là biểu hiện cái thần của cảnh tượng thiên nhiên.⁸

Đối với tự nhiên, Phật giáo không chủ trương hợp nhất mà là thái độ “quán tưởng tĩnh sát”, tự nhiên cũng không biểu hiện luân lý đạo đức mà thường chỉ là những ẩn dụ cho Phật pháp vô biên, lấy tự nhiên để ngộ đạo, để thể hiện đạo. Phương pháp “dĩ thiên nhập thi” đã tạo ra những bài thơ thiền thấm đẫm những triết lý nhân sinh, cảnh giới tinh thần hòa quyện cùng cảnh vật tự nhiên mà cảnh giới diệu ngộ nhất là đều quên cả ta lẫn vật. Ba cách đưa thiền vào thơ: thứ nhất, đưa thiền ngữ, Phật điển vào thơ; thứ hai, đưa vào thơ những nhận thức, những hứng thú về thiền ý, những thể ngộ về thiền cảnh (tự nhiên cảnh vật mang một nội dung triết lý về thiền); thứ ba, dùng tư tưởng thiền sáng tác thơ ca tự nhiên tự tại, không phân biệt ngã – vật. Phá bỏ ngã pháp lưỡng chấp, thiền học cũng phá bỏ thời gian, phương vị khiến con người nhập vào trạng thái vô thức như mây bay nước chảy, hoa nở, lá rơi, tự do tự tại, thanh nhàn siêu việt sinh diệt⁹ mà ta có thể cảm nhận được ý vị thiền, thi tình và họa ý kết hợp cực nhuyễn trong thơ Vương Duy.

Có thể nói Thiền bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng đã trở thành một tông phái độc lập khi được truyền sang Trung Quốc, đặc biệt là sau thời của Lục tổ Huệ Năng. Nơi đây, Thiền tông đã hấp thụ cốt tủy của nền văn hóa, triết lý Trung Quốc. Nhà Ấn Độ học và Phật học danh tiếng của Đức H. W. Schumann viết như sau trong tác phẩm Đại thừa Phật giáo (Mahāyāna-Buddhismus): “Thiền tông có một người cha Ấn Độ nhưng đã chẳng trở nên trọn vẹn nếu không có người mẹ Trung Quốc. Cái “dễ thương”, cái hấp dẫn của Thiền tông chính là những thành

phần văn hóa nghệ thuật, những đặc điểm sắc thái riêng của Trung Quốc, không phải của Ấn Độ. Những gì Phật giáo mang đến Trung Quốc – với tư tưởng giải thoát tuyệt đối, trình bày một cách nghiêm nghị khắt khe với một ngón tay trở chỉ thẳng – những điều đó được các vị Thiền sư thừa nhận, hấp thụ với một nụ cười thâm lặng đầy thi vị. Thành tựu lớn lao của các Đại luận sư Ấn Độ là nhét “con ngỗng triết lý” vào lọ, thì – chính nơi đây, tại Trung Quốc – con ngỗng này được thả về với thiên nhiên mà không hề mang thương tích.”¹⁰

2. THUYẾT TÍNH KHÔNG THAY ĐỔI VỊ TRÍ CHỦ THỂ TRONG THƠ VƯƠNG DUY

Mỗi bài thơ Đường là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tình và cảnh. Hoặc tình khởi cảnh, hoặc cảnh khởi tình và trong đó, bao giờ cũng tồn tại một nhân vật trữ tình. Con người trong thơ Đường là con người trung tâm, con người đặt mình trong mối quan hệ tương thông, tương hợp với tự nhiên. “Con người đứng ở giao điểm của không gian, thời gian... bản thân con người cũng là một không – thời gian hữu hạn. Nó không thể trong cùng một lúc vừa ở chỗ này vừa ở chỗ khác, nó không thể vừa ở hôm nay vừa ở ngày mai. Thời gian mà nó tồn tại bao giờ cũng là “hôm nay”, không gian mà nó có mặt bao giờ cũng ở “nơi này”¹¹

Hình ảnh con người này được Trần Tử Ngang thể hiện trong Đăng U Châu đài ca:

前不見古人，後不見來者
念天地之悠悠，獨愴然而涕下。

Tiền bất kiến cổ nhân, Hậu bất kiến lai giả.

Niệm thiên địa chi du du, Độc sảng nhiên nhi thể hạ.

(Phía trước không còn thấy người xưa
Phía sau cũng không thấy người tài giỏi đến
Nghĩ đến trời đất thật mệnh mông

8. Trần Trung Hỷ (2007), sđd (tr. 62)

9. Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (1997), Về thi pháp thơ Đường, NXB Đà Nẵng, tr.16–17

10. Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách, sđd.

11. Nguyễn Thị Bích Hải (2006), Thi pháp thơ Đường, NXB Thuận Hóa, tr. 43.

Một mình thương cảm nước mắt tuôn rơi.)

Con người thứ hai thường thấy đó là: Con người đặt mình trên trục thời gian vô tận, trong một chiều không gian vô biên để giới hạn lại sự tồn tại của chính bản thân mình một điểm trụ. Đẳng cao của nhà thơ Đỗ Phủ tuy được xây dựng theo kết cấu cảnh khởi tình nhưng cảnh đó là quan hệ “vật dĩ tình quan” (vật được quan sát bởi tình)

Phong cấp, thiên cao, viên khiêu ai,

Chủ thanh, sa bạch, điểu phi hồi.

Vô biên lạc diệp tiêu tiêu hạ,

Bất tận trường giang cổn cổn lai.

Vạn lý bi thu thường tác khách,

Bách niên đa bệnh độc đặng đài.

Gian nan khổ hận phần sương mấn,

Lạc đảo tân đình trọc tửu bôi.

(Gió thổi, trời cao, tiếng vượn kêu rầu rĩ,

Bến nước trong, làn cát trắng, chim bay liệng vòng.

Ngàn cây bát ngát lá rụng xào xạc,

Dòng sông dằng dặc, nước cuốn cuộn trôi.

Muôn dặm thu buồn, xót thân thường nơi đất khách,

Suốt đời quặt queo, một mình lên ngắm trên đài.

Gian khổ uất hận, mái tóc thêm ngả màu sương,

Lặn đạn vì mang nhiều bệnh mới phải ngừng chén rượu đục.)

Tác giả hòa mình với thiên nhiên. Nhưng với cách nhìn thiên nhiên hữu tình, thiên nhiên được ước lệ toàn bộ những trạng thái, tình cảm cảm xúc của tác giả. Cảnh không gian bao la nhưng sự vật thì nhỏ nhoi, đơn độc. Bốn câu thơ đầu trong Đẳng cao thuần về tả cảnh nhưng cách lựa chọn cảnh mang tính biểu tượng, ẩn dụ cao đã tạo nên một trường ngữ nghĩa rộng – bước đệm về tình cho bốn câu sau.

Cũng mang trong lòng những chiêm nghiệm về dòng chảy của thời gian, về triết lý nhân sinh, Vương Duy đem đến cho ta một ấn tượng sâu nhưng thoát. Con người không còn đứng ở vị trí trung tâm nhìn ra vạn vật, không bị ràng buộc, không đứng yên, không bí thế bi quan.

Con người đứng ở thực tại nhưng đã vượt khỏi hình tướng tồn tại đó – vượt được giới hạn của thời gian và không gian.

孟城坳¹²

新家孟城口，古木餘衰柳。

來者復爲誰，空悲昔人有。

MANH THÀNH AO

Tân gia Mạnh Thành khẩu, Cổ mộc dư suy liễu

Lai giả phục vi thùy, Không bi tích nhân hữu.

(CỬA MẠNH THÀNH

Nhà mới của Mạnh Thành, Cội liễu già sót lại

Kẻ đến sau sẽ là ai, Buồn thương người chủ xưa.)

Võng Xuyên tập hiếm mới có một bài thơ mang đậm chất suy tư và buồn thương như Mạnh Thành ao. Hai câu thơ đầu thuần về tả cảnh nhưng cái không gian cảnh lưng chừng nửa mới của nhà, nửa cũ của sân vườn cội liễu đã gợi ra tâm thế xót xa của người chủ mới – tác giả. Hai câu sau nối tiếp tình huống được đặt trong dòng chảy vô tận của thời gian. Đứng ở không gian thực tại nhưng cảnh trạng của không gian thực tại không đứng yên, nó là sự nối dài của quá khứ và bắt đầu của tương lai. Chính tác giả là người đã đến sau nhưng nhanh chóng chuyển thành người đến trước. Tâm trạng buồn thương cho người chủ cũ không bị gói lại mà còn dành cho bản thân mình và tất cả những người chủ sau. Ý thơ chuyển hóa khiến cho cảm giác vô thường, vòng luân hồi luôn dịch chuyển. Sự buồn thương đó sẽ mãi mãi không bao giờ dứt. “Đã biết vật xưa chẳng đến mà lại nói vật nay có đi; vật xưa đã chẳng đến mà vật nay làm sao đi được? Tại sao? Tìm vật xưa nơi xưa, xưa chưa từng không; tìm vật xưa nơi nay, nay chưa từng có. Nay chưa từng có thì rõ ràng không đến; xưa chưa từng không, nên biết vật chẳng đi...”¹³

Ở đây, Vương Duy từ nhận thức chân lý tục

12. Trần Thiết Dân tuyển chú (2002), Vương Duy thi tuyển, Nhân dân văn học xuất bản xã, tr. 118.

13. Chân Nguyên, Đỗ Tường Bách, sđd.

để chấp nhận nhị nguyên giữa cái mới và cái cũ, giữa người đến trước và người đến sau để đến cuối cùng ta thấy đó là một vòng luân chuyển mà tác giả đã đi đến dung hóa mọi thứ thành Bất nhị. Ai đến sau rồi cũng sẽ là người đến trước và sau hay trước thì cũng sẽ đều là Không. Nỗi buồn thương của chủ thể trong thơ không bi lụy, không phải là thương tiếc mà là tâm cảm của vô thường.

Thứ hai, thường thấy trong thơ Vĩng Xuyên tập là con người thoát tục, con người không phải con người trong thế giới ngũ uẩn, thất tình lục dục. Con người ở đây tự tại đi tìm sự đối đãi tự do bình đẳng, không dùng vật như đối tượng chuyên chở tình cảm, tư tưởng.

辛夷塢¹⁴

木末芙蓉花，山中發紅萼。
澗戶寂無人，紛紛開且落。

TÂN DI Ổ

Mộc mạt phù dung hoa, Sơn trung phát hồng ngọc

Giản hộ tịch vô nhân, Phân phân khai thả lạc.
(XÓM TÂN DI

Ngọn cây hoa phù dung, Trong núi nở ra đài hoa hồng

Nhà nơi khe núi tĩnh lặng không người, Chen chút nhau nở rồi lại rụng.)

Một bức tranh bình dị và gần như không có sự xuất hiện của con người. Đứng trên lập trường Trung Quán mà xét thì Vương Duy đã dẫn đạt được vô ngôn. Đó là nói đến một lối sống, một cách hiện hữu, nhận thức, và hành động hoàn toàn tự tại, tự do và vô ngại về cả vật chất và tinh thần, giải thoát khỏi sự trói buộc của chấp trước và phiền não. Tác giả đã hoàn toàn để vật làm chủ trong bức tranh của xóm Tân Di. Tân Di là nơi ở của con người, là nơi ở của cây cỏ hoa lá, là nơi ở của vạn vật. Và với tâm tĩnh vô ngôn, Vương Duy đã không xâm phạm đến không gian tự do, bình đẳng của hoa phù dung đang chen chút nhau

trong vòng xoay thường hằng nở rồi lại rụng. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Phúc cho rằng bài thơ được viết theo hướng "vô ngã chi cảnh" (cảnh giới không có sự tham dự của chủ thể trữ tình), tác giả để cho cảnh vật tự thể hiện, tự bộc lộ, chủ thể chỉ len lén chụp lại mà thôi¹⁵. Quả thật, Vương Duy đã đạt được cảnh giới đó, có mà không làm động chuyển các vật khác, tồn tại mà không áng mất sự tự do của vật khác. Lời thơ bình dị nhưng ý thơ thấm đẫm thiên vị sắc không.

Mỗi nhà thơ đều có một cách để đi đến thiên nhiên, đi đến tâm hồn của mình và để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng người tiếp nhận. Trần Tử Ngang khác, Đỗ Phủ khác và Vương Duy đi theo một cách khác. Thơ Vương Duy không phải "tả cảnh trữ tình" mà thuận tòng nhận thức thẩm mỹ "do vật cập tâm" (từ vật dẫn đến tâm). Nói cách khác, cái đẹp mà thơ sơn thủy Vương Duy đem đến là sự giao hòa nhuần nhuyễn giữa ngoại giới (vật) và tâm giới (tình), vật hóa thành tâm, tâm hóa thành vật, con người và thiên nhiên tạo vật tồn tại trong không gian và thời gian một cách bình đẳng, không "ai" chiếm lĩnh, phụ thuộc "ai".¹⁶

竹里館¹⁷

獨坐幽篁裏，彈琴復長嘯。
深林人不知，明月來相照。

TRÚC LY QUÁN

Độc tọa u hoàng lý, Đàn cầm phục trường khiếu
Thâm lâm nhân bất tri, Minh nguyệt lai tương chiếu.

(QUÁN TRÚC LY

Một mình tọa giữa rừng tre vắng lặng, Gẩy đàn rồi hét vang

Rừng sâu người không biết, Trăng sáng đến soi lẫn nhau.)

15. Nguyễn Đình Phúc (2008), Thi pháp thơ Đường, những vấn đề mới về lý luận và phương pháp tiếp cận (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường), ĐH KHXH & NV TP.HCM.

16. Trần Trung Hỷ (2010), sđd.

17. Trần Thiết Dân, sđd, tr.126.

14. Trần Thiết Dân, sđd, tr. 127.

Trúc Ly quán cho thấy hình ảnh của một Vương Duy cư sĩ đang thiền định. Thân làm các việc phàm phu mà không xả Đạo pháp, ấy mới là tĩnh tọa. Không bị dao động trong các kiến chấp mà tu hành ba mươi bảy phẩm, ấy mới là tĩnh tọa¹⁸. Vương Duy tĩnh tọa không phải lúc nào cũng ngồi trong yên lặng. Ông giao hòa giữa sự lặng yên với những âm thanh trong trẻo từ tiếng đàn của cuộc sống, âm thanh hào sảng, hứng khởi của con người tự nhiên nhưng không phải con người tách biệt. Trăng và người soi sáng lẫn nhau đạt đến một trạng thái hòa đồng và tự do. Trăng là chủ thể chủ động và người cũng là chủ thể chủ động tìm đến nhau một cách tự nhiên mà không có sự trở ngại hay gượng ép. Ranh giới của đời sống nhân tạo và đời sống tự nhiên đã không còn tự tính của nó nữa.

3. THUYẾT TÍNH KHÔNG CHUYỂN HÓA SẮC THÁI KHÔNG GIAN, THỜI GIAN TRONG THƠ VƯƠNG DUY

Không gian thường thấy trong Đường Thi là không gian đăng cao, không gian lữ thứ, và không gian được quan sát tản điểm. Phương thức quan sát không gian theo hướng tản điểm đã hình thành từ rất lâu trong lịch sử Trung Quốc, nó được Quách Hy, một họa gia nổi tiếng đời Tống tổng kết thành phạm trù lý luận “tam viễn pháp 三遠法” (phép tam viễn), được nêu trong bộ sách lý luận hội họa nổi tiếng Lâm tuyên cao trí của ông. Trong sách ấy, mục Sơn xuyên huấn viết:¹⁹

Tự sơn hạ nhi ngưỡng sơn điền, vị chi cao viễn; tự sơn tiền nhi khuy sơn hậu, vị chi thâm viễn; tự cận sơn nhi vọng viễn sơn, vị chi bình viễn. Cao viễn chi sắc thanh minh, thâm viễn chi sắc trùng hối, bình viễn chi sắc hữu minh hữu hối. Cao viễn chi thể đột ngọt, thâm viễn chi ý trùng điệp, bình viễn chi ý xung dung nhi phiêu phiêu miểu miểu. Kỳ nhân vật chi tại tam

viễn dã, cao viễn giả minh liễu, thâm viễn giả tế toái, bình viễn giả xung đạm; minh liễu giả bất đoán, tế toái giả bất trường, xung đạm giả bất đại. Thử tam viễn dã.

Từ chân núi ngược nhìn lên đỉnh núi, ấy là cao viễn (độ xa hướng theo chiều cao); từ trước núi nhìn ra sau núi, ấy là thâm viễn (độ xa hướng theo chiều sâu); từ núi gần nhìn núi xa, ấy là bình viễn (độ xa hướng theo chiều rộng). Sắc của cao viễn trong trẻo, sáng rõ, sắc của thâm viễn mờ đậm, sắc của bình viễn sáng tối giao thoa. Thế của cao viễn chót vót, ý của thâm viễn trùng điệp, ý của bình viễn thăm thẳm xa xăm. Riêng người và vật dưới sự quy định của tam viễn, người vật trong cao viễn sáng rõ, trong thâm viễn nhỏ vụn, trong bình viễn mờ ảo xa xăm; người vật sáng rõ sẽ không ngắn, nhỏ vụn sẽ không dài, mờ ảo xa xăm ắt không lớn. Đây chính là phép họa “tam viễn” vậy. Thơ Thiền đạt được tư tưởng vạn vật bình đẳng tồn tại, tự do trong ứng xử nên thường sử dụng cách quan sát không gian “Dĩ vật quán vật” (dùng vật quan sát vật):

鹿柴²⁰

空山不見人，但聞人語響。
返景入深林，復照青苔上。

LỘC TRẠI

Không sơn bất kiến nhân, Đản văn nhân ngữ hưởng

Phản cảnh nhập thâm lâm, Phục chiếu thanh đài thượng.

(LỘC TRẠI

Núi vắng không thấy người, Nhưng lại nghe tiếng người nói.

Ánh chiều thu vào rừng sâu, lại rọi trên đài rêu xanh.)

Nhiều bài thơ trong Võng Xuyên tập thường hay lặp lại ý: cảnh không có sự xuất hiện của con người nhưng không khi nào ta không cảm giác được sự góp mặt, sự tồn tại của con người trong bức tranh ấy. Một mặt đó là Vương Duy

18. Tuệ Sĩ, sdd, tr.98.

19. Nguyễn Đình Phúc (2008), sdd.

20. Trần Thiết Dân, sdd, tr.120.

cho thấy sự tách biệt Vãng Xuyên đối với đời sống nhốn nháo bên ngoài đời hay đúng hơn là không có những hành động, những ý nghĩ, tâm niệm còn vướng mắc đối với cuộc đời. Nơi đây là chốn mà con người đã bỏ khỏi cái tôi, rời khỏi cái chấp Ngã.

Núi vắng vang lên tiếng nói trong không trung bao la là tiếng của Đức Phật (Duy Ma Cật sở thuyết²¹ thường xuất hiện những lời chỉ dẫn của Đức Phật mà không thấy sự hiện trình của đối tượng) qua đây cho thấy hình tướng là không quan trọng. Không hình không tướng, không có sự can dự vào tự nhiên, không phân biệt giữa người hay vật (bất nhị).

Cách nhìn không gian theo nguyên tắc tản điểm vẫn còn tồn tại nhưng cách nhìn không gian trong thế không đối xứng, không phân biệt đã chiếm vị trí chủ đạo. Ánh nắng chiếu được phản xạ làm mất đi nguồn gốc ánh sáng ban đầu. Mọi vật tiếp xúc với nhau, khơi gợi lên nhau một cách trực tiếp (do duyên khởi và đi đến bình đẳng nhau, không phân đầu là nguồn đầu là ngọn, không phân ra cao thấp...). Cách nhìn theo quy tắc thâm viễn không còn. Đài rêu mỏng manh cũng nhận được ánh nắng làm nó sáng lên rục rờ chứ không phải vì thâm lâm (rừng sâu) mà bị mờ đục. Quan điểm Bất bát trong Quán Trung luận, ngài Long Thụ nói rằng: Mọi mô tả về sự vật đều không đúng, đó là tính chất ảo giác và tương đối của sự vật. Tất cả mọi sự đều dựa lên nhau mà thành (do duyên khởi), cho nên chúng không tồn tại độc lập, không có tự ngã, tự tính²². Khác với cách nhìn tam viễn (từ trước ra sau > cảnh mờ đục, nhỏ vụn), cách nhìn từ tâm, cách nhìn buông xả, cách nhìn không trọng vào hình tướng lớn nhỏ, gần xa... thì tất cả các vật cùng nhận sự đối đãi ngang bằng. Ví như khi cư sĩ Duy Ma Cật

cúng dường Phật và bố thí cho ăn mày thì đều nhận được công đức như nhau, không vì dâng phẩm cho bố tát cao hơn mà công đức lớn hơn khi chia cho ăn mày.

Trong cách nhìn về thời gian của thơ Đường, thời gian và không gian tương giao và tương khắc. Nhận thức sự dịch chuyển của thời gian, sự vận hành tuần hoàn của vũ trụ để cuối cùng là ghi nhận lại dấu ấn của mình tại một thời điểm đồng hiện. Con người trở nên bi quan, đau xót và cô độc hoàn toàn. Đối với Phật giáo, thời gian là vận động vô thủy vô chung và chính sự hiện diện của con người cũng không phải là sự tồn tại của một khoảnh khắc. Tất cả chỉ là những trình hiện và liên tục chuyển hóa. Nó không là nó, tự nó như chân lý quy ước, nó không có nhị nguyên. Mạnh Thành ao đã hợp nhất không gian và thời gian thành cái thường hằng:

新家孟城口，古木餘衰柳。
來者復爲誰，空悲昔人有。

MẠNH THÀNH AO

*Tân gia Mạnh Thành khẩu, Cổ mộc dư suy liễu
Lai giả phục vi thủy, Không bi tích nhân hữu.*

(CỬA MẠNH THÀNH

Nhà mới cửa Mạnh Thành, cội liễu già sót lại
Kẻ đến sau sẽ là ai, buồn thương người chủ xưa.)

Theo Quán Trung luận, mọi hiện hữu đều vô ngã vì nếu chúng có tự tính (s: svabhāva), tự ngã, chúng phải trường tồn bất biến, một điều kiện mà chúng không đạt được. Thế giới hiện tượng chỉ gồm những sự vật chịu dưới sự hoại diệt nên thế giới đó chỉ có thể là Không. Vương Duy nhận ra cái không trường tồn, bất biến nên cái tâm thức vui buồn của Vương Duy thực chất đã chuyển hóa về nhận thức vô ngã. Bài kệ Bát bát (tám phủ nhận) đầu bản Quán Trung luận:

不生亦不滅。不常亦不斷
不一亦不異。不來亦不出

*Bất sinh diệt bất diệt, Bất thường diệt bất đoạn
Bất nhất diệt bất dị, Bất lai diệt bất xuất.*

Không phải sinh cũng không phải diệt,

21. Tuệ Sĩ, sdd.

22. Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách, sdd, Mục Quán Trung Luận.

Không phải một cũng không phải khác,
Không phải thường cũng không phải đoạn,
Không phải đi cũng không phải đến.

là những đúc kết của Sư Long Thụ về sự tồn
hiện của mọi sự vật đều nằm giữa các trạng thái
đối nghịch. Nó không thể phân biệt (Bất nhị) vì
không có tự tính. Sự hiện trình của nó chính là
do hợp thành các nhân duyên. Vì thế, Vương
Duy khi nhận thức về vai trò của chủ thể trong
vũ trụ cũng có sự chuyển biến mạnh mẽ, đem
lại những sáng tạo mới cho thi ca.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Phật giáo dù được hệ thống một cách
chặt chẽ và đích đến chính là trở về Vô Ngã,
thấu triệt toàn diện Tính Không để đạt đến cõi
Niết-bàn nhưng con đường của nó chưa bao
giờ tách khỏi đời sống hiện thực. Lý luận thông
thường có thể tiếp cận tục đế, tuy không phải
là chân lý cuối cùng, nhưng chúng cũng có giá
trị nhất định. Vì vậy, không phải cứ chấp nhận
Tính Không, Vô Ngã (anātman) là phủ nhận
kinh nghiệm của con người. Niết-bàn và thế
giới hiện tượng thực tế chỉ là một, là hai mặt
của một cái duy nhất. Niết-bàn không phải là
một pháp có thể chứng đắc được; chỉ cần nhận
chân ra thể tính của mọi sự, trong đó cái dụng
thiền hình vạn trạng nọ trở lại yên nghỉ, đó là
Niết-bàn.

Tính chất trống không của thế gian được
Long Thụ chỉ rõ bằng sự tương đối của khái
niệm. Các khái niệm chỉ dựa lên nhau mà có,
không có khái niệm nào tồn tại độc lập. Từ đó
Sư suy ra, sự vật cũng không có thật vì mỗi sự
vật đều phải dựa lên trên những sự vật khác mà
hiện hữu.

Triết lý Phật giáo đã đem đến cho thơ Đường
một chất liệu mới, một phương pháp tiếp cận
mới về ngoại vật và đi vào con đường tu luyện
nhân tâm. Cách quan sát không gian theo tản
điểm linh hoạt tạo nên bức tranh tầng bậc, đậm
mờ hùng tráng thì cách quan sát đồng đẳng, tự
do ở Phật giáo lại có thể cho ta bức tranh tuy

không đầy rộng nhưng sự vật tồn tại trong nó
lớn hơn, tự do hơn và đủ chỗ hơn như đặt tam
thiên đại thế giới vào ngôi nhà của Duy Ma Cật
vẫn không thấy chật chội.

Thời gian không bị cắt xẻ, không đọng lại ở
bất kỳ một khoảnh khắc cố định nào. Thời gian
và không gian được nhìn nhận như một hiện
tại thường hằng. Vọng Xuyên tập bao gồm hai
mươi bài thơ tứ tuyệt đã đem đến một thế giới
thơ khác cho người đọc mà mỗi lời thơ, cảnh
thơ, tình thơ quyện vào nhau một cách tự nhiên
vượt thoát ra khỏi câu chữ. Vương Duy dùng
ngôn ngữ đơn giản nhưng đạt được thiên ý,
thiên ngữ... ý tứ từ câu chữ mà thoát được câu
chữ. Đó là đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ của
nhà thơ cũng như là cảnh giới giải thoát của Thi
Phật Vương Duy.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách (1999),
Từ Điển Phật Học, NXB Thuận Hoá, Huế.
2. Học viện Phật giáo Việt Nam (2012), Tính
không trong Quán Trung luận, [http://hvpqvn.
edu.vn/index.php?option=com_content&view=
article&id=232&Itemid=58](http://hvpqvn.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=232&Itemid=58)
3. Lê Đức Niệm (1995), Diện mạo thơ Đường,
NXB Văn Hóa Thông Tin Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Phúc (2008), Thi pháp thơ
Đường, những vấn đề mới về lý luận và phương
pháp tiếp cận (Để tài nghiên cứu khoa học cấp
trường), ĐH KHXH&NVTPHCM.
5. Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (1997), về
thi pháp thơ Đường, NXB Đà Nẵng.
6. Nguyễn Phan Cảnh (2001), Ngôn ngữ thơ,
NXB Văn Hóa Thông Tin.
7. Trần Thiết Dân (2002), Vương Duy thi
tuyển, Nhân dân văn học xuất bản xã.
8. Trần Trung Hỷ (2007), Thơ sơn thủy cổ
trung đại Trung Quốc, NXB Giáo Dục.
9. Trần Trung Hỷ (2010), Thơ sơn thủy Vương
Duy [http://www.phongluuqb.com/giai-tri/tho-
su-tam/tho-son-thuy-vuong-duy.html](http://www.phongluuqb.com/giai-tri/tho-su-tam/tho-son-thuy-vuong-duy.html)
10. Tuệ Sỹ dịch (2008), Duy Ma Cật sở thuyết
(維摩詰所說), NXB Phương Đông.■

TỪ BÁT HỒN ĐẾN BÁT ÂM VÀ Ý NGHĨA NHẠC TẤU QUÂN THIÊN TRONG CAO ĐÀI GIÁO

■ VĂN THỊ

Cảm hứng để người viết chọn đề tài này là khi đọc đoạn Thánh giáo của Đại Tiên Lê Văn Duyệt:

*Ban Lễ Nhạc sớm chiều luyện tập,
Cho thành hình hầu lập quả công,
Hòa trên thuận dưới một lòng,
Tinh thần Lễ Nhạc phải thông mà hành.¹*

Chúng ta cần “luyện tập,” “thông” trước để “hòa trên thuận dưới” mà “hành” cho đúng Đạo dù là công quả nào, mà ở đây Đức Lê Đại Tiên đơn cử Lễ Nhạc. Ở bài viết này, chúng tôi xin tìm hiểu về tinh thần của Nhạc Lễ qua đề tài: **TỪ BÁT HỒN ĐẾN BÁT ÂM VÀ Ý NGHĨA NHẠC TẤU QUÂN THIÊN TRONG CAO ĐÀI GIÁO.**

TỪ BÁT HỒN

Trong Phật Mẫu Chơn Kinh có đoạn nhắc đến Bát hồn:

*7. Càn khôn sản xuất hữu hình,
8. Bát hồn vận – chuyển hoá thành chúng sanh.*

Từ Bát hồn này mà sanh hóa ra hữu thể chúng sanh hiện sinh trong Càn khôn vũ trụ vậy. Đồng thời, Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy rằng:

“(…) Thấy phân tán Thấy sinh ra vạn vật là vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng gọi là Chúng-sanh.”²

“(…) Bởi vậy một chơn-thần Thấy mà sanh hoá chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và cả nhơn loại...”³

Và trong KINH ĐỆ CỬU Cửu có câu:

*1. Vùng thoại khí Bát hồn vận chuyển,
2. Tào Hóa Thiên sanh biến vô cùng.*

Thoại khí là khí lành, nó chính là Hồn nguơn khí, là khí Sanh quang nuôi sống cả vạn linh trong Càn khôn vũ trụ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường Thiêng Liêng hằng sống, có đoạn mô tả Bạch Ngọc Kinh ở trong vùng Thoại khí như sau:

“Thoạt tiên, chúng ta ngó thấy phía xa xăm có ánh sáng chói lọi, cũng như mặt trời mọc buổi sáng, đằng xa ngó thấy một ánh sáng chiếu diêu, cũng như một vùng Thoại khí. Khi Pháp xa của Bản đạo đến thấy hào quang chiếu diêu chói vào Pháp xa sáng rõ, dường thể ánh sáng đèn pha ở thế gian này vậy. Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một Tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy.

Nhà cửa ở thế gian là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh Thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây, khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực, bức bối, còn ánh sáng nơi Bạch Ngọc Kinh thì lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao dài các là con tử vật, mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết được thì không lạ gì.

Nơi Bạch Ngọc Kinh nó là Hồn Nguơn khí biến hình nó ra. Hồn Nguơn khí là khí Sanh quang của chúng ta đã thở, đã hô hấp, khí để nuôi cả sanh vật

1. Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Tỵ (05-4-1965).

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, tr.62.

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, tr. 48.



sống, ta cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu làm sao không sống?”

Bát hỗn là 8 phẩm chơn hỗn: Kim thạch hỗn, Thảo mộc hỗn, Thú cầm hỗn, Nhơn hỗn, Thần hỗn, Thánh hỗn, Tiên hỗn, Phật hỗn.

Theo Đức Phạm Hộ Pháp, nơi Bạch Ngọc Kinh có đôi liên: Bát hỗn tứ mặc ca Huỳnh Lão/Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn. Từ đó cho thấy mối liên hệ ý nghĩa tượng trưng của Bát âm trong hòa tấu nhạc nghinh Thiên tiếp giá Đức Chí Tôn giáng đàn chứng lễ đối với Bát hỗn.

ĐẾN BÁT ÂM

Bát âm là tám kiểu âm thanh phát ra từ tám loại nhạc khí cổ của Đông phương.

Bát âm tương ứng với Bát Quái, kể ra:

1. Cách 革: Da, gồm các loại trống (Cổ 鼓 = trống) thuộc cung Càn.

2. Bào 匏: Quả bầu, gồm các loại nhạc khí: Sanh (Sênh)笙, Hoàng 簧, Vu 竽 thuộc cung Tốn.

3. Trúc 竹: Trúc, gồm các loại quản, sáo như: Trì 篪 (sáo 8 lỗ); Địch 笛 (sáo ngang); Thược 箛 (sáo ngắn); Tiêu 簫 (sáo dọc); Quản 管 (sáo) thuộc cung Khảm.

4. Mộc 木: Gỗ, gồm các loại: Chúc 祝, Ngũ 梧 thuộc cung Chấn.

5. Tì 絲: Tơ, gồm các loại đàn: Cầm 琴 (đàn 5 dây); Sắt 瑟 (đàn 23 hoặc 25 dây); Không 篋 篋 (đàn giống đàn sắt có 23 dây); Trúc 筑; Tỳ Bà 琵琶 thuộc cung Ly.

6. Thổ 土: Đất, gồm các loại: Huân 埴 và Phũu (Phẫu) 缶 thuộc cung Khôn.

7. Kim 金: Kim khí, gồm các loại chuông trống, não bặt, như: Chung 鐘 (chuông); Bác 鐃 (chuông to); Chạc 鐃 (chiêng); Nạo 鐃 (não bặt) thuộc cung Đoài.

8. Thạch 石: Đá, gồm các loại khánh: Ngọc Khánh 玉磬, Thạch Khánh 石磬, Đại Khánh 大磬, Biên Khánh 編磬, Sanh khánh 笙磬, Tụng Khánh 頌磬 thuộc cung Cấn.

VÀ Ý NGHĨA NHẠC TẤU QUÂN THIÊN

Nhạc tấu Quân Thiên là những khúc nhạc tấu lên để hiến lễ Đức Chí Tôn.

Diễn tích: Quân Thiên Nhạc có ý nghĩa như sau:

Quân Thiên nhạc hay Quân

Thiên Quảng nhạc là nhạc tấu ở trên trời, cũng chỉ nhạc tấu ở cung vua.

Theo Sử Ký, Triệu Giản Tư mắc bệnh, năm ngày liền không nhận ra được nhiều người thân, Biển Thuộc đến thăm bệnh. Thăm xong, Đồng An Vu hỏi, ông nói: không có gì lạ cả, trước kia Tần Mục Công cũng bị bệnh như thế, bảy ngày sau mới tỉnh.

Trong lúc bệnh như thế, Triệu Giản Tư thấy mình lên trời đi chơi ở chốn Thiên đình, cùng các vị Thần Tiên, nghe tấu một điệu nhạc nghe đến xúc động tâm can, gọi là Quân Thiên nhạc. Hai ngày rưỡi sau, Triệu Giản Tư tỉnh lại, nói với quan Đại Phu rằng: “Dữ bách Thần du ư Quân Thiên, quảng nhạc cửu tấu vạn vũ, bất loại tam đại chi nhạc, kỳ thanh động nhân tâm.” Nghĩa là: Cùng trăm Thần ruổi chơi nơi Quân Thiên, quảng nhạc tấu 9 khúc, vạn điệu múa, không khúc nào giống khúc nào thời tam đại, tiếng nhạc làm xúc động lòng người.

Bài phú Phan nhạc đời Tấn: “Trần Quân Thiên chi quảng nhạc hể, triển vạn vũ chi chí hoan” Nghĩa là: Dàn quảng nhạc chốn Quân Thiên chừ, mở ra vạn điệu múa cho đến cực vui.

Trong quyển “Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh” của nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, in năm 1928, trang 51, Nghi lễ Đại đàn ghi: “11. Nhạc tấu Quân Thiên,” và trang 54 chữ Nho, cuối hàng dọc thứ 4 in là: 樂奏鈞天.

Trước khi cúng Đại đàn hay Tiểu đàn tại Tòa Thánh hay các Thánh thất, sau phần: Lôi Âm Cổ khởi và Bạch Ngọc Chung minh thì tới phần Nhạc tấu Quân Thiên và được dặn như sau:

Khi Lễ xướng câu này thì mỗi người trong đàn cúng phải đứng cho thật nghiêm trang, ban nhạc khởi đánh trống Tiếp Giá (Nghinh Thiên) để đón rước Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng đàn. Mọi người trong đàn cúng phải tịnh tâm tưởng niệm, chẳng nên xao động. Dứt trống Tiếp Giá thì xây trống mà đờn 7 bài, hoặc 5 bài hay 3 bài tùy theo lễ vía, kể ra sau đây:

- Nhạc đờn 7 bài trong 4 trường hợp: Đại đàn cúng vía Đức Chí Tôn ngày mừng 9 tháng Giêng, Đại đàn Rằm ba Ngươn: Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Bảy và Rằm tháng Mười, âm lịch.

- Nhạc đờn 5 bài trong các Đại đàn cúng Vía: Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Chúa Jésus.

Nơi Báo Ân Từ, cúng Đại đàn Đức Phật Mẫu, Nhạc tấu Quân Thiên cũng đờn 5 bài.

- Nhạc đờn 3 bài trong các Tiểu đàn sóc vọng và kỷ niệm.

Ý nghĩa của 7 bài, 5 bài và 3 bài trong Nhạc Tấu Quân Thiên, cúng Đại đàn và Tiểu đàn:

1. Đại đàn cúng Đức Chí Tôn và rằm Tam Ngươn: 7 bài.

Xàng Xê: nghĩa là đưa qua trộn lại không ở một chỗ, ấy là Hỗn độn sơ khai (khi nổ ra một tiếng).

Ngũ Đối Thượng: nghĩa là 5 tầng trên, đó là Ngũ Khí, ấy là khí thanh nổi lên làm Trời.

Ngũ Đối Hạ: nghĩa là 5 tầng dưới, đó là Ngũ Hành, ấy là trước khí hạ xuống làm Đất.

Long Đăng: nghĩa là rồng lên, ấy là Dương.

Long Ngâm: nghĩa là rồng xuống, ấy là Âm.

Vạn Giá: nghĩa là muôn việc đã định rồi, ấy là muôn loài vật đều được sắp đặt.

Tiểu khúc: nghĩa là sự nhỏ ngắn, ấy là nhỏ ngắn đều có định luật và có tên.

Đờn 7 bài vì Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu là cơ sanh hóa.

2. Đại đàn cúng Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm và Đức Chúa Jésus: 5 bài.

Xàng Xê.

Ngũ Đối Thượng.

Ngũ Đối Hạ.

Long Đăng.

Tiểu khúc.

Đờn 5 bài vì các Đấng còn luân chuyển trong Ngũ Khí và Ngũ Hành, rồi phải lãnh Ngũ Tạng mà nhập thể độ đời.

3. Tiểu đàn sóc vọng và Kỷ niệm các Đấng: 3 bài.

Ngũ Đối Hạ: là Âm.

Long Đăng: là Dương.

Tiểu Khúc: là nhỏ ngắn.

Ba bài nhằm chỉ lý Âm Dương sanh sanh hóa hóa.

Bảy bài thuộc Dương, không phải Nam, không phải Bắc.

Xin trích thêm lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp giảng giải về Nhạc tấu Quân Thiên

trong hai kỳ thuyết đạo: Tại Đền Thánh đêm mừng 01-8 Đinh Hợi (15-9-1947) và tại Báo Ân Từ thời Ngọ ngày 15-4 Mậu Tý (23-5-1948) nhằm làm rõ thêm ý nghĩa của Nhạc tấu Quân Thiên:

“Từ thủ, ai cũng cho âm thanh sắc tướng là tà mị, mà căn bản của đạo Nho là Lễ Nhạc, mà chính Đại Đạo Tam Kỳ là Nho Tông Chuyển Thế thì phải truy tầm nguyên lý của nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào?

Đòi phen, chúng ta không hiểu được uyên thâm khi dâng lễ cho Đức Chí Tôn lúc Nhạc tấu Quân Thiên, hết lớp trống qua đến đờn 7 bài thì lâu quá, có khi phải chôn chân rồi nản chí, chính Bản đạo cũng vậy, vì nghĩ rằng Chí Tôn tư vị quốc dân Việt Nam nên tiên định chi chi cũng làm gương mẫu cho toàn đại đồng thế giới, mà có lẽ nhạc này luôn luôn khi dâng lễ thì ý nghĩa ắt cao trọng lắm là phải.

Bởi cố nên khi mới Khai Đạo, Bản đạo đến tại Thánh thất Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bản đạo không tin nên hỏi Đức Lý Giáo Tông.

Ngài dạy rằng: trên Ngọc Hư Cung có hai câu liên:

• *phía hữu: Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,*

• *phía tả: Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn.*

Bản đạo cũng không hiểu là gì. Lẫn lẫn Bản đạo hỏi nữa, Bản đạo được dạy mà hiểu rằng:

Kể từ phối thai Càn Khôn vạn vật này, Chí Tôn là khối Sanh Quang, biến thành hai

khối Sanh Khí, hai khí ấy trụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nổ sanh một tiếng âm, người ta gọi là Nổ âm, hay nghe tiếng Ni, đạo Phật sửa lại là Ứm (Ứm ma ni bát rị hồng). Nhờ tiếng nổ ấy, Bát hồn mới vận chuyển, biến sanh vạn vật và loài người. Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì Khí Sanh Quang đến đó, tức là sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt, nghĩa là chết mất mà thôi.

Bởi có nên dùng đến những vật Bát âm, nó đã chết đi rồi, như cái trống chẳng hạn, tấm da trâu ấy đã chết, mà với sự khôn ngoan của loài người, làm cho nó có tiếng kêu được, tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát hồn ấy vận chuyển sống lại mà đánh lễ Đức Chí Tôn, vì có nên khi nghe Nhạc tấu Quân Thiên là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác ý: Khi dâng lễ Đức Chí Tôn, quy pháp định, thấy và nghe cả Bát hồn vận chuyển dâng cái sống cho Ngài.

Nên chi, từ đây, khi Nhạc tấu Quân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, vì lễ ấy làm giảm điều kính trọng dâng lên Chí Tôn mà không nên. Khi ấy là vận chuyển Bát hồn đánh lễ Đức Chí Tôn.

Vì có, Lễ Nhạc hiểu rõ lại thì Chí Tôn không phải là tư vị nước Việt Nam, mà chính nghĩa là làm cho sống lại Bát hồn, và Ngài vẫn vui nhận lễ ấy. Ấy vậy, mới

có thể làm chủ và làm gương cho toàn nhơn loại được, thì danh dự ấy không phải là quá đáng.

Xin khuyên toàn đạo từ đây nên để trọn tâm mà kính trọng khi Nhạc tấu Quân Thiên.

Đạo Cao Đài là nền đạo quy pháp cả cái sống của Bát hồn mà dâng lễ trả cái sống khi mới phôi thai Càn Khôn do hai khối Sanh khí mà tạo thành, ngày nay lại dâng lễ trọng cho Chí Tôn, tức là quy pháp cho khối Sanh khí ấy, tức là Chí Tôn vui và duy nhất là thấy sự sống trả lại cho Ngài.

Toàn Đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm mầu đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được chơn pháp của Chí Tôn.”

Ý NGHĨA VỀ NHẠC TẤU QUÂN THIÊN

Đức Phạm Hộ Pháp:

“Có điều mầu nhiệm nên nay Bản đạo giảng về Lễ Nhạc để tránh sự thất lễ khi vô hành lễ, vì không hiểu nghĩa lý, không biết thủ lễ theo phép cho y khuôn khổ khi Nhạc tấu Quân Thiên.

Bên Á Đông, trong đạo Cao Đài, có trống có chuông, còn bên Âu Châu, có chuông mà không có trống, là tại sao?

Tại sao Á Đông dùng trống còn Âu Châu dùng chuông?

Trống là âm thanh của Đạo.

Thuở chưa có càn khôn vũ trụ, Đạo giáo có dạy: Hai lần ngưng khí đọng lại nổ ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực, chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn.

Khi nào trời sét nổ, chúng ta nghe sao? Người Nam mình kêu

là ẦM, còn theo đạo pháp kêu là ỪM, vì có phép Phật sửa lại là ỨM: Ứm ma ni bát rị hồng. Câu đọc ấy có nghĩa là nắm cả quyền năng vũ trụ quản suất trong tay.

Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông.

Ấy vậy, nguyên căn của Đạo giáo do bên Á Đông này, có tiếng trống ngân bay qua Âu Châu, nên các Đạo giáo Âu Châu đều là hưởng ứng theo Phật giáo, mà Phật giáo xuất hiện nơi Á Đông.

Vì vậy mà các nền tôn giáo phụ thuộc đều không đúng theo nguyên tắc căn bản.

Còn tại sao khi vô làm lễ, lúc Nhạc tấu Quân Thiên, tức là lễ hiến dâng sự sống cho Đức Chí Tôn là Thấy của cả càn khôn vũ trụ, Bản đạo thường nhắc nhở tất cả phải đứng ngay ngắn, nghiêm chỉnh.

Nhạc là hưởng ứng của cả khối Sanh quang của càn khôn vũ trụ đồng thanh. Nơi Á Đông có câu: Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, dĩ Ty, Trước nãi Bát Âm: tiếng kèn, tiếng trống đất, tiếng trống da, tiếng mõ cây, tiếng khánh đá, tiếng chuông đồng, cùng với tiếng dây đàn, tiếng sáo trúc, ấy là Tám âm.

Các vật vô năng mà nói đặng, có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt Đạo, hiệp lại với tiếng kinh mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiến lễ.

*Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liền:
Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,
Vạn vật đồng thanh niệm
Chí Tôn.*

*Khi nhạc trôi, cả thầy phải im
lặng, hiển cả âm thanh, sự bí mật
ấy gọi là Phi Tướng Lễ, chủ ý là
trình tấu với Đức Chí Tôn rằng:
Các con biết được mẫu nhiệm
căn nguyên của Cha Lành, muốn
cho các con nối nghiệp theo một
khuôn phép trường tồn.*

*Lễ đó trọng hệ như dâng
Tam bửu vậy.*

*Bản đạo dạy một lần nữa,
khi nào xướng Nhạc tấu Quân
Thiên, thì phải đứng bình tịnh,
người nào có vô không kịp thì
đứng ngoài mà thôi.”*

Nhạc ký viết: Chuông, trống, sáo, khánh, vũ thước, can, qua là những nhạc khí. Co, duỗi, uốn, khom, chụm, tủa, nhanh, chậm, là nhạc văn. Nên chữ NHẠC thời xưa có nghĩa rất rộng chứ không phải hiểu như thời nay, bao gồm: thi, ca, nhạc, vũ... chỉ nghệ thuật thẩm mỹ; lấy sự phối hợp của thanh âm, màu sắc, tiết tấu, chuyển động để mà kích thích, di dưỡng tâm thần con người. Ngày xưa, Thánh Vương dựa vào tượng Dịch kinh quẻ Lôi Địa Dự mà trị dân an quốc.

象曰。雷出地奮，豫先王以作樂崇德，殷荐之上帝，以配祖考

Tượng viết: Lôi xuất địa phấn, Dự. Tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, Ân hiến chi Thượng Đế, dĩ phối tổ khảo.

Dự trên có Lôi là Sấm, dưới có Khôn là Đất, như Sấm đầu

xuân, kích thích lòng muôn vật nơi Đất để cho sinh khí rạt rào, sống một cuộc sống mới, đẹp như ánh xuân. Thánh Vương cai trị cũng muốn làm rung động lòng người, làm sinh khí rạt rào trong tâm hồn mọi người, vì thế nên noi theo Thiên lý chế ra vũ, nhạc, để hướng nghệ thuật cai trị lên tới tuyệt luân, tuyệt đỉnh. Nhạc chính là sự hỗn hợp của trời đất, sự đồng điệu của Âm Dương, và sự vui chung của quân thần, phụ tử và dân chúng nơi nơi. Chính vì thế mà Hán tự, Nhạc cũng là Lạc: 樂. Trời dụng Sấm mà điều động những gì có ở Đất, thì Thánh nhân noi theo mà chế Nhạc tựa theo công năng của Sấm mà điều động lòng người để người thuận dĩ động đứng như tượng Lôi xuất Địa phấn vậy.

Nhạc chẳng những điều hòa được tâm tình con người mà còn khiến cho lòng họ trở nên thanh cao, tế nhị. Vì thế, Dịch Kinh chủ trương sau khi đã đoàn kết được mọi người (Đồng Nhân), sau khi đã đem lại cho dân nước một nền phong doanh, phú thịnh (Đại Hữu), bậc quốc quân còn phải dùng nhạc để làm cho con người có được một tâm thần thanh cao, hòa duyệt (Dự).

Hiểu về Nhạc đạo để ta rõ được những thông điệp mà Ôn Trên nhắn gửi ta qua những tấu khúc trong đàn cúng để có thể đạt được “cảm quan điều động tâm tu” như lời kinh thuyết pháp vì bởi Nhạc đạo là một bài thuyết pháp vô ngôn. Từ sự thấu

hiểu “tiếng lòng” của Nhạc mà ta có thái độ ứng xử đúng Đạo khi dâng lễ trong đàn cúng cũng như khi tu tập trong đời sống đạo, thông qua bát âm mà giao cảm bát hồn ứng thông vũ trụ vạn vật. Do đó, tuổi trẻ cần học, hiểu và gìn giữ Nhạc Lễ truyền thống dân tộc mình tức là đang góp phần gìn giữ Đạo nhà, bản sắc riêng trong đại đồng nhân loại. Đây là vấn đề cấp thiết trong đạo cũng như đời hiện nay.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thánh Giáo Sứ Tập năm Ất Tỵ 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2010.
2. Hiền tài Đức Nguyễn Văn Hồng. Cao Đài Từ Điển. <http://caodaism.org/CaoDaiTuDien/r/r1-002.htm>
3. Huệ Khải, Một Góc Nhìn Văn Hóa Cao Đài, NXB Tôn Giáo, 2011.
4. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tư liệu web: nhantu.net.
5. Sào Nam Phan Bội Châu, Chu Dịch, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1996.
6. Tòa Thánh Tây Ninh, Kinh Thiên đạo- Thế đạo, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành, 1992.
7. Trần Trọng Kim, Nho Giáo, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1992.
8. Tư Mã Thiên, Sử Ký, NXB Văn Hóa Thông Tin, 2007.
9. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Ngũ Kinh, NXB Khoa Học Xã hội, 2002.■

PHÂN TÍCH Ý NGHĨA THIÊN NHÂN *bằng phương pháp* PHÂN TÍCH Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG NGHI LỄ *của nhà nhân học Victor Turner*

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

Trong bài này, chúng tôi giới thiệu phương pháp phân tích ý nghĩa biểu tượng nghi lễ của Victor Turner – một người đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cách tiếp cận để nghiên cứu biểu tượng nghi lễ thuộc lĩnh vực nhân học biểu tượng. Sau đó, chúng tôi vận dụng phương pháp này để phân tích ý nghĩa Thiên Nhân trong đạo Cao Đài và rút ra những thuộc tính quan trọng của nó. Từ phương pháp của Turner và từ quá trình phân tích ý nghĩa Thiên Nhân, chúng tôi rút ra một số thuộc tính phổ biến của biểu tượng và một phương pháp tổng quát để phân tích ý nghĩa biểu tượng nghi lễ nói chung.

1. GIỚI THIỆU

Biểu tượng không những phổ biến trong đời sống con người, mà nó còn có vai trò đặc biệt trong tôn giáo. Clifford Geertz (1926–2006) – một nhà nhân học người Mỹ nổi tiếng – đã nêu lên định nghĩa tôn giáo gắn liền với biểu tượng như sau: tôn giáo là một hệ thống biểu

tượng, hoạt động nhằm thiết lập những tâm trạng và động cơ mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người...[4]. Biểu tượng rất đa dạng, nó được dùng cho bất cứ hiện vật, hành động, sự kiện, phẩm chất, hoặc bất cứ mối quan hệ nào, phục vụ như phương tiện của một ý niệm, trong đó ý niệm là ý nghĩa của biểu tượng. Cho nên nói đến tôn giáo là nói đến những biểu tượng, và việc nhận dạng cái gì là biểu tượng và ý nghĩa của chúng ra sao trở nên cần thiết.

Trong tôn giáo Cao Đài, Thiên Nhân là biểu tượng tối cao và linh thiêng nhất, chuyển tải nhiều ý nghĩa đạo lý chủ đạo trong hệ tư tưởng Cao Đài. Làm sao chúng ta có thể tìm hiểu ý nghĩa Thiên Nhân một cách đầy đủ và khoa học? Triết gia kiêm nhà văn, nhà thơ gốc Tây Ban Nha Santayana nói rằng “bất cứ một nỗ lực nào để nói mà không nói một thứ tiếng cụ thể nào cũng vô vọng không kém gì việc cố gắng có tôn giáo mà không có một tôn giáo cụ thể” [4]. Tương tự như

thế, chúng tôi cho rằng bất cứ một nỗ lực nào để làm cho việc nghiên cứu biểu tượng được khoa học mà không sử dụng một phương pháp cụ thể nào trong các ngành khoa học, thì cũng vô vọng không kém gì việc cố gắng nói mà không nói một thứ tiếng nào cụ thể. Với nhu cầu sử dụng một phương pháp cụ thể như vậy, chúng tôi đã đến với ngành nhân học, tìm hiểu và áp dụng phương pháp phân tích biểu tượng nghi lễ của Victor Turner vào việc phân tích ý nghĩa Thiên Nhân.

2. ĐÔI NÉT VỀ LĨNH VỰC NHÂN HỌC BIỂU TƯỢNG VÀ VICTOR TURNER

Nhân học là một ngành khoa học nghiên cứu tổng hợp về con người trên các phương diện sinh học, xã hội, văn hóa của các nhóm người, các cộng đồng dân tộc khác nhau, cả về quá khứ của con người cho tới hiện nay [8]. Cụ thể là nghiên cứu nguồn gốc, sự phát triển tập quán và tín ngưỡng, các tổ chức chính trị xã hội, ngôn

ngữ, nghệ thuật và các tạo vật của con người.

Trong nhân học, có một lĩnh vực được gọi là nhân học biểu tượng (symbolic anthropology), nói rộng hơn, là nhân học biểu tượng và diễn giải (symbolic and interpretive anthropology). Lĩnh vực này nghiên cứu về các biểu tượng văn hóa và cách thức diễn giải các biểu tượng ấy nhằm giúp cho chúng ta hiểu tốt hơn về một xã hội đặc biệt nào đó.



VICTOR TURNER (1920–1983)

a. Những nhà nhân học chủ chốt đã xây dựng nên nền nhân học biểu tượng là David Schneider (1918–1995), Victor Turner (1920–1983), Mary Douglas (1921–2007) và Clifford Geertz (1926–2006). Trong đó, Victor Turner, nhà nhân học người Anh, là người đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cách tiếp cận để nghiên cứu biểu tượng nghi lễ. Ông vạch ra những kỹ năng diễn giải biểu tượng

trong nghi lễ, được mô tả rõ nhất trong quyển Rừng Biểu Tượng: Những Khía Cạnh của Nghi Lễ Người Ndembu (The Forest of Symbols: Aspects of Ndembu Ritual), năm 1967, mà chúng tôi gọi tắt là Rừng Biểu Tượng. Những kỹ năng diễn giải biểu tượng nghi lễ của ông được tiếp thu một cách rộng rãi và ảnh hưởng tới cả một thế hệ các nhà nhân học [8].

Sau đây, chúng tôi giới thiệu phương pháp tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng nghi lễ của Victor Turner, được trình bày trong tác phẩm Rừng Biểu Tượng của ông.

3. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BIỂU TƯỢNG NGHI LỄ CỦA TURNER

Tác phẩm Rừng biểu tượng của Victor Turner bao gồm 10 chương. Trong bài này, chúng tôi tham khảo chương đầu tiên Biểu tượng trong nghi lễ người Ndembu là chính. Chương này chủ yếu là sự mô tả và phân tích về cấu trúc và thuộc tính của các biểu tượng. Những biểu tượng mà Turner quan sát trên thực địa là những đối tượng, hành động, mối quan hệ, sự kiện, điệu bộ cử chỉ... trong một tình huống nghi lễ của người Ndembu, nước Zambia, nằm ở trung tâm châu Phi.

3.1 BIỂU TƯỢNG NGHI LỄ LÀ GÌ?

Turner lập lại định nghĩa biểu tượng theo từ điển Concise Oxford Dictionary: biểu tượng

là một thứ được nhất trí tổng quát như là điển hình hóa một cách tự nhiên, hoặc biểu trưng hoặc hồi tưởng về một cái gì đó bởi chúng (biểu tượng và cái nó đang biểu trưng) có các phẩm chất tương tự nhau, hay bởi mối quan hệ giữa chúng với nhau, có trong thực tế hoặc trong tư duy.

Ông quan niệm nghi lễ là hành vi được quy định có tính chất nghi thức dành cho những dịp có quan hệ với các niềm tin vào đấng tối cao hay các sức mạnh thần bí. Biểu tượng trong nghi lễ là một đơn vị của nghi lễ và nó giữ lại thuộc tính của hành vi nghi lễ [4].

Như vậy, nói một cách ngắn gọn, biểu tượng nghi lễ là một đơn vị trong nghi lễ, có quan hệ với niềm tin của các chủ thể (con người) trong nghi lễ.

3.2 PHƯƠNG PHÁP ĐỂ RÚT RA CẤU TRÚC VÀ NHỮNG THUỘC TÍNH CỦA CÁC BIỂU TƯỢNG NGHI LỄ

Theo Turner, cấu trúc và thuộc tính của các biểu tượng nghi lễ có thể được rút ra từ ba loại dữ liệu [4]:

Hình dạng bên ngoài của biểu tượng và những đặc điểm có thể quan sát được của biểu tượng.

Sự diễn giải của những chuyên gia (specialists) và những người bình thường hay thường dân (laymen).

Những bối cảnh quan trọng được thiết lập một cách rộng rãi bởi nhà nhân học.

Ví dụ, cây mudyi là biểu

tượng chính (dominant symbol) trong nghi lễ Nkang'a của người Ndembu. Để tìm hiểu ý nghĩa của nó, Turner đã thực hiện những cách thức để có cả ba loại dữ liệu nói trên. Trong nghi lễ này, người thụ lễ là một cô gái được đặt dưới chân cây mudyi mà Turner gọi nó là cây sữa (milk tree), còn những người phụ nữ Ndembu khác thì nhảy múa xung quanh cây sữa đó và thực hiện các hoạt động nghi lễ mang tính biểu tượng khác. Turner đã quan sát hình dạng bên ngoài và ghi nhận một đặc điểm có thể quan sát được của cây mudyi, rất quan trọng đối với người Ndembu, là nó có chứa rất nhiều nhựa trắng và những giọt sữa chảy ra khi lớp vỏ mỏng của cây bị chĩa rách (loại dữ liệu thứ nhất). Sau đó, ông thu thập và phân tích sự diễn giải ý nghĩa biểu tượng mudyi của những người phụ nữ Ndembu, của một nam chuyên gia nghi lễ (loại dữ liệu thứ hai) và từ "một bối cảnh khác" (tương ứng với loại dữ liệu thứ ba). "Một bối cảnh khác" ở đây là hành vi của người Ndembu đối với biểu tượng cây mudyi của họ. Chúng tôi không nhắc lại chi tiết ý nghĩa của cây mudyi tương ứng với ba loại dữ liệu¹, mà chúng tôi chỉ muốn tóm tắt rằng, ý nghĩa của cây mudyi đã được diễn giải

1. Tức là ba loại dữ liệu thu được thông qua sự diễn giải của những người phụ nữ Ndembu, của chuyên gia nghi lễ và thông qua hành vi của người Ndembu đối với cây mudyi.

một cách khác nhau. Nói một cách cụ thể hơn, không có sự nhất quán trong sự diễn giải của những người Ndembu về biểu tượng cây mudyi với những hành vi của họ liên quan đến biểu tượng này. Tuy nhiên, cho dù người Ndembu không nhận ra sự không nhất quán ấy, thì Turner vẫn cho rằng những ý nghĩa khác nhau của biểu tượng là những thành tố quan trọng đóng góp vào trong ý nghĩa tổng thể của biểu tượng. Và ý nghĩa tổng thể này là dành cho những nhà nhân học!

Để một nhà nhân học có thể diễn giải các biểu tượng nghi lễ một cách sâu sắc và đầy đủ hơn chính các chủ thể trong nghi lễ², thì theo ông, đầu tiên, người ấy phải nhìn nhận quá trình của nghi lễ một cách khách quan như là cái đang diễn ra và được diễn giải bởi một tổng thể các thực thể xã hội đang cùng tồn tại, ví dụ, diễn giải bởi các nhóm người khác nhau, bởi các cá nhân khác nhau hoặc theo các cách phân loại (categories) khác nhau. Nói một cách khác, nhà nhân học có thể nghiên cứu trong những bối cảnh quan trọng khác nhau nhưng cần phải nắm rõ cấu trúc và đặc điểm của từng bối cảnh phân tích đó. Tiếp theo là, mỗi người tham gia (chủ thể) trong nghi lễ có thể nhìn nhận nghi lễ và những yếu tố liên quan

2. Tức là những người có tham gia trong nghi lễ hay liên quan đến nghi lễ.

từ góc nhìn riêng của mình, nhưng nhà nhân học phải có cách nhìn cấu trúc (structural perspective), phải khách quan, không có thành kiến cụ thể nào và có thể quan sát những mối tương tác lẫn những mâu thuẫn thực sự. Nhờ những tố chất này, mà những cái vô nghĩa đối với các chủ thể trong nghi lễ, có thể là những cái rất quan trọng cho nhà nhân học trong việc phân tích tổng thể ý nghĩa của biểu tượng một cách có hệ thống hay một cách có cấu trúc.

Bằng phương pháp thu thập dữ liệu và phân tích ý nghĩa biểu tượng nói trên, đặc biệt là với cách nhìn cấu trúc, Turner đã rút ra được ba thuộc tính quan trọng của một biểu tượng nghi lễ của người Ndembu sau đây

Biểu tượng có thuộc tính cô đọng

Thuộc tính đơn giản nhất của biểu tượng nghi lễ là cô đọng, tức là nhiều sự vật và hành động được thể hiện, được phản ánh trong một mẫu hình hay một hình thái đơn nhất.

Biểu tượng là một sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau

Những ý nghĩa căn bản khác nhau này được nối kết với nhau bởi chúng cùng có những đặc tính giống nhau hay bởi sự liên kết trong thực tế hay tư duy.

Biểu tượng có tính phân cực về ý nghĩa của chúng

Thuộc tính quan trọng thứ ba của biểu tượng nghi lễ là tính phân cực về ý nghĩa

của chúng. Nghĩa là, ý nghĩa của biểu tượng vừa có “cực tư tưởng” (ideological pole), vừa có “cực cảm giác” (sensory pole).

Ở cực tư tưởng, ví dụ, ý nghĩa của biểu tượng nghi lễ của người Ndembu là tập hợp các ý nghĩa căn bản biểu thị các thành tố đạo đức, trật tự của xã hội, v.v. Chúng ta có thể tìm thấy sự sắp xếp của những chuẩn mực và giá trị để hướng dẫn và điều khiển con người như là thành viên của tập thể.

Ở cực cảm giác, ý nghĩa của biểu tượng thường là các hiện tượng và quá trình mang tính tự nhiên và sinh lý. Ở cực này, nội dung của ý nghĩa liên quan gần gũi với hình thức bên ngoài của biểu tượng, có thể khơi dậy sự khao khát và xúc cảm. Xúc cảm và những ý nghĩa căn bản mang tính xúc cảm thường là thô thiển. Một mặt, chúng thô thiển một cách chung chung, không mang những phẩm chất xúc cảm cụ thể hay rõ ràng nào. Mặt khác, sự thô thiển là tính tâm sinh lý mộc mạc, thậm chí là trắng trợn.³

Theo quan niệm của Turner

3. Ví dụ biểu tượng nghi lễ là con bò. Trong văn hóa của người Ấn Độ, cụ thể trong cộng đồng theo đạo Hindu, bò là loài vật thiêng liêng (linh vật), được tôn thờ như những vị thần. Trong tôn giáo Ai Cập cổ đại, một số vị thần có hình dáng có liên quan đến bò, ví dụ như thần Ptah – thần sáng tạo và quyền lực, có biểu tượng là con bò đực Apis. Như vậy, về “cực tư tưởng”, biểu tượng nghi lễ con bò có ý nghĩa linh thiêng. Còn về “cực cảm xúc”, trong văn hóa Việt Nam, người Việt Nam xưa lại có tâm lý xem bò là con vật ngốc.

về biểu tượng nghi lễ được nêu trong phần 3.1, Thiên Nhân là một biểu tượng nghi lễ. Cho nên, chúng ta có thể áp dụng phương pháp phân tích biểu tượng nghi lễ của Turner để phân tích ý nghĩa của nó. Nghĩa là, giống như cách làm của ông, chúng ta sẽ bắt đầu quan sát hình thái bên ngoài của Thiên Nhân, ghi nhận cấu trúc, bao gồm các đặc điểm quan sát được, và thu thập sự diễn giải ý nghĩa của biểu tượng. Sau cùng, chúng ta rút ra những thuộc tính quan trọng của Thiên Nhân. Ích lợi có được từ việc áp dụng phương pháp của Turner sẽ được trình bày trong phần kết luận.

4. CẤU TRÚC CỦA BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÂN

Bằng sự quan sát hình thái bên ngoài, chúng ta thấy biểu tượng Thiên Nhân là một mắt trái mở. Bốn đặc điểm của Thiên Nhân là:

- Đặc điểm “một” mắt
- Đặc điểm con “mắt”
- Đặc điểm con mắt bên “trái”
- Đặc điểm mắt “mở”

Bây giờ, chúng ta hãy cùng thu thập sự diễn giải ý nghĩa Thiên Nhân thông qua từng đặc điểm trên. Thay vì dùng cách thu thập sự diễn giải từ các chuyên gia hoặc từ những người bình thường như Turner đã làm, trong bài viết này, chúng tôi chỉ sử dụng tài liệu, kinh sách Cao Đài để tổng hợp ý nghĩa tổng quát của Thiên

Nhân mà thôi. Sử dụng tài liệu, kinh sách Cao Đài để tìm hiểu ý nghĩa Thiên Nhân được xem như là bối cảnh nghiên cứu của chúng tôi.

4.1 Ý NGHĨA CỦA “MỘT” CON MẮT TRÁI

“Một” trong hình ảnh “một” con mắt trái tượng trưng cho “Lẽ Một”.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có dạy:

“Khai Thiên Địa vốn Thầy; sanh Tiên, Phật cũng Thầy; Thầy đã nói, một Chơn Thần mà biến Càn Khôn thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Nên Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn thế giới nên mới gọi Pháp; Pháp có, mới sanh ra Càn Khôn vạn vật, rồi mới có người, nên gọi là Tăng.”⁴

Đạo Học Chỉ Nam đã lặp lại toàn bộ ý trên và tiếp theo bằng một câu: “Đó là lẽ Một trong Cao Đài.”⁵

Ngoài ra, Đạo Học Chỉ Nam còn nói về cái Một (Nhứt) như sau: “Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy Nhứt bốn.”⁶

4. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển – quyển 1, trang 42.

5. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, chương 2, tiết 4, mục 2.

6. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 3, mục 1.

Từ các đoạn Thánh giáo trên, chúng ta thấy có một cái đầu tiên là Thấy, Thấy là một Chơn Thần. Chính Chơn Thần Thấy, chứ không phải Chơn Thần nào khác, đã biến ra muôn loài vạn vật, trong đó có con người. Sau khi được biến hóa ra, con người và vạn vật có thể tu để tiến lên làm Thần, Thánh, Tiên, Phật và trở về hiệp nhất với cái “Một” ban đầu đó. Như vậy, một Chơn Thần Thấy biến ra vạn vật, và vạn vật sẽ trở về hiệp nhất với cái một ấy là “Lẽ Một” trong Cao Đài.

4.2 Ý NGHĨA CỦA CON “MẮT”

Ý nghĩa của “mắt” trong biểu tượng Thiên Nhân được đề cập trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Nhân là cửa trái tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa, tức là Thần, mà thần là cái lý hư vô. Lý hư vô ấy là Trời vậy.”*⁷

“Trái tim” có nghĩa là lòng dạ⁸, là tâm của con người. Trong ngũ cảnh Thiên Nhân thì mắt tượng trưng cho Thiên Tâm của con người, tức là “tâm của Trời”, “tâm như tâm Trời” nơi con người.

Ngoài ra, mắt còn tượng trưng cho cái nhìn của con người, cũng tức là sự nhận thức nơi con người. Thiên Nhân tượng trưng cho sự nhận thức sáng suốt, trí tuệ

của con người. Trên phương diện biểu tượng, sự sáng suốt ấy còn được tượng trưng bằng hào quang xung quanh mắt⁹.

4.3 Ý NGHĨA CỦA MẮT BÊN “TRÁI”

Theo quan niệm Đông phương, cụ thể là theo quan niệm Đông y, thì bên trái tượng trưng cho “dương”, bên phải tượng trưng cho “âm”. Âm–dương là hai phạm trù đối ngẫu nhau và chuyển tải nhiều cặp ý nghĩa đối ngẫu nhau trong từng sự vật, hiện tượng. Thiên Nhân là mắt bên trái, chứ không phải là bên phải là vì tương ứng với ý nghĩa “*Thiên Nhân là Thần đã thuần dương.*” Nói một cách khác, vì Thiên Nhân tượng trưng cho “Thần đã thuần dương”, cho nên dùng “bên trái” để tượng trưng cho ý nghĩa “dương”.

4.4 Ý NGHĨA MẮT TRÁI “MỎ”

Trái ngược với “mở” là “đóng”. “Mở” thuộc về dương, “đóng” thuộc về âm. Trong quyển Thánh Ngôn Yếu Lược (1927–1971) của Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, mục “Công phu đờng nhắm mắt”, đàn Cần Đước, ngày 01–4–1939, Thầy dạy: “*Con tu phải ngó ngọn lửa. Đờng mắt nhắm, thuộc âm, ngủ hoài. Người tu phải thuộc dương. Nếu không sửa lại, [mà cứ để] thành âm, [thì] không biết bao giờ thuần dương đặng.*” Lời dạy này

giúp chúng ta hiểu rằng, mắt “nhắm” thuộc về âm, ngược lại, mắt “mở” thuộc về dương.

Ngoài ra, khi nói mắt tượng trưng cho nhận thức của con người thì hình tượng con mắt đang “mở” tượng trưng cho nhận thức sáng suốt, cái nhìn rộng mở, phá chấp, không bị giới hạn, không bị đóng khung của con người¹⁰.

5. NHỮNG THUỘC TÍNH CỦA BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÂN

Từ cấu trúc, đặc điểm và ý nghĩa của Thiên Nhân vừa được trình bày, chúng ta có thể rút ra một số thuộc tính quan trọng của Thiên Nhân.

Biểu tượng Thiên Nhân có thuộc tính cô động

Thông qua một số ý nghĩa của Thiên Nhân, chúng ta thấy biểu tượng Thiên Nhân có thuộc tính cô động, tức là nhiều sự vật và hành động được thể hiện, được phản ánh trong một hình thái đơn nhất là một mắt trái mở. Các sự vật, hành động đó là cái “Một”, Chơn Thần Thấy, vạn vật, con người, Thiên tâm của con người, sự nhận thức sáng suốt của con người, quá trình ra đi và trở về với cái “Một” của muôn loài vạn vật.

Biểu tượng Thiên Nhân là một sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau

Như đã trình bày, những ý nghĩa căn bản của Thiên Nhân

7. Ngọc Hoàng Thượng Đế, đàn ngày 28–8 Bính Tý (13–10–1936), Đại Thừa Chơn Giáo, trang 61.

8. Theo từ điển Đại Nam Quốc Âm Tự Vị.

9. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chương 1, mục 3 – Thiên Nhân.

10. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chương 1, mục 3 – Thiên Nhân.

bao gồm: (1) từ cái “Một” là Chơn Thần Thầy đã biến hóa ra muôn loài vạn vật, trong đó có con người, và (2) vạn vật sẽ tiến hóa để trở về hiệp nhất với cái “Một” ban đầu ấy; (3) tâm (Thiên tâm) con người cũng giống như tâm của Trời; (4) con người có nhận thức sáng suốt, có cái nhìn rộng mở, phá chấp, không bị giới hạn, không bị đóng khung. Những ý nghĩa căn bản này liên quan chặt chẽ với nhau, chúng thống nhất hay nhất quán với nhau trong một tổng thể liên quan đến lẽ Một: vì con người từ Thượng Đế mà ra cho nên tâm con người cũng có khả năng giống như tâm của Trời (Thiên tâm), con người cũng có sự sáng suốt, có cái nhìn rộng mở như sự sáng suốt, trí huệ, rộng mở của Trời, và nhờ Thiên tâm, nhờ sự sáng suốt, trí huệ ấy mà con người có khả năng hiệp nhất trở lại cùng với Thượng Đế.

Biểu tượng Thiên Nhân có tính phân cực về ý nghĩa

Biểu tượng Thiên Nhân có tính phân cực về ý nghĩa, ý nghĩa Thiên Nhân vừa có cực tư tưởng, vừa có cực cảm giác.

Ở cực cảm giác, nội dung của ý nghĩa Thiên Nhân liên quan gần gũi với hình thức bên ngoài là một mắt trái mở, hình thức bên ngoài này dễ dàng khơi dậy nơi con người nhiều cảm xúc mang tính tâm sinh lý một cách tự nhiên. “Một con mắt trái” là hình ảnh một phần cơ thể của con người, rất

bất thường so với hình ảnh đôi mắt của một con người bình thường. Và nếu không được giải thích đầy đủ ý nghĩa của “một con mắt trái” ấy thông qua “cực tư tưởng”, người ta, nhất là những người không phải tín đồ Cao Đài có thể phát sinh cảm xúc thắc mắc¹¹, sợ sệt¹². Điều này càng cho thấy, ý nghĩa biểu tượng ở cực tư tưởng rất quan trọng, nó giúp người ta hiểu đúng đắn về ý nghĩa của biểu tượng nghi lễ, chứ không suy đoán dựa vào những cảm xúc thông thường.

Như đã nói, quan trọng hơn hết là ý nghĩa ở cực tư tưởng của Thiên Nhân. Biểu tượng Thiên Nhân là tập hợp các điểm quan trọng trong triết lý hay giáo lý Cao Đài. Nhờ ý nghĩa ở cực tư tưởng này, người ta có thể hiểu đúng ý nghĩa biểu tượng, từ đó có thể so sánh, đối chiếu với các quan niệm trong các hệ tư tưởng khác.¹³

6. KẾT LUẬN

Chúng tôi vừa tìm hiểu phương pháp phân tích ý nghĩa biểu tượng nghi lễ của Victor Turner và áp dụng nó vào việc

phân tích ý nghĩa Thiên Nhân trong đạo Cao Đài. Bằng việc học hỏi một phương pháp trong lĩnh vực nhân học như vậy, chúng ta có thể phân tích biểu tượng nghi lễ một cách có bài bản, có phương pháp, chứ không phân tích theo cảm tính hay bằng khả năng còn hạn chế.

Sau khi tìm hiểu phương pháp của Turner, chúng ta biết thêm một số tư duy trong ngành nhân học, nhờ đó tư duy chúng ta được mở rộng, giúp ích cho việc tìm hiểu ý nghĩa các biểu tượng trong tôn giáo nói chung. Cụ thể là, biểu tượng nghi lễ là sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau. Nhờ tư duy này, chúng ta mới có thể hiểu được ý nghĩa trọn vẹn của biểu tượng như một chỉnh thể thống nhất. Ý nghĩa biểu tượng nghi lễ có tính phân cực. Ở cực tình cảm, nội dung của ý nghĩa biểu tượng liên quan đến cảm xúc tự nhiên của con người, và thường không liên quan đến ý nghĩa ở cực tư tưởng của biểu tượng. Ý nghĩa biểu tượng ở cực tư tưởng mới có tính chất quyết định vì nó chuyển tải những giá trị đạo đức hoặc triết lý sâu xa của chính biểu tượng đó.

Kết quả chúng tôi đạt được nhiều nhất từ phương pháp phân tích biểu tượng nghi lễ của Turner và quá trình phân tích ý nghĩa Thiên Nhân là một phương pháp tổng quát để phân

11. thắc mắc biểu tượng có phải là của một đạo giáo thực thụ hay không

12. cảm xúc giống như “sợ ma”

13. Giáo sư nhân học người Mỹ Janet Hoskins đã thắc mắc về mắt “bên trái” của Thiên Nhân. Bà cho biết, theo quan niệm phương Tây, bên trái là “xấu”. Trong khi đó, giáo lý Cao Đài diễn giải “bên trái” nơi Thiên Nhân, theo quan niệm phương Đông là “tốt”.

tích ý nghĩa biểu tượng nghi lễ, bao gồm tuân tữ các bước:

1. Quan sát hình thái bên ngoài biểu tượng.
2. Ghi nhận cấu trúc, bao gồm các đặc điểm có thể quan sát được của biểu tượng.

3. Tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng thông qua sự diễn giải từ kết quả nghiên cứu của các chuyên gia; thông qua sự diễn giải và hành vi của những người bình thường khác liên quan đến biểu tượng; hoặc thông qua những bối cảnh đặc biệt mà chúng ta phải nắm rõ cấu trúc và thuộc tính của bối cảnh đó.

4. Sau cùng, rút ra những thuộc tính quan trọng của biểu tượng từ kết quả của ba bước trên.

Ở bước thứ (3), để tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng nghi lễ tốt nhất, người nghiên cứu phải có cái nhìn khách quan như những gì đang tồn tại, không thành kiến. Cho dù có những cách nhìn khác nhau về ý nghĩa biểu tượng thì người nghiên cứu phải có cách nhìn cấu trúc. Nghĩa là, phải hiểu rõ ý nghĩa biểu tượng trong từng bối cảnh riêng biệt, và có khả năng tổng hợp các ý nghĩa khác nhau đó thành một tổng thể thống nhất. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Cao Đài Đại Đạo – Chiếu Minh, Đại Thừa Chơn Giáo, 1956.

(2) Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Thánh Ngôn Yếu Lược (1927–1971), bản chép tay photo.

(3) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn giáo, 2006.

(4) Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Những vấn đề Nhân học tôn giáo, Tạp chí Xưa và Nay, NXB Đà Nẵng, 2006.

(5) Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, NXB Trẻ, 1998.

(6) Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, lưu hành nội bộ.

(7) Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, nhà in Tam Thanh, 1928.

(8) Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Khoa Nhân học, Nhân học đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013. ■



THÁNH GIÁO

Giữ lòng thanh tịnh thấy cơ mầu,
Chẳng ở nơi Trời, chẳng ở đâu,
Chỉ một sát na tâm ngộ nhập,
Thái bình như loại có bao lâu.
Bao lâu chờ đợi chờ trông chờ,
Càng đợi càng chờ hóa ngắn ngủi,
Hãy học hãy tu rồi sẽ hiểu,
Bao nhiêu ngoại cảnh cứ làm ngu.
Ngơ tai ngơ mắt lại ngơ lòng,
Tất cả đem về một tánh không,
Có đó thì làm, làm chẳng có,
Ba ngàn thế giới mới tinh thông,
Thông suốt hành tàng đạo lý thâm,
Đều do chuyên nhứt của linh tâm.
Tâm linh thì tánh linh quang hiện,
Một khiếu thông rồi sống vạn năm.
Năm tháng tu trì có một thời,
Một này biến hóa biết bao ngôi,
Ngôi tiên ngôi phật ngôi thần thánh,
Cũng ở trần gian, cũng ở người.
Người muốn tu hành Lão chỉ cho,
Sang sông phải tạm mượn con đò,
Qua bờ vạn pháp nên rời bỏ,
Một túi càn khôn chuồng vạn cơ.
Cơ duyên đệ muội đến nơi này,
Chẳng phải tiêu sấu hay giải khuây,
Mà muốn tìm vào cung Bạch Ngọc,
Sẵn thuyền đưa rước đến ngàn mây.
Mây trắng lâu lâu rước khách tu,
Vượt qua vạn nẻo cõi diêm phù,
Đưa về chánh đàng vô vi đó,
Không tháng ngày nào không hạ thu.
Thu nhiếp càn khôn một túi đầy,
Thanh nhàn tự tại khắp đồng tây,
Vui cùng Thiên đạo hòa sanh chúng,
Tiên Phật là đây, Đạo cũng đây.

■ ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN, VINH
NGUYỄN TỰ, 10-6 BÌNH THÌN.

KINH DỊCH TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP HƯỚNG ĐI MỚI CỦA NHÓM KINH DỊCH CĂN BẢN

■ THANH LONG

Từ nhiều năm nay, có thể chính xác hơn là từ năm 2008, nhóm học tập Kinh Dịch Căn Bản (trực thuộc Văn Hóa Vụ) đã kiên trì với nội dung mà nghe qua nhiều người cảm thấy ngán ngẫm: Từ căn bản Dịch lý đến hai quẻ Kiển–Khôn. Đôi khi người học cũng tự hỏi liệu có nhất thiết phải nghiêm ngẫm lâu đến như thế về một vấn đề mà ai cũng đã hoàn thành từ lâu rồi? Trước khi có lý lẽ nào thỏa đáng hơn, ta hãy đọc lại lời của Hệ từ mà Đức Thánh Khổng đã viết: *“Kiển Khôn kỳ Dịch chi môn dã? Kiển, Dương vật dã; Khôn, Âm vật dã. Âm Dương hợp đức nhi cương nhu hữu thể. Dĩ thể Thiên địa chi soạn. Dĩ thông Thân minh chi đức.”*¹ Có thể hiểu là hai quẻ Kiển và Khôn là cửa vào Dịch lý; Kiển, tức cái dương; Khôn, tức cái âm; Đức của cái âm và cái dương hòa hiệp mà sinh ra các thể cứng và mềm; Đạo Kiển Khôn đó lấy cái hình thể Trời Đất mà diễn giải thành lý lẽ, lấy sự sâu rộng linh diệu làm nên cái đức cho sự học tập và hiểu lấy.² Thật sự, hai quẻ Kiển và Khôn là trọng, là đại như cánh cửa bước vào Dịch lý, vào lý lẽ chân thật của Trời Đất, vào huyền vi của đạo lý. Thế nên, học tập hai quẻ Kiển–Khôn bao nhiêu lâu là đủ để thấu hiểu được Đạo và Đức của Trời Đất thì khó ai nói cho rõ được. Ngần ấy năm tới lui trong cùng một vấn đề, giờ đây, cũng ít ai tự cho mình tường tận ý nghĩa đạo lý của hai quẻ Kiển và Khôn. Điều đó cho thấy chữ nghĩa có thể đọc, nhưng nghĩa lý ẩn áo chưa chắc thông. Liệu ai có thể đã nắm lòng cái Đạo Kiển Khôn?

Trong ngày tất niên năm Quý Tỵ của nhóm

1. Xem thêm Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1996, phần Hệ từ hạ truyện, Chương thứ Sáu, tiết thứ Nhất, tr. 914.

2. Người viết diễn ý lời dạy của Đức Thánh Khổng.

Kinh Dịch Căn Bản, hầu hết các thành viên đều cùng một nhận định rằng việc học hỏi nhiều năm về hai quẻ Kiển và Khôn không phải là việc lãng phí thời gian. Việc học đi học lại đôi ba lần nội dung tưởng chừng đã cũ nhưng hóa ra lại không hề nhàm chán. Mỗi lần trở lại với nội dung đã từng tìm hiểu lại cứ như đi trên một con đường mới. Nhất là khi có sự kết hợp với Thánh giáo, Thánh ngôn để suy nghiệm về việc hành đạo và tu học trong thời Tam kỳ, mọi người dường như hiểu lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng hơn trước kia. Và vì thế, hầu hết thành viên đều nhiệt tình tham dự sinh hoạt của nhóm một cách thường xuyên. Thỉnh thoảng, mọi người cũng nói cho vui rằng, đó là thể hiện đức Trinh của Kiển Khôn, tức chính bền, kiên trì trên đường tu học. Như thế, hiệu quả của việc học không bằng cấp, không giấy chứng nhận này dường như lại có chỗ hay của nó. Người học tự giác đeo đuổi việc khai mở trí tuệ theo lời dạy của Thánh nhân. Chỗ chứng đắc là cái chỗ tự thấy trí tuệ được thay đổi, mở rộng hơn và tự thấy bản thân có nhiều điều còn phải tiếp tục tu học. Mỗi người tự cảm thấy mình khá hơn chính mình của ngày hôm qua, dù sự khá hơn này vẫn chưa đạt đến hoàn toàn.

Tuy vậy, đi thêm một chặng đường nữa cho cùng chủ đề cũng chưa hẳn là cách thức hay và phù hợp với sự học. Có lẽ, cũng cần có một khoảng thời gian dừng lại, lùi lại để thêm cơ hội chiêm nghiệm và thực hành cho rốt ráo ý nghĩa đạo lý đã gặt hái được. Dù nói rằng dừng hay lùi, thì thật ra là tiếp cận một cách khác với vấn đề lớn mà đôi khi nhìn ngẫm trong một thời gian dài đã làm quá sức các căn thức khiến chúng cũng chẳng sáng tỏ hơn là bao, chưa nói rằng nhiều lúc cũng

có thể sinh ra ảo tưởng! Trong buổi tất niên năm Quý Tỵ, với sự tham vấn và định hướng của Văn Hóa Vụ, nhóm học tập Kinh Dịch Căn Bản được định hướng sẽ bắt đầu chuyển sang một hướng tiếp cận mới trong việc tìm hiểu Kinh Dịch. Cụ thể, nhóm sẽ triển khai kế hoạch tìm hiểu các quẻ ngoài hai quẻ Kiền và Khôn. Thế nên, từ năm Giáp Ngọ (2014), lớp Kinh Dịch Căn Bản được chấp thuận để triển khai chương trình Kinh dịch Tiến đức Tu nghiệp, học tập và tìm hiểu chín (09) quẻ quan trọng cho đời tu của người học đạo: Lý, Khiêm, Phục, Hằng, Tốn, Ích, Khốn, Tỉnh, Tốn.

Vì sao đây là chín quẻ quan trọng cho đời người tu học? Khi lý giải hào Cửu Tam quẻ Kiền, Đức Thánh Khổng đã viết: *“Quân tử tiến đức tu nghiệp. Trung tín. Sở dĩ tiến đức dã. Tu từ lập kỳ thành. Sở dĩ cư nghiệp dã. Tri chí chí chi. Khả dĩ cơ dã. Tri chung chung chi. Khả dĩ tồn nghĩa dã. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu. Tại hạ vị nhi bất ưu.”*³ Để làm rõ hơn ý nghĩa về tiến đức tu nghiệp, Đức Thánh Trần, cụ Phan Bội Châu đều lý giải dựa theo Hệ từ truyện, phần Hạ, chương thứ Bảy. Và đó chính là nội dung của kế hoạch học tập mới.



Sinh hoạt nhóm Kinh Dịch Căn Bản trong ngày tất niên Quý Tỵ. Buổi họp mặt đã định hình một lối đi mới cho sinh hoạt học tập của nhóm.

Qua đó, dù nói rằng nghiên cứu các quẻ ngoài Kiền Khôn, nhưng nội dung thực chất là đi sâu vào nội dung của Kiền đạo, và như vậy cũng không thể không nói rằng nội dung học tập và tìm hiểu cũng sẽ đi sâu hơn vào nội dung của Khôn đạo. Bởi lẽ, người học Dịch hiểu một

điều rằng đạo lý vốn gồm cả hai lẽ âm và dương. Biết được chỗ cứng mạnh, thì cũng phải biết chỗ nhu mềm. Đây cũng là ý nghĩa của câu âm dương hợp đức nhi cương nhu hữu thể vậy.

Kiến Khôn có bốn đức lớn là Nguyên, Hanh, Lợi và Trinh. Tuy việc tìm hiểu và thực hành cho được ý nghĩa của bốn đức này có những kết quả khiêm tốn ban đầu trong kết quả tu học của mỗi người, nhưng điều quan trọng cả thấy là việc phần lớn các thành viên đều mong muốn tiếp tục được học tập và tìm hiểu nhiều hơn. Chỉ ít điều đó cũng cho thấy được việc tu học đã bắt đầu khơi được dòng chảy vô hình của lòng khao khát với đạo lý trong mỗi thành viên của nhóm học tập. Đó chẳng phải là biểu hiện của đức Hanh? Sau nhiều năm học tập, các thành viên đều cảm nhận giá trị của việc nghiền ngẫm tới lui những lời dạy của Thánh nhân đối với cái nhìn, cách ứng xử trong thực tế hành đạo. Đó chẳng phải là biểu hiện của đức Lợi? Và nhờ sự kiên trì đeo bám một công việc cơ bản được người khác xem là mất thời gian vô nghĩa, để tự thân mỗi thành viên khám phá những ý nghĩa sâu sắc mà Thánh nhân vốn để lại cho hậu lai như món thừa kế suýt bị bỏ quên vì hiện đại tính. Đó chẳng phải là biểu hiện của đức Trinh?

Có thể còn quá sớm để nói đến điều tốt đẹp, kết quả quá hoàn mỹ nào. Nhưng điều đáng nói là tấm lòng vượt khó khăn, vượt ty hiểm để đeo bám việc gột rửa rong rêu của định kiến vốn giăng nhiều trên kho báu cổ ngôn để truy tìm giá trị trường cửu hầu ứng tiếp với hoàn cảnh hiện đại mà không làm mất, không đi lạc lối mà xa rời đạo lý không lời. Với sự đồng tình ủng hộ và khuyến khích của quý đạo huynh, đạo tỷ của Cơ Quan và Văn Hóa Vụ, cầu chúc và hy vọng các thành viên của nhóm Kinh Dịch Tiến Đức Tu Nghiệp giữ vững lập trường tu học, lòng nhiệt thành tìm hiểu đạo lý để tiếp tục con đường còn dài và nhiều khó khăn. Trước hết là phải hoàn tất kế hoạch học tập của nội dung Kinh Dịch Tiến Đức Tu Nghiệp trong niên trình Giáp Ngọ một cách tốt đẹp như là một cách tỏ lòng thành kính với Đức Thánh Khổng cùng các Đấng Thiêng Liêng dạy Đạo cho chúng ta. ■

3. Xem thêm Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1996, tr. 65-69.

MỘT VÀI HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỦA LỚP KINH DỊCH CĂN BẢN



Nhóm Kinh Dịch Căn Bản tự học quê Hòa Địa Tấn để tham gia cùng với nhóm Kinh Dịch 1 trước mùa tu Xuân Phân 2013, (09-3-2013).



Nhóm Kinh Dịch Căn Bản (02-3-2013) trong một buổi sinh hoạt.



Đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đạo trưởng Đạt Trí, Hiệp Lý Minh Đạo, trong lễ Bế giảng lớp Dịch Kinh Căn Bản giai đoạn 2008-2010 tại Tam Tông Miếu, Minh Lý Thánh Hội (04-10-2010). Đây là giai đoạn học chung giữa ba đơn vị Hội Thánh Truyền Giáo, Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

THÀNH GIÁO

Lòng từ thiện hơn loài vốn có,
Nhưng vì không chịu khó điểm tô,
Nên chi bị khổ tam đồ,
Không về được cõi hư không Niết Bàn.
Vì thương xót hơn loài đau khổ,
Quyết tìm phương tế độ đời nguy,
Ta bèn phế bỏ vương trì,
Xuất gia tầm đạo mẫu vi giải nạn.
Vào tận chốn thâm san cùng cốc,
Sáu năm trường lao nhọc nài bao,
Ma Vương đón ngõ ngăn rào,
Gặp nhiều thử thách không nao tắc lòng.
VẬY MỚI ĐƯỢC THÀNH CÔNG ĐẮC QUẢ,
Đạo ban truyền thế hạ sùng tôn,
Chứng minh Phật pháp trường tồn,
Dựng lên vô số thiền môn độ đời.
Vẫn thấy được nhiều người đầu Phật,
Cũng mong cho lên nấc thang lành,
Để mà về cõi tịnh thanh,
Thành thơ muôn thuở bên cảnh liên hoa.
Tiếng đầu Phật nhưng mà xa Phật,
Đã để cho vật chất trì lôi,
Trái bao nhiêu kiếp luân hồi,
Vào ra sáu nẻo người ôi có tường!
Sống chung với vô thường nọ quý,
Dưới Âm Ty đã bị xích xiềng,
Còn đâu tánh Phật, căn Tiên,
Chẳng qua vì lúc sanh tiền thiếu tu.
Nay phải chịu nghìn thu ôm hận,
Phật vẫn mong độ tận chúng sanh,
Nhưng người ít muốn tu hành,
Làm sao hưởng được ân lành Trời ban.
Đời mạt kiếp điều tàn hơn loại,
Không tu hành là sai Thiên cơ,
Thuyền từ đã chực trước bờ,
Đến giờ tách bến không chờ riêng ai.
(...)

■ ĐỨC THÍCH CA VĂN PHẬT, NGỌC LINH THÁNH TỊNH,
08-02 NHÂM DẦN (13-3-1962).

NU CƯỜI TRÊN BIỂN

của đức Quán Thế Âm Bồ Tát

■ THIỆN LÝ

Vào những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ trước, đạo Cao Đài đã hình thành nhiều chi phái trải rộng khắp mọi miền đất nước Việt Nam. Tại thời điểm ấy, có thể có những lòng riêng trong hàng ngũ của người đạo Cao Đài, nhưng dường như tình thương yêu của Đức Chí Tôn vẫn luôn là bao dung và vô tận. Bởi có những người con Cao Đài mộc mạc quê mùa, chân cày đập đất, đầu đội bao giồng, nửa chữ cũng không biết; ở vùng đất biển tận cùng của cực Nam quê hương, bỗng đứng được đón nhận một phép nhiệm mầu – Thầy đã đến! Thầy đã xuất hiện ở vùng đất biển Hà Tiên thêm một lần nữa với những người con út nghèo khổ, ít chữ mà tâm vô cùng chơn chánh bền bỉ với sứ mạng phổ độ, sứ mạng thật giản đơn là sống sao cho phải Đạo làm người!

Tôi chỉ được biết đến Thánh tịnh Nam Hoa lúc đã qua 43 năm tuổi khi tôi đặt chân lên hòn đảo nhỏ Hòn Nghệ – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang. Hình dáng đơn sơ, tĩnh lặng như ánh trăng treo ngoài biển, Thánh tịnh khoát lên mình một màu trắng tinh khiết của chiếc bạch y giản dị, không có cấu trúc nguy nga của các thánh thất, thánh tịnh của các Hội Thánh thường gặp; không có sự cầu kỳ, rực rỡ, chỉ mang dáng dấp an lạc, bình yên của một mái nhà, nhưng lại đủ để tạo cho con người cảm giác thiêng liêng khi nhìn ngắm. Có lẽ, thật sự đó chính mới là căn nhà Thánh theo đúng ý nghĩa chữ “tịnh” mà chư vị Tiên khai đã đặt vào một cái tên nhẹ bồng, dịu dàng “Đóa hoa phương Nam.” Thánh

tịnh Nam Hoa mọc trên hòn đảo nhỏ giữa biển như một sự thách thức cho con người đời sau và như một sự trêu đùa với tự nhiên, bởi lẽ, dù đã gần 300 năm xuất hiện và phát triển của thời đại khoa học ngày nay, mà hòn đảo ấy vẫn còn hoang sơ như một nơi trú chân tạm bợ cho vài trăm nóc nhà; vẫn chơ vơ đơn độc lặng yên giữa những cơn bão tố giận dữ.

Thánh tịnh Nam Hoa nằm trên ghềnh đá, đổ dốc xuống sát bờ biển, cách biển là một độc đạo rộng chừng hai mét chạy vòng quanh Hòn Nghệ, do đó có thể kết luận một điều chắc chắn rằng: Không thể có một chiếc xe hơi nào trên đảo! Thực ra, không cần phải suy luận từ con đường làng nhỏ hẹp chơ vơ, cứ nhìn những căn nhà lá, nhà tranh, nhà mái tole cũ kỹ cũng đã hiểu dân ở đây rất nghèo. Họ đều là ngư dân, với cái nhìn đơn giản cho triết lý của cuộc sống là đánh đổi sinh mạng ngang bằng với cái ăn cái mặc cộng với sự cầu nguyện nơi Trời ngày lại qua ngày trên biển. Trên Hòn đảo, chỉ có một ngôi trường tiểu học là thể hiện sự quan tâm đáng quý của Chính quyền. Gọi là trường, thật ra chỉ là một lớp học mái dột, bàn ong, dăm ba bữa một ông thầy, mợ chẳng râu, thầy chẳng tội. Thật là buồn! Trách ai được, cũng tại bởi số phận, tại bởi Hòn Nghệ mọc lên chi giữa biển; tại bởi ai kia nặng lời thể nguyện phổ độ chúng sanh...

– Bà nó ơi, có bác sĩ Sài gòn về khám bệnh miễn phí kia! Ra mau lên, không thôi hết thuốc à!

Gần bốn trăm người dân trên đảo ráng chờ bác sĩ từ Sài Gòn xuống từ hôm qua, mặc dù hôm trước cũng đã có các anh bác sĩ, y sĩ ở tỉnh Kiên Giang là người đạo Cao Đài ra khám bệnh, nhân ngày kỷ niệm 43 năm Khánh thành Thánh tịnh Nam Hoa. Sài Gòn với người dân đảo, như là một xứ sở thiên đường ở tận nơi xa lắm, cũng như từ Việt Nam bay đến tận xứ Hoa kỳ! Mà kỳ thiệt, ví von ấy cũng không sai lắm vì từ Sài Gòn đi bằng đường bộ, đường biển cũng mất đến 11 giờ đồng hồ mới đặt được chân lên Hòn Nghệ, thêm một chút rui ro nữa là giông gió, sóng to thỉnh thoảng có thể lại viếng thăm! Còn ở Châu Âu hay Mỹ Quốc thì cứ lên máy bay, nhắm mắt và mở mắt là thấy tới nơi.

Có lần tôi rủ anh bạn Cao Đài hải ngoại ngoan đạo đến thăm xứ sở ba Hòn, sau khi mô tả chặng đường đi đến Hòn Nghệ, anh bạn bùi ngùi hẹn dịp khác. Cũng phải thôi, bênh bồng trên biển bằng ghe câu tôm hay ghe lớn chở hàng hóa thì sự an toàn là chỉ nên mua vé từ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát!

Chuyến về, trên con tàu hàng, tôi được một bác đạo hữu ngư dân kể đã hai lần bị đắm tàu và được Đức Quán Thế Âm cứu thoát chết sau khi chèo vênh ngoài biển khơi suốt hai ngày với thân mình trôi chặt trên miếng ván gỗ. Kinh nghiệm đi biển của bác là đừng ý lại sức mạnh và sự tinh táo, hãy trôi thân mình vào cái vật gì để nổi, sau đó là sự tĩnh tâm nguyện cầu. Thế đó! Vậy mà có hơn trăm người ngày ngày lầm lũi bạt mạng để nuôi sống ba trăm người trên đảo hàng giờ, hàng phút ngóng trông! Số phận ư? Vậy Thiên ý ở ngôi Thánh tịnh bình dị trên hòn đảo ấy là gì? Khai mở huệ nhãn ư? Buổi tối đứng trước đại dương sóng vỗ rì rào, dưới ánh trăng cô tịch của đêm Rằm tháng Hai, tôi như bị trôi theo cơn gió cuốn vào lòng biển khơi để mong tìm câu trả lời từ Trời Đất.

*Ở các trẻ! Nhớ nguyện xưa nọ,
Đừng chuộng đây, khinh đó không nên,
Tu sao cho hiệp dưới trên,
Tu sao cho đặng vững bền gần xa,*

Dắt về, cho tạ mặt Cha,

Đồng nhau an hưởng, một Tòa Ngọc Kinh.

Lời dạy của Thầy trong Ngọc Đế Chơn Truyền Tân Ước Tri Nguyên như một lời ru tình yêu nhân loại cho những ai đã thệ nguyện cùng Người. Có lẽ, đạo Trời đâu chỉ dành riêng cho những mảnh đất màu mỡ phồn hoa, chạt chội? Và có lẽ đó chính là lý do thuyết phục nhất về việc chú vị Tiên Khai dựng xây Thánh tịnh trên hòn đảo vắng vẻ, khô cằn này. Bởi ở đó sẽ có những con người sẽ đến, bởi ở đó phải có mặt của Cha Trời để vun bón cho mầm sống tình thương.

– Bác sĩ ơi, cái bụng tui nó cứ đau hoài, ăn cũng đau, không ăn cũng đau.

– Con ho hoài, nước mũi chảy xênh lênh, đi học không nổi.

Những câu nói quê mùa giản dị còn nhiều nữa và lẫn vào đó là những sự e ngại, mặc cỡ của những chị em khi kể ra mình mắc bệnh phụ khoa. Ở đây, người phụ nữ không mắc bệnh phụ khoa mới là hiếm gặp, bởi đâu có nước sạch dư dả để mà sử dụng! Chưa nói các chị em còn phải ngâm mình trong nước vì cái nghiệp cơm áo gạo tiền. Tội nghiệp! Sự thành thoi tự do của các chị em chỉ là những câu ca vọng cổ cất lên ngân ngùi rồi chợt tắt vì lý do nào đó. Chỉ có một đêm trong năm, nhân ngày kỷ niệm thành lập Thánh thể Đức Cha Trời, họ tụm nhau lại dưới ngôi Thánh tịnh hiền hòa, cùng nhau ca hát. Những câu ca cổ ngọt ngào, vang vọng dưới ánh trăng thanh hòa điệu cùng âm thanh sóng biển, Đạo cũng có, đời cũng có, tất cả như chỉ mong mỗi thốt lên tận đáy lòng một chữ “tinh.” Ở xứ sở này, không còn tình thì thà làm mối cho biển! Đêm ấy là đêm duy nhất trong năm, Thánh tịnh được Hội Thánh cho phép chạy “máy đèn.” Nói là cho phép chứ Thánh tịnh nghèo lắm, bữa ăn chay tịnh còn không đủ, nói gì đến việc có một cái “máy đèn!”. Các bạn thanh niên của nhiều Thánh thất, Thánh tịnh chung tay góp tiền thuê máy đèn chạy thêm vài tiếng đồng hồ, để phục vụ cho đêm văn nghệ. Ở đây, điện chỉ được mở

theo giờ và không có đồng hồ điện để tính tiền. Tiền điện được tính theo bình quân một bóng đèn, một cái quạt hoặc một chiếc ti-vi. Điều đó có nghĩa là không được sử dụng thiết bị điện làm hao tổn điện năng khác như bàn ủi, tủ lạnh... và chắc chắn rằng đừng mơ đến internet!

May mà còn có biển! Nếu không, đời sống của người dân trên đảo chỉ giống như những người sống lẩn tránh mặt trời, trong mặc cảm tự ti. Khoảng cách chỉ chừng dăm mươi hải lý từ chốn thị thành đô hội, Hòn Nghệ tưởng chừng như ở nơi vô tận, nhất là khi bóng đêm về, hòn đảo bị bóng tối bao trùm, mờ mịt. Nhưng chắc chắn rằng từ thuở khai mở ban sơ ấy có một ngọn đèn sáng mãi chưa bao giờ tắt. Ngọn Tâm đăng yên định, soi rọi ánh sáng đủ đầy và huyền diệu Thánh thể của Đức Chí Tôn “Vạn Nhứt Nhân Trái Tim” từ hơn bốn chục năm qua.

Thong dong trên con đường làng dưới ánh trăng êm ả, nhẹ nhàng, tôi muốn chiêm ngưỡng nét đẹp về đêm của Hòn Nghệ. Những chiếc ghe đánh cá tụ tập bên bờ còn vương vãi dây dây nhợ, lưới, chài ở hai bên be thuyền, tưởng chừng như đang tự cọ rửa và trò chuyện nốt những câu đùa dí dỏm sau cùng để rồi ngủ yên trong bóng đêm yên lặng. Một nhóm ngư dân cời trần, lớn giọng và cười hào sảng khảnh khách bên mâm rượu đầy sau mỗi lần cạn chén. Tiếng trẻ nít vui đùa vì nổi mừng, vì còn có cha ở lại đêm nay. Đâu đó thoang thoảng tiếng ca cổ đong đưa theo nhịp sóng. Không khí ngọt và mặn xen lẫn vào nhau bởi khí Trời và Đất luôn đi quyện lấy từng góc nhà tranh, từng ngọn lửa re ré trong gian bếp như chỉ để nói lời thân thiện với người dân trên đảo. Bóng đêm lảng lảng đi bên tôi như chờ đợi một câu mở lời trò chuyện. Nó vẫn kiên nhẫn chờ đợi, tôi lại cố tình im lặng.

– Dạ! Bác sĩ đi dạo à?

Một cụ ông ngoài tám mươi đang đứng trước mặt tôi với ánh mắt sáng rực thần quang, nụ cười chơn chất hiền lành, mặc bộ bà ba trắng hiện ra trong đêm không khác chi một tấm ảnh nghệ thuật. Tôi có cảm giác giật thót người

khi gặp ông, nhưng vội tan biến rất nhanh vì sự phúc hậu dịu dàng của ông như làm sáng cả bóng đêm. Câu chuyện kể từ ông đã dẫn dắt tôi đi một vòng chu vi của đảo. Ông kể nhiều lắm, từ câu chuyện Chư vị Tiên Khai Nguyễn Văn Ca (Phối sư Thái Ca Thanh) lập ra chi phái Cao Đài Minh Chơn Lý, đến Thánh tịnh Nam Hoa ngày đầu được dựng lên khi trên đảo chỉ có vài ba nóc nhà tạm bợ. Bây giờ dân trên đảo đông rồi, có hơn bốn trăm dân, trẻ già đều có; một phần nhỏ dân ở đây là đạo Cao Đài Bạch Y, còn lại thờ Phật, thờ Trời theo tín ngưỡng truyền thống của dân Nam bộ. Ông chỉ lên một ngôi chùa rất to có tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cao trên ba mét đứng nhìn ra biển với nhành dương liễu vun rưới nước Cam lồ ban phúc cho người đi biển, quay sang nhìn tôi và nói: “Người có công quả cho chùa là một vị bác sĩ nữ, có hạnh của Bồ Tát. Con thử đi tìm người ấy!” Rồi Ông cho biết một cái tên và đường như ở một địa phương... Tôi và ông đã đi được một vòng quanh đảo để trở lại ngôi Thánh tịnh, cái mệt đã làm nhiều lần “điểm lực” tôi bị đứt đoạn và nhấn tâm cầu mong ông cụ sớm chia tay, để rồi sau đó tôi tự hối tiếc và trách mình sao không mời cụ ở lại dùng một ly trà ở cửa thiền!

Hòn Nghệ dù đẹp đến thế nào, cũng sẽ sớm ra đi trong tâm thức của người ngoạn cảnh, có khi là mãi mãi, bởi vì còn có những nét đẹp thiên nhiên siêu thực hơn nhiều trên đất nước thừa đau khổ hơn là hạnh phúc. Những giá trị siêu ngã còn lại trên hòn đảo tĩnh lặng này, có lẽ chỉ còn là những người tu hành trên hai ngôi Thánh thể của Đấng Chí Tôn Thượng Đế và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Có lẽ đã đến lúc cần có những đôi bàn tay trần thế để nối tiếp những ánh hào quang vô vi, vĩnh hằng để bảo bọc che chở tâm thức những người ngư dân nghèo với lòng vô tư lự, hằng ngày đánh đổi sinh mạng mình ngoài biển khơi để có được chén cơm manh áo. Họ thật sự bị thiệt thòi và an lòng chịu đựng sự phân biệt bởi cho rằng mình ít học và không có quyền gì để xã hội loài người ban ơn.

Giả như trên đảo không có ngôi Thánh tịnh và ngôi chùa Phật, sự phát triển văn hóa trên đảo chỉ còn lại là một tập tục tự nhiên của một bộ lạc ngư dân của cuối thế kỷ thứ mười chín. Đáng thương chăng? Còn nếu như trên đảo có hai ngôi Thánh thể, liệu rằng những người ngư dân ấy có thật sự phúc lạc trong cuộc sống đời thực và tâm linh? Hòn đảo chỉ bắt đầu có sự sống và tình thương mới hơn được bốn mươi ba năm, có thể là từ ngày chiếc ghềnh đá trở thành ngôi Thánh thể của Đấng Cha Trời. Liệu rằng những người con sứ mạng của Đức Chí Tôn có còn nặng nghĩa, nặng tình với lời thệ nguyện từ thuở ra đi xuống cõi thế? Có ai bảo sứ mạng của Trời không phải là giáo dân vi thiện? Vậy có nên nhìn lại một cộng đồng sơ khai bị cô lập giữa biển, trời với nhiều thử thách mà vẫn tiềm ẩn suối nguồn tình thương của Tạo hóa? Nhiều câu hỏi tích cực có thể được phô diễn, nhưng cũng sẽ chẳng là gì bởi câu trả lời là chung quanh ta còn có những việc đạo đáng làm hơn. Nhiều đêm tôi đã có những câu trả lời ươn hèn như thế. Nhưng cứ như một nhịp răng khớp với một nhịp răng của bánh xe thời gian, tâm thức tôi lại tựa máu bởi hình ảnh Đức Quan Thế Âm hiền hòa, đang mỉm cười vẫy nhành dương liễu như nhả nhủ tôi khi chiếc thuyền hàng quay trở lại đất liền.

Biển yên tĩnh nhấp nhô như vũ điệu khoan thai, những chiếc thuyền chài buồm khơi giăng lưới lơ lửng những tấm lưng trần đen cháy nhọc nhằn. Trên bờ, những người phụ nữ đôi mắt trông theo, những đứa trẻ thiếu học đang chạy đùa trên những ghềnh đá nhỏ. Rác giờ đây đã dần dần tụ lại nhiều bên bờ và ngập ngụa theo từng cơn sóng biển. Đức Quan Thế Âm xa dần trong tầm mắt tôi rồi mất hẳn. Tôi nhìn màu xanh bao la không dừng lại của biển, thỉnh thoảng một thoáng trong ngần, tôi bỗng thấy phảng phất nụ cười của Đức Quán Thế Âm. Bỗng dưng có một suy nghĩ kỳ cục xẹt qua trong đầu. Ước gì Hòn Nghệ có một Cha xứ! ■



Dầu thế lộ gập ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dạn lòng,
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.

Có cái có trong tình Tạo Hóa,
Không là không đạo cả lưu hành,
Biết đường sanh diệt diệt sanh,
Huần nguyên phản bổn nhọc nhàn chi con.

Trải lịch kiếp nghiệp còn triu triu,
Kỳ xá ân nường nứu trì tu,
Huyền môn giải phá trần tù,
Phát trần quét sạch ngút mù từ lâu.

Kìa máy Tạo phát thâu luân động,
Cực âm rồi mầu sống hiển dương,
Phục sinh là đạo hằng thường,
Hằng thường trong cõi vô thường là đây.

Đóng sáo cửa trong ngoài vắng lặng,
Tâm vô tâm bừng sáng chơn tâm,
Tổng trì tận diệt năm âm,
Chơn linh hiển hiện hành thâm cơ huyền.

Phép đốn ngộ Tiên Thiên chánh giác,
Không gì hơn tịnh lạc vô trần,
Có thân dương thể không thân,
Muôn phương thoát hóa một thần minh linh.

Đạo pháp sẵn trong tình gắn bó,
Đạt cơ mầu nào có khó chi,
Hoàng dương chánh pháp Tam Kỳ,
Vẹn tròn sứ mạng phục quy nguyên thần.

(...)

■ ĐỨC MẸ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-12 BÌNH THÌN.

Ai cũng thích nhìn khuôn mặt, đôi mắt và động tác của những đứa trẻ, bởi vì từ đó người ta có thể thấy sự tinh khiết trong nhân tính mà con người chúng ta ao ước. Và rồi, thế giới trong mắt những đứa trẻ là như thế nào và chúng nhìn nhận mọi việc ra sao với sự trong sáng thuần khiết?

Một bài viết về những thí nghiệm thú vị được tiến hành bởi Hàn Lâm và các đồng nghiệp của ông tại Đại học Yale đã xuất hiện trên tạp san Tự nhiên Anh quốc (British Nature) vào ngày 22 tháng 11 năm 2007. Họ đã tiến hành thí nghiệm với những đứa trẻ từ 6-10 tháng tuổi. Trong tất cả các thí nghiệm, những đứa trẻ ngồi trên đùi cha mẹ chúng, nhưng cha mẹ chúng được yêu cầu không biểu lộ bất cứ

phản ứng nào có thể xảy ra đối với những màn trình diễn.

Trong thí nghiệm đầu tiên, Hàn Lâm và các đồng nghiệp đã cho những đứa trẻ xem một người gõ. Họ gắn hai con mắt lớn lên đó và biểu thị rằng anh ta đang cố gắng leo lên một ngọn núi. Anh ta cố gắng leo lên ngọn núi một vài lần, do đó những đứa trẻ sẽ hiểu được ý định của người leo núi.

Trong thí nghiệm thứ hai, những đứa trẻ được cho xem người leo núi tiếp tục nỗ lực của mình, với hai người khác xuất hiện, một người đẩy anh ta lên đỉnh và người kia đẩy anh ta xuống núi một cách ác ý.

Sau khi xem xong, những đứa trẻ được khuyến khích lựa chọn một trong hai người.

Đôi mắt của những đứa trẻ **NÓI LÊN ĐIỀU GÌ?**

■ PHONG HIẾU SƯU TẦM



Khoảng 80% những đứa trẻ cố gắng chạm vào người đã giúp đỡ người leo núi. Các nhà nghiên cứu nói rằng đây là một dấu hiệu rõ rệt cho thấy những đứa trẻ đồng tình với hành động của anh ta.

Những thí nghiệm này có tầm quan trọng rất lớn đối với cả thế giới. Những đứa trẻ đã thấy điều gì? Tại sao chúng ủng hộ chàng trai tốt bụng và chúng dùng điều gì để phán xét? Nhưng điều này thực sự là động lực nguyên thủy nhất đối với nền đạo đức nhân loại.

Có lẽ sự thơ ngây của những đứa trẻ đã cho chúng thấy một thế giới thực sự khác biệt với thế giới trần tục của chúng ta. Trong giới tu luyện, người ta cho rằng có hai loại vật chất ở không gian khác mà mắt người nhìn không thấy, đó là vật chất màu trắng (đức) và vật chất màu đen (nghiệp); chúng tăng hay giảm là tùy thuộc vào hành vi của con người. Tất nhiên, làm điều xấu sẽ nhận được vật chất màu đen, còn làm điều tốt sẽ nhận được vật chất màu trắng.

Các nghiên cứu đã cho thấy trẻ em dưới 6 tuổi ít bị ô nhiễm bởi xã hội nhân loại và có thể bảo trì sự hồn nhiên vốn có của chúng, do đó chúng có thể thấy những điều mà người bình thường không thấy được.

Lấy ví dụ, khi những đứa trẻ chọn đồ chơi, chúng thường chọn vật có màu sắc sặc sỡ và tươi sáng. Vậy thì nếu được lựa chọn, những đứa trẻ sẽ quyết định như thế nào giữa đức màu trắng và nghiệp màu đen?

Tiếp theo, các nhà nghiên cứu để người leo núi lần lượt đến gần hai người này, người giúp đỡ và người ngăn cản, để xem những đứa trẻ sẽ phản ứng như thế nào. Các thí nghiệm cho thấy khi người leo núi tới gần người đã ngăn cản nỗ lực của anh ta, thì những đứa trẻ thể hiện sự kinh ngạc và khó hiểu. Hiển nhiên, đó là bởi vì khi đến gần người mang nhiều nghiệp lực màu đen, người ta sẽ bị ô nhiễm. Những đứa trẻ ngạc nhiên khi thấy điều đó.

Sau đó, các nhà nghiên cứu đưa vào thí nghiệm một người đứng trong vùng màu xám,

và những đứa trẻ được lựa chọn giữa chàng trai tốt bụng và người đứng trong vùng màu xám. Tất nhiên những đứa trẻ lại chọn chàng trai tốt bụng.

Nhưng những đứa trẻ sẽ chọn người đứng trong vùng màu xám nếu chúng chỉ được phép lựa chọn giữa anh ta và chàng trai xấu tính. Các nhà khoa học đã cố gắng giải thích phát hiện này bằng cách thiết kế một loạt các chuỗi lô-gíc khác nhau, điều rất phức tạp với những đứa trẻ. Họ không nhận ra rằng những đứa trẻ đã sử dụng huệ nhãn để phân biệt trong quá trình này và chỉ có một nguyên lý: Những gì tỏa sáng hơn ở không gian khác sẽ được chọn.

Trong con mắt của những đứa trẻ, thế giới này thật là giản đơn. Ai có nhiều vật chất màu đen hơn thì đó là người xấu, và đây chính là chân lý của vũ trụ. Không gì có thể che giấu được và mọi thứ rất rõ ràng trước mắt chúng. Điều đáng buồn là, sau khi người ta trưởng thành, họ tiếp nhận các “kiến thức,” trở nên thành thực, phức tạp hơn, và mất đi huệ nhãn của mình. Mọi thứ dần dần trở nên mờ ảo trước mắt họ và họ không còn phân biệt được tốt-xấu, thiện-ác nữa.

Khi tiêu chuẩn đạo đức bị bóp méo, cho dù người ta có phạm phải tội ác lớn thế nào, họ vẫn tìm được lý do biện minh cho hành động của mình. Những người ở xung quanh thì bàng quan thờ ơ, còn những người chạy theo lợi ích cá nhân thì có rất nhiều. So với những đứa trẻ thơ ngây có thể lựa chọn đúng đắn kia, thì chúng ta đã trở nên thông minh hay ngốc nghếch hơn?

Các nhà khoa học đã mất nhiều công sức nghiên cứu về những đứa trẻ. Nếu bỏ chút thời gian và suy ngẫm, thì chúng ta sẽ khám phá ra rằng những đứa trẻ nhỏ dù không biết nói nhưng vẫn sẵn sàng chìa tay ra kéo những người cần giúp đỡ một cách vô điều kiện. Một số người nói, con người hiện đại chúng ta nên cảm thấy xấu hổ trước mặt những đứa trẻ trong sáng. ■

CÔN LÔN – NGƯỜI XƯA

■ LÝ NHU

Cảm tác theo lời kể về Đạo Trưởng Huệ Lương trong những tháng ngày bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo thời Pháp thuộc chỉ vì nhứt tâm gìn giữ, khai sáng đạo Thầy.

Chiều về sóng biển trôi xa,
Côn lân sương trắng, la đà thiếu quang,
Đá xanh rêu trải dặm ngàn,
Phơi tâm chơn đạo, chứa chan lòng Trời.

Chân trời buộc bởi đời lao lý,
Bước thiền hành đắc vị thiên cơ,
Dẫu ai sắp đặt cuộc cờ,
Chánh tâm, vô niệm đắp bờ đạo Cao.

Phủ tan danh vọng buộc rào,
Hy sinh vật chất hồng mao vô thường,
Khổ lao nếm trải phong sương,
Một lòng trọn giữ sáng gương đạo Thầy.

Mưa Côn Đảo, giọt say tình thức,
Núi Hòn Bà, nao nức phong vân,
Rỗng thiêng ẩn dật bụi trần,
Đài Cao tỏa sáng, chơn thần uy nghi.

Thân trần trơ trụi, vô vi,
Câu kinh vô tự, thiên thi sẵn dành,
Chiều chiều nắng ngả hanh hanh,
Sương giăng bể bắc khói thanh về trời.

Tâm Quảng đại, vì đời cứu thế,
Tánh Đức Trời, huynh đệ khiêm cung,
Thuần Chơn dẫn lối thiên tùng,
Đạo Tiên xử thế trung dung vận hành.

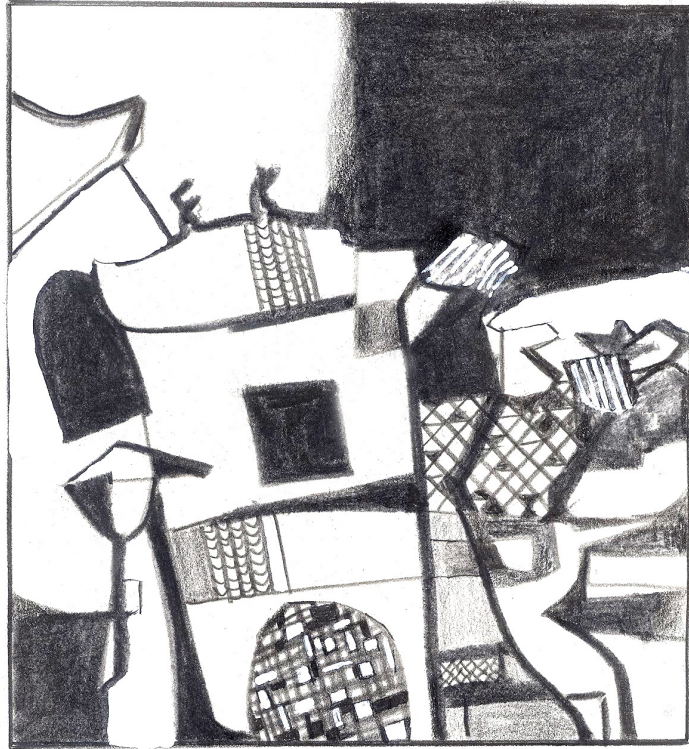
Côn Lôn sóng vỡ mỏng manh,
Chợt tan, chợt tụ loanh quanh nghiệp trần.
Cao Đài sứ mạng Thiên ân,
Uy hùng chí cả, phó dâng đời người.

Mảnh bạch y, tả tơi sương gió,
Mà lòng ai sáng tỏ chơn minh,
Hoa thiên đảo nở chữ tình,
Tình trong Thiên đạo, oai linh nhiệm mầu. ■



NHỚ CHÙA XƯA

■ HẢI LÊ • KỶ NIỆM KHÓA III ĐHH PG — 2013



Minh họa: Bửu Long.

Chùa ẩn trong sương khói mịt mù
Núi rừng lặng lẽ đón người tu
Công xưa khai mở chùa năm ấy
Truyền thuyết độ đôi hồ ẩn tu

Đôi hồ theo chân khắp chốn này
Nghe Thầy bảo hộ những người ngay
Nha Trang Suối Ngổ ngày xưa ấy
Còn lắm hoang vu thú dữ đây

Chùa cũng là nơi khách lỡ đường
Dừng chân đỡ bước những chiều sương
Như tâm rộng mở Người dung chứa
Bảo bọc đời đang buổi nhiều nường

Tôi nhớ chiều mưa gió mịt mù
Vẳng dương vừa hé buổi công phu
Vẫn còn vương vấn mây trong điện
Thời pháp, mây mù cũng muốn tu

Rồi chiến tranh lan khắp núi rừng
Theo dòng nhân thế nước triều dâng
Người xưa cõi hạc không lưu dấu
Chùa cũng vui đây chuyện phế hưng

Tôi về gió lộng buổi ban trưa
Chỉ thấy mịt mờ mây trắng xưa
Chỉ có vi vu lời cỏ hát
Ngàn lau nghiêng ngả dưới trời mưa...■

PHƯƠNG PHÁP PHÊ BÌNH VÀ KHEN NGỢI ĐỘNG VIÊN NGƯỜI KHÁC

■ CAO BẠCH LIÊN SƯU TÂM

NHÌN NHẬN SAI LẦM CỦA MÌNH, TRƯỚC KHI PHÊ BÌNH NGƯỜI KHÁC

GỢI Ý THAY VÌ RA LỆNH.

+ Một vị Giám đốc kể rằng: Cô cháu gái của tôi 19 tuổi vừa ở tỉnh lên thành phố làm thư ký cho tôi. Cháu đã tốt nghiệp cấp 3 nhưng kinh nghiệm làm việc không nhiều. Nhưng về sau cháu trở thành một trong những thư ký tài giỏi ở thành phố.

Tất nhiên lúc đầu cháu không được như thế, ban đầu cháu phạm nhiều lỗi, làm tôi phải phê bình cháu luôn. Nhưng mỗi khi chuẩn bị làm điều ấy, tôi tự nhủ: “Mình hãy xem xét lại cho kỹ, tuổi mình gấp đôi tuổi cháu, mình có kinh nghiệm kinh doanh gặp vạ lẫn con bé, làm sao đòi hỏi cháu có được quan điểm, óc phán đoán và sáng kiến như mình được, hãy nghĩ lại lúc 19 tuổi xem mình như thế nào? Mình có nhớ những sai lầm và đại dốt mà mình đã phạm phải không? Mình có đã từng làm sai điều này điều khác không?”

Sau khi suy nghĩ kỹ một cách trung thực và khách quan, tôi kết luận rằng trình độ trung bình lúc 19 tuổi của cháu cao hơn tôi. Tôi phải thú nhận rằng mình đã không chú ý khen ngợi cháu như mức cần phải có. Cho nên sau đó khi nào muốn nhắc nhở cháu chú ý một sai lầm, tôi thường bắt đầu bằng cách: “Theo chú thì cháu vừa mới phạm một sai lầm nhỏ, cháu đừng buồn phiền vì nó không tệ hơn nhiều sai lầm mà chú từng phạm phải đâu. Không ai sinh ra mà có sẵn khả năng phán đoán đúng, nó chỉ đến cùng kinh nghiệm sống. Thực ra, cháu còn giỏi hơn chú, hồi chú bằng tuổi cháu, chú đã từng làm nhiều chuyện sai trái, gốc gác nên không hề muốn phê phán cháu hay bất kỳ ai, nhưng cháu có nghĩ rằng, nếu cháu làm thế này... thì sẽ khôn ngoan hơn không?”

Nếu người phê phán khiêm tốn thừa nhận rằng chính họ cũng từng phạm lỗi như thế, thì có khó khăn gì khi ta nghe

về những lỗi lầm của ta? Khi ta dám thừa nhận sai lầm, đó là lúc ta đã ghi điểm và điều đó chứng tỏ ta đã khôn ngoan hơn trước.

+ Một vị kỹ sư đang gặp vấn đề với một người thư ký mới của mình. Mỗi thư từ hay văn kiện chuyển đến bàn viết để ông ký tên đều đầy lỗi chính tả, mỗi trang có ít nhất hai ba lỗi. Ông kể lại cách ông xử lý việc này.

“Cũng như nhiều kỹ sư, tôi không được khen về từ ngữ hay lỗi chính tả. Tôi có quyển sổ tay ghi những chữ mà tôi hay viết sai. Từ việc này, tôi nghĩ ra cách nhắc nhở cô thư ký, khi bức thư kể tiếp đến và tôi phát hiện có những lỗi chính tả, tôi ngồi xuống cạnh người thư ký đang đánh máy và nói “Hình như từ này viết không đúng, tôi cũng đã từng khổ sở ghê lắm với nó. Vì vậy, lúc nào tôi cũng có một quyển sổ chính tả cứu nguy đây!” Nói xong, tôi giở sổ: “A! Đây rồi! Chữ ấy ở đây, bây giờ phải chú ý viết đúng chính tả thôi, vì người ta sẽ xét đoán tôi qua những bức thư tôi viết,

những lỗi chính tả sẽ khiến họ nghĩ chúng ta kém về chuyên môn đây!”

Tôi không biết cô thư ký có chép lại quyển sổ của tôi hay không. Thế nhưng từ cuộc trao đổi này, số lượng lỗi chính tả của cô đã giảm đi đáng kể.”

Việc nhìn nhận sai lầm của chính mình ngay cả khi chưa kịp sửa chữa, có thể giúp ta thuyết phục người khác thay đổi hành vi của họ.

– Tin tưởng rằng mình có lý và chỉ duy nhất mình là người có lý, là biểu hiện của một tầm nhìn hẹp và cố chấp.

– Một trong những việc khó nhất trên đời là thừa nhận mình sai. Tuy nhiên, không có giải pháp nào hiệu quả hơn là thẳng thắn thừa nhận rằng mình đã sai.

– Nếu bạn không thể nâng cao đầu và thừa nhận sai lầm của mình thì sai lầm sẽ khống chế bạn. Việc tự nhận lỗi lầm không chỉ làm cho người khác tôn trọng bạn hơn mà còn phát triển lòng tự trọng của bản thân mình.

+ Hãy gợi ý thay vì ra mệnh lệnh, dù người đối diện là cấp dưới hay ngang hàng, thì gợi ý, bàn thảo về một công việc sẽ đem lại kết quả tốt hơn là ra mệnh lệnh “Hãy làm việc này”, “Không được làm việc kia”, thay vì dùng câu như “Có lẽ anh nên xem lại vấn đề này” hay “Anh thấy làm thế được không?” Một vị giám đốc thường hỏi thư ký

của mình sau khi đọc xong một bức thư đánh máy: “Anh thấy như thế nào?” hay “Có lẽ chúng ta viết theo cách này sẽ tốt hơn.” Bao giờ ông cũng dành cho người khác cơ hội để nâng cao khả năng làm việc của mình. Cách nói như vậy làm cho người đối diện cảm thấy mình được tôn trọng và từ đó vui vẻ hợp tác tốt hơn. Dù có mục đích đúng, nhưng một mệnh lệnh gay gắt có thể gây ra một sự phản ứng và bất hợp tác.

– Lời nói nhẹ nhàng có sức mạnh gấp ngàn lần so với mệnh lệnh hay quát mắng.

– Cố gắng đừng làm người khác bị tổn thương dù đó chỉ là một câu nói không chủ ý.



GIỮ THỂ DIỆN CHO NGƯỜI KHÁC. KHUYẾN KHÍCH ĐỘNG VIÊN VÀ THẬT LÒNG KHEN NGỢI SỰ TIẾN BỘ DÙ NHỎ NHẤT Ở NGƯỜI KHÁC.

+ Giữ thể diện cho người khác là một điều hết sức quan trọng. Thế nhưng, chúng ta ít khi để tâm tới. Chúng ta cứ tùy tiện phê phán chỉ trích người khác trước mọi người, mà không hề chú ý đến lòng tự trọng mà ai cũng có. Thậm chí nhiều khi còn

cố tình xúc phạm người khác, bôi bác lỗi lầm của ai đó, chỉ cần suy nghĩ vài phút, với vài lời nói ân cần thông cảm là ta đã tránh được làm tổn thương người khác và cũng tránh làm thương tổn chính nhân cách của mình. Nhưng thật đáng tiếc, chúng ta đa số thích nặng lời hơn là bày tỏ sự tôn trọng người khác.

Một chuyên gia tiếp thị của một Công ty thực phẩm kể lại, lúc mới vào nghề được giao công việc chuyên môn đầu tiên là triển khai kế hoạch kiểm tra và tiếp thị một sản phẩm mới. Nhưng bà đã phạm một sai lầm nghiêm trọng và toàn bộ thí nghiệm phải làm lại trong khi đã tới buổi họp phải báo cáo, đến nỗi không kịp trình bày sự việc với sếp.

“Khi tôi được gọi đến để báo cáo, tôi sợ điếng người. Tôi đã làm tất cả những gì có thể. Nhưng tôi quyết sẽ không khóc và quyết không để những người kia nói rằng phụ nữ không thích hợp làm công tác quản lý bởi vì quá nhạy cảm. Tôi báo cáo ngắn gọn và khẳng định rằng do sơ suất nên tôi sẽ nghiên cứu lại toàn bộ dự án này trước kỳ họp tới. Tôi ngồi xuống chờ sếp của tôi nổi trận lôi đình. Thật không ngờ, ông ấy lại cảm ơn tôi về công việc khó khăn mà tôi đảm nhiệm. Ông cam đoan trước mặt các đồng nghiệp của tôi rằng ông tin

nhệm tôi và biết tôi đã làm hết sức mình. Ông còn nói rằng tôi thất bại là do thiếu kinh nghiệm chứ không phải thiếu khả năng. Hôm đó, tôi quyết tâm cao độ và tự hứa rằng sẽ không bao giờ để sếp của tôi phải thất vọng về mình thêm một lần nữa.

Sếp của bà không chỉ trích bà khi bà làm sai mà vượt lên sự phán xét để cư xử rộng lượng, vị tha. Bà cảm nhận được điều đó nên đã nỗ lực hết sức mình để làm thật tốt trong những lần sau, cho xứng đáng với niềm tin cậy và thể diện mà sếp của mình đã gìn giữ và trao tặng bà.

+ Những người chuyên huấn luyện xiếc thú luôn có kẹo, bánh, trái cây để thưởng cho các diễn viên 4 chân của mình khi chúng diễn được một trò hay, một động tác vừa làm được theo lệnh của người dạy chúng. Bao thế kỷ rồi, những huấn luyện viên xiếc thú đều làm như vậy.

Nhưng tại sao chúng ta không sử dụng cách đơn giản này để khuyến khích một con người. Tại sao chúng ta không dùng lời khen thay cho sự quở trách. Một tiến bộ nhỏ nhưng nếu được khuyến khích, từng chút một từng chút một, nó sẽ lớn dần đến một lúc hóa ra thành một thành tựu to lớn.

Lời khen như ánh thái dương cần thiết lắm cho muôn loài vạn vật, trong đó có con người là một vật tối linh, vậy

mà hầu hết chúng ta luôn sử dụng những làn gió lạnh như cát để phê phán và cũng ngăn ngại khi tặng người thân của mình những tia nắng ấm áp từ những lời khen tặng. Ngẫm nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy có những lời khen tặng đã làm thay đổi hẳn cuộc đời của một con người.

+ Cách đây nhiều năm có một cậu bé 10 tuổi làm việc trong một xưởng máy. Cậu khao khát trở thành một ca sĩ. Nhưng ông thầy dạy hát đầu tiên đã dội một gáo nước lạnh vào niềm khao khát này. Ông nói: “cậu không bao giờ có thể hát được đâu. Cậu chẳng có chất giọng gì hết, giọng hát của cậu cứ như là tiếng ếch ộp, ễnh ương kêu.”

Thế nhưng, may mắn thay cho cậu bé khi trong đời cậu còn có một người mẹ. Người mẹ thân yêu của cậu tuy chỉ là một người đàn bà nhà quê nghèo khó, nhưng luôn cổ động, khích lệ cậu. Bà luôn âu yếm bảo rằng bà tin cậu có thể hát hay là đằng khác. Người mẹ ấy sẵn sàng đi chân đất để tiết kiệm tiền cho cậu đi học nhạc. Sự khích lệ của người mẹ không được



học hành cao nhưng tràn đầy lòng hy sinh, tình thương và niềm tin tưởng vào con, đã làm thay đổi cuộc đời của cậu bé. Sau này, cậu trở thành ca sĩ hát nhạc kịch vĩ đại và nổi tiếng nhất của thời đại, đó là ca sĩ Enrico Caruso.

Chẳng phải tốn nhiều công sức mới làm cho người khác hạnh phúc hoặc thành công. Nếu bạn biết cách thì chỉ cần một lời động viên khích lệ, một lời khen đúng lúc cũng có thể tạo nên một nguồn động viên lớn lao cho người khác. Có thể chúng ta sẽ làm được những điều vĩ đại mà chính chúng ta cũng không ngờ đến. Lời khen ngợi luôn luôn khiến cho những hành vi tốt được tăng lên và những hành vi xấu giảm đi.

Mọi người đều muốn được khen, lời khen phải cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự chân thành chứ không phải lời nói sáo rỗng nghe cho vui tai. Chúng ta đều khao khát được tán thưởng, được thừa nhận, và sẵn sàng làm bất cứ điều gì để được như thế. Nhưng không ai muốn sự giả dối và nịnh hót. Con người rất cần sự khen ngợi chân thành từ sâu thẳm của trái tim.

+ Lời ngọt ngào dễ nghe nhất trong tất cả mọi lời, chính là lời khen.

+ Nụ cười ấm áp và một cái vỗ vai thân thiện của bạn có thể cứu một con người đang ở bên bờ vực.

+ Mọi tiềm năng đều nở hoa trong ngời khen và héo tàn trong chỉ trích. Nếu muốn trở thành nhà lãnh đạo xuất sắc, bạn hãy ghi nhớ điều này.

HÃY CHO NGƯỜI KHÁC NIỀM TỰ HÀO. KHEN NGỢI ĐỂ NGƯỜI KHÁC SỐNG XỨNG ĐÁNG VỚI LỜI KHEN ĐÓ. MỞ ĐƯỜNG CHO NGƯỜI KHÁC SỬA CHỮA SAI LẦM.

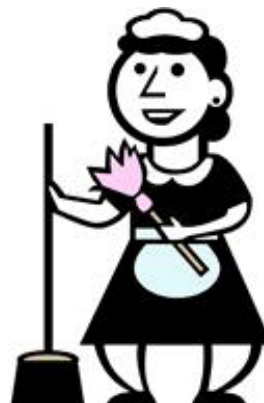
+ Có một cô bé lọ lem thay đổi một cách kỳ diệu nhờ một lời động viên chân thành: “Cô phục vụ ở khách sạn lân cận hay mang thức ăn đến cho tôi. Người ta gọi cô là “Mai rửa bát” vì cô bắt đầu nghề nghiệp của mình bằng công việc bị nhiều người coi thường này. Đã vậy cô còn xấu xí, mắt lé, chân vòng kiềng. Nhìn chung, dưới mắt mọi người, cô là một cô bé lọ lem đúng cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

Một hôm, khi cô mang đĩa thức ăn đến cho tôi, tôi nói: “Mai này, ở cô có nhiều điểm đáng yêu, cô có biết không?” Mai đứng lặng trong giây lát, gần như ngưng thở. Sau đó cô đặt đĩa thức ăn lên bàn và nói: “Thưa bà, cháu chưa nghĩ đến điều đó bao giờ.” Cô không nói thêm điều gì nữa mà chỉ lặng lẽ đi ra. Từ ngày đó, những thay đổi kỳ lạ bắt đầu xuất hiện ở cô lọ lem ấy. Tin rằng mình cũng có nhiều điều tốt đẹp mà mọi

người chưa biết, cô bắt đầu chăm sóc gương mặt và hình dáng một cách kỹ lưỡng. Và rồi bao vẻ thanh xuân bị vùi lấp bấy lâu nay, bỗng trở dậy trong cô. Hai tháng sau, cô báo tin sẽ kết hôn với cháu người bếp trưởng. Cô nói: “Cháu sẽ trở thành một quý bà”, rồi cô cảm ơn tôi. Tôi vô cùng cảm động khi nghĩ rằng chỉ với một câu nói ngắn ngủi ấy, tôi đã giúp cho cô thay đổi cả cuộc đời. Cô “Mai rửa bát” đã nhận được niềm tin và động lực ấy, làm điểm tựa để vươn lên làm thay đổi cuộc đời mình.

Trong đời thường, cho người khác một thanh danh là quan trọng, nhưng phê phán một con người mà vẫn giữ được danh dự cho người đó còn quan trọng hơn rất nhiều lần.

+ Chuyện kể về một nha sĩ: Một buổi sáng tại phòng răng của ông, bệnh nhân than phiền cái bình đựng nước súc miệng không được sạch sẽ cho lắm, trong phòng khám mà để bệnh nhân cảm thấy không vệ sinh là điều không nên chút nào.



Sau giờ làm việc nha sĩ viết một bức thư ngắn cho người giúp việc vệ sinh ở phòng nha, người này một tuần chỉ đến dọn dẹp vệ sinh ở đây hai lần, ông viết:

Chị thân mến!

Tôi ít khi gặp chị, nên tôi nghĩ mình phải tranh thủ viết thư để cảm ơn chị về công việc vệ sinh rất tốt ở trong phòng nha mà chị đã làm. Nhân tiện, tôi xin đề nghị chị như thế này, hiện tại 2 giờ dọn dẹp trong một tuần là quá ít, xin chị làm thêm một giờ nữa bất kỳ lúc nào chị thấy thuận lợi, để lau chùi, vệ sinh các bình, lọ, cốc súc miệng cho bệnh nhân. Tất nhiên tôi sẽ trả thêm tiền cho chị.

Hôm sau, vị nha sĩ bước vào phòng làm việc thấy có sự thay đổi rõ rệt: bàn ghế láng bóng, còn ở bàn làm răng mọi thứ rất sạch sẽ và sắp xếp ngay ngắn đúng với vị trí của chúng.

Cố gắng này vượt xa những biểu hiện thông thường của chị, mà chị cũng chẳng làm thêm một giờ nào hết. Chị muốn tỏ

ra xứng đáng với sự tin cậy và lời khen của tôi.

+ Một cô giáo dạy lớp bốn phải đương đầu với một khó khăn lớn trong năm học mới. Năm học này, lớp cô có một cậu học trò bất trị nổi tiếng nhất trường. Năm học lớp ba, thầy giáo của cậu luôn than phiền về cậu. Cậu bé không chỉ nghịch ngợm thông thường mà còn đánh nhau, trêu chọc bạn gái, ngang ngược với thầy cô. Mỗi giáo viên đều nói rằng càng lớn cậu càng tệ hơn. Ưu điểm duy nhất của cậu là khả năng tiếp thu nhanh và làm bài tập ở lớp rất nhanh.

Cô giáo quyết định đương đầu với cậu học trò cá biệt này ngay từ đầu. Sau khi chào các học sinh mới, cô khen từng em một, em thứ nhất cô khen áo em rất đẹp, em thứ hai cô nói nghe tiếng em vẽ giỏi và đẹp lắm phải không? Khi đến lượt cậu học

trò cá biệt, cô nhìn thẳng vào mắt cậu bé và nói: “Này em! Cô nghe nói em có tài lãnh đạo, cô sẽ nhờ em giúp cô làm cho lớp này thành lớp giỏi nhất khối lớp bốn năm nay được không?” Cô nhấn mạnh điều này trong những ngày đầu tiên bằng cách khen ngợi cậu bé trong mọi việc cậu làm và rằng điều này chứng minh cậu là một học trò giỏi như thế nào. Có lời khen danh dự này, cậu học trò cá biệt ấy quyết tâm sửa chữa thiếu sót, và quả thật cậu đã không làm cô giáo và mọi người thất vọng trong suốt năm học đó.

Gần như bất cứ người nào trên đời cũng đều như vậy chứ không chỉ là những cô bé, cậu bé. Một cách đơn giản để đánh thức những đức tính tốt đẹp trong con người mình là tin tưởng rằng mình có ít nhất một đức tính tốt nào đó. Như

thế, dù trên thực tế chúng ta chưa có nó thì sau đó, chúng ta sẽ hành xử như chúng ta đã có đức tính đó vậy.

Chúng ta không thể dạy ai bất cứ điều gì, chúng ta chỉ có thể giúp họ phát hiện ra những gì còn tiềm ẩn trong con người họ.

+ Nhiệm vụ quan trọng nhất của con người là sống và mang đến cho mình cũng như những người xung quanh những giây phút thanh bình và hạnh phúc, đánh thức mọi khả năng tiềm ẩn trong họ và giúp họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

+ Khi thực sự quan tâm và đủ kiên nhẫn để truyền đạt thì bao giờ chúng ta cũng nhận được những hưởng ứng tích cực và thu được kết quả tốt nhất.

+ Có những điểm cao trào trong cuộc sống, và hầu hết chúng đều đến từ sự khích lệ của ai đó. ■



THÁNH GIÁO

Công phu tu luyện không có gì là khổ hạnh. Người tu luyện như người đang đi vào cảnh giới tự tại tận kỳ, đang đến một vườn đào đầy quả ngọt trái ngon. Thế mà rất khổ sở trên bước đường trình.

Khổ nơi đây không phải khổ do tu luyện, mà khổ vì phải rút bỏ mọi dây oan trái tục phạm mà chính mình đã mua bán đổi chác ràng buộc. Nay lại phải dứt đi cũng không khó. Nếu vô tình ràng buộc thì vô tình dứt đi. Trái lại, nếu đã ràng buộc do tâm mê vọng theo nhân duyên mà kết thành bức màn vô minh từ lịch kiếp, nay dầu muốn phá vô minh mà thiếu tâm chí giác ngộ kiên trì thì khách trần ai vẫn còn bám víu lưu luyến để ẩn náu che đậy trong tiềm thức, lo lắng yêu thương thường tình, phiền não tham sân tục tánh thì vô minh càng đả phá càng trở nên dày đặc. Bởi mình chẳng thật với mình. Đó là cái rất khổ bởi thủ xả của chính mình làm cho mình tiêu hao thần khí, mệt mỏi thân tâm rồi ngán tu ngán luyện.

Nếu đã giác ngộ hoàn toàn thì cảnh giới mê lầm lẫn biến mất. Một niệm dứt liền nhập vào tự tại, vong ngã vong nhân thì có gì mà đả phá mà tu luyện.

■ ĐỨC BẢO PHÁP CHƠN QUÂN HUỲNH CHƠN, MINH ĐỨC TU VIỆN, 03-6 NHÂM TUẤT.

Viết ngắn 5

■ TỬ LA LAN

1. NHỮNG NỠI BUỒN KHÔNG TÊN

Làm người, ai mà chưa từng buồn. Những nỗi buồn có tên, nhiều lắm. Lúc nhỏ đi thi làm bài sai đôi câu, về đi ngang ông bán cà rem, thèm nhều nước miếng mà trong túi vắng hoe. Lớn lên, để ý cô bạn học mà không dám ngỏ, tối tối đạp xe tới nhà bạn, nói tới chú đứng cách đó chừng có tám căn nhà, mặt tầm tối ngó cánh cửa nhà bạn gái, xem... có ai ra vô không, rồi buồn và về... Nỗi buồn có khi biết bay như những phiến mây hồng, mà Trịnh Công Sơn với tuổi buồn em mang, chơi với đi trong hư vô¹. Lớn nữa, buồn trộn thêm những âu lo bận bịu cõi nhân sinh. Ta, hãy thử buồn theo nỗi buồn vô hạn của Tương Phố khi người chồng trẻ – Bác sĩ Thái Vân Du – đột ngột rời xa cô mãi mãi khi nữ thi sĩ mới vừa đúng đôi mươi, sẽ thấy đâu là Hy mã Lạp sơn của nỗi buồn cuộc con người:

Nỗi đau đớn riêng lòng này biết

Khóc lên cho thảm thiết vang trời

Trời làm chi hỡi Trời ơi

Nỡ đem sinh tử nào người thế gian.²

Chính nỗi buồn vô hạn của nẻo tử sinh bệnh lão, đã đưa chân thái tử Tất Đạt Đa ngày xưa, để rũ bỏ cả giang sơn, phủ tay hết ngai vàng điện ngọc...

Nỗi buồn dài theo cả kiếp con người, có khi chỉ là những nỗi buồn không tên. Với Bùi Giáng, đó là

Tịch dương vô hạn ngâm ngùi

Gieo vàng giữ ngọc dưới trời trăm năm

Còn với nhạc sĩ họ Trịnh, ông cảm thấy đâu đó một cuộc sống ở phía bên đời kia, khi cái mong đợi ngâm ngùi vượt lên sự tồn tại của xác thân: Còn bao lâu? Cho thân thôi lưu đày chốn đây – Còn bao lâu? Cho thiên thu xuống trên thân này.³

Nhưng. Nỗi buồn, dù cho chính ta hay buồn thay cho nhơn sinh, dù có tên hay không có tên, vẫn không phải là hành trang nên mang theo của người tìm học Đạo. Buồn là ngũ đế của nhân-

1. Nhạc phẩm Tuổi đá buồn, Trịnh Công Sơn.

2. Trích tập thơ Tự tình, Tương Phố.

3. Nhạc phẩm Lời buồn thánh, Trịnh Công Sơn.

gian–thất–tuyệt–tình–kiếm⁴, những cao thủ ma đạo lừng lẫy võ lâm, mà hiền hách võ công của họ đã đã rơi gươm bao tráng sĩ trên đường thiên lý.

Dưỡng Chơn Tập viết về buồn, đơn giản, thâm huyền: Buồn thì khí tiêu tan. Nhưng, muốn bôi xóa nỗi buồn nhân thế, ta sẽ như đôi cánh chim bằng mong nối lại trời xanh, như chiếc khăn tay đòi thấm cạn đại dương. Sống chung với nó. Buồn, giống như con khi nhỏ u sầu, bí ẩn, phá phách. Trên đường tu, hành giả sẽ dẫn nỗi buồn về Tánh, không cho động đậy. Khi nhỏ sẽ hóa thân thành giọt mưa đầu mùa, man mác thơm qua, mà không ngấm vào hồn– Hay một làn gió nhẹ, mặc phả vào ta, mà không để thấm qua thân qua áo.

Vậy, khi nỗi buồn lãng đãng, cần chi ta đuổi tránh, buồn sẽ là giọt mưa, là làn gió, cứ đến chẳng mời và sẽ đi chẳng cần xô tiễn. Khi nỗi buồn lất phất, hãy để buồn tan trong vô thường. Đó là cách Françoise Sagan đã làm khi viết *Au revoir tristesse*⁵, và Nguyễn Ánh 9 đã cảm hứng khi viết ca khúc *Buồn ơi xin chào mi*. Khi buồn vẫn lất lay, ta hãy đưa ta về một chốn bình an, một thiền am lặng lẽ mà Thầy đã sẵn dựng chờ, khi Người – thương nhân gian đến nỗi – muốn hòa tan vào lòng người, để Trời và Ta, cùng nhẹ bước giữa những–buồn–về:

Cao thượng Đạo truyền giải nạn eo

Đài linh trú ngụ lúc buồn teo...⁶

Chào nỗi buồn, chào những giọt sương rồi tan trên đọt lá, những tàn tuyết sẽ chảy trên đỉnh núi xa xăm...

2. VƯỢT QUA BÌNH THƯỜNG

Hồi đi học vẽ, tôi may mắn được thọ giáo với thầy Trần Tri, một trong những bậc nhất tài hoa của trường vẽ. Khi chấm bài, thầy không cho điểm

4. Thất tình, theo Phật học từ điển: Hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục (Mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muốn); Theo Đại Thừa Chơn Giáo: Hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ (Mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, sợ); Theo Dưỡng Chơn Tập: Hỉ, nộ, ai, lạc, ưu, khùng, kinh (Mừng, giận, buồn, vui, lo, khiếp, hoảng).

5. Nữ tiểu thuyết gia người Pháp (1935–2004), Sagan xuất bản tiểu thuyết đầu tay *Au revoir tristesse* (Buồn ơi, chào mi) năm 1954, lúc mới 19 tuổi.

6. Đức Cao Đài Tiên Ông, Đại Thừa Chơn Giáo.

theo sự chuyên cần trên bảng điểm danh, không nương theo chi tiết tỉ mỉ trên tấm bố. Mấy tuần thầy bệnh, khi cô Phượng dạy thế, cô đã cho điểm 2 bài vẽ của bạn Hứa Bình. Cô nói, Bình ham chơi, lười biếng và ít đến lớp, bài vẽ thì như chưa fini (là chưa xong– từ thường dùng của sinh viên trường vẽ). Hứa Bình là một cá tính rất lạ trong lớp. Người mẫu khóa thân ngồi hai mươi giờ, Bình chỉ đứng vẽ tối đa 3 giờ, mà trong 3 giờ đó, ngắm ngó hết nửa giờ. Sau đó, nặn đủ màu thật nhiều trên palette, và hấn bắt đầu múa. Tôi dùng từ múa không hề chút khuyến mãi nào thêm. Bình dùng khoảng 6 cây cọ khá lớn cho các màu nóng lạnh khác nhau, và quét những nhát cọ mạnh mẽ, như một danh kiếm thi triển võ công. Trong 3 giờ đó, anh chàng vẽ luôn 15 phút giờ nghỉ khi các bạn và người mẫu giải lao, thần trí như suối tuôn thác đổ, chảy hết vào tấm bố. Cứ như vậy, khi các bạn hì hục vẽ bài trong ba tuần, Bình chỉ quơ đúng ba giờ.

Ba tuần sau, khi khỏi bệnh, thầy Tri vào lớp và xem lại những bài vẽ kỳ trước. Bình vẫn chưa đến lớp như thói quen. Đứng trước tấm tranh chân dung của Hứa Bình hồi lâu, thầy lặng lẽ gạch điểm 2 của cô Phượng, rồi nắn nót vào đấy một số 9– con điểm rất hiếm thấy. Nhìn xuống các sinh viên còn đang xôn xao, thầy bảo:

– Làm bất cứ việc gì, nếu quá ngoan ngoãn và chăm chỉ, là ta đang câu nệ vào một hình thức, một phương pháp hay một lễ lối nào đó. Quy tắc sẽ giết chết sự sáng tạo. Giống như khi ngồi thiền, ta nghĩ ngợi lung tung thì ngồi ba năm không hơn kẻ thật sự bình lặng trong vài giờ... Bài vẽ của Bình có những gam màu lạ, nét cọ độc đáo, lại thể hiện được thần thái và tình cảm người mẫu. Mười năm đi dạy tôi mới gặp một nhân tài như thế... Mười năm trước ở trường vẽ, là một Đỗ Quang Em lấp lánh tới hôm nay, mà một tấm tranh 77–66 cm bán tới giá 45 ngàn mỹ kim, và tấm chân dung ông xếp cọ, dường muốn nhảy ra khỏi tấm tranh...

Còn nhớ, không lâu trước đây, tôi đọc được một đoạn văn khá lạ, của một nữ sinh lớp 12 viết cho đề bài “Phân tích chuyện Thánh Gióng và nêu cảm nghĩ của em”, tôi xin trích đoạn:

“(…) Xong xuôi, ông liền bay về trời, để lại bao ngờ ngạc cho các fan hâm mộ, chắc ông sợ ở lại làm quan rồi sẽ vướng vào tham nhũng, hay lạc vào đường danh lợi, ái tình. Em hâm mộ ông, à... anh ấy lắm(mà sao còn trẻ mà ta phải gọi bằng ông nhi?!). Nếu anh ấy mà không bay đi chắc nhiều cô gái sẽ chết mê chết mệt. Ôi! Anh Gióng thật manly (nam tính), thật cool (phớt đời) – Thần tượng của em...”

Bài văn này, cũng chỉ được điểm 2, thấy văn phê: “Tu tưởng có vấn đề, chưa có cảm tưởng mang tính dân tộc...”

Theo tôi, đó mới là cảm nghĩ rất riêng, và ta thấy thú vị khi đọc một cảm nhận cá tính, chân thật và không bị xô lệch theo một hướng–đi–phải–theo nào.

Thầy Tri, nếu chấm bài này. Chắc thầy lại đi sửa điểm...

3. TU SĨ CÔ ĐƠN

Hoan, là một kỹ sư hóa, học giỏi, thông minh và cũng am hiểu về thiên. Anh có một người bạn thân tên Thúc, nha sĩ, và cũng là một tu sĩ hiền lành. Lâu rồi, Hoan mới mời được bạn đi uống cà phê. Buổi sáng, ngắm nắng ban mai chen về giữa khóm hoa bằng lăng còn chưa buông hết sương khuya, thỉnh thoảng lắng nghe tiếng giọt cà phê nhẹ nhàng chia tay chiếc phin nhôm rất mộc, bắt gặp một chút tình rơi khi nghe Jimmy Nguyễn đây lắng tử trong ca khúc Hồi đá buồn không, thì mười lăm phút chờ bạn qua một cái vèo.

– Lâu quá không gặp, Hoan vừa nói vừa gấp tờ báo để sang một bên. Thúc nhếch mép, gương mặt nghệ sĩ hất nhẹ mái tóc hơi xoắn không bao giờ cần lược:

– Đời đen bạc, phiếu bặt càng thêm đắng cay!

Hoan có lạ gì thằng bạn, từ bé nó luôn muốn làm hơn những điều bình thường. Giờ quyết định đi tu, sẽ làm không ít giai nhân phải thổn thức. Từ từ, rót cà phê vào ly đá đang tan, Hoan nhìn bạn từ phía trên gọng kính trắng:

– Vậy từ nay mày là tu sĩ cô đơn hả?

– Không, mày chưa hiểu – Thúc chọt sỏi sỏi – Khi yêu bình thường, mày riêng dành tình cảm

cho một người. Còn khi đi tu, tao được yêu rất nhiều người. Khi đến với hôn nhân, mày có thể– tao nói có thể thôi nha– mang hạnh phúc đến cho một cô gái. Còn tao, chắc chắn– chứ không phải có thể nha– chia sẻ với rất nhiều nỗi buồn, với rất nhiều người còn chưa hạnh phúc... Bởi vậy, mặc dù ở Bình Chánh có Phật Cô Đơn, nhưng tu sĩ tụi tao không cô đơn...

Sáng nay trời dịu mát, và một chút gió mang hương thơm của chiều mưa, như muốn làm thơm thêm thoảng mùi cà phê. Hoan chấp chấp một ngụm đắng, đậm, rồi chàng kỹ sư buông một tiếng thở dài:

– Tao hiểu. Nhưng có gì diễm tuyệt hơn tình yêu trên thế gian. Có gì lãng mạn hơn nỗi nhớ nhung, có gì êm đềm hơn buổi sáng cà phê, nắm một bàn tay thiếu nữ rất mềm. Tao đọc mày nghe hai câu thơ này nhé. Rồi không chờ Thúc hết cái nhún vai, Hoan ngân nga:

Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ

Hoa buổi thơm rồi, đêm đã khuya

Thúc thông thả vuốt vuốt ly trà đá, như muốn gìn giữ bằng giá cần thiết của kẻ đã muốn dứt nợ trần. Anh đáp lại như hát, khẽ khàng:

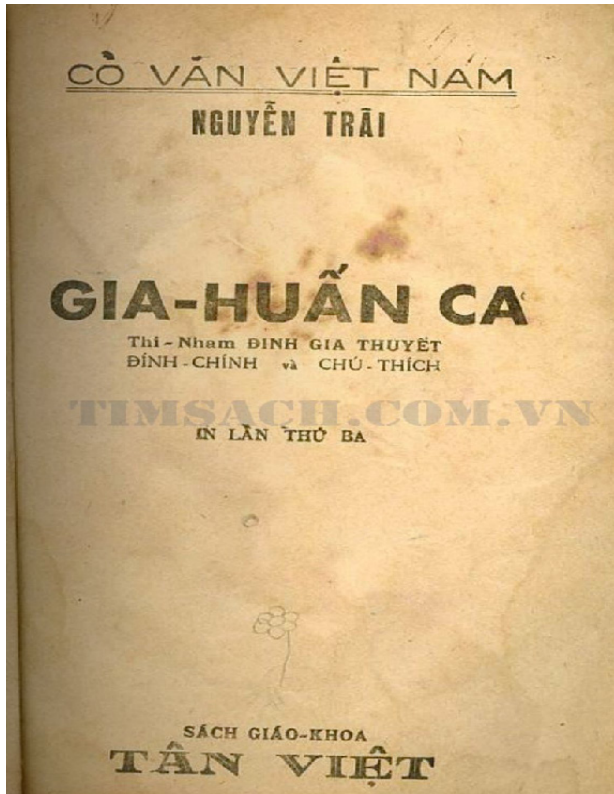
– Tao biết bài thơ Trăng buồn đó, của Xuân Diệu. Tao biết lãng mạn cũng dào dạt và ân cần lắm chứ. Nhưng không có hạnh phúc tình ái nào là bất tận cả. Hợp thì phải tan, được thì phải mất. Kinh Pháp Cú, có lời này, Phật dạy: Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu sẽ khổ khi ly biệt. Nếu không còn niệm yêu ghét thì không điều gì ràng buộc được...

Rồi câu chuyện dần cuốn theo đề tài khác, chỉ trở lại khi Hoan kêu tính tiền cà phê, để chia tay. Thúc nhìn ngay vào mắt Hoan:

– Tao không khuyên mày đi tu, mày có học tiến sĩ thì cần duyên mỗi người đã có an bài rồi. Người hiểu chuyện tu hành có khi không biết chữ, còn người khôn ngoan có khi lạ lắm mãi và không đọc nổi cuốn kinh nào. Ai cũng đi tu hết thì nhân loại làm sao duy trì, Hoan. Chỉ nên biết, đi tu là để quên đi thân này, và xác thân này sẽ là cuối cùng trên đường sinh tử...■

TÌM HIỂU GIA PHONG NHO GIÁO qua tác phẩm “GIA HUẤN CA”

■ NGUYỄN PHÙNG HẠNH



Nho giáo (hay Khổng giáo) là một hệ thống đạo đức, triết lý và tôn giáo do Đức Khổng Tử phát triển từ hơn 2.500 năm trước để xây dựng một xã hội thịnh trị. Nho giáo đã từng rất phát triển ở các nước Châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Việt Nam... Ở nước ta, đạo lý và gia phong Nho giáo hiện vẫn còn đang được truyền dạy và gìn giữ trong nhiều gia đình như là những giá trị truyền thống của dân tộc qua nhiều thế hệ. Các Nho gia và các bậc tiền bối đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm quý về đề tài này, trong số đó có tác phẩm “Gia Huấn Ca” (nghĩa là “Bài thơ ca dạy người nhà.”)

Tương truyền rằng tác phẩm này của Nguyễn Trãi và được nhiều học giả giới thiệu từ rất lâu, nhưng đến nay, chúng ta vẫn chưa biết chắc chắn tác giả

của tác phẩm này là ai. Về hình thức và nội dung, “Gia Huấn Ca” gồm có 796 câu thơ, mà phần lớn theo thể thơ song thất lục bát, với lời thơ ca bình dị, trôi chảy, để khuyên dạy vợ, con, học trò...

Trong số các bản in còn lưu truyền đến nay thì bản in của nhà Quan Văn Đường để năm Đinh Mùi, niên hiệu Thành Thái (1907) có nhiều khả năng là bản in lần đầu tiên, chưa bị sửa đổi. Quyển “Gia Huấn Ca” của Nxb Tân-Việt (sáng lập năm 1937) xuất bản năm 1952, do tác giả Thi-Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chú thích tương đối đầy đủ nhất (xem hình bìa ở bên cạnh).

Trong “Gia Huấn Ca,” tác giả đã ghi lại đầy đủ về Gia pháp, là phép tắc của một gia đình. Gia Lễ, là các nghi thức của gia đình về “quan, hôn, tang, tế”. Từ đó, thể hiện nên bức tranh toàn diện về Gia phong theo chuẩn mực của Nho giáo. Trong tác phẩm này, phần dạy vợ con, dạy con gái có đức hạnh và dạy khuyên học trò chăm học và ở cho phải đạo là phần trọng tâm và nhiều hơn các chủ đề khác.

Sau đây là nội dung chi tiết của các chủ đề chính của tác phẩm:

1. DẠY VỢ CON:

Ngay sau lời mở đầu ngắn là phần dạy vợ con. Đây là một trong những nội dung trọng tâm của tác phẩm. Trong phần này, tác giả dạy vợ nhủ con về lời ăn, nết ở, cách ăn mặc, thể đứng, dáng ngồi:

7. Lời ăn nết ở cho khôn,

Chớ nên đa quá, đa ngôn¹ chút nào!

9. Ăn mặc chớ mỹ miều chải chuốt,

Hình dung đừng ve vuốt ngắm trông,

Một vừa hai phải thì xong,

1. Bởi câu tục ngữ “đa ngôn đa quá:” năng nói năng lời.

Giọt dài giọt ngắn cũng không ra gì.²

Khi đứng ngồi chớ hề lơ lảng,

Tiếng nhục nhằn nữa nặng đến mình.”

Đối với nữ phái thì sự giữ gìn trinh tiết là rất quan trọng:

15. Hạt mưa chút phận lênh đênh,

Tấm son tạc lấy chữ trinh làm đầu.³

Đồng thời, phải tránh xa các thói hư, tật xấu, trong đó có bài bạc, la cà mách lẻo chuyện của người, mang tai mang tiếng:

30. Lại bài phu, tam cúc, đánh đĩnh,

Đố mười, chẵn lẻ, đố kinh,

Tổ tôm, kiêu chẵn, sấm quanh tứ chiều. [...]

65. Thói mách lẻo, ngồi rồi bỏ hết,

Hễ điều gì nói ít mới hay,

Lân la giắt rợ, giắt rây,

Đã hư công việc, lại dày tiếng tăm

Riêng con gái thì phải học làm các công việc nữ công gia chánh, làm tròn bổn phận của người phụ nữ trong gia đình:

85. Nghề bánh trái chiều thanh vẻ lịch,

Cũng học dần thói cách người ta,

Vá may giữ nếp đàn bà,

Mũi kim nhỏ nhặt mới là nữ công.⁴

89. Thuở tại gia phải tòng phụ giáo,⁵

Khi lấy chồng giữ đạo chính chuyên,⁶

Lại là hiếu với tổ tiên,

Những ngày giỗ tết không nên vắng nhà.

2. VỚI CHA MẸ:

Theo Nho giáo, hiếu là nền tảng của đạo làm người, là nhân tố để hình thành nên đức Nhân của người Quân tử. “Hiếu Kinh,” tác phẩm chính của Nho giáo nói về đạo hiếu, được mở đầu như sau: “Hiếu là gốc của đức, là nguồn của giáo... thân thể tóc da, nhận từ cha mẹ, không dám tổn thương đó là khởi đầu của hiếu. Lập thân hành đạo, dương danh

với hậu thế, để làm rạng rỡ cha mẹ, đó là kết cục của hiếu. Xét về hiếu, khởi đầu là lo việc song thân, kế đến là việc vua tôi, sau cùng mới đến việc lập thân.”

Bản kinh này cũng dẫn lời của Đức Khổng Tử về đạo hiếu rằng: “Người con hiếu phụng dưỡng cha mẹ, ăn ở phải hết sức cung kính, cung dưỡng cha mẹ phải hết mực vui vẻ, khi cha mẹ đau ốm phải lo lắng hết lòng, khi lo việc tang lễ phải cực kỳ thương xót, khi cúng tế cha mẹ phải vô cùng trang nghiêm.”

Cùng ý nghĩa đó, trong tác phẩm này, tác giả dạy con cái trước hết phải ghi nhớ công ơn của cha mẹ trong việc sanh dưỡng, dạy dỗ con cái và phải hiếu kính với cha mẹ:

Cù lao⁷ đội đức cao dày,

Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng. [...]

3. VỚI CHỒNG:

Để gia đình yên ổn, phận làm vợ thì nên dịu dàng, nghe lời chồng dạy bảo:

Dịu dàng tiếng thuận lời mềm,

Cứ lời chồng dạy mới yên cửa nhà.

Chữ “tùy”⁸ là phận đàn bà,

Nhu mì để dạ, chua ngoa gác ngoài.

và khuyên nhủ và giúp đỡ chồng theo đuổi nghiệp đèn sách, giữ đạo:

Duyên may gặp được văn nhân,⁹

Thuộc câu “tương kính như tân”¹⁰ làm lòng.

145. Nghiệp đèn sách khuyên chồng sập sã,

Tiếng kê minh¹¹ giống giả đêm ngày,

4. VỢ KHUYÊN CHỒNG:

Phụ nữ có trách nhiệm rất nặng nề và vất vả trong gia đình, ví như “nội tướng tài thành,” để có thể gìn giữ một gia đình đầm ấm, hạnh phúc: ngoài vai trò của một người mẹ, người chị, trách nhiệm của người vợ cũng không kém

7. Công khó nhọc của cha mẹ, do câu: “ai tai phụ mẫu, sinh ngã cù lao.”

8. Theo, do chữ “phu xướng phụ tùy.”

9. Người có học, nho nhã.

10. Kính nhau như khách.

11. Gà gáy. Do câu “kê ký minh hỹ, kiêu ký doanh hỹ:” gà đã gáy rồi, triều đình đã đông người rồi, đó là lời của một bà hiền phi khuyên nhà vua nên ra coi châu cho sớm để các quan khỏi mong đợi. Sau người ta mượn chữ “kê minh” để nói về vợ khuyên chồng.

2. Hai câu này ý nói sự ăn mặc đơn giản thích hợp.

3. Ý nói đàn bà con gái như hạt mưa sa, cốt nhất là phải giữ gìn trinh tiết.

4. Sự làm lụng bằng chân tay khéo léo của đàn bà con gái. Nữ công là một trong bốn đức của phụ nữ

5. Khi còn ở với cha mẹ phải nghe lời cha.

6. Khi lấy chồng phải chung thủy với chồng

phần quan trọng, đồng thời cũng giữ đạo làm con với song thân hai bên:

*Thiếp vâng lời dạy trước sau,
Nguyện xem then khóa, giữ hầu áo khăn.*

560. Trước là thờ phụng tiền nhân,
Sớm thăm tối viếng ân cần đỡ anh.

và cũng không quên khuyên chồng tránh xa nạn cờ bạc và bọn người xấu, trung hiếu lập thân:

*Thiếp xin chàng chớ dăm dăm,
Những nơi cờ bạc chớ ham làm gì.*

570. Thế gian lắm kẻ điên mê,
Áo quần lam lũ người thì như ma.

*Thiếp xin chàng lánh cho xa,
Một niềm trung hiếu để mà lập thân.*

5. THỜ CÚNG:

Nạn mê tín dị đoan, thói tu giả, dựa hơi thần thánh để lường gạt người nhẹ dạ, cả tin cần phải lên án và tránh xa:

*Kìa như mấy kẻ tăng, ni,
280. Thôi tuân cúng Phật, lại khi vào hè.*

*Nam mô Phật rừ rì hai chữ,
Đua nhau rằng tín nữ thiện nam,
Miệng rằng chùa độc chùa dâm,
Tay lẩn tràng hạt dao găm một bồ.*

285. Kẻ trốn việc ở chùa cũng có,
Kẻ lộn chồng, trốn chúa cũng nhiều,
Gian ngoan rất mực làm kiêu,
Mượn danh hòa thượng, lợi điều tham dâm.

6. VỚI CON CÁI:

Trách nhiệm của cha mẹ là nuôi dưỡng, giáo dục con cái nên người và phải bắt đầu uốn nắn con ngay từ lúc còn bé:

*Ngày con đã biết chơi biết chạy,
Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao,*

*Đừng cho chơi búa chơi dao,
Chơi vôi, chơi lửa, chơi ao có ngày.*

[...]

“Dạy từ thuở hãy còn trứng nước,

230. Yêu cho tròn bắt chước lấy người,
Trình thừa, vâng dạ, đứng ngồi,

Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên.

và quan tâm, chăm sóc, khuyên răn con đúng với đạo trung dung:

225. Lau cho sạch không hay dầm nước,
Ăn cho vừa, đừng ước cao lương,¹²

*Mùa đông tháng hạ thích thường,
Đừng ôm ấp quá, đừng sướng sã con.*

đồng thời, mẹ cha phải làm gương, tạo phúc đức cho con:

235. Lạ gì con có giống ai,
Phúc đức tại mẫu¹³ là lời thế gian.

7. DẠY CON Ở CHO CÓ ĐỨC:

Ngoài các nội dung dạy dỗ con cái nêu ở trên, bậc làm cha làm mẹ phải dạy con có lòng nhân ái:

305. Thương người tất tả ngược xuôi,
Thương người lỡ bước, thương người bơ vơ.

*Thương người ôm dất trẻ thơ,
Thương người tuổi tác già nua bản hàn.*

*Thương người quan quả, cô đơn,
310. Thương người lỡ bước lắm than kêu đường.*

*Thấy ai đói rách thì thương,
Rách thường cho mặc, đói thường cho ăn.*

8. DẠY CON GÁI PHẢI CÓ ĐỨC HẠNH:

380. Phận làm gái này lời giáo huấn,¹⁴
Lắng tai nghe cổ truyện mới nên,

*Hãy xem xưa những bậc dâu hiền,
Kiêm tứ đức:¹⁵ dung, công, ngôn, hạnh.*

384. Công là đủ mùi xôi, thức bánh,
Nhiệm nhật thay đường chỉ mũi kim.

*Dung là nét mặt ngọc trang nghiêm,
Không tha thiết, không chiều lả tả.*

388. Ngôn là dạy trình thừa vâng dạ,
Hạnh là đường ngay thảo kính tin.

Xưa nay mấy kẻ dâu hiền,

Dung, công, ngôn, hạnh là tiên phạm trần.¹⁶

9. DẠY HỌC TRÒ Ở CHO PHẢI ĐẠO:

Tác giả ghi chép tương đối đầy đủ lời dạy khuyên học trò tu thân để đức tài toàn vẹn trở thành người quân tử.

12. Món ăn ngon lành béo tốt quý giá hơn những món ăn thường.

13. Phúc đức ở người mẹ.

14. Dạy bảo

15. Dung, công, ngôn, hạnh: Tứ đức: Dung, công, ngôn, hạnh.

16. Côi tục, khác hẳn côi tiên.

*Trước hiếu kính với mẹ cha:
Nghĩa cha sinh cùng công mẹ dưỡng,
Thời đêm ngày tư tưởng chớ khuây,
Hai công đức ấy nặng thay,
585. Xem bằng bề rộng, coi tà trời cao!*

Tiếp theo là phải lo việc học hành mở mang trí tuệ:

*Khai tâm¹⁷ từ thuở thiếu niên
705. Hiếu kính tiểu học trước liền cho thông.
Đọc cho đến Trung Dung, Đại Học,¹⁸
Tứ thư rồi lại đọc Ngũ kinh,¹⁹
Thi, Thư, Dịch, Lễ, đều tinh,
Xuân Thu nghĩa cả cho mình nghiệp nhà.
710. Xem cho đến Bách gia, Chư tử,²⁰
Bảy mươi pho sử²¹ đều thông.*

Học phải cho đến nơi đến chốn, tinh luyện văn chương, trau dồi đạo đức:

*714. Bài kinh nghĩa²² cùng bài văn sách,²³
Tinh phú, thơ,²⁴ mọi vẻ văn chương.
Một đèn, một sách, một giường,
Có công mài sắt có ngày nên kim.
Học trò giữ chính tâm²⁵ làm trước,
Với tu, tế, bình, trị²⁶ đều yên,*

17. Vỡ lòng;

18. Hai bộ trong tứ thư.

19. Bốn bộ sách: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử; Ngũ kinh: năm bộ kinh: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu.

20. Các nhà học giả đời Chu, Tần, Hán như Lão, Trang, Quán, Thương, Thân, Hàn, Mặc, Liệt, mỗi nhà một lý thuyết, đều làm thành sách để lưu truyền.

21. Đây là Bắc sử, ngày xưa ta toàn học chữ Tàu còn sử bản quốc chỉ lưu tại bộ, ít khi ban hành.

22. Một lối văn chương dùng làm bài thích nghĩa kinh truyện, do đời Đường Tống đặt ra, đến Nguyên, Minh, Thanh biến làm lối 8 vế và cả bên ta cũng dùng để ra bài thi lấy học trò đỗ đạt về hồi còn khoa cử chữ nho, cũng có tên là văn bát cổ.

23. Cũng là một lối văn hỏi về những nghĩa lý cổ kim, dùng để thi cử.

24. Đầu là lối văn chương có vần có điệu luật, ngày nay vẫn còn dùng, một lối văn vẫn theo lối Tàu.

25. Giữ lòng cho ngay thẳng.

26. Tu: tu thân: sửa mình; Tế: tế gia: cai quản việc gia đình cho tế chính đầu ra đấy; Bình: bình thiên hạ: cho thiên hạ được hòa bình; Trị: trị quốc: cả nước được thịnh.

Để trở nên bậc quân tử, đủ điều kiện thi thố tài năng, đỗ đạt làm quan, làm hiển vinh cha mẹ:
*Mai ngày treo biển tên đề,
Khôi khoa lại được gặp kỳ thánh minh.
Lộc Trời, tước nước hiển vinh,
Báo đền đôi đức dưỡng sinh bấy chầy.*

Tóm lại, “Gia Huấn Ca” là một cổ văn, để dạy người nhà theo gia phong Nho giáo trong thời đại cách đây hàng trăm năm. Qua dòng thời gian, một số lời gia huấn trong tác phẩm này đã trở thành cũ kỹ, lạc hậu, không còn thích hợp nữa trong thời đại hiện nay, nhưng phần lớn các giá trị cốt lõi về đạo lý Nho giáo của tác phẩm vẫn còn nguyên giá trị.

Xin được tạm kết bằng trích dẫn lời dẫn trong sách Cổ Học Tinh Hoa của Nxb Văn Học: “Xã hội hiện đại ngày nay, càng văn minh, con người dường như càng ít quan tâm đến đạo đức, ít quan tâm đến nhau. Học nhiều tri thức không có nghĩa là có đạo đức. Tri thức rất cần cho phát triển nhân loại nhưng thiếu đạo đức thì xã hội sẽ rối loạn, nhân loại sẽ suy đồi. Khoa học kỹ thuật tiến bộ rất nhanh trong thế kỷ 20, nên đời sống vật chất cải thiện rất nhiều. Nhưng đời sống vật chất càng tiến bộ, thì nền đạo đức và quan hệ giữa người với người càng xấu đi, nhất là làm cho mọi người mất niềm tin với nhau. Nho giáo từ hơn 2.500 năm trước đã thấy rõ được điều này. Cổ nhân từ xưa đã có câu “Ôn cố tri tân” (Nhắc lại việc cũ để ngắm về chuyện thời nay,) việc ôn lại các giá trị, lời dạy của Nho giáo vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.”

Với tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Tam giáo qui nguyên” có Nho giáo là đạo trị thế, ứng với cứu cánh của Đại Đạo là “Thế đạo đại đồng” được xây dựng trên nền tảng của “Sứ mạng Nho tông chuyển thế”, việc tìm hiểu, nghiên cứu, đồng thời duy trì, phát triển các giá trị đạo lý Khổng giáo phù hợp với thời đại là trách nhiệm của người tín đồ Cao Đài phải hoàn thành trước Đức Chí Tôn Thượng Đế. ■

KINH NGHIỆM THỰC TẾ

từ một người trải qua cơn đau tim

■ V.T GT.



Tối thứ ba tuần trước, tôi đi ngủ rất ngon đến hơn 6 giờ sáng, dậy đi tắm và sửa soạn đi làm, cảm thấy thoải mái bình thường, không có triệu chứng gì khác lạ. Khoảng 7 giờ hơn, khi với tay tắt ngọn đèn trên đầu tủ (hơi cao), tôi bỗng thấy mặt nóng bừng, mồ hôi toát ra, hai cánh tay rã rời như vừa khiêng vác vật nặng quá sức. Khi đó, tôi hơi nghi là bị stroke (đứt hoặc nghẽn mạch máu dẫn vào óc), liền lấy máy đo huyết áp, thấy rất cao, khoảng 180/100. Tôi vội lấy 2 viên thuốc chống cao máu uống liền một lúc. (Tiếc rằng nhà không có sẵn aspirin). Ngay sau đó, tôi xuống cầu thang thì bắt đầu thấy tức ngực, đau khoảng giữa lồng ngực, nửa như đau bao tử (xót bao tử khi đói), nửa như bị ai đâm vào chấn thủy. Nhìn vào gương, cười, nói, dơ

tay lên xuống thì không thấy có gì biến đổi hay khó khăn, không nhức đầu chóng mặt, hát thử vài câu vẫn thấy dễ như thường, nghĩa là không có những triệu chứng của stroke. Tôi liền nghĩ ngay đến heart attack (cơn đau tim), chứ không phải stroke. Không chần chừ nữa, tôi gọi số cấp cứu 911 ngay. Lúc đó vào khoảng 7 giờ 20, chỉ chừng 10 phút sau khi tôi nhận thấy triệu chứng khó chịu đầu tiên.

Qua điện thoại, nhân viên cấp cứu bảo tôi ngồi hoặc nằm ở tư thế nào thấy thoải mái nhất, nhờ người nhà lấy tất cả những thứ thuốc tôi đang uống để sẵn, và để ngỏ cửa vào nhà. Khi đó tôi vẫn tỉnh táo, đọc tên từng loại thuốc và liều lượng đang uống cho họ, nhưng rất khó thở và hai cánh tay rất mỏi. Vẫn không thấy nhức đầu

và không nói líu lười (không phải stroke). Chùng 5 phút sau, xe cấp cứu tới. Người paramedic (chuyên viên cấp cứu) cho tôi nhai ngay chùng 5 hay 6 viên baby aspirin (loại 81 mg), nhai rồi nuốt trũng chứ không chiêu với nước để cho thuốc thấm theo nước miếng vào các mạch máu nhỏ dưới lưỡi, mục đích là làm cho máu loãng ra. Đồng thời họ xịt Nitroglycerin lỏng vào dưới lưỡi tôi ba lần, mỗi lần cách nhau chùng 5 phút, để cho các mạch máu giãn nở (không được dùng quá 3 lần, kẻo sự giãn nở mạch máu quá đáng, có thể gây stroke). Tôi thấy bớt tức ngực, thở dễ hơn, nhưng hai cánh tay vẫn rã rời. Trái lại, đầu óc tỉnh táo, không nhức đầu, và chân đi vẫn vững vàng (không stroke).

Chùng 5 phút sau, xe cứu thương tới. Tôi đã cảm thấy dễ thở hơn và có thể tự đi ra trèo lên băng-ca cấp cứu. Trên đường vào vào bệnh viện, tôi để ý thấy xe không hụ còi – có nghĩa là không có gì khẩn cấp lắm. Trên xe, người paramedic hỏi chuyện tôi liên tục, mục đích là coi tôi có tỉnh táo, có bị stroke khiến nói ngọng không. Có người vừa bị heart attack vừa bị stroke, rất nguy hiểm.

Khoảng 15 phút sau đến bệnh viện, họ đưa tôi vào khu cấp cứu, có bác sĩ chăm sóc ngay lập tức. Họ tiếp “nước biển” hòa thuốc làm loãng máu và làm tan máu đông (blood clots), morphine làm bớt đau, chụp quang tuyến X lồng ngực để tìm dấu vết sưng phổi nếu có (pneumonia), đo tâm động đồ (EKG). Đồng thời họ cho thử máu để tìm chỉ số enzyme định bệnh tim. Khi tim bị thiếu máu, tim sẽ tiết ra loại enzyme này. Nếu chỉ số enzyme cao tức là bệnh nhân đã bị heart attack. Lần đầu, có lẽ vì thử nghiệm quá sớm, nên chỉ số không cao. Họ chờ 2 tiếng sau thử lại, thì mới rõ ràng là bị heart attack. Vì nhịp tim của tôi đập không quá nguy cấp, nên bác sĩ không mổ ngay. Trong thời gian đó, tuy vẫn nằm ở khu cấp cứu, nhưng tôi rất tỉnh táo, bớt đau ngực và tay, và còn có thể lấy smart phone ra trả lời ngắn gọn một hai emails.

Lạ một điều là tâm động đồ làm mấy lần đều không có dấu hiệu heart attack rõ ràng. Sau này

bác sĩ giải thích rằng bấp thết tim tôi chưa bị hư hại và còn hoạt động mạnh dù bị attacked, có lẽ nhờ vào việc tôi bơi lội thường xuyên (tôi thường bơi 40 đến 60 chiều dài hồ bơi trong một giờ, một hai lần mỗi tuần – nhưng từ sáu tháng nay bận nhiều việc quá nên chuẩn, không bơi, không tập thể dục gì hết!).

Khoảng 3 giờ chiều thì bác sĩ chuyên khoa tim quyết định làm phẫu thuật thông mạch máu tim (angioplasty). Theo kỹ thuật này, bác sĩ cắt một lỗ rất nhỏ ở mạch máu gần háng hay cổ tay – trường hợp của tôi bác sĩ cắt ở cổ tay – rồi luồn một camera cực nhỏ ở đầu một catheter (ống mềm rất mảnh) đưa vào đến động mạch tim. Camera sẽ chiếu lên màn ảnh computer lớn như TV cỡ 60” để cho thấy chỗ bị tắc nghẽn. Khi đó tôi vẫn tỉnh, chỉ hơi mơ mơ buồn ngủ do được chích thuốc an thần, không làm mê hoàn toàn, và không cảm thấy đau đớn gì hết. Khi tìm ra chỗ mạch máu nghẽn, bác sĩ sẽ “bắn” cho cục máu đông (blood clot) tan ra, rồi đẩy một “bong bóng” (balloon) vào chỗ đó, xong bơm cho bong bóng căng lên, làm phồng khúc mạch máu nghẹt khiến cho máu thông dễ dàng, trước khi xì hơi bong bóng, còn để lại một “giàn lưới” (stent) hình ống, nằm lót bên trong nhằm căng khúc mạch máu đó ra. Lưới sẽ nằm vĩnh viễn trong mạch máu tim, nên bệnh nhân sẽ phải uống thuốc làm loãng máu dài dài, nếu không, máu đông có thể kẹt vào đó làm heart attack nữa!

Cuộc giải phẫu, ban đầu dự tính chùng 45 phút, đúng hai giờ mới xong! Mà vẫn còn hai mạch máu nữa chưa được thông, nên vài tuần nữa tôi sẽ phải vào bệnh viện làm tiếp. Tuy nhiên, lần sau sẽ dễ dàng hơn nhiều, có thể làm xong trong ngày, trừ khi tôi để cho bị heart attack nữa. Sau khi mạch máu tim được thông, tôi cảm thấy dễ chịu ngay lập tức. Hai cánh tay hết mỏi rã rời, ngực hết tức, nhịp thở gần bình thường trở lại.

Bác sĩ đã mổ từ mạch máu ở cổ tay tôi, luồn vào tim, nên tôi mau hồi phục hơn là mổ từ dưới háng. Sau ba ngày, mở băng ra, cổ tay tôi chỉ còn vết đóng vảy cỡ như bị con kiến lửa cắn rồi mình

gãi ra mà thôi! Tuy nhiên, dọc theo cánh tay có vết bầm phía bên trong, chắc là do đường ống luôn qua gây nên. Không đau đớn gì cả. Tim không có cảm giác gì mới lạ, vẫn yêu, thương, hờn, giận... như thường! Đặc biệt là sau khi được thông mạch máu tim, huyết áp của tôi xuống và nằm ở mức rất tốt, rất ổn định. Bác sĩ giải thích là do mạch máu được thông nên tim đỡ phải làm việc nhiều, không cần bơm máu mạnh như trước nữa, nên áp suất nén vào thành mạch máu cũng giảm đi. Thật là một công đôi việc!

Qua tai biến này, tôi rút ra được vài kinh nghiệm quý báu như sau, xin được chia sẻ cùng Diễn Đàn:

Thứ nhất, BÌNH TĨNH MÀ RUN! Đúng vậy, ai mà không run khi nghĩ đùng một cái mình đang bị một trong hai chứng bệnh giết người nhiều nhất và nhanh chóng nhất: Heart attack đứng đầu, stroke thứ ba, chỉ sau ung thư. Nhưng phải thật bình tĩnh và tỉnh táo để không lãng phí từng giây phút và làm bệnh thêm trầm trọng.

Thứ hai, NGỪNG MỌI HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỂ Ý NGAY KHI CÓ TRIỆU CHỨNG LẠ THỨ NHẤT (trường hợp tôi là toát mồ hôi dù buổi sáng khá lạnh). Nếu đang lái xe, cần phải tìm chỗ an toàn đậu lại ngay. Chú ý: Nếu có cell phone, luôn luôn mang bên mình, không để trong cốp hay giỏ đằng sau cốp xe.

Thứ ba: GỌI CẤP CỨU NGAY KHI CÓ NHIỀU HƠN MỘT TRIỆU CHỨNG LẠ của stroke hay heart attack (thí dụ: cánh tay mỏi rã, tức ngực, ngay sau khi toát mồ hôi). Ở Mỹ: Không nên nhờ người nhà chở vô nhà thương, mà phải gọi 911. Lý do: bệnh viện có bốn phận phải cấp cứu ngay lập tức khi tiếp nhận một bệnh nhân do 911 đưa tới. Người paramedic đưa mình tới phải chờ cho đến khi thấy mình được chăm sóc bởi bác sĩ, rồi mới đi được. Nếu mình tự tới xin cấp cứu, trừ khi bị thương máu me đầm đìa như bị đụng xe, còn không sẽ phải làm nhiều thủ tục và chờ đợi trước khi được cấp cứu. Nếu bị stroke hay heart attack mà mất chừng 15 phút là nguy hiểm rồi.

Thứ tư: Cố gắng PHÂN BIỆT CÁC TRIỆU CHỨNG GIỮA STROKE VÀ HEART ATTACK. Khi chuyên viên

cấp cứu đến nhà, cố gắng trả lời rõ ràng sao cho họ có thể hướng sự cấp cứu về một loại tai biến: Stroke hay Heart Attack. Lý do: những giây phút cấp cứu đầu tiên là cực kỳ quan trọng. Nếu không phải stroke vì máu nghẽn, mà vì đứt mạch máu, nhúc đầu mạnh, mạch máu chính trên đầu bị bể, mà nhân viên cấp cứu cho thêm aspirin làm loãng máu, nitroglycerin làm giãn mạch... thì tiêu luôn tại chỗ! Theo các bác sĩ, khi thiếu máu vào nuôi, tế bào óc sẽ chết mau hơn tế bào tim nhiều. Do đó, nếu nhân viên cấp cứu tin là bệnh nhân bị stroke do đứt, bể mạch máu thì nhiều phần là họ sẽ lo chở bệnh nhân vào bệnh viện thật sớm (bây giờ ở Mỹ và các nước tiên tiến có thuốc chích có thể hồi phục stroke, nếu được chích trong vòng một, hai giờ kể từ khi có triệu chứng đầu tiên, càng sớm càng tốt.) Nếu tin là heart attack thì họ sẽ thử làm cho máu loãng và mạch nở tại chỗ, mất chừng 10 phút trước khi họ chở đi. Mười phút phù du đầu tiên đó quý giá bằng 10 năm hay có thể bằng cả quãng đời còn lại!

Thứ năm: Trong bệnh viện, CẦN TỈNH TÁO (khi còn có thể), NÓI CHUYỆN NHIỀU với y tá, bác sĩ (không hiểu thì yêu cầu người thông dịch). Đặt câu hỏi mỗi khi nhân viên y tế làm bất cứ thủ thuật nào trên cơ thể mình. Thí dụ: Chích thuốc này làm gì? Tại sao cần chụp X-ray ngực hai lần trong vòng vài giờ khi tình trạng không có gì thay đổi? – Nhờ hỏi mà tôi tránh được 1 lần X-ray vô ích do lỗi của y tá, người ca trước đã làm, người ca sau lại định làm nữa!

Thứ sáu: Khi đã lên bàn phẫu thuật mà không bị đánh thuốc mê thì hãy quên hết mọi sự, mà chỉ NGHĨ VỀ CHUYỆN VUI, như chuyện trên Diễn Đàn THTĐ, mặc kệ họ làm gì thì làm! Chẳng có gì phải lo lắng nữa!

Vài hàng chia sẻ cùng thầy cô và anh chị em.

Kính chúc thầy cô và thân chúc ACE không ai đau ốm, mà có đau ốm (con người ai tránh được?) thì cũng sẽ mau lành.

Kính mến,

NGUYỄN HÙNG (K7) ■

LÝ DO BẠN NÊN UỐNG NƯỚC ẤM THAY VÌ NƯỚC LẠNH

■ BBT ST • THEO QUỲNH TRANG — VN EXPRESS GIA ĐÌNH

Có thể bạn không biết, uống nước ấm mang lại những lợi ích bất ngờ mà bạn không thể có được khi uống nước lạnh.

1. GIẢM CÂN:

Nước ấm rất tốt cho việc duy trì sự trao đổi chất. Nếu muốn giảm cân, bạn hãy uống nước ấm hằng ngày. Cách tốt nhất để giảm cân là bắt đầu một buổi sáng sớm với một cốc nước ấm và một lát chanh. Nước ấm cũng giúp đánh tan các mô mỡ trong cơ thể.

2. GIẢI QUYẾT TẮC NGHẼN MŨI, HỌNG:

Uống nước ấm là phương thuốc tự nhiên tuyệt vời để chữa cảm lạnh, ho và đau họng. Nước ấm hòa tan đờm và cũng giúp bạn loại bỏ đờm từ đường hô hấp. Như vậy, nước ấm cũng làm giảm đau họng và nghẹt mũi.

3. GIẢM ĐAU BỤNG KINH:

Nước ấm có thể làm giảm đau bụng kinh, làm dịu nhẹ cơn đau.

4. GIẢI ĐỘC CƠ THỂ:

Khi uống nước ấm, nhiệt độ cơ thể bạn bắt đầu lên cao, gây đổ mồ hôi. Nước ấm giúp giải phóng độc tố và làm sạch cơ thể đúng cách. Để có kết quả tối ưu, hãy thêm một lát chanh vào cốc trước khi uống.

5. NGĂN NGỪA LÃO HÓA SỚM:

Giải độc cơ thể giúp bạn ngăn ngừa lão hóa. Ngoài ra, uống nước ấm giúp làm lạnh các tế bào bị tổn thương, làm tăng tính đàn hồi và giảm bớt ảnh hưởng bị gây ra bởi gốc tự do. Làn da bạn sẽ đẹp và tươi trẻ hơn nhờ nước ấm.

6. NGĂN NGỪA MỤN TRỨNG CÁ:

Nước ấm làm sạch cơ thể bạn và loại bỏ những nguyên nhân chính dẫn đến mụn trứng cá.

7. LÀM ĐẸP TÓC:

Uống nước ấm cũng giúp bạn có mái tóc sáng bóng, mềm mại. Nước ấm tiếp thêm sinh lực cho dây thần kinh trong chân tóc của bạn và làm cho chúng hoạt động nhịp nhàng.

8. LÀM TÓC MỌC NHANH HƠN:

Nước ấm thúc đẩy sự hoạt động thường xuyên của chân tóc và làm tóc mọc nhanh hơn.

9. NGĂN NGỪA GÀU:

Nước ấm giúp da đầu của bạn ngậm nước và giúp chống lại da đầu khô hoặc gàu.

10. TĂNG CƯỜNG MÁU LƯU THÔNG VÀ THỨC ĐẨY HỆ THẦN KINH KHỎE MẠNH:

Một lợi ích quan trọng của việc uống nước ấm là tăng cường lưu thông máu, hỗ trợ hoạt động của hệ thần kinh. Ngoài ra, nước ấm giữ cho hệ thống thần kinh của bạn khỏe mạnh bằng cách phá hủy chất béo tích tụ xung quanh.

11. HỖ TRỢ TIÊU HÓA:

Nước ấm đặc biệt có lợi cho tiêu hóa. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng uống nước lạnh trong hoặc sau bữa ăn có thể làm đông cứng dầu trong thực phẩm tiêu thụ. Điều này dẫn đến tích tụ chất béo trong đường ruột và cuối cùng có thể dẫn đến ung thư ruột. Tuy nhiên, nếu thay thế ly nước lạnh bằng nước ấm, bạn có thể tránh vấn đề này. Ngoài ra, nước ấm có lợi cho tiêu hóa, bạn nên uống sau bữa ăn.

12. BẢO VỆ ĐƯỜNG RUỘT:

Nước ấm giúp hệ tiêu hóa của bạn hoạt động nhịp nhàng, vì vậy, đường ruột của bạn sẽ khỏe mạnh và bớt đau đớn. Mất nước có thể gây táo bón mãn tính, vì phân được tích lũy trong ruột của bạn, khiến ruột làm việc chậm hơn. Bạn nên uống một ly nước ấm vào buổi sáng khi chưa ăn gì. ■

Một quan điểm mới VỀ BỆNH UNG THƯ

■ V.T. ST

Tài liệu thảo luận của CFQ (Cercle Francophone à Quinhon) ngày 21/3/2013 do Xuân Phong dịch từ bản tiếng Pháp

Bệnh viện Johns Hopkins, một trong những bệnh viện nổi tiếng trên thế giới thuộc trường đại học Baltimore, Maryland ở Hoa Kỳ sau nhiều năm nói với mọi người “Phương Pháp Hóa Trị Liệu” là cách duy nhất để điều trị và loại bỏ Ung Thư, nay đã bắt đầu công bố rằng: Đã có những lựa chọn thay thế khác một cách hiệu quả hơn để chống lại Ung Thư là: Không nuôi các tế bào Ung Thư với các chất dinh dưỡng cần thiết cho nó để nó không thể phát triển được.

THỨC ĂN CỦA TẾ BÀO UNG THƯ

1. ĐƯỜNG: LÀ MỘT LOẠI THỰC

PHẨM CỦA BỆNH UNG THƯ:

- Không ăn “Đường” là cắt bỏ một trong những nguồn quan trọng nhất của các tế bào Ung Thư.
- Có sản phẩm thay thế đường như: Saccharin, nhưng chúng được làm từ Aspartame và rất có hại.
- Tốt hơn nên thay thế Đường bằng: “Mật Ong Manuka” hay “Mật Đường” nhưng với số lượng nhỏ.
- Muối có chứa một hóa chất phụ gia để xuất hiện màu trắng. Một lựa chọn tốt hơn cho “Muối trắng” là: “Muối biển” hoặc các loại “Muối thực vật”.

2. SỮA:

Làm cho cơ thể sản xuất chất “Nhầy”, đặc

biệt là trong đường ruột. Tế bào Ung Thư ăn chất “Nhầy” để sống.

- Nên loại bỏ “Sữa Bò” và thay thế bằng: “Sữa Đậu Nành”, các tế bào Ung Thư không có gì để ăn, vì vậy nó sẽ chết.

3. CÁC TẾ BÀO UNG THƯ TRƯỞNG

THÀNH TRONG MÔI TRƯỜNG ACID:

- Một chế độ ăn uống là “Thịt Đỏ” có tính Acid. Tốt nhất là nên ăn Cá, và một chút “thịt gà” thay vì “thịt bò” hay “thịt heo”.
- Hơn nữa, thịt chứa kháng sinh, Hormon và ký sinh trùng, rất có hại, đặc biệt đối với những người mắc bệnh Ung Thư.
- Protein thịt khó tiêu hóa và đòi hỏi nhiều Enzym. Nếu bệnh nhân ăn thịt thì khó tiêu hóa được, chất thịt sẽ ở lại trong cơ thể, nên dễ bị dẫn tới và tạo ra các độc tố nhiều hơn.

GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ:

1. MỘT CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG GỒM:

- 80% rau trái tươi và nước ép, ngũ cốc, hạt, các loại hạt như hạnh nhân (almond) và một ít loại trái cây đặt cơ thể trong môi trường kiềm.

2. BỆNH NHÂN CHỈ NÊN ĂN:

- 20% thực phẩm nấu chín, bao gồm cả đậu.
- Nước ép rau tươi cung cấp cho cơ thể co-enzyme có thể dễ dàng hấp thụ và ngấm vào các

tế bào 15 phút, sau khi đã ăn uống nước ép rau tươi để nuôi dưỡng và giúp định hình các tế bào khỏe mạnh.

– Để có được các Enzyme sống, giúp xây dựng các tế bào khỏe mạnh, chúng ta phải cố gắng uống nước ép rau tươi (tất cả, bao gồm cỏ linh thảo) và ăn nhiều rau trái tươi từ 2 đến 3 lần mỗi ngày.

– Không nên dùng cà phê, trà và chocolate có chứa nhiều chất cafeine.

3. TRÀ XANH:

Là một lựa chọn tốt hơn vì có chất chống Ung Thư.

– Tốt nhất là uống nước tinh khiết hoặc nước lọc để tránh các chất độc và kim loại nặng trong nước thường.

– Không uống nước cất vì nước này có chứa Acid.

CÁC THÀNH CỦA CÁC TẾ BÀO UNG THƯ ĐƯỢC BAO PHỦ BỞI MỘT LOẠI PROTEIN RẤT CỨNG

Khi bệnh nhân không ăn thịt, những thành của tế bào Ung Thư sẽ sản xuất nhiều Enzym hơn, tấn công các Protein của các tế bào Ung Thư và cho phép hệ thống miễn dịch (Immune System) tiêu diệt các tế bào Ung Thư.

MỘT SỐ CHẤT BỔ SUNG GIÚP XÂY DỰNG LẠI HỆ THỐNG MIỄN DỊCH (IMMUNE SYSTEM)

Floressence, Essiac, chất chống Oxy hóa, Vitamin, khoáng chất, EPA, dầu cá... giúp các tế bào để chiến đấu và tiêu diệt các tế bào Ung Thư.

– Các chất bổ sung khác như: Vitamin E được biết đến bởi vì nó gây ra Apoptosis, cách bình thường của cơ thể để loại bỏ các tế bào vô dụng hoặc bị lỗi.

UNG THƯ LÀ MỘT CĂN BỆNH CỦA CƠ THỂ, TÂM TRÍ VÀ TINH THẦN

Một thái độ hoạt động và tích cực hơn sẽ giúp các bệnh nhân Ung Thư chiến đấu và sống còn.

– “Giận dữ và không hiểu biết, không tha thứ

sẽ đặt cơ thể vào tình trạng căng thẳng và một môi trường Acid”.

– Học để có tâm hồn khả ái và yêu thương với một thái độ sống tích cực là rất có lợi cho sức khỏe.

– Học thư giãn và tận hưởng cuộc sống.

Các tế bào Ung Thư không thể sống trong một môi trường dưỡng khí (oxygénée):

– Luyện tập thể dục hàng ngày, hít thở thật sâu giúp lấy thêm nhiều Oxy vào các tế bào.

– Liệu pháp Oxy là một yếu tố giúp tiêu diệt các tế bào Ung Thư.

– Không để hộp nhựa trong Microwave.

– Không để chai nước trong tủ lạnh.

– Không để tấm nhựa trong Microwave.

Các hoá chất như Dioxin gây Ung Thư, đặc biệt là Ung Thư Vú:

Dioxin rất có hại, đặc biệt là đối với các tế bào cơ thể. Đừng để trong tủ lạnh chai nước nhựa bởi vì nhựa sẽ «đổ mồ hôi» Dioxin và làm nhiễm độc nước uống.

Gần đây, Tiến sĩ Edward Fujimoto, Giám Đốc chương trình Wellness ở bệnh viện Castle, xuất hiện trong một chương trình truyền hình giải thích sự nguy hiểm của chất “Dioxin”. Ông nói rằng: Chúng ta không nên đặt hộp nhựa trong Microwave, đặc biệt là các loại thực phẩm có chứa chất béo. Do sự kết hợp của chất béo và nhiệt lượng cao, nhựa sẽ truyền Dioxin vào thực phẩm và do đó vào cơ thể chúng ta. Thay vào đó, các Bạn có thể dùng thủy tinh như: Pyrex hoặc gốm sứ để đun nấu. ■



Chàng Tây rời nước Đức SANG VIỆT NAM QUY Y CỬA PHẬT

■ BBT

Xuất thân từ gia đình theo đạo Thiên chúa, sinh sống ở trời Tây nên quyết định quy y cửa Phật tại Việt Nam của chàng trai mới tuổi đôi mươi Florian Jung khiến mọi người ngỡ ngàng.

VÌ DUYÊN RỜI XỨ, CHỌN VIỆT NAM TU HÀNH

Chúng tôi tình cờ gặp Florian tại quán cơm 5.000 Thiện Phước (Q.11) vào một buổi chiều tháng 2, khi anh mang

đến một bao gạo 50kg cùng 5 bình dầu ăn. “Tôi là Thích Đồng Hòa, đến từ chùa Định Tâm, có một chút quà nhỏ góp cho những người nghèo”, Florian nói rồi ra về. Hành động này khiến ai cũng ngạc nhiên vì chàng Tây trẻ tuổi, vóc dáng cao to lại khoác áo tu hành và nói tiếng Việt rất sõi.

Sau nhiều lần hẹn, cuối cùng tôi cũng gặp được vị sư thầy Tây đặc biệt sinh năm

1986 này tại chùa Định Tâm (Q.12). Nghe Florian trải lòng mới thấy con đường đến với đạo Phật rồi chọn tu hành đều gói trong một chữ “duyên”.

Florian kể, gia đình anh cũng như hầu hết những người gốc Đức đều theo đạo Thiên Chúa. Thế nhưng, Đạo Phật đã ngấm vào anh khi mới 14 tuổi qua những bài kinh kệ của gia đình nhà hàng xóm – một gia đình Phật tử người Việt Nam.



NHÀ SƯ FLORIAN TẠI CHÙA ĐỊNH TÂM.

“Hồi ấy tôi không biết tiếng Việt nhưng vẫn thích nghe tụng kinh và say mê đến lạ! Vài ngày tôi lại theo những người hàng xóm lên chùa Vĩnh Nghiêm tại thành phố Nürnberg, cách quê nhà hơn 200 cây số để nghe giảng pháp”, Florian thích thú nói.

Say mê với Phật pháp Việt Nam nên Florian rất chịu khó học đọc và nói, viết tiếng Việt. Những bài pháp thoại tại chùa Vĩnh Nghiêm khi ấy ngấm sâu vào tâm trí của cậu bé người Đức. Rồi thành thói quen, chủ nhật hàng tuần, Florian Jung lại tới chùa để nghe các sư thầy giảng pháp.

Và khi đến tuổi đẹp nhất của đời một chàng trai tuổi đôi mươi – Florian quyết định sẽ theo con đường tu hành. Quyết định táo bạo này khiến cả cha mẹ và người em trai bất ngờ. Họ nói với Florian: “Con có thể đi tu nhưng không cần cắt tóc”. Nhưng Florian vẫn kiên quyết xuống tóc, ăn chay và trở thành nhà sư.



CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI ĐẠO PHẬT RỒI CHỌN TU HÀNH CỦA FLORIAN GÓI TRONG MỘT CHỮ DUYÊN.

Trong những lần theo gia đình hàng xóm sang Việt Nam, Florian thấy nơi này thân thiện và yên bình nên đã nảy sinh một tình cảm đặc biệt nhất là với Sài Gòn. Trở về Đức, anh nhớ Việt Nam da diết và quay lại Sài Gòn lần hai. Anh cảm thấy một lần nữa được là chính mình.

“Với phương châm sống để yêu thương, tôi quyết định tạm gác mọi thứ tại Đức sang một bên để bắt đầu một cuộc hành trình mới”, Florian nói.

ƯỚC MONG ĐƯỢC NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Với tâm nguyện mang lại tình thương, niềm vui cho các em nhỏ bất hạnh, Florian Jung đã chọn ngôi tịnh xá Bửu Sơn làm điểm đầu tiên trên bước đường tu tập.

Lúc mới về tịnh xá, ai cũng lạ lẫm với chàng Tây mắt xanh. Dần dà, Florian được các em nhỏ gọi một cách thân thương thầy Tây. Với một tăng sinh nước ngoài thì việc

học Phật pháp bằng tiếng Việt là không hề đơn giản, song Florian tâm niệm: “Thấy gì hay là học. Chỉ cần chịu khó và phát tâm ham học là sẽ tiếp thu kiến thức dễ dàng”.

Đến năm 2013, Florian tới chùa Định Tâm để tiếp tục tu hành. Trong quãng thời gian này, anh thường xuyên tham gia làm từ thiện đến những người nghèo. Florian cũng là người sáng lập ra CLB Tấm lòng Nhân ái tại Đức với tâm nguyện được góp phần nào xoa dịu khổ đau cho đồng bào kém may mắn tại Việt Nam. Đó là những trẻ em mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật, người bệnh...

Trải qua hơn 10 năm theo đạo Phật và đã về Việt Nam 9 lần, mỗi lần 6 tháng, Florian có ước nguyện được mang quốc tịch Việt Nam. “Nếu như chọn, tôi sẽ chọn Việt Nam”, Florian quả quyết. Anh cũng hy vọng, khi về nước sẽ đưa Phật giáo tới các bạn trẻ Đức để họ hiểu hơn nữa về Việt Nam và Phật giáo Việt Nam.

Florian cũng cho biết thêm, điều mà anh vui mừng nhất là cho đến bây giờ, gia đình đã hiểu và rất thương anh. “Nhất là mẹ. Từ ngày tôi xuất gia, mẹ cũng chuyển sang ăn chay trường. Cha thì không theo đạo Phật mà chỉ nói: “cha làm việc tốt là được rồi”. Họ còn nói có thể sẽ đi du lịch tại Việt Nam vào mùa hè năm nay”.■

CHÓ CẢN HẠC VUA

Vua nhà Thanh biểu tặng vua Tự Đức một con hạc loại hiếm. Tự Đức quý lắm, cho đeo trước cổ tấm thẻ bài ghi “Thiên Tử Hạc” (Hạc của vua nuôi). Thiên Tử Hạc quen hơi người nên được thả trong Vườn Thượng uyển. Ngày nọ, con Thiên Tử Hạc bay ra khỏi Hoàng cung. Nó lạc vào vườn một thường dân nên bị chó của nhà này cắn chết. Vua Tự Đức thấy mất con hạc mình yêu quý, dày công tốn sức chăm nuôi nên truyền cho thuộc cấp điều tra. Cấp dưới điều tra biết được việc chó nhà dân cắn chết hạc của vua nuôi nên đã quay về trình báo. Vua Tự Đức thấy hạc quý đã chết nên nổi giận, truyền cho Bộ hình luận tội. Bộ Hình kết án chủ chó phải tội tử hình và bị tịch thu toàn bộ gia sản. Việc xử án của Bộ hình được quan Ngự Sử Phạm Đan Quế biết được. Sau khi xem xét các tình tiết, ông xin yết kiến vua Tự Đức và trình một bản tấu. Bản tấu ấy như sau:

Hạc bất năng ngôn / Khuyến vô thức tự / Hạc nhập dân viên / Khuyến trung vu chủ / Điều, Thú đấu tranh / U minh hà dự / Khuyến phê hạc tử / Tội quy vu chủ / Hạc trác khuyến tử / Tường hà luật xử?

DỊCH NGHĨA:

Hạc chẳng biết nói / Chó không biết chữ / Hạc vào vườn dân / Chó trung với chủ / Chim, thú đánh nhau / Tối sáng không rõ / Chó cắn chết hạc / Tội quy cho chủ / Hạc mổ chết chó / Luật xử thế nào?

Vụ án “chó cắn hạc vua” cũng đã để lại một điển tích hay về việc xử án ngày xưa của cha ông mà ngày nay chúng ta vẫn cần phải học tập. Đó là không phân biệt hay thiên vị một ai trong việc phân xử, chỉ có lẽ phải là luôn được tôn trọng triệt để. Nghe xong, vua Tự Đức cấp tốc hạ lệnh hủy bỏ bản án và không bàn đến nữa. Bởi đối với vua Tự Đức, những lời của Phạm Đan Quế không những có tình mà còn rất có lý: Chó và hạc đều là vật. Cả hai không biết nói, không biết chữ nên hạc đeo thẻ để Thiên Tử Hạc chó cũng không biết.

Như vậy, chó cắn chết hạc là do cái thói cắn nhau của hai con vật, nên không thể bắt

chủ chó thế mạng. Nếu bản án trên thi hành như kết luận của Bộ Hình thì sau này thành án lệ. Chẳng hạn, lỡ có ngày chó hoàng cung cắn chết cấm thú nhà dân hay cắn chết người ta, không biết sẽ nghị án ra sao. Không lẽ phải bắt vua trị tội? Tuy nhiên, càng nghĩ càng thấy vụ án không hề đơn giản. Bởi trong chế độ phong kiến, ý vua tức là ý trời, không ai dám trái lệnh. Nhưng do ông Phạm Đan Quế nói quá có tình có lý nên vua Tự Đức đã nghe theo. Và việc vua Tự Đức nghe theo cũng chứng minh vị vua này cũng là một vị vua anh minh, biết nghe lời can gián của quần thần. Chính vì thế vụ án “chó cắn hạc vua” cũng đã để lại một điển tích hay về việc xử án ngày xưa của cha ông mà ngày nay chúng ta vẫn cần phải học tập. Đó là không phân biệt hay thiên vị một ai trong việc phân xử, chỉ có lẽ phải là luôn phải được tôn trọng triệt để.■



BẢY CÁCH BỐ THÍ

■ DIỆU THUẬN SƯ TÂM



Một người nghèo hỏi Đức Phật: “Tại sao con nghèo như thế?”
Phật nói: “Vì con chưa học được cách bố thí cho người khác.”

Người ấy nói: “Con không có thứ gì cả, thì lấy gì con bố thí.”

Đức Phật dạy: “Cho dù con hoàn toàn không có cái gì, con vẫn có thể thực hiện bố thí 7 điều này:

1. Nhan thí – Bố thí nụ cười,
2. Ngôn thí – Bố thí ái ngữ, nói lời hay.
3. Tâm thí – Bố thí tâm hòa ái, lòng biết ơn.
4. Nhãn thí – Bố thí ánh mắt nhìn thẳng hiền từ.
5. Thân thí – Bố thí hành động nhân ái.
6. Sàng Tọa thí – Bố thí nhường chỗ cho người cần.
7. Phòng xá thí – Bố thí chỗ ở cho người.” ■

TRANG GIA CHÁNH

NGUYÊN LIỆU:

- 2 bông cải, khoảng 1kg (xanh hoặc trắng tùy theo ý thích);
- 8 miếng phô mai hình vuông. (hiệu Président mua ở siêu thị);
- 1 gói sữa tươi không đường;
- 1 muỗng súp bột mì + 1 muỗng bột nêm + 1 muỗng cà phê đường;
- 2 miếng bánh mì khô cà nhuyển.

CÁCH LÀM:

Bông cải chẻ miếng vừa ăn, còn cọng bỏ vỏ cứng cắt miếng, ngâm nước muối khoảng 5 phút, rửa sạch lại. Sắp bông cải vào khay nướng. Cho 1 muỗng súp bột mì, 1 muỗng súp bột nêm và 1 muỗng cà phê đường vào tô, cho sữa tươi vào, quậy cho tan đều rồi rưới vào bông cải, kể xếp từng miếng phô mai lên mặt, rắc đều bánh mì cà nhuyển lên, cho khay vào lò nướng đã để nóng trước từ 5 đến 10 phút với nhiệt độ 200 độ C.

Nướng khoảng 20 phút đến 25 phút thì trên mặt sẽ hơi vàng, dưới sữa cũng rút vào bông cải.

Món này dùng với bánh mì hoặc với cơm có kèm theo chén nước tương Maggi thêm mấy lát ớt.■

Bông Cải PHÔ MAI ĐÚT LÒ

■ BẠCH TUYẾT



Dưới thấp & Trên cao

■ CỘ TRẮNG



THEO DÒNG ĐẠO SỰ

■ THANH HIỂN

01-02 GN (01-3-14) Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh TTK Huệ Ý làm Trưởng đoàn dự lễ bế giảng khóa Bồi Dưỡng Giáo Lý Chúc sắc Chúc việc tại Thánh tịnh Thanh Tịnh Đền (Tiền Giang).

15-02 GN (15-3-14) Đại diện Ngoại Giao Vụ CQ dự lễ Vía Đức Thái Thượng Đạo Tổ và Kỷ niệm 44 năm thành lập Thánh tịnh Thanh Tịnh Đền.

16-02 GN (16-3-14) Cơ Quan nhận được ai tín: Đạo huynh Huệ Thiện, nguyên Thanh Niên Vụ Trưởng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, thân phụ hiền huynh Nội Chánh Vụ Trưởng Thiện Hạnh, đã quy liễu vào lúc 21 giờ 55 phút ngày 15-3-2014 (giờ Hợi ngày Rằm tháng Hai năm Giáp Ngọ) tại Hoa Kỳ. Ban Thường Vụ Cơ Quan đã gửi điện thư chia buồn cùng gia đình hiền huynh Thiện Hạnh.

Phái đoàn Cơ Quan dự Hội nghị Giao lưu các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ và Hội thảo về Nữ phái tại Tòa thánh Ngọc Säck, Hội thánh Minh Chơn Đạo (Cà Mau).

Cùng ngày, một số nhân viên Ngoại Giao vụ, Nội Chánh vụ và vụ Nữ Chung Hòa dự lễ diễu tang thân mẫu Đạo tử Tố Nga (Trưởng Ban Tiếp tân & Phương tiện Ngoại Giao) tại tư gia ở Chợ Gạo, Tiền Giang.

20-02 GN (20-03-14) Đại diện Ngoại Giao vụ dự lễ kỷ niệm Đại Hội “Phục Nguyên Tiên Thiên Bốn Sơ Thánh Đức” tại Tòa thánh Thiên Thai Vô Vi (Tiền Giang).

Cùng ngày, đại diện Ngoại Giao vụ dự diễu tang Giáo sư Bửu Lãng tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài – Gò Vấp.

30-02 GN (30-3-14) Theo lời mời của Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Vụ phó Ngoại giao Chí Thật cùng với Đạo huynh Bác sĩ Thiện Lý được Cơ Quan đề cử đến dự lễ kỷ niệm 42 năm thành lập Thánh tịnh Nam Hoa – Hòn Nghê Kiên Giang thuộc Hội thánh Bạch Y). Đạo huynh Chí Thật thuyết giảng về ý nghĩa 7 bài kinh nhật thời trong

quyển Ngọc Đế Chơn Truyền Tản Ước Tri Nguyên và Đạo huynh Thiện Lý khám bệnh phát thuốc cho đồng bào và bốn đạo tại địa phương.

Cùng ngày Đạo huynh Đức Nhẫn, Thanh Hiển dự lễ khánh thành Nhà tu Trung thừa Tân Đại, Cần Giuộc – Long An.

04-3 GN (03-4-14) Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh TTK Huệ Ý và một số nhân viên cùng đạo hữu Bàu Sen đi bốc mộ Hiền nội và con gái cố Đạo trưởng Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.

12-3 GN (11-4-14) Đạo huynh Cố vấn VP/TTK Thiện Chí, Đạo huynh TTK Huệ Ý cùng một số nhân viên Cơ Quan dự lễ kỷ niệm ngày đăng Tiên của Đức Ngô Minh Chiêu tại Thánh Đức Tổ Đình (Cần Thơ).

Cùng ngày, phái đoàn dự lễ Đón nhận Tư cách Pháp nhân và Tri Ân Tiên Bối của Thánh tịnh Thiên Trước, huyện Thới Lai, Cần Thơ.

13-3 GN (12-4-14) Đại diện Ngoại Giao vụ dự lễ kỷ niệm 20 năm Lạc thành Tam Đài Thánh tịnh Thiện Lạc Thai (Tiền Giang).

14-3 GN (13-4-14) Đại diện Ngoại Giao vụ dự lễ khai trương Phòng Y Học Cổ Truyền ở Thánh thất Long An.

15-3 GN (14-4-14) Các Tu sinh Tập đoàn Giáo Sĩ dự lễ kỷ niệm Thánh tịnh Nguyệt Thanh Quang (Tiền Giang).

LIÊN GIAO CHÍNH QUYỀN

21-01 GN (20-02-14) Đạo huynh Đức Nhẫn dự Hội Nghị ký kết Liên Tịch giữa UBND-MTTQ và các đoàn thể phường Nguyễn Cư Trinh Q.1.

19-3 GN (18-4-14) Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí và Đạo huynh Chí Thật dự Hội Nghị Nghiên cứu chuyên đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2014” tại Hội trường UB MTTQ TP số 55 Mạc Đĩnh Chi Q.1. ■